KINH THẬP THIỆN

LƯỢC GIẢNG

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2564- 2020

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH
THẬP THIỆN
LƯỢC GIẢNG

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2564 - 2020

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- **Sinh giờ Dần, ngày 22/ 8 năm Đinh Mùi, tại Bến Tre**

- **Xuất gia tu học tại Thiền viện Thường Chiếu (1986 - 1994)**

- **Trụ trì Chùa Long Hương, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay**

- **Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương nhiệm kỳ 2012 - 2017; 2017 - 2022**

Điện thoại di động: 0911 258 258 - 0859999985

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com

I. LỜI TỰA

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý độc giả!

Chúng ta đã hội tụ đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên mới được cầm trên tay quyển Kinh quý báu này! Vì lâu nay chưa đủ duyên học **Kinh Thập Thiện** thì chúng ta chỉ nghĩ là làm thiện để sanh thiên hoặc làm thiện để có phước báo đời sau mình được giàu có hơn đời này. Nhưng khi học bản Kinh Thập Thiện thì Đức Phật dạy sâu sắc và siêu tuyệt hơn. Tu Thập Thiện không phải chỉ được phước báo hoặc sanh lên cõi trời mà còn dứt trừ được sanh tử và chứng thành Phật quả.

Như trong Kinh Thập Thiện Đức Phật đã nói: *"Long Vương nên biết! Bồ Tát có một pháp hay đoạn dứt tất cả khổ trong các đường ác! Pháp đó là gì? Là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ, quán sát pháp lành mỗi niệm mỗi niệm tăng trưởng, không để mảy may pháp bất thiện xen lẫn, đó là làm cho các pháp ác dứt hẳn. Thiện pháp viên mãn thì được gần gũi chư Phật, chư Bồ Tát và hàng Thánh chúng khác. Pháp lành là thân của người, trời, giác ngộ của Thanh Văn, giác ngộ của Độc Giác, giác ngộ của Phật, đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu nên gọi là pháp lành".*

Như vậy, chúng ta thấy tu Thập Thiện để dứt tất cả các khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vào sâu trong bản Kinh Đức Phật dạy tu các thiện pháp sẽ được quả báo là sanh ở cõi trời hay cõi người thì có của báu vô lượng mà không ai có thể phá hoại được. Nếu tu thiện pháp viên mãn

thì chứng được quả Phật, có đầy đủ đức tướng, đầy đủ trí huệ, đầy đủ lòng từ, đầy đủ phương tiện v.v... Như vậy, Kinh Thập Thiện này người hiểu biết tu tập đúng thì thành Thánh, thành Phật. Cho nên, chúng ta nên thấy được giá trị cao thâm và lợi ích lớn lao của người học Kinh Thập Thiện và tu đúng theo lời dạy trong Kinh thì được siêu phàm vượt Thánh.

Quả thật bản Kinh này là Kinh "Thánh Thiện" chứ không phải Thập Thiện bình thường. Hơn nữa y theo bản Kinh này mà tu sẽ viên mãn đạo quả thành Phật là bậc Đại Thánh. Thế nên tu Thập Thiện trở thành Thánh đức chớ không phải được phước báo thông thường.

Rất mong tất cả chúng ta có đầy đủ duyên lành học bản Kinh này, tu tập đúng theo lời Đức Phật dạy để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là đã viên mãn "Thánh Thiện" và viên mãn "Thánh Đức" là đã thành Phật. Được như thế thì chúng ta mới đền được ơn chư Phật.

Mùa An Cư năm Canh Tý 2020

Tỳ Kheo Thích Tuệ Hải

II. GIẢI NGHĨA ĐỀ KINH THẬP THIỆN

Kinh Thập Thiện nói cho đủ là **Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo** là bản Kinh hết sức căn bản cho người học Phật. Kinh là lời nói của chư Phật và chư vị Thánh Hiền phù hợp với chân lý, phù hợp trình độ căn cơ của tất cả chúng sanh. Học bất kỳ điều gì chúng ta phải xem xét điều đó đúng chân lý hay không, nếu thực là chân lý thì phải đúng với thời gian và không gian. Về thời gian con người được sanh ra, lớn lên, già và mất. Quá khứ ông bà cha mẹ chúng ta cũng sanh ra, lớn lên, già và mất. Tương lai con cháu chúng ta cũng vậy, cũng được sanh ra, lớn lên, già và mất. Về không gian còn trong vòng sanh tử cũng có con người sanh ra, lớn lên, già và chết. Ở các nước xa xôi cách nửa quả địa cầu việc đó vẫn xảy ra, không phải chỉ có cõi Ta bà mà ngay cõi Dục giới, Sắc giới chuyện đó cũng xảy ra. Tất cả vật chất khắp không gian này đều xảy ra chuyện sanh, trụ, dị, diệt (thành, trụ, hoại, không). Như vậy, con người được sanh ra, lớn lên, già và chết thực là chân lý, vì nó đúng với thời gian và không gian.

Nếu chúng ta học Phật pháp, có giáo chủ nào ra đời đang dạy pháp tu ba ngày, bảy ngày, hai mươi ngày thành Phật, chúng ta nghe hay và đi theo, nhưng nếu vội vã không chiêm nghiệm nó có đúng với chân lý không, có khi chúng ta bị lầm lẫn.

Thuở trước, khi Đức Phật là vị Bồ Tát Nhất Sanh Bổ Xứ từ cõi trời Đâu Suất xuống đây lần cuối cùng còn phải vất vả 5 năm tìm đạo, 6 năm khổ hạnh để tu hành mới chứng được quả Phật. Nếu đứng về mặt chân lý, chúng ta nhìn quá khứ chuyện dạy pháp tu ba ngày, bảy ngày, hai mươi ngày thành Phật không xảy ra, thì chắc chắn hiện tại không thể

xảy ra và tương lai chuyện này cũng hoàn toàn không có. Do đó chúng ta đừng vội tin. Vì không phải chân lý thì trước sau cũng dẫn chúng ta đi lệch Chánh pháp.

Trong lịch sử, thời Pháp đầu tiên Đức Phật thuyết cho năm anh em ông Kiều Trần Như là giáo lý Tứ Diệu Đế. Chính Đức Phật đã gặp và nói lời Chánh pháp cho năm vị này nghe. Trong suốt quãng đời thuyết Pháp, Đức Phật không dùng thần thông khi tiếp chúng, mặc dù thần thông thì không ai hơn Đức Phật. Do vậy mà trong thời đại này, nếu gặp vị thầy hay vị giáo chủ nào, vừa gặp mình mà họ nói hết trong gan ruột mình ra để mình nể phục đi theo quy y học đạo thì điều đó chưa chắc đúng chân lý Đức Phật.

Đức Phật chỉ tiếp người bằng chân lý, dùng đạo lý trí tuệ khai thị để chúng ta được giác ngộ Phật đạo, chứ Đức Phật chưa dùng bất kỳ điều gì mang tính kỳ lạ hiếu kỳ để người khác quy tụ đến mình. Đức Phật không sử dụng thần thông khi giáo hóa chúng sanh. Trong giới luật, Đức Phật cũng cấm các vị Tăng sử dụng thần thông. Nếu không học đạo kỹ thì khi gặp những vị có thần lực chúng ta nghĩ các vị này đạt đạo, rồi đi theo thì coi chừng chúng ta sẽ bị lầm đường. Đức Phật dùng ngôn ngữ lời nói của mình để giáo hóa chúng sanh mà không sử dụng thần thông, bởi vì Đức Phật thấy trí tuệ giác ngộ là điều hết sức hệ trọng cho tất cả chúng sanh. Đức Phật muốn chúng sanh ngộ chân lý bằng trí tuệ và bằng công phu của mình thì chân lý đó mới thật.

Còn nếu Đức Phật sử dụng cái gì đó cho chúng sanh thấy rằng Đức Phật có năng lực, có thần thông thì người ta tới Đức Phật chỉ bằng năng lực và thần thông thôi, không đến bằng con đường giác ngộ nữa. Nếu không khéo chúng ta chỉ đến thầy để học điều gì đó, chứ không còn học chân lý để mong được giác ngộ giải thoát. Chính điều đó mà Đức

Phật không bao giờ cho chư Tăng sử dụng thần thông.

Trừ vài trường hợp, đệ tử Đức Phật là ngài Mục Kiền Liên có lần sử dụng thần thông vì thấy duyên Phật pháp của người đó đã tới. Đó là câu chuyện của ông trưởng giả keo kiệt. Một hôm ông thèm bánh tiêu, ông nói nhỏ với bà vợ mua ít bột về rồi lên lầu ba chiên bánh tiêu, chứ ở dưới này mấy đứa nhỏ nó biết thì hao. Lúc đó ngài Mục Kiền Liên quán duyên thấy đã tới, đợi ông chiên bánh gần xong, Ngài liền xuất hiện nơi cửa sổ. Ông trưởng giả bực bội: *"Sa môn, sao ông không đến vào giờ khác lại đến đúng lúc ta chiên bánh tiêu?"* Ngài Mục Kiền Liên trả lời: *"Tại vì Ta thích ăn bánh tiêu nên Ta tới"*. Trưởng giả nói: *"Thôi ông đã tới thì tôi cho ông một cái"*. Khi ông lấy một cái thì nó dính hết cái này vào cái kia không cách nào gỡ ra, ngài Mục Kiền Liên nói: *"Ông hứa cho tôi thì ông phải bỏ vào bát"*. Ông trưởng giả thấy nếu bỏ vào bát một cái là sạch hết không còn cái nào vì nó dính vào nhau. Cuối cùng ông biết đây không phải là người bình thường nên thức tỉnh hỏi: *"Ngài Sa môn, Thầy ông là ai mà ông có năng lực như thế này chắc thầy ông giỏi lắm"*. Ngài Mục Kiền Liên nói: *"Thầy Ta là Đức Thế Tôn, đang ở Tịnh xá Kỳ Viên, nếu ngươi muốn diện kiến để một lần được gặp là phước báo ngươi rất lớn, ngươi nên theo Ta đến Đức Phật để nghe Pháp và quy y"*. Hai vợ chồng ông thấy năng lực ngài Mục Kiền Liên, họ quá nể phục nên phát tâm kính tin Đức Phật, đi tới chỗ Đức Phật, được gặp Đức Phật nghe thời Pháp và cả hai vợ chồng đều chứng quả Tu Đà Hoàn.

Năng lực con người ta có hai điều: Một là người đó hoàn toàn lục căn thanh tịnh thì tự động có thần thông. Hai là người đó mượn thần lực của người khác, hoặc luyện một công phu nào đó để có được thần lực chứ không hẳn là thần

thông. Ví dụ, ở đây đang mưa các vị hô phong hoán vũ làm cho ngưng mưa, hoặc đang nắng các vị làm cho mát thì đó là thần lực chứ không phải thần thông. Trừ trường hợp người đó chứng quả A La Hán, lục căn thanh tịnh hoàn toàn mới có thần thông.

Người xưa học đạo rất hay. Thời chư Tổ Trung Hoa, có lần ngài Hoàng Bá trên đường đi cầu pháp, Ngài gặp một người xạ quang không phải là người bình thường nhưng họ hiện ra hình người để đi chung nói chuyện với Ngài, bàn bạc vui vẻ với nhau về đạo lý. Đi một đoạn người kia tự động bước một bước là qua sông, rồi giơ tay ngoắc ngài Hoàng Bá. Ngài Hoàng Bá nói nếu tôi biết trước là hồi nãy tôi bẻ chân ông rồi. Đối với người học đạo chân chánh họ không bao giờ trọng thần thông. Sau này, ngài Hoàng Bá là vị Tổ siêu xuất trong nhà Thiền.

Kinh thì phải phù hợp chân lý và trình độ căn cơ của tất cả chúng ta. Lúc Đức Phật thuyết Pháp, với trí tuệ Đức Phật thấy được trình độ căn cơ của người đó tới đâu mà nói những lời khế ứng, khiến trong pháp hội qua một thời Pháp có những vị chứng quả A La Hán, A Na Hàm, Tu Đà Hoàn ngay tại đó. Hoặc các vị Thánh đệ tử của Đức Phật khi quán cơ duyên người nào thì ra tay là chắc chắn.

Một hôm, Đức Phật nhìn thấy trong hàng đệ tử có vị Tăng gần chứng quả A La Hán, cho nên Đức Phật đi khất thực bảo vị Tăng này đi mà không cho ngài A Nan đi chung. Sau khi khất thực và thọ trai về giữa đường Đức Phật hóa ra một ao sen, bảo vị Tỳ kheo ngồi trên bờ ao chờ Đức Phật đi vào rừng một chút. Đức Phật ẩn thân biến hiện ao sen trổ hoa rất đẹp, vị Tỳ kheo nhìn xuống ao thấy hoa sen đẹp vô cùng và nhập tâm vào hoa sen đó. Đức Phật thấy đệ tử nhập tâm vào hoa sen rồi thì sử dụng thần thông làm cho hoa héo

gục xuống. Ngay khi hoa gục xuống vị Tỳ kheo ngộ đạo chứng quả A La Hán. Khi đó Đức Phật bước ra dẫn về giới thiệu với đại chúng, vị này vừa chứng quả A La Hán do nhìn thấy hoa đang nở rồi tàn.

Đức Phật sử dụng thần thông rất phù hợp căn cơ của từng người. Duyên của chúng ta bây giờ không gặp được bậc đạt đạo như thời Đức Phật nên chúng ta học đạo vất vả. Thường các vị đạt đạo khi gặp chúng ta sẽ có một câu rất hợp căn cơ riêng của mình, để mình tu đúng với lời hướng dẫn đó là chúng ta tiến bộ liền.

Câu chuyện của ngài Đơn Hà, lúc còn là thư sinh Ngài học rất giỏi, trên đường về kinh thi, Ngài gặp một người giữa đường nói: *"Đi thi làm quan không bằng đi thi làm Phật đâu".* Câu nói này làm Ngài thức ngộ đi tìm đạo, Ngài hỏi vị kia: *"Thời này ai là người có khả năng dạy đạo để thành Phật?"* Vị kia giới thiệu Ngài nên gặp Mã Tổ. Đơn Hà gặp ngài Mã Tổ, vừa giở mũ ra, ngài Mã Tổ nói*: "Duyên của ông ở ông Thạch Đầu"*. Kiểu giở nón của Đơn Hà, Mã Tổ biết là đệ tử của Thầy nào liền. Đơn Hà hỏi thăm đường tới ngài Thạch Đầu. Khi tới đạo tràng của ngài Thạch đầu, Đơn Hà giở mũ ra, Thạch Đầu biết là đệ tử của mình rồi, bảo xuống bếp làm công quả. Cho tới ba năm không hỏi được câu nào chỉ biết làm công quả. Một hôm, ngài Thạch Đầu nói: *"Hôm nay sẽ làm cỏ trước chánh điện".* Tăng chúng năm, bảy trăm người xách cuốc, xách giá, xách xẻng … đi ra ngoài sân làm cỏ. Riêng ngài Đơn Hà bưng một thau nước quỳ giữa chánh điện. Ngài Thạch Đầu cạo tóc cho Đơn Hà xong, vừa tính nói giới, Đơn Hà bịt lỗ tai không nghe, đi thẳng về đạo tràng của ngài Mã Tổ, leo lên cổ tượng đang thờ trong chánh điện. Đại chúng hoảng quá chạy kêu ngài Mã Tổ nói có ông điên nào không

biết, đang leo lên cổ tượng. Ngài Mã Tổ lên thấy, hiểu ý Đơn Hà. Tức là nhờ ơn Mã Tổ nên Đơn Hà được ở trong đạo tràng Thạch Đầu mà ngộ đạo, sau khi được ngài Thạch Đầu cạo tóc rồi thì quay về đây xin Pháp danh. Mã Tổ liền nói: "*Thiên Nhiên con ta",* Đơn Hà xuống đảnh lễ: *"Cám ơn Hòa thượng đã đặt cho con pháp danh".*

Chư Tổ Sư nói về quán cơ thì tuyệt diệu. Một thái độ nhỏ là đã nhận biết người này căn cơ ra sao, ngộ đạo như thế nào và hành động đó với ý gì thì liền có những điều rất khế ứng. Thời chư Phật, các vị Thánh Tăng đệ tử của Đức Phật nói điều gì phù hợp với chân lý, với căn cơ từng người thì cũng được gọi là Kinh. Đến sau này phân biệt thời điểm lịch sử được xếp vào dạng Tổ Sư thì những lời nói Tổ Sư được gọi là "Ngữ Lục" chứ không gọi là Kinh. Chỉ riêng Lục Tổ Huệ Năng, các bài thuyết của Ngài trong pháp hội gom thành quyển Pháp Bảo Đàn Kinh. Nếu thực sự là Kinh thì những điều đó phải phù hợp với trình độ căn cơ của tất cả chúng sanh và phù hợp chân lý.

Căn cơ chúng sanh chia làm ba hạng: Thượng căn, trung căn và hạ căn. Chư Tổ nói: "*Từ cửa thứ nhất mà vào thì cùng Phật Tổ làm thầy trời người. Từ cửa thứ hai mà vào thì xứng được Chư Thiên cúng dường. Từ cửa thứ ba mà vào thì tự cứu không xong"*. Từ chỗ phóng quang chớp mắt chưa thành ngôn ngữ mà người đó hiểu đạo lý thì cùng Phật Tổ làm thầy trời người. Ở pháp hội Linh Sơn, Đức Phật Bổn Sư đưa cành hoa sen ra chưa nói lời nào thì trong đó chỉ có ngài Ca Diếp mỉm cười. Hoặc thầy trò Tam Tạng đi thỉnh Kinh nhận được bản Kinh không chữ là "Kinh Vô Tự". Kinh Vô Tự ai hiểu được thì có khả năng cùng với Phật Tổ làm thầy trời người. Hoặc trong tất cả hệ thống Kinh điển Đại thừa như Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm,

trước khi Đức Phật thuyết Pháp đều phóng quang giữa chặn mày, Đức Phật chưa nói lời nào nhưng trong pháp hội có người nhận được thì đó là cửa thứ nhất.

Nếu từ chỗ phóng quang của Đức Phật người ta không nhận ra chân lý, phải đọc đến văn tự mới hiểu chân lý thì đó là cửa thứ hai, cũng xứng đáng hưởng sự cúng dường của trời người. Nếu đọc những bản Kinh Đại thừa mà chúng ta không hiểu nổi, là tự mình không cứu được mình phải nhờ người khác giảng cho mình nghe, đó là cửa thứ ba.

Trước khi thuyết Kinh Đại Thừa, Đức Phật phóng hào quang soi sáng mười muôn cõi nước ở phương Đông, trên thấu trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ. Có những loài chúng sanh từ xưa tới giờ ở thế giới tối tăm không thấy nhau, do nhờ hào quang đó mà thấy được nhau v.v… Hào quang đó trong chuyên môn gọi là "ngôn ngữ gốc", là loại ngôn ngữ thấu hiểu tất cả các cõi giới khác.

Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc không phải chỉ người Ấn Độ hiểu mà tất cả các cõi đều hiểu, người cõi phàm cũng hiểu, cõi Thánh, cõi Chư Thiên, cõi tiên, cõi A tu la, trời, người, địa ngục cũng hiểu. Cho nên tất cả những Kinh điển Đại thừa đều diễn tả pháp hội của Đức Phật có Trời, Rồng, Dạ xoa, Khẩn la na, Ma hầu la già, Càn thát bà, Nhơn, Phi nhơn câu hội. Có trời Đế Thích, trời Phạm Thiên, trời Tứ Thiên Vương các vị cõi trời họp lại, rồi các vị Bồ Tát ở mười phương cũng đều câu hội để nghe Pháp.

Trong lúc thuyết Pháp, Đức Phật chỉ sử dụng ngôn ngữ cho hội chúng người dân Ấn Độ nghe thôi, vậy mà các cõi đều quy tụ về thì các vị nghe kiểu nào, không thể nghe bằng tiếng Ấn Độ được? Ngôn ngữ gốc này có phải Đức Phật nói bằng âm thanh bình thường cho một ngàn hai trăm

năm mươi vị Tỳ kheo nghe không? Không phải. Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc mà tất cả các cõi tiếp nhận in tuồng như Đức Phật nói ngôn ngữ của chính họ cho họ nghe, đây là tùy căn cơ nói Pháp.

Đức Phật đã nhập trong pháp giới tánh toàn chân thì khắp hư không ở mười phương in tuồng như đang ở trước mặt, tức là không còn khoảng không gian nữa. Cho nên ngôn ngữ Đức Phật nói là khắp mười phương pháp giới, những người có duyên đồng thời nghe một lượt. Đây là điều hết sức đặc biệt.

Ví dụ, một người ở phương Đông, một người ở phương Tây, một người ở phương Nam, một người ở phương Bắc đồng thời đủ duyên nghe Đức Phật thuyết Pháp như chính Đức Phật tiếp cận với họ và rót bên tai cho chính họ nghe.

Ngôn ngữ gốc còn có năng lực đặc biệt. Có những cõi họ giao tiếp bằng ánh sáng, ánh sáng màu nào thể hiện chân lý màu đó, để cho người trình độ ở cấp đó nghe. Một thời Pháp Đức Phật sẽ thể hiện ánh sáng đến với cõi đó và họ cũng tùy theo trình độ căn cơ của mình mà tiếp nhận chân lý. Ví dụ, ánh sáng màu xanh cõi đó có thể là tu Tứ Niệm Xứ. Ánh sáng màu đỏ của cõi đó có thể tu Lục Độ Ba La Mật. Ánh sáng màu vàng cõi đó có thể là ngộ Phật tánh. Họ cứ nghĩ Đức Phật chỉ tới đó thuyết Pháp cho họ nghe mà thôi. Có những cõi nghe bằng sự chấn động. Như rung động mạnh là muốn nói điều gì, rung động nhẹ là muốn nói điều gì, rung động vừa là muốn nói điều gì. Chính chúng sanh trong cõi đó tiếp nhận sự rung động đó từ Đức Phật phát ra để họ nhận được chân lý.

Ngôn ngữ hiện tại của chúng ta là dao động sóng âm, cho nên chúng ta nói bằng ngôn ngữ này nó sẽ dao động

sóng âm kiểu nào, để phát ra thành âm thanh ngôn ngữ lọt vào lỗ tai để mình phân biệt đó là chữ gì. Dao động sóng âm thấp hơn nó sẽ nói chữ gì, dao động sóng âm cao hơn nó sẽ nói chữ gì. Dao động sóng âm của Đức Phật đi khắp các cõi mười phương pháp giới. Có khi khai thị cho các vị Bồ Tát liền khi đó các vị chứng quả Vô thượng Bồ đề. Có người chưa phát tâm Bồ Tát thì dao động sóng âm của Đức Phật tới làm cho họ phát tâm Bồ Tát. Có khi họ ở Sơ Địa Bồ Tát, Nhị Địa Bồ Tát thì qua bài Pháp đó họ có thể chứng tới Bát Địa, Thập Địa v.v…

Trong Kinh nói trong một chớp mắt chúng ta có hai mươi đại niệm, một đại niệm có 16.789.000 lần sanh diệt. Vậy là một chớp mắt chúng ta có hàng tỷ lần dao động sanh diệt. Còn ngôn ngữ gốc nhanh hơn như thế. Do đó, khi Đức Phật nói một câu, ví dụ "lý vô thường" bằng ngôn ngữ phàm thì nó hết sức chậm. Còn ngôn ngữ gốc thì trong một thoáng chốc thôi là Đức Phật đã thuyết hàng tỷ tỷ bài Pháp cho tất cả các cõi nghe. Như Đức Phật nói một câu cho đại chúng trong pháp hội đang hiện diện trước Đức Phật nghe mà thôi.

Đức Phật nói Pháp tùy theo trình độ căn cơ, chúng ta phải hiểu tới ngôn ngữ gốc để mở tầm mắt lớn nhìn về hệ thống Kinh điển Đại thừa nói là có thật. Diễn tả sự thật đã có xảy ra trong thời Đức Phật, bất kỳ thời nói Pháp nào của Đức Phật đều cho tất cả các cõi nghe chứ không riêng cõi phàm. Khi đó có những vị Bồ Tát chứng quả Phật, có những vị Bồ Tát được tăng cấp bậc tâm linh của mình mà chứng quả Bồ Tát cao hơn một chút. Có vị chưa chứng quả A La Hán thì chính lời nói của Đức Phật đến với họ khiến họ chứng quả A La Hán. Hoặc có vị chưa tin hiểu đạo Phật thì qua lời nói Đức Phật có thể chứng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà

Hàm hoặc A Na Hàm.

Một thoáng chốc Đức Phật đã thuyết Pháp cho tất cả các cõi khắp pháp giới mười phương nghe thì Đức Phật mới nói một câu cho chúng hội đạo tràng tại đó nghe. Căn cơ và trình độ trong Phật pháp không đơn giản theo thượng căn, trung căn và hạ căn như chúng ta hiểu từ trước tới giờ, mà căn cơ là trình độ của tất cả chúng sanh khắp pháp giới này. Các vị Tổ Sư hoặc những người nhập trong pháp giới tánh toàn chân cũng có khả năng thuyết Pháp kiểu này chứ không riêng Đức Phật. Phút giây nhập trong pháp giới tánh là không có thời gian và không gian, nên các vị đủ hiểu chân lý của mười phương, đủ có thể nói chân lý cho mười phương pháp giới nghe. Đây là điều rất cao siêu của hệ thống Đại thừa Phật giáo.

Thập thiện: Là mười điều thiện. Nơi thân: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Nơi miệng: Không nói dối, không nói vọng ngữ, không nói thêu dệt, không nói lời hung ác. Nơi ý: Không tham, không sân, không si. Mười điều xảy ra nơi thân, nơi ý và nơi miệng chúng ta mà lành thì gọi là thiện.

Chúng ta làm cái gì được gọi là thiện? Thiện là những điều chúng ta làm có lợi mình và lợi người. Hoặc là những việc làm có lợi cho người mà có hại cho mình cũng gọi là thiện. Về mặt số lượng, làm bất lợi cho một số ít người nhưng có lợi cho quá nhiều người cũng gọi là thiện. Ví dụ, nhà nước phóng lộ bất lợi cho một số nhà bị mất đất nhưng con lộ đó sẽ có một triệu người đi việc đó được xem là việc thiện. Hoặc bắc cây cầu chiếm đất người này một chút, nhưng nếu không bắc cầu thì dân làng không đi tới lui được, đó cũng là việc làm thiện.

Hoặc việc hiện tại bất lợi mà tương lai có lợi thì cũng

được gọi là việc thiện. Ví dụ, cô giáo dạy học trò lì lợm cô giáo đánh để cho nó sợ mà lo học. Trước mắt cô giáo mang tiếng ác hung dữ đánh học trò coi như bất lợi, nhưng tương lai đứa bé sẽ học hành giỏi trở thành người tốt cho xã hội thì việc này được xem là việc thiện. Dân gian có câu: *"Thương nhau cho roi cho vọt, ghét nhau cho ngọt cho bùi"* cũng có ý này. Đây là điều chúng ta khó nhận định.

Một điều sâu bên trong nữa là việc làm bằng tình thương, làm bằng sự xây dựng, trước mắt có sự bất lợi cho người đó nhưng được xem là thiện. Còn nếu làm không phải bằng tình thương, không phải bằng tinh thần xây dựng mà vì việc riêng cho mình, đó là việc ác. Tức là tất cả những hành động gì mang lợi riêng cho chính bản thân mình mà gây bất lợi cho người xung quanh thì đó gọi là việc ác.

Dù chúng ta có làm tốt giúp người khác nhưng để người ta mang ơn mình, để họ thành nô lệ cho mình thì xem đó là việc ác. Có khi mình làm từ thiện vì mua được tiếng khen chứ không phải vì mình muốn giúp người khác. Đôi khi việc làm bề ngoài thấy nó là thiện nhưng bên trong thực sự không phải thiện. Bằng tình thương mà nhắm tới lợi ích cho nhiều người hoặc ít người, đó là thiện. Nếu vì tham tâm, người đó có quyền có chức nhưng ít người thân, nên họ giao du cho tiền bạc để kéo nhiều quyến thuộc về bên mình để làm điều gì bên sau đó, chứ không phải tới giúp người nghèo cho qua cơn khốn khó thì hành động đó không phải là thiện.

Trong xã hội có rất nhiều người tiếp nhận sự giúp đỡ của người khác, rồi cuối cùng trở thành nô lệ cho họ. Giống như chúng ta nuôi con gà, ngày nào cũng đem lúa thóc cho nó ăn rồi chờ cho nó lớn lên làm thịt thì không phải là thiện. Thế gian lẫn lộn, thiện ác khó phân, nghe thì rất đơn giản

nhưng muốn minh định thiện ác thực sự khó vô cùng. Nếu chúng ta không gạn lọc lòng mình kỹ thì mình dễ làm việc bất thiện lắm. Mình giúp người này người kia nghĩ là thiện nhưng tâm mình lúc đó lại cầu phước báo thì đó không phải là thiện tâm.

Trong lúc chúng ta làm thiện vì lòng muốn giúp đỡ người khác, muốn xây dựng điều gì bằng tâm thương yêu xây dựng thì chúng ta nói lời nào, nghĩ việc gì, hành động điều gì đều được xem là thiện. Còn nếu bằng tâm trục lợi hoặc vị kỷ thì chúng ta nói điều gì, làm điều gì cũng trở thành ác. Cho nên chúng ta định nghĩa lại điều gì vị tha được xem là thiện, điều gì vị kỷ được xem là ác.

Trong chiều sâu công phu, nếu chúng ta niệm Phật cho riêng mình, vì muốn lợi lạc cho bản thân nên không thiện. Chúng ta đang ngồi đây đang hít thở không khí, có ánh sáng là nhờ mặt trời, tất cả những điều chúng ta đang thọ hưởng một cách bình an yên ổn, đừng nghĩ là mình có phước để hưởng mà chúng ta đang vay mượn, đang thiếu nợ từng giờ giữa cuộc sống này. Một miếng cơm chúng ta ăn, một cái áo chúng ta mặc là tốn bao nhiêu mồ hôi công sức của rất nhiều người, liên hệ chằng chịt khắp pháp giới chúng sanh này. Muốn có cái áo thì người may phải có cây kim cái kéo là dính tới cơ khí, cơ khí thì dính tới kỹ sư, kỹ sư thì dính tới quặng mỏ v.v... Gọi là trùng trùng duyên khởi theo lý Kinh Hoa Nghiêm.

Hoặc thấy mình khổ đau quá, tu để thoát khổ một cho bản thân mình thì người đó đang thấy lầm lẫn và đang làm việc không được thiện lắm. Vì sao? Nói tới người ơn lớn của chúng ta là cha mẹ, mà chúng ta thiết tha về cõi Tây Phương quá nên quên cha mẹ, sau thời công phu là nguyện đem tất cả công đức tu hành của con cho tới khi con chết

được sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta quên đi mình từng sanh tử hàng tỷ tỷ kiếp rồi, tất cả chúng sanh đã từng là cha là mẹ, đã từng bồng ẵm, cõng vác nuôi nấng chúng ta bằng dòng sữa ngọt ngào, từng cực khổ, họ đều là người ân cao nghĩa cả đối với chúng ta. Nghĩ được như vậy xem như chúng ta mới có một chút thiện tâm. Dù chúng ta công phu kiểu nào nếu muốn thoát ra khỏi cõi Ta bà này cho riêng bản thân mình thì đó không phải là thiện tâm mà là vị kỷ.

Bất kỳ hành động nào trong đời sống này, nếu chúng ta không hướng về tất cả chúng sanh muôn loài, không vì người khác để tu tập thì việc tu của chúng ta chưa phải là thiện. Tu cho mình thì chưa phải là thiện nên mình công phu không tiến, vì mình tu kiếm đường trốn nợ. Trần gian này chúng ta đã thiếu nợ quá nhiều, mà kiếp này chúng ta chưa tròn chữ hiếu thì các đời kiếp trước chưa chắc chúng ta đã làm tròn. Mỗi một đời chúng ta nợ hai ông bà, mười đời nợ hai mươi người, một tỷ đời nợ hai tỷ người, nên bao nhiêu công đức tu hành nếu chúng ta là người có chút trí tuệ thì thấy rằng mình phải trả hết lại cho trần gian này. Nếu trả hết rồi chúng ta đi đâu không ai lôi kéo.

Tất cả những nghiệp tập sở dĩ chúng ta bị vướng lại vì bị tình cảm, bị nợ nần, bị khó khăn, bị trắc trở là do chúng ta không chịu đền trả, cho nên thấy đời mình nhiều rắc rối. Một người đem rắc rối đến với mình, chửi mình, mắng mình, đòi mình kiểu gì đó thì mình nghĩ bữa nay những người ơn mình tới, mình trả ơn họ thì cuộc đời này sẽ thành Cực Lạc. Dù chưa đi đâu chúng ta cũng sống an lạc tại đây được.

Khi minh định được thiện ác một cách rõ ràng thì cuộc sống chúng ta sẽ khác đi rất nhiều. Ngày nào chúng ta

làm việc gì riêng cho mình thì ngày đó chúng ta đang tiếp tục làm việc ác. Còn ngày nào mình nói, mình làm, mình nghĩ điều gì chung cho nhiều người, cho số đông người thì ngày đó mình đang làm thiện và đang làm việc đền ơn trả ơn. Vì chính Đức Phật đã nói: *"Một người biết đền ơn và trả ơn thì người đó dù sống xa Ta ngàn dặm cũng như đang ở bên cạnh Ta. Còn người không biết đền ơn và trả ơn dù sống bên cạnh Ta giống như sống xa Ta ngàn muôn dặm".*

Chúng ta phải soi lại coi, ngày nào chúng ta tu mà không xây dựng điều gì thêm cho mình, lại làm được những điều có lợi cho nhiều người thì ngày đó bản ngã chúng ta được tiêu mòn. Nếu chúng ta tu có thêm cho mình được điều gì là xây dựng thêm một chút bản ngã của mình. Còn chúng ta hoàn toàn sống vì người thì bản ngã sẽ tan ra hết để cho mọi người, lúc đó mới hy vọng bản ngã thành không.

Muốn phá ngã thì chúng ta phải sống vị tha, còn chấp ngã thì sống vị kỷ. Tu mà càng lúc bản ngã càng lớn thì càng dễ đụng chạm với nhiều người, càng có nhiều phiền não. Người sống vị tha thì bản ngã càng lúc càng mỏng, nên sẵn sàng làm tất cả mọi thứ vì tất cả mọi người. Hiểu về thiện ác thôi là chúng ta đã có thể công phu tốt trong Phật đạo rồi.

Nghiệp: Là những hành động có tác ý. Ví dụ, chúng ta đạp chết con kiến vô tình thì không thành nghiệp, nhưng chúng ta cố tình bóp đầu nó thì thành nghiệp. Việc làm có tác ý thì thành nghiệp, chưa làm mà tác ý cũng thành nghiệp. Tất cả những việc làm có ý thức dự vào là thành nghiệp.

Một người chưa hút thuốc, bây giờ tập hút thuốc để cho nghiện là thói quen đã thành nghiệp. Điều đó dễ hiểu nhưng chúng ta muốn nói tới cái gốc để thành nghiệp là có

tác ý. Ngồi không mà tác ý cũng thành nghiệp. Nghiệp thì có nghiệp thiện và nghiệp ác. Ngồi suy nghĩ tốt có lợi cho nhiều người là nghiệp thiện, mà suy nghĩ xấu có lợi cho riêng mình là thành nghiệp ác, chưa nói tới chuyện chúng ta làm. Khi tác ý là có nghiệp, nếu chúng ta tác ý thiện thì có quả báo lành, nếu tác ý ác thì có quả báo ác. Đừng nghĩ chúng ta phải nói hay phải làm mới có nghiệp mà nghiệp ở chiều sâu là tâm mình.

"Nghiệp" xuất phát từ ý thành ngôn ngữ lời nói, nên nghiệp là hành động và ngôn ngữ có tác ý. Đến khi nào chúng ta không còn tác ý nữa thì sẽ không còn nghiệp. Chúng ta tu như thế nào đó để mỗi cử chỉ, hành động, lời nói của chúng ta không có sự can dự của ý thức vào là thoát đi thiện và ác là lúc đó Phật pháp hiện tiền và chúng ta bắt đầu thâm nhập chân lý. Nếu chúng ta còn nghiêng bên nào thì cũng là nghiệp. Đã là nghiệp thì có quả báo tốt hoặc xấu để chúng ta thọ. Việc tu buổi đầu chúng ta nên tác ý thiện để đi vào con đường thiện, bằng cách là chúng ta sống vị tha. Đến ngày nào đó thiện đạt đến mức cực đỉnh thì chúng ta nhẹ nhàng bước qua một bước nữa, tới chỗ thanh tịnh không còn thiện ác.

Trong lịch sử Thiền sư có một người ngộ chỗ không thiện không ác, đó là ngài Huệ Minh. Pháp hội Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, sau khi Lục Tổ Huệ Năng ngộ đạo, nửa đêm Ngũ Tổ đưa Lục Tổ ra đi. Ba ngày sau chúng phát hiện ra y bát đã đi rồi. Khi đó vài trăm người đuổi theo muốn cướp y bát. Một vị tăng họ Trần, tên Huệ Minh, trước là tướng quân bậc Tứ phẩm, tánh hạnh thô tháo, hết lòng theo tìm, chạy trước mọi người, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng để y bát trên tảng đá nói: *"Y này là biểu tín, có thể dùng sức mà tranh sao?"* Huệ Năng liền ẩn trong đám cỏ, Huệ Minh đến

cầm y lên mà không nhúc nhích, mới kêu rằng: *"Cư sĩ, cư sĩ! Tôi vì Pháp mà đến chớ không phải vì y"*. Huệ Năng bèn bước ra ngồi trên tảng đá, Huệ Minh liền làm lễ thưa: *"Mong cư sĩ vì tôi nói Pháp"*. Huệ Năng bảo*: "Ông đã vì Pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi vì ông nói"*. Huệ Minh im lặng giây lâu. Huệ Năng bảo: *"Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?"* Huệ Minh ngay câu nói đó liền đại ngộ. Tức là Ngài nhận ra "cái hay biết" thiện ác, cái đó không phải là thiện ác.

Đến mức độ sâu trong Phật pháp thì khi sống thuần thiện rồi, chúng ta phải bước thêm một bước nữa để nhận ra chỗ thanh tịnh tuyệt đối vượt ngoài thiện ác, đó mới là người nhận ra chân lý. Chỗ đó sanh ra thiện mà cũng sanh ra ác, nó không phải là thiện, không phải là ác, nhưng nó "đang hay biết" thiện ác, đó là chỗ Phật Tổ muốn chỉ chúng ta.

Đạo: Là con đường. Kinh Thập Thiện, Đức Phật muốn nói tới mười nghiệp lành của tất cả chúng sanh, con đường để đưa chúng sanh từ chỗ lầm mê trở về bến bờ giác ngộ.

Khi củng cố nền tảng căn bản của mình, quý vị sẽ có cuộc sống thật sự tốt, mỗi ngày thiện tâm của mình mỗi nảy nở, tình thương mỗi chan hòa để tất cả chúng sanh đều là người thương, là người ân thật sự của mình. Chừng đó biết rằng thiện tâm chúng ta đã tròn đầy và chúng ta sẽ sống an ổn trong Phật pháp.

III. CHÁNH VĂN KINH THẬP THIỆN

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Đức Phật ở tại cung Rồng Ta Kiệt La, cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ kheo và ba mươi hai ngàn vị đại Bồ Tát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Long Vương rằng: Tất cả chúng sanh do tâm tưởng khác nhau, nên tạo nghiệp khác nhau, vì vậy mà có sự luân chuyển trong các cõi.

Này Long Vương! Ngươi có thấy trong hội này và trong biển cả, hình sắc chủng loại mỗi loài khác nhau không? Tất cả như thế đều do tâm, tạo nghiệp thiện hay bất thiện nơi thân, nơi khẩu, nơi ý mà ra.

Tâm không hình sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt, chỉ do các pháp hư vọng hợp lại mà khởi hiện, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở. Tuy mỗi loài theo nghiệp hiện ra không đồng, mà thật trong ấy không có tác giả, nên tất cả pháp tự tính như huyễn, không thể nghĩ bàn. Người trí biết như thế, nên tu thiện nghiệp, nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới … đều được đoan chánh, người nhìn không chán.

Này Long Vương! Ngươi xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức sanh ra các tướng trang nghiêm, hào quang nhiệm mầu sáng chói, che cả đại chúng, dù cho (hào quang) vô lượng ức trời Phạm vương cũng không thể hiện được. Không ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai mà không chóa mắt.

Ngươi hãy xem các vị đại Bồ Tát đây, sắc diện nhiệm mầu, trang nghiêm thanh tịnh. Tất cả (tướng tốt ấy) đều do tu nghiệp thiện mà được phước đức như thế. Lại nữa, các hàng trời, rồng, bát bộ, có oai thế mạnh mẽ

to lớn cũng do nhân tu nghiệp lành mà được phước báo như thế.

Nay các chúng sanh ở trong biển cả, hình sắc thô xấu, lớn, nhỏ, đều do các thứ tưởng niệm của tự tâm gây ra những nghiệp bất thiện nơi thân, ngữ, ý và tùy theo chỗ tạo nghiệp mà thọ quả báo.

Nay ngươi như thế mà tu học và khiến cho chúng sanh thấu rõ nhân quả, tu tập nghiệp lành. Ngươi nên nương nơi chánh kiến bất động, chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường. Đối với các bậc phước điền nên vui vẻ cung kính cúng dường thì các ngươi cũng được người trời tôn trọng cung kính cúng dường.

A. THẬP THIỆN

Long Vương nên biết! Bồ Tát có một pháp hay đoạn dứt tất cả khổ trong đường ác. Pháp đó là gì? Là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ, quán sát pháp lành, khiến cho các pháp lành mỗi niệm mỗi niệm tăng trưởng, không để mảy may pháp bất thiện xen lẫn, đó là khéo làm cho các pháp ác dứt hẳn, thiện pháp viên mãn thì thường được gần gũi chư Phật, chư Bồ Tát và hàng Thánh chúng khác.

Pháp lành là thân của người, trời, giác ngộ của Thanh Văn, giác ngộ của Độc Giác, giác ngộ của Phật, đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là pháp lành.

Pháp này là con đường mười nghiệp lành. Những gì là mười? Là hằng lìa dứt sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

1. Sát sanh

Long Vương! Nếu xa lìa sát sanh thì được thành tựu mười pháp không bức não. Những gì là mười? Một: Bố thí đức vô úy cùng khắp chúng sanh. Hai: Thường khởi lòng từ bi đối với chúng sanh. Ba: Dứt sạch tập khí giận hờn. Bốn: Thân thường không bệnh. Năm: Mạng sống lâu dài. Sáu: Thường được phi nhân ủng hộ. Bảy: Thường không ác mộng, thức ngủ an vui. Tám: Diệt trừ oán kết, oán hận tự giải. Chín: Không sợ rơi vào đường dữ. Mười: Khi chết sanh lên cõi trời.

Đó là mười. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại.

2. Trộm cướp

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa trộm cướp thì được mười pháp bảo tín. Những gì là mười? Một: Của cải đầy dẫy, vua, giặc, cướp, nước lửa và con hư không thể phá hoại. Hai: Nhiều người thương mến. Ba: Người không khinh khi phụ bạc. Bốn: Mười phương khen ngợi. Năm: Không lo sợ tổn hại. Sáu: Tiếng tốt đồn khắp. Bảy: Ở trong hội chúng không hề sợ hãi. Tám: Của cải, sinh mạng, hình sắc, sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu. Chín: Thường sẵn lòng bố thí. Mười: Chết sanh lên cõi trời.

Đó là mười. Nếu biết hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được chứng trí thanh tịnh đại Bồ đề.

3. Tà hạnh

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tà hạnh thì được bốn pháp người trí ngợi khen. Những gì là bốn? Một: Các căn điều thuận. Hai: Xa lìa rộn ràng. Ba: Được đời

khen ngợi. Bốn: Vợ (hay chồng) không bị xâm phạm.

Ấy là bốn. Nếu hay hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tướng trượng ẩn mật tàng của Phật.

4. Vọng ngữ

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa vọng ngữ thì được tám pháp trời khen ngợi. Những gì là tám? Một: Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát. Hai: Được người đời tin phục. Ba: Mở lời thành chứng, trời người kính mến. Bốn: Thường dùng lời êm dịu an ủi chúng sanh. Năm: Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh. Sáu: Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ. Bảy: Mở lời tôn trọng, người trời vâng làm. Tám: Trí huệ thù thắng không ai chế phục được.

Đó là tám công đức. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật sẽ được chân thật ngữ của Như Lai.

5. Nói hai lưỡi

Lại nữa Long Vương! Nếu lìa nghiệp nói hai lưỡi thì được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm? Một: Được thân bất hoại, không ai có thể hãm hại. Hai: Được quyến thuộc bất hoại, không ai phá được. Ba: Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp. Bốn: Được pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố. Năm: Được thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau.

Đó là năm pháp bất hoại. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được quyến thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

6. Ác khẩu

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám? Một: Lời nói không trái pháp độ. Hai: Lời nói đều lợi ích. Ba: Lời nói hợp lý đạo. Bốn: Lời nói đẹp khéo. Năm: Lời nói có thể lãnh thọ thừa hành. Sáu: Lời nói được tin dùng. Bảy: Lời nói không thể chê. Tám: Lời nói được ưa thích.

Đó là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật, đầy đủ tướng Phạm âm của Như Lai.

7. Ỷ ngữ

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa ỷ ngữ thì thành tựu được ba món quyết định. Những gì là ba? Một: Quyết định được người trí ưa thích. Hai: Quyết định có thể dùng trí như thật đáp các câu hỏi. Ba: Quyết định đối với người trời có oai đức tối thắng, không hư vọng.

Đó là ba món quyết định. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được Như Lai thọ ký chẳng luống đối.

8. Tham dục

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tham dục thì được thành tựu năm món tự tại. Những gì là năm? Một: Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ. Hai: Của cải tự tại, tất cả oán tặc không cướp đoạt được. Ba: Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng có sẵn đầy đủ. Bốn: Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến. Năm: Được nhiều vật thù thắng, gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thuở xưa không bỏn xẻn, ganh ghét.

Đó là năm món tự tại. Nếu hướng về đạo Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, đặc biệt được ba cõi thảy đều cung kính cúng dường.

9. Sân hận

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa sân hận thì được tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Những gì là tám? Một: Tâm không tổn não. Hai: Tâm không sân hận. Ba: Tâm không tranh tụng. Bốn: Tâm nhu hòa ngay thật. Năm: Được lòng từ của bậc Thánh. Sáu: Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh. Bảy: Thân tướng đoan nghiêm chúng đều tôn kính. Tám: Do hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm thiên.

Đó là tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán.

10. Tà kiến

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến thì sẽ được thành tựu mười pháp công đức. Những gì là mười? Một: Được ý vui chân thiện, bạn hữu chân thiện. Hai: Tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng, trọn không làm ác. Ba: Chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần khác. Bốn: Tâm ngay thẳng, thấy biết chân chánh xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung. Năm: Thường sanh thân trời người, không rơi vào đường dữ. Sáu: Phước tuệ vô lượng lần lần thêm nhiều. Bảy: Xa hẳn đường tà, thực hành Thánh hạnh. Tám: Chẳng khởi thân kiến, bỏ các nghiệp ác. Chín: Trụ tri kiến vô ngại. Mười: Không bị các tai nạn.

Ấy là mười. Nếu hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, mau chứng tất cả pháp Phật, thành tựu thần thông tự tại.

B. THẬP THIỆN VÀ BỐ THÍ

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Long Vương: Nếu có Bồ Tát nương mười nghiệp thiện này để tu hành: Hằng lìa giết hại mà thực hành hạnh bố thí, nên giàu sang nhiều của báu không bị xâm đoạt, trường thọ không chết yểu, không bị tất cả oán tặc làm tổn hại.

Do lìa nghiệp không cố lấy của chẳng cho, lại tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không ai sánh kịp và thâu thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp.

Do lìa lỗi tà hạnh mà tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, trong nhà trinh thuận (vợ thủ tiết với chồng) mẹ và vợ con không ai đem lòng dục xâm phạm.

Lìa nói dối, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không bị nhục mạ, gìn giữ được Chánh pháp như bản nguyện và khi thực hành nhất định kết quả.

Lìa lời nói ly gián, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai xâm phạm, thân bằng quyến thuộc thuận hòa, cùng một ý chí vui vẻ, hằng không trái nghịch.

Lìa lời nói thô ác, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, tất cả hội chúng đều vui vẻ quy về, nói ra đều được người tin nhận không chống trái.

Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ), tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, nói không hư dối, người đều kính thọ, hay dùng phương tiện khéo

léo đoạn dứt mọi nghi hoặc.

Lìa tâm tham cầu, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không bị chiếm đoạt, có vật gì đều đem ban cấp, tin hiểu vững chắc, đủ oai lực lớn.

Dứt lòng sân hận, tu hạnh bố thí, nên thường được của báu không ai chiếm đoạt, tự mình mau thành tựu trí vô ngại, các căn nghiêm trang tốt đẹp người thấy kính ưa.

Lìa lòng tà đạo, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng đường chúng Tăng, thường không quên mất tâm đại Bồ đề.

Đó là bậc Đại sĩ khi tu đạo Bồ Tát, làm mười nghiệp thiện, dùng hạnh bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn.

C. THẬP THIỆN VÀ LỤC ĐỘ BA LA MẬT

Như vậy Long Vương, nói tóm lại, tu Thập Thiện đạo, do trì giới trang nghiêm nên hay sanh các nghĩa lợi Phật Pháp và đầy đủ nguyện lớn. Do nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Do tinh tấn trang nghiêm, nên hay phá được ma oán, vào Pháp tạng của Phật. Do Thiền định trang nghiêm nên hay sanh niệm, tuệ, tàm, quý, khinh an. Do trí tuệ trang nghiêm nên hay đoạn dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

D. THẬP THIỆN VÀ TỪ BI HỶ XẢ

Dùng lòng từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh không khởi tâm não hại. Dùng lòng bi trang nghiêm, nên thương xót chúng sanh thường không chán bỏ. Dùng tâm hỷ trang nghiêm, nên thấy người tu thiện

lòng không ganh tỵ. Dùng tâm xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch tâm không thương giận. Dùng Tứ Nhiếp Pháp trang nghiêm, nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

E. THẬP THIỆN VÀ BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO

Dùng Niệm Xứ trang nghiêm nên khéo tu tập Tứ Niệm Xứ quán. Dùng Chánh Cần trang nghiêm nên hay đoạn trừ tất cả pháp bất thiện pháp, thành tựu tất cả pháp thiện. Dùng Thần Túc trang nghiêm nên hằng khiến cho thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Dùng Ngũ căn trang nghiêm nên lòng tin sâu xa kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng điều hòa đoạn dứt các phiền não. Dùng Ngũ Lực trang nghiêm nên các oán dứt sạch, không gì hoại được. Dùng Giác Chi trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp. Dùng Chánh Đạo trang nghiêm nên được trí tuệ chân chánh thường hiện ở trước. Dùng Chỉ trang nghiêm nên dứt sạch tất cả kiết sử. Dùng Quán trang nghiêm nên hay biết như thật tự tính của các pháp. Dùng Phương tiện trang nghiêm nên chóng thành tựu viên mãn cái vui hữu vi vô vi.

Long Vương nên biết, Mười nghiệp thiện này, hay khiến cho Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp bất cộng, tất cả Phật Pháp đều được viên mãn. Vì thế các ông phải siêng năng tu học.

Long Vương! Ví như tất cả thành ấp xóm làng đều nương đại địa mà được an trụ, tất cả cỏ thuốc cây cối, bụi rừng cũng nương nơi đất mà được sanh trưởng, Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng lại như thế. Tất cả người trời nương nơi đó mà được thành lập. Tất cả Thanh Văn, Độc Giác Bồ đề, các hạnh Bồ Tát, tất cả Phật Pháp,

đều nương chung vào đại địa Thập Thiện mà được thành tựu.

Phật nói Kinh này rồi, Long Vương Ta Kiệt La cùng toàn thể đại chúng tất cả thế gian Thiên, Nhân, A tu la thảy đều vui vẻ, tin nhận vâng làm.

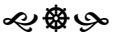

IV. GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH THẬP THIỆN

VĂN KINH

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Đức Phật ở tại cung Rồng Ta Kiệt La, cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ kheo và ba mươi hai ngàn vị đại Bồ Tát.

GIẢNG

Kinh Thập Thiện cũng như tất cả các bản Kinh khác đều nói qua *"Lục chủng chứng tín",* hoặc *"Lục chủng thành tựu",* tức là sáu điều để giữ niềm tin đây là bản Kinh có thực. Hoặc là sáu điều này hình thành bộ Kinh, gồm có: Văn thành tựu, Tín thành tựu, Thời thành tựu, Chủ thành tựu, Xứ thành tựu và Chúng thành tựu.

Khi Đức Phật chuẩn bị nhập Niết bàn, ngài A Nan có một số câu thưa thỉnh Đức Phật, trong đó có câu: "Thưa Đức Thế Tôn! Sau khi Ngài nhập Niết bàn rồi, chúng con trùng tuyên lại giáo pháp của Ngài phải nói câu nào trước. Đức Phật dạy ngài A Nan phải thuật lại câu: *"Tôi nghe như vầy, một thuở nọ, tại đâu đó…"* Tức là phải nói đầy đủ xuất xứ của một thời Pháp.

1. Văn thành tựu: *"Tôi nghe"* là Văn thành tựu. Tức là ngài A Nan và đại chúng được nghe bản Kinh này. Đặc biệt Kinh Thập Thiện được thuyết tại cung Rồng Ta Kiệt La chứ không phải thuyết ở trần gian bằng ngôn ngữ người phàm, mà ngài A Nan không chứng được quả A La Hán, thì Ngài đâu đủ thần thông đến đó nghe, như vậy ngài A Nan nói chữ *"Tôi nghe"* có hợp lý không?

Khi chuẩn bị làm thị giả của Đức Phật, ngài A Nan xin Đức Phật nếu đồng ý cho Ngài làm thị giả thì Đức Phật

phải chấp nhận một số điều kiện. Điều kiện thứ nhất, khi thí chủ thỉnh Đức Phật dự trai Tăng mà thỉnh ngài A Nan như thỉnh một vị Tăng để cúng dường thì Ngài sẽ tới, còn thỉnh Đức Phật thì một mình Đức Phật đi, ngài A Nan không đi. Thứ hai, ngài A Nan không bao giờ mặc y thừa của Đức Phật. Vì y của Đức Phật thường do các vua quan cúng dường toàn những y quý. Ngài sợ trong chúng nói được làm thị giả Đức Phật rồi "hưởng sái" của Đức Phật, cho nên ngài A Nan rất thông minh, Đức Phật có cho y cũ cho vị Tăng nào thì cho chứ Ngài không nhận. Thứ ba, ngài A Nan không bao giờ đi vào trượng thất của Đức Phật phi thời. Có nghĩa đúng giờ vô dọn phòng xong rồi thì thôi, chỉ khi nào có việc cần Ngài mới vào, ngoài ra Ngài không tự ý vào phòng Đức Phật.

Điều này rất hay ở chỗ là có nhiều khi Đức Phật rầy một vị nào trong Tăng chúng thì Ngài không muốn bị tiếng xấu là "mách lẻo". Thứ tư, trong tất cả những thời thuyết Pháp của Đức Phật mà ngài A Nan không trực tiếp đi nghe thì Đức Phật phải đích thân thuyết lại cho A Nan nghe. Do vậy mới có bản Kinh Thập Thiện, vì ngài A Nan được nghe Đức Phật thuyết lại. Ví dụ, Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết thì ngài A Nan cũng đâu đủ thần thông lên đó nghe, hoặc Đức Phật thuyết dưới Cung Rồng Ta Kiệt La thì Đức Phật cũng về thuyết lại cho A Nan nghe. Do vậy mới có câu: *"Như vầy tôi nghe…"*

Đức Phật khen trong bảy hiền kiếp Phật, A Nan là thị giả thông minh nhất. Ngài A Nan còn được khen là người Đa văn đệ nhất. Trong Kinh nói rằng, khi Đức Phật thuyết Pháp thì ngài A Nan thuộc như bưng chén nước này rót qua chén kia không rớt một giọt ra ngoài. Có nghĩa tất cả những lời nói của Đức Phật trong tất cả các pháp hội, ngài A Nan

thuộc không sót một chữ, đây là điều rất hiếm có. Từ thời Đức Phật trở về đây chưa có người thứ hai có trí nhớ so với ngài A Nan.

2. Tín thành tựu: *"Như vầy*" là Tín thành tựu.

3. Thời thành tựu*:* "*Một thuở*" là Thời thành tựu.

4. Chủ thành tựu: "*Đức Phật*" là Chủ thành tựu.

5. Xứ thành tựu: "*Tại cung Rồng Ta Kiệt La*" là Xứ thành tựu.

6. Chúng thành tựu: *"Cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ kheo và ba mươi hai ngàn vị đại Bồ Tát"* là Chúng thành tựu.

Với bản Kinh Thập Thiện, chúng ta sẽ hiểu hai điều: Thứ nhất, Đức Phật đã tường thuật lại cho ngài A Nan nghe nếu nhìn theo hệ thống Kinh Nguyên Thủy. Nhưng sự thật Kinh Thập Thiện lại nằm trong hệ thống Kinh điển Đại Thừa. Sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Bồ Tát Long Thọ là vị Tổ thứ mười hai trong dòng Thiền, Ngài nhập trong đại định xuống Long Cung lấy bản Kinh Thập Thiện về chuyển thành ngôn ngữ của Ấn Độ để chúng ta mới có thể nghe được.

Khi một người nhập trong pháp giới tánh sẽ nghe lại tất cả bài Pháp của chư Phật mười phương thuyết, chứ không riêng bài thuyết Pháp của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca. Như Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật cũng không sử dụng ngôn ngữ của người Ấn Độ để thuyết cho chúng đại Tỳ kheo người Ấn Độ nghe. Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc từ đảnh Tỳ Lô Giá Na để nói cho chư vị đại Bồ Tát nghe. Đến khi ngài Long Thọ nhập vào trong pháp giới tánh, Ngài nhận lãnh được Kinh Hoa Nghiêm và chuyển thành ngôn ngữ người Ấn Độ. Bên hệ thống Mật Tạng, tất cả những người tu Mật tông đều phải thờ ngài Long Thọ làm Thầy,

vì ngài Long Thọ là người chuyển ngôn ngữ của chư Phật mười phương trở thành công phu tu hành cho cõi Ta Bà.

Thời tại thế, Đức Phật đi khắp cõi nước mười phương, Đức Phật thuyết Pháp cõi nào thì sẽ sử dụng ngôn ngữ của cõi đó. Giống như ở thế giới chúng ta có những vị thầy giỏi qua nước Anh thì sử dụng tiếng Anh, qua Campuchia sử dụng tiếng Campuchia. Còn Đức Phật thông ngôn ngữ của tất cả cõi nước mười phương, tất cả các loài, tất cả các côn trùng nhỏ nhít mà nó có than vãn, có vui buồn thì Đức Phật vẫn nghe và hiểu. Đồng thời Đức Phật cũng đủ sức thuyết Pháp và độ tất cả các loài đó, chứ không phải Đức Phật thành Phật chỉ độ riêng cho loài người.

Đức Phật cũng đủ sức để có thể hiểu được tất cả những tâm tư tình cảm của các vị ở tất cả các cõi trời. Mỗi cõi trời có một loại ngôn ngữ khác nhau, cõi trời Đao Lợi có loại ngôn ngữ khác, cõi trời Quang Âm Thiên có loại ngôn ngữ khác, cõi trời Tứ Thiên Vương có loại ngôn ngữ khác. Khi Đức Phật đến đâu muốn thuyết cho cõi nào, thì thần lực Đức Phật đủ sử dụng loại ngôn ngữ đúng như Đức Phật đang thuyết bằng ngôn ngữ của họ để cho họ nghe. Đặc biệt không phải là thuyết trong đại chúng nữa, mà tất cả các cõi nghe bài Pháp của Đức Phật giống như Đức Phật đang đối diện nói chuyện trực tiếp với họ. Đó là thần lực thuyết Pháp của Đức Phật. Khi chư Phật thuyết Pháp là bất khả tư nghì mà chúng ta không đủ sức hiểu hết bài Pháp Đức Phật thuyết là vậy.

Đức Phật đã đến Long Cung thuyết Pháp không phải một lần mà nhiều lần. Có lần Long Cung thỉnh Đức Phật đi thọ trai, có một vị Tỳ kheo đệ tử Đức Phật xin theo. Đức Phật nói ngươi không đủ sức để đi xuống thọ dụng thực phẩm Long Cung đâu nhưng vị Tỳ kheo nằng nặc đòi theo.

Đức Phật nói ngươi đi theo thì Ta cho đi nhưng không nên trách Ta. Khi thọ trai xong, Đức Phật dùng thần lực đưa vị đó lên tới bờ là vị đó ngã ra chết liền. Chỉ có các vị chứng quả A La Hán mới có đủ thần thông để có thể thọ dụng được thực phẩm cúng dường của các cõi.

Ở đây dùng từ đại Tỳ kheo, tức là các vị đã chứng quả A La Hán, hoặc các vị Bồ Tát, chứ người bình thường không thể tới Long Cung để có thể nghe Pháp được. Ngày xưa thỉnh Đức Phật đi thuyết Pháp thường có một số vị A La Hán đi theo làm thị giả nhưng chắc chắn không có ngài A Nan.

Ngày xưa chư Phật và chư Tổ muốn thuyết Pháp cho cõi nào thì đích thân chư Phật hiện thân tới, hoặc đích thân chư vị Bồ Tát hiện thân ra chứ không có nương dựa. Ở đây không phải Đức Phật nhập vô con rồng thuyết Pháp theo kiểu rồng, mà Đức Phật mang hình bóng của một Đức Phật Thế Tôn đi xuống Long Cung, là một con người của cõi này tới. khi Đức Phật về thì cũng đủ oai nghi như một Đức Phật tại cõi Ta bà.

Nếu ai xưng mình từ cõi trời tới thì phải hiện thân người cõi trời thuyết Pháp cho mình nghe. Vì khi các vị là Thánh rồi thì hiện được tất cả các thân. Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn nói ngài Quán Thế Âm có ba mươi hai ứng hóa thân. Muốn làm vua trời thuyết Pháp thì hiện thành vua trời, muốn hiện thân Phật thuyết Pháp thì cũng đủ sức hiện làm Phật thuyết Pháp, muốn làm Bồ Tát, làm Quỷ Dạ Xoa La Sát, làm Càn Thát Bà cũng được, các vị đủ năng lực để hiện hình như vậy.

VĂN KINH

Tất cả chúng sanh do tâm tưởng khác nhau, nên tạo nghiệp khác nhau, vì vậy mà có sự luân chuyển

trong các cõi.

Câu nói này có ba vế. Vế thứ nhất, do tâm tưởng khác nhau; vế thứ hai, do tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau; vế thứ ba, do tạo nghiệp khác nhau mà có sự luân chuyển trong các cõi không giống nhau. Đức Phật khẳng định tất cả các loài chúng sanh trong lục đạo luân hồi này, sở dĩ được sanh cõi trời, A tu la, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là gốc từ tâm. Do tâm khác nhau mà tạo nghiệp khác nhau.

Ví dụ, chúng ta ngồi đây nghe Pháp, không tâm ai giống ai. Có người nghe bài Pháp họ có thể đủ sức ngộ đạo chứng Thánh quả liền. Có những người nghe bài Pháp có đủ lòng tin Tam Bảo để họ tinh tấn tu hành, nhưng có những người nghe bài Pháp chẳng hiểu mà nghĩ vẩn vơ. Ngồi đây mỗi người mỗi tâm tưởng mỗi thế giới khác nhau. Chúng ta đang sở hữu loại tâm thức nào sẽ tương ưng cảnh giới đó mà đi.

Khi Đức Phật thuyết Pháp, định lực Đức Phật đủ lắng dịu tất cả tâm tạp loạn của thính chúng, để họ mở tâm ra hứng trọn lời Pháp Đức Phật. Cho nên trong các bản Kinh chúng ta thấy ghi lại, hội chúng có hằng hà sa số các vị đại Bồ Tát chứng quả Vô thượng Bồ đề, có một số vị chứng quả Bất thối, có một số vị phát tâm hành Bồ Tát hạnh, có một số vị chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả A La Hán v.v... Cũng tùy tâm của từng người, từng đẳng cấp tâm linh mà họ thọ nhận giáo Pháp khác nhau để đi sanh trong tất cả các cõi.

Vì tâm khác nhau nên chúng ta có hành động, lời nói và tạo nghiệp khác nhau. Chính nghiệp đó chuẩn bị một bến để chúng ta tới, tâm thiện lành thì sẽ đi được những cõi hiền thiện, tâm không thiện lành thì chắc chắn sẽ đi ba con

đường ác.

Trong lục đạo luân hồi có sáu cõi: Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thường các vị có công lớn với đất nước, các vị lãnh tướng dẹp loạn giữ gìn bình yên cho đất nước được sanh về cõi thần A tu la. Có những người làm phước nhiều, nhưng ít tu tập, sân hận nhiều thì cũng được sanh về cõi A tu la. Cõi A tu la có năng lực hơn cõi người nhưng kém phước hơn cõi trời. Trong truyền thuyết có rất nhiều câu chuyện người ở cõi A tu la có thần thông, lâu lâu cũng lên cung trời Đế Thích đánh nhau để dành cung nữ. Cõi A tu la hơn cõi người là có thần thông, nhưng kém hơn cõi người là không có tu để chứng quả, chỉ có cõi người tu chứng quả mà thôi.

Cõi trời thì phước báo vô lượng vô biên. Tùy theo từng cõi trời, như cõi trời Tứ Thiên Vương được coi là lãnh đạo cõi Ta Bà, xem xét tất cả những thiện ác của chúng ta để rồi ghi vào sổ định đoạt. Mặc dù chúng ta nói nghiệp ác nghiệp thiện mình tự tạo, mình tự lãnh thọ, nhưng các vị cõi trời đều biết hết và có sự ảnh hưởng. Ví dụ, vùng này họ sống thiện sống lành thì mưa thuận gió hòa. Cõi cao hơn là cõi trời Đế Thích, phước báo lớn hơn, có những cõi quy tụ một số các vị Thánh Hiền. Có một số các vị Hòa thượng không phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc mà phát nguyện sanh về cõi trời Đâu Suất, vì hiện tại cõi trời Đâu Suất là nơi Bồ Tát Di Lặc đang giáo hóa.

Trong tự truyện của ngài Hư Vân, một lần Hòa thượng nhập định đi tới cõi trời Đao Lợi. Khi Hòa thượng trở lại nói chuyện với hội chúng, Hòa thượng nói là cõi trời Đao Lợi định lực khủng khiếp lắm mới được sanh về, chứ không phải do làm phước mà được sanh về. Làm phước thì sanh về cõi trời Tứ Thiên Vương hoặc cõi trời Đế Thích là

cùng. Có lần Hòa thượng bị đánh ngất và Ngài đi đến cõi trời Đâu Suất. Hòa thượng đích thân gặp Bồ Tát Di Lặc, nghe một thời Pháp và có chiếc ghế dành cho Hòa thượng sẵn trên đó.

Trong lịch sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước khi Đức Phật xuống cõi Ta Bà thọ thân là một vị thái tử thì Ngài cũng từ cung trời Đâu Suất. Cung trời Đâu Suất là nơi tất cả các vị đại Bồ Tát hội tụ. Nhiều vị Thiền sư nhập định đến cung trời Đâu Suất rồi trở lại. Như ngài Ngưỡng Sơn có lần nằm mộng thấy về cõi trời Đâu Suất và được Bồ Tát Di Lặc để dành cho một ghế để Ngài thuyết "Pháp Không Hai".

Cõi Quang Âm Thiên hào quang sáng rỡ thì phải định rất sâu mới được về. Nếu chúng ta chứng được Sơ thiền, Nhị thiền có thể về cõi khá khá, còn Tam thiền và Tứ thiền thì về cõi cao hơn. Định càng sâu về các cõi càng cao mà chúng ta tạm gọi là cõi trời. Ở cõi trời muốn mặc áo gì tự động áo dính thân mình liền không cần phải may, muốn ăn thì có bát báu hiện ra liền vừa với phước của mình. Còn cõi Ta Bà, người nghèo lâu lâu có tiền chúng ta có thể đến ăn uống ở nhà hàng sang trọng nhưng lên cõi trời không được chuyện đó. Tới bữa ăn bát báu hiện đúng với phước của mình, chứ không thể xài hơn phước mình.

Nếu bố thí đồ cũ thì cũng có phước để sanh thiên nhưng ở vùng biên địa, ở nhà bình thường, đồ mặc không tốt, ăn thực phẩm không tốt. Hoặc hai người đồng cúng cho Chùa một số tiền ngang nhau, nhưng lúc đó hai người hai tâm khác nhau thì đồng sanh về cõi trời nhưng hưởng hai phước báo khác nhau. Khi làm phước, tu phước chúng ta phải biết hướng tâm thực sự tốt, thương người ta thực sự và chia sẻ cái gì mình quý trọng, đừng bao giờ cho cái mà

mình không cần thiết nữa. Vì sau này mình sẽ hưởng đồ không cần thiết ở cõi khác. Chúng ta cho mà không mang tình cảm thương yêu thì mình sẽ ở cõi phước báo lạnh lẽo một chút và không ai quan tâm tới mình.

Hoặc Chùa mở khóa tu Phật thất, người nào tâm tương ưng mới thích tới. Cũng có một số người cũng muốn tu Phật thất nhưng không thích ở đây mà thích chỗ khác, gọi là kiếm cõi giới khác. Cũng như, tùy theo ngành nghề nếu chúng ta giỏi về ngân hàng thì xin vào ngân hàng làm, giỏi điện tử thì xin vào làm điện tử, giỏi cơ khí thì xin vào làm cơ khí, giỏi về y thì xin vào làm bệnh viện. Trong lúc làm bác sĩ chúng ta sở hữu một số kiến thức về y khoa, trong lúc làm ngân hàng chúng ta sở hữu một số kiến thức về tính toán tiền bạc.

Tâm chúng ta tràn đầy thiện lành, phước thiện, phước báo thì chúng ta ở cõi tràn đầy phước thiện phước báo. Tâm tràn đầy tình thương thì chúng ta ở cõi tràn đầy tình thương yêu của chư Phật và chư Bồ Tát. Tâm tràn đầy ác nghiệp thì chúng ta sẽ ở cõi đúng với tâm tràn đầy ác nghiệp của mình, đó gọi là do nghiệp mà sanh tử.

Nếu mình tu không giỏi nhưng mình gạt bỏ hết ác tâm thì chắc chắn không thể đọa ba con đường ác. Mình không bao giờ hại người, không nói lời làm khổ người, không làm cho ai phiền hận, không bao giờ có mống niệm nhỏ nào làm hại người khác, bao nhiêu đó đủ để sanh cõi lành rồi, chưa nói tới chuyện khác. Còn bây giờ mình vẫn tu tập, nhưng buông ra vẫn nói sóc óc người ta để họ phải khổ vì mình, hoặc mình làm những hành động nào đó để mai kia mốt nọ họ phải bị sụp đổ, trong lòng mình có chút nghĩ tưởng họ phải bị cái gì đó, thì dù chúng ta có lễ Phật, có sám hối cỡ nào cõi ác vẫn mở cửa cho chúng ta.

Do tâm tưởng của mình mà đi tất cả các cõi chứ không phải ai phạt mình phải xuống cõi xấu. Muốn sanh về Cực Lạc thì tâm chúng ta phải tương ưng cảnh giới Cực Lạc. Cực Lạc là cảnh giới không còn mống khởi khổ đau nào nơi tâm thức thì mới sanh về cõi Cực Lạc. Trong Kinh Di Đà, Đức Phật nói: *"Cách đây mười muôn cõi ức Phật có cảnh giới Cực Lạc, nơi đó Đức Phật A Di Đà hiện đang nói Pháp".* Tức là khi vượt qua "Mười tập nhân đau khổ" nơi tâm thì mới thực sự Cực Lạc, mới khế ứng cảnh giới Di Đà.

Chúng ta muốn sanh về cõi nào thì tự xét coi mình đủ điều kiện không? Sanh tử luân hồi tùy tâm tưởng của mình mà tạo nghiệp sai khác, do đó bị luân chuyển sai khác với nhau. Ví dụ, ở đây có hai huynh đệ rất thương nhau, phát nguyện đời đời kiếp kiếp sanh ra được gặp Phật pháp để dìu dẫn nhau tu cho tới khi thành Phật. Nhưng khó gặp nhau vì hai người công phu sai biệt, hai tầng tâm thức lệch nhau, chỉ cần lệch một chút nhỏ thôi là khó kiếm nhau ở đời sau.

Ngài Ngộ Đạt quốc sư đời trước là Viên Áng. Viên Áng tâu vua giết Triệu Thố nên bị Triệu Thố hận cho tới mức độ muốn theo giết Viên Áng mà theo đuổi tới mười đời mới có thể gặp nhau. Như vậy ác nghiệp muốn theo lại càng khó, còn thiện nghiệp thì có thể chông chênh nhau một chút. Chúng ta mỗi người một đẳng cấp tâm linh sai biệt nhau, dù mảy tơ thôi là có một cảnh giới của mảy tơ đó nên không thể gặp nhau được.

Những tấm kính chồng nhau, mặc dù thấy nó khít khao nhưng vẫn riêng từng tấm một. Cõi giới sanh tử của chúng ta cũng vậy, như rà đài radio đúng tần số nào thì đài đó phát. Sau khi bỏ thân mạng này tâm thức mình rà đúng

tần số đó để đi vào cõi giới đó. Giống như chúng ta bị một lực hút theo tần sóng dao động tâm thức của mình. Tâm chúng ta côn đồ thì chúng ta sẽ gặp một vùng toàn xử lý kiểu giang hồ. Người gây đau khổ cho người khác thì có cõi gọi là địa ngục, xuống đó toàn là đâm chém, là giết, là cưa, là cắt, là nhúng dầu sôi.

Nếu tâm hiền thiện thì chúng ta đủ sức sanh cõi toàn chuyện tốt lành. Dù chúng ta tu dở nhưng đừng bao giờ làm hại người khác, đừng bao giờ làm đau khổ người khác, đừng bao giờ nói cho người khác đau khổ vì mình. Tức là không tạo oán hờn, tâm tham dục ít, keo kiệt bủn xỉn không có, không tạo quả báo ác thì ba đường ác tự động đóng bít. Đóng bít cửa ác là do chúng ta đóng bít cửa tâm mình lại thì chắc chắn là không bị đọa đày. Điều này cũng dễ tu chứ không khó.

Tâm chúng ta ít dục vọng thì không sanh về cõi súc sanh. Bởi vậy người ta nói tu Phật là tu tâm, đúng chứ không sai. Chúng ta biết xóa, biết dừng lại, biết hóa tán những ác tâm nơi lòng mình thì con đường sanh tử sắp tới chúng ta yên tâm. Dù không chắc mình về Tây Phương, không chắc mình về cõi trời nhưng mình dám chắc là mình không về ba con đường ác. Nếu mình còn đầy dẫy ác tâm thì dù có cầu khẩn van xin cỡ nào cũng khó có thể lên cao hơn được.

VĂN KINH

Này Long Vương! Ngươi có thấy trong hội này và trong biển cả, hình sắc chủng loại mỗi loài khác nhau không? Tất cả như thế đều do tâm, tạo nghiệp thiện hay bất thiện nơi thân, nơi khẩu, nơi ý mà ra.

Đức Phật giới thiệu với Long Vương ngay trong chúng hội Đức Phật thuyết Pháp có tôm, cua, cá, ếch, nhái,

ễnh ương đủ hết, có hình sắc rõ ràng không giống nhau. Đó là do tâm tưởng không giống nhau. Cả thế giới này mấy tỷ người không có mặt ai giống mặt ai, rõ ràng là do tâm họ không giống nhau.

Như hai chị em sinh đôi giống nhau chín mươi chín phần trăm, vẫn còn một phần trăm khác. Cho nên lớn lên hai người có hai sở thích khác nhau. Nếu có giống nhau trên mặt thì thân cũng không giống nhau, vẫn có gì sai biệt, không ai giống ai một trăm phần trăm, tìm một người hoàn toàn giống nhau không thể có. Dù là huynh đệ tu chung một Chùa, học cùng một Thầy, học cùng một bài Pháp, tu đúng giờ với nhau, ăn cùng một bữa cơm nhưng hoàn toàn chẳng có gì giống nhau. Thế rồi công việc hai người ra đời lại khác nhau tiếp tục.

Trong chúng ta có người phước báo rất nhiều, nhưng có người thì hết sức khổ đau khi sanh ra cuộc đời này. Đó là do những thành quả tạo tác trong những đời kiếp trước. Tất cả những gì mình đang sở hữu, đang dùng xài, đang thọ hưởng là những thành quả mà mình đã gây tạo từ trước đến giờ. Do đó mà thân tướng hình sắc chúng ta khác nhau khi ra đời. Chúng ta đừng đổ thừa vận số xấu, trời đày, hoặc do xui rủi, cũng không nên buồn tạo hóa sanh ra mình tại sao xấu quá. Vì đó là chuyện mình đã làm cho nên bây giờ mình mang hình sắc này, mang nghiệp tập này ra đời. Đó là điều mình phải biết về mình.

Đức Phật nói ở Long Cung, tôm nó có phước báo khác loài tép, loài cá lớn có phước báo khác với loài cá nhỏ. Cá nhỏ luôn luôn sống chui rúc chạy trốn, giữ mạng sống được một ngày là hết sức quý. Những loài nhỏ luôn luôn bị loài lớn ăn thịt, cá lớn luôn luôn ăn nuốt cá bé. Cõi người chúng ta cũng vậy, đôi khi người có thế lực luôn ăn hiếp

bóc lột người không có quyền thế. Có người gần như đem cả đời mình phụng sự người khác, cũng có khi chúng ta trách người kia sao ác quá, người này thấy tội quá, nhưng không phải, không có nghiệp lấy đâu người ta đày đọa mình. Nhiều lúc nhìn ở hiện đời chúng ta than phiền trách móc nhau, nhưng nếu nhìn nhân quả ở những đời kiếp trước nữa thì biết đâu ông này đời trước còn ác hơn ông bây giờ, nên bây giờ họ quay lại để trả nghiệp.

Khi học về nhân quả nghiệp báo mà chúng ta có chút quán xét thì gần như chứng thực những lời Đức Phật nói qua đời sống hiện tại. Một ngày thôi, mình gặp không biết bao nhiêu người, mỗi một người hiện một nghiệp, nói lên cái nghiệp mà họ đã huân tập và cũng nói tương lai mà họ sanh sắp tới. Rõ ràng do tâm tưởng tạo thành hành động nên sẽ bị sanh các cõi.

Có lần Hoàng hậu Mạc Lợi thưa thỉnh Đức Phật: *"Thưa đức Thế Tôn, con người sanh ra vì sao có sắc đẹp, sắc xấu, hình thù khác nhau, phước báo khác nhau?"* Đức Phật cũng nói rất nhiều về nhân quả nghiệp báo, trong đó Đức Phật nói hình sắc đẹp xấu là do tâm nhiều sân hận hay ít sân hận. Mỗi lần mình nổi sân mặt mình đỏ, hình sắc bắt đầu xấu liền, nó sẽ tạo ra một nghiệp để mang hình đó đi vào đời sau. Người có sắc đẹp người ta nhìn vào là thương mến và trọng nể. Giống như loài hoa đẹp thì chúng ta cứ để đó ngắm, nhưng có những loài hoa người ta nhìn thấy thì muốn ngắt để chơi trên tay của họ, hoặc có ý muốn thâu tóm, muốn dành người đó về bên mình. Do nguyên nhân nào?

Có hai dạng: Đẹp ở đức hạnh và đẹp ở trau chuốt. Nếu chúng ta đi dâng hoa cúng Phật để mong rằng đời sau mình đẹp, thì đời sau có cái đẹp đó để cho người ta ngắm

nhìn và thưởng thức, nhưng nhiều khi chính cái đẹp đó gây thêm phiền phức cho mình. Còn cái đẹp đức hạnh thì do công phu tu hành khiến người ta ngắm nhìn quý trọng và thương mến. Cho nên đi Chùa dâng hoa cúng Phật rồi còn phải tu nữa thì cái đẹp của đức hạnh mới là cái đẹp của chiều sâu nội lực.

Các loài ở Long Cung cũng do tâm mà tạo nghiệp khác nhau, cho nên thành những chủng loại đẹp xấu khác nhau. Loài ở cõi đó nó nhìn thấy cái đẹp của nhau, như con cua nó sẽ thấy con cua này đẹp hơn con cua kia. Cái thưởng thức của từng chủng loại khác nhau, cõi người thấy hình người đẹp nhưng cõi cao hơn một chút họ lại chán thân phàm của mình.

Tùy công hạnh tu hành của mình mà chúng ta được sở hữu thân tướng khác nhau. Nếu tâm thức người đó thấp hơn cõi phàm thì họ sẽ sanh loài chúng sanh không đẹp. Nếu tâm cõi phàm mà chúng ta tu tập không tốt để rồi sân hận nhiều, bỏn xẻn nhiều, lẽo lự nhiều, sống không thật thì đời sau sanh ra gương mặt thể hiện nghiệp báo mà mình mang tới. Đến cấp bậc cao hơn, chứng quả cao chừng nào thì hình sắc đẹp và hào quang lại càng sáng rực chừng đó.

Ở cõi người, mặc dù người đó hình sắc không đẹp nhưng nếu họ có phước báo, làm được việc lợi ích cho nhiều người thì đi đâu họ cũng được sự đón chào, tiếp rước của đông người. Họ không quen gì với mình, họ cũng chẳng cho mình cái gì nhưng tự dưng gặp vị có phước báo mình cảm mến, là do hào quang họ chiếu tới, mình bị cuốn hút khiến mình phải ngắm nhìn.

Có người giúp đỡ người khác nhưng họ không có tâm tốt. Vì tham tâm hoặc tâm vì mình mà giúp thì khi ra đời họ cuốn theo một số lâu la, tuy không có Phật pháp nhưng

lại có phước vì giúp nhiều người. Có những đội ngũ, những tổ chức làm ác vẫn có quyến thuộc những người kia sẵn sàng hy sinh thân mạng để ông trùm của họ tiếp tục làm ác. Vì đời trước có khi người đó đã mua mạng người này, buộc đời này người này phải đi theo để trả cái mạng đó cho đủ trong nhân quả.

Nếu có phước lực lớn thì mình làm lợi lạc nhiều người. Nhưng nếu chúng ta sống không có năng lực, không có phước báo lớn, không có khả năng vật chất để giúp đỡ được nhiều người, hoặc giúp người nghèo khó, hoặc giúp người không hiền thiện thì đời sau sẽ có nhiều chúng ác hơn là chúng thiện. Ví dụ, một ông có tiền về quê làm một con đường cho nhiều người đi. Tất cả những người bước chân trên con đường đó đã thọ ơn ông đó. Nhưng vì ông đó không có tốt lành nên đời sau ít nhiều gì mình cũng tới đóng góp với ông đó trong việc làm ác của ông đó, để mình vướng một chút ác rồi lần lần chúng ta phải đi lầm đường lạc lối về sau.

Cho nên, người tu Phật phải có đầy đủ trí tuệ và phước báo. Có phước chúng ta mới có thể giúp đỡ, lôi cuốn những người xung quanh, những quyến thuộc quay về con đường thiện. Trần gian này cũng có thể biến con người ta từ ác thành thiện, ngược lại cũng biến người thiện thành người ác. Tâm chúng ta nếu không gìn giữ khéo léo để mình sân hận, hoặc mình tu tập dở một chút. Hoặc chúng ta sống không tốt thì dễ bị lôi cuốn, không đứng vững. Hoặc mình đang đẹp nhưng lỡ gặp chuyện gì mình hung hãn, giận hờn, ganh tỵ, khởi chút ác nghiệp là bắt đầu tỷ lệ phần trăm cái đẹp giảm xuống.

Chúng ta nên khéo tu giữ tâm mình cho tròn đẹp thì hy vọng đời sau mình ra đời mới được đẹp. Còn tâm mình

hay méo mó, lẽo lự thì chắc chắn đời sau mặt mình không đẹp. Kèm theo hình sắc không đẹp, tướng nghiêng nghiêng lệch lệch nữa vì mình không làm chuyện gì ngay thẳng hết. Thân tướng chúng ta thể hiện nghiệp của chính mình.

VĂN KINH

Tâm không hình sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt, chỉ do các pháp hư vọng hợp lại mà khởi hiện, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở. Tuy mỗi loài theo nghiệp hiện ra không đồng, mà thật trong ấy không có tác giả, nên tất cả pháp tự tính như huyễn, không thể nghĩ bàn. Người trí biết như thế, nên tu thiện nghiệp, nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới … đều được đoan chánh, người nhìn không chán.

Rõ ràng tâm không có hình sắc và không thể thấy bằng mắt phàm mà phải thấy bằng trí của mình. Không tu thì không biết tâm là cái gì, có tu mới nhận ra mình nghĩ thiện hoặc nghĩ ác, có tu sẽ thấy hình sắc của tâm.

"Tâm không thể nắm bắt". Phải chi nó là cái gì mình có thể chỉnh sửa, như chiếc xe mình không thích nó đi đường xấu thì mình bẻ nó đi đường tốt. Còn đằng này tâm mình không thể nắm bắt nó được. Người tu nếu nắm bắt được tâm thì chuyện chứng quả với mình rất dễ.

Như câu chuyện của Sa di Hiền Trí mới bảy tuổi mà chứng quả A La Hán. Ngài sanh trong gia đình giàu có và được xuất gia với ngài Xá Lợi Phất. Nhân khi Ngài xuất gia, gia đình đến tinh xá cúng dường liên tiếp bảy ngày. Sáng ngày thứ tám thì Tôn giả Xá Lợi Phất dẫn Ngài đi khất thực, Sa di Hiền Trí nhìn thấy người vét mương dẫn nước vào ruộng, mới hỏi Thầy: *"Họ làm gì vậy?"* Ngài Xá Lợi Phất đáp: *"Vét mương để dẫn nước vào ruộng."* Sa di Hiền Trí nghĩ: *"Nước là vật vô tri vô giác không hiểu biết mà*

con người còn có thể hướng dẫn để sử dụng theo ý mình một cách có lợi ích, còn mình là con người có tâm, có tri giác, có hiểu biết, vậy thì tại sao mình không thể hướng dẫn tâm mình đi theo con đường dẫn đến A La Hán".

Đi một đoạn nữa, thấy người chuốt tên đang uốn những cây tên cho thẳng, chú cũng hỏi Thầy. Thầy chú nói người ta uốn gỗ chuốt thành những cây tên để bắn. Sa di Hiền Trí lại nghĩ: *"Những cây tên đó cũng là những vật vô tri không lý trí mà người ta còn có thể uốn nắn khiến nó thẳng theo ý của mình; còn mình là con người có lý trí, có hiểu biết thì tại sao không thể uốn nắn tâm mình cho nó được ngay thẳng đúng đắn để đi đến con đường Niết bàn."*

Rồi đi một đoạn nữa, thấy một người đang đẽo thanh gỗ làm bánh xe, chú cũng hỏi Thầy, Thầy nói đó là người ta đang đẽo những thanh gỗ làm bánh xe để sử dụng vận chuyển, chú cũng nghĩ: *"Gỗ là vật vô tri vô giác mà người ta cũng có thể đẽo nó để làm thành cái bánh xe sử dụng theo ý mình, còn ta đây là người có tri giác, có hiểu biết thì tại sao không có thể đẽo gọt những điều xấu xa hư dối trong tâm để tâm ý trở thành lợi ích chân thật trên con đường giải thoát."*

Nghĩ đến đó rồi, Sa di Hiền Trí xin phép Thầy cho chú trở về trước, không đi khất thực nữa. Chú quyết tâm về để thiền quán cho ra vấn đề này, phải thấu suốt để đạt đến con đường giải thoát Niết bàn.

Ngày đó, chú giao bình bát cho Sư phụ mang đi, Sa di Hiền Trí trở về ngồi thiền dưới một gốc cây. Tới ngọ mà Ngài chưa chứng quả A La Hán, cho nên Chư Thiên phải giữ bóng cây lại đừng cho nắng chiều chiếu ngược qua Ngài. Sa di Hiền Trí tu cho tới hai giờ chiều chứng quả A La Hán. Khi Ngài xả định ra là mặt trời đã nghiêng tới ba

giờ. Lúc Ngài ở trong định thì Chư Thiên vẫn giữ giống như là đang đúng ngọ. Ngài quyết tâm tu đúng ngọ thì Chư Thiên vẫn phải giữ chuyện Ngài tu cho đúng ngọ chứ không cho trễ. Chúng ta thấy phước báo của Ngài, mới bảy tuổi thôi, Ngài uốn tâm mình được, nắm bắt được tâm mình, còn chúng ta chưa tu thì không thể nào làm chủ tâm mình được.

Hoặc ngài Sivali có phước báo rất lớn bởi nhiều đời cúng dường chư Tăng. Lúc Ngài xuất hiện trong chúng Tăng lần đầu tiên thôi, là người ta cúng dường một ngàn hai trăm năm mươi lá y cho chúng Tăng Tỳ kheo. Ngài mới xuất gia đi tới đâu là được cúng dường đầy đủ tới đó. Ví dụ, chúng Tăng Đức Phật bữa đó chia làm ba nhóm khất thực thì nhóm nào có Ngài là người ta cúng đầy đủ, còn nhóm khác thì cúng ít. Cho đến ngay thời điểm mùa màng thất thu ngài Sivali vẫn được người ta cúng cơm trắng để ăn. Phước báo của Ngài đến mức độ như vậy.

Tâm chúng ta muốn dừng lại một chút nhưng chúng ta không dừng được, cho nên tâm chúng ta khó nắm bắt. Nếu chúng ta không có công lực tu hành tốt thì không thể làm chủ được tâm. Nó luôn dẫn khởi để dẫn mình đi. Ví dụ, mình vừa ngồi thiền năm phút là có chuyện phải đi, hoặc mới vừa niệm Nam Mô A Di Đà Phật được vài phút, là đằng sau bếp con mèo phóng bể tô bể dĩa khiến mình phải đứng dậy đi sắp xếp. Mới vừa ngồi thiền nghe bà kia nói lén mình là đứng dậy cự cho một trận xong quay lại tu tiếp. Ít khi nào mình làm chủ được một tiếng đồng hồ để làm một chuyện liên tục.

Người nào tu tập theo đạo Phật mà dụng công liên tục một tiếng đồng hồ miên mật thì khả năng chứng quả có thể xảy ra nhưng rất hiếm. Mình nghiệm lại coi tu một tuần Phật thất, nhưng mấy lần mình miên mật công phu? Như

mình ngồi một phút niệm Phật là một phút niệm công chuyện hôm qua, vì ít niệm Phật niêm mật cho nên mình không giữ tâm mình được một chỗ. Người không thể giữ tâm được thì không thành tựu công phu tu hành của mình, cũng như không làm được những việc mình mong muốn giữa đời này.

Tâm chỉ do các pháp hư vọng hợp lại mà khởi hiện. Ví dụ, mình chưa từng thấy cảnh đẹp của nước Ấn Độ ở đâu, chưa từng nghe ai nói tiếng Ấn Độ, chưa từng đi tới đó thì mình có nghĩ tưởng tới cũng không thể được. Hoặc mắt mình thấy cái gì đó thì nó đã hình thành một hình bóng trong tâm mình, tai mình nghe một điều gì đó thì nó liền hình thành một ý niệm trong tâm mình. Sau đó về nhà nhớ lại, thì một là chúng ta nhớ hình bóng mình đã thấy, hai là chúng ta nhớ âm thanh mình đã nghe. Thấy hình sắc này đẹp thì đẹp ở đâu, đẹp cái gì, gặp nó lúc nào, bây giờ gặp lại thì thấy thích. Hoặc mình nghe bản nhạc thì bản nhạc đó là bản mình ưa thích, vừa nghe âm thanh, vừa kết thêm một số nghiệp tập trong tâm mình thành một chuỗi.

Theo Duy Thức Học, một sự việc gì qua mắt qua tai của mình là nó bắt đầu huân thành chủng tử, gặp đủ duyên nó khởi thành hiện hạnh. Chủng tử đó nằm ở đâu không biết, cho tới mười năm hay hai mươi năm sau, tự nhiên nghe lại một bản nhạc mà ngày xưa mình thích thì bao nhiêu háo hức lại khởi ra khiến mình múa nhảy. Đủ duyên nó khởi thành hiện hạnh, rồi tiếp tục huân thành chủng tử sâu hơn, do đó mà sanh tử chúng ta khó cắt dứt. Mỗi lần thấy là mỗi lần huân thành chủng tử và mỗi lần huân thành chủng tử nó khởi hiện hạnh, để rồi chủng tử được sanh sôi nảy nở dày hơn.

"Do các pháp hư vọng hợp lại mà khởi hiện". Khi

căn tiếp xúc với trần, rồi thức phân biệt bắt đầu huân thành chủng tử tạo thành tâm buồn thương giận ghét. Như vậy lúc nào lục căn còn hoạt động mà chúng ta tu không tốt thì liền thành chủng tử.

Ví dụ, hai người đi Chùa mỗi ngày mỗi gặp nhau chưa nói câu nào, tới thời tụng Kinh cũng gặp, tu Phật thất cũng gặp, lần lần có tình cảm, thấy mến vì bà này tu tinh tấn. Đôi lúc cũng bực bà đó ngầm ngầm, vì thấy kiểu ngồi của bà đó mình không ưa, đi cái tướng thấy ghét, rồi thôi bỏ qua. Nhưng tới hồi đụng chuyện hai người gặp nhau thì bao nhiêu ý niệm thương ghét trào ra, để rồi nói lời thân thiện với nhau hoặc là cự cãi nhau. Vì mình đâu làm chủ được mình, đâu thấy hết nó.

Người khéo tu là từ chỗ mống khởi xúc duyên ban đầu phải thấy ra cái xúc duyên đó sanh ra tâm gì, nó đang thương hay đang ghét, đang thiện hay đang ác chúng ta phải thấy rõ và nhận diện cho ra. Đôi lúc gặp người nào đó mình đã mống khởi tình cảm mà không hay, tới hồi vắng người đó thấy trống trải là quá đậm rồi, khó gỡ, tới lúc đau khổ khi đó mình mới hay.

Trong nhà Phật có câu: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Không phải tự nhiên gặp người đó mà thương ghét được, nó cũng đã huân tập từ từ. Những chủng tử gieo trồng trong tâm mình nảy nở, mình gặp người đó đẹp có một nhưng về mình tưởng tới một ngàn, nó nảy mầm, trổ hoa trổ trái trong lòng mình. Hoặc bực người đó thì mình suy nghĩ một buổi, bà đó nhìn mặt là không ưa để lần sau gặp phải nói bà này một câu cho hả giận nó mới thành chuyện lớn. Chứ nếu vừa thấy tâm mình khởi thương ghét người ta là mình thấy ra cái lỗi thương ghét đó thì tự động nó mất.

Muốn biết các pháp hư vọng thì mình đừng gom

thành chuyện, chúng ta phải khéo tu, phải hết sức tinh tế. Người tu nếu không đủ tỉnh giác khi đối duyên xúc cảnh, chúng ta cứ tiếp tục huân hoài những chủng tử thiện ác. Thiện cũng có nhưng ác cũng không ít, lẫn lộn nghiệp thiện nghiệp ác, từng sát na một trong đời sống này chúng ta cứ huân hoài. Đây là điều khiến cho chúng ta khó thoát khỏi dòng sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta tu tốt thì mỗi lần chạm duyên xúc cảnh là mỗi lần nó tự rơi rụng, tự xóa đi thì nó không thành chủng tử nghiệp thức của mình nữa.

"Rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở". Tâm mình không phải cái gì tồn tại cố định, cũng không có cái gì thuộc sở hữu của nó. Nó không có hình tướng, mắt không thể thấy, không thể nắm bắt được. Rõ ràng tâm mình không có ngã và ngã sở, nó đâu làm chủ được cái gì, mình muốn nghĩ thiện nhưng mới nghĩ được một chút là nó nghĩ ác. Nó không cố định theo một chiều, từng ý niệm xảy ra nơi đầu chúng ta nó tự tắt mất chứ nó không còn hoài. Thành ra nói ngã sở thì nó cũng không có, mà nó cũng không là chủ thể thật sự. Nó duyên với pháp trần mà hiện khởi, còn không duyên với cái gì thì nó không có chỗ để hiện khởi là nó tắt mất.

Một người dụng công tốt thì trong đi đứng nằm ngồi, cả một ngày họ thấy nghe tất cả mà tâm họ hoàn toàn không bị vướng lại. Đêm đó họ ngồi tu không có vọng niệm và không cần tẩy xóa vọng niệm. Ngồi lại là thấy mình trống, không có ý niệm gì. Nhưng không phải là trống không đâu, thực sự thì ngày hôm nay mình không có ý niệm nhưng mấy ngày trước mình đã có, mấy năm trước mình đã huân tập, mấy đời trước mình đã huân tập cho nên đã thành chủng tử đầy ắp. Vì vậy muốn đạt tới cảnh giới vô ngã thực sự thì chúng ta phải có giai đoạn rất dày công phu, để tất cả

những tâm thức không còn khả năng làm loạn mình nữa mới đạt tới cảnh giới vô ngã thực sự.

Ở đây Đức Phật khẳng định tâm không phải chủ thể, không cố định, nó là loại duyên hợp tạm có, chợt khởi chợt mất. Ví dụ, ngồi tại đây mình thấy ý niệm hết sức tốt nhưng có ai giữ lại được không? Không được! Chúng ta thấy nó quá nhiều ở trong đầu mình, ngồi lại là nó khởi lung tung, mình muốn cho nó đừng nghĩ cũng không được. Hoặc lâu lâu có cái mình rất thích nhưng muốn giữ lại cũng giữ không được, đó mới gọi là không có "ngã" và "ngã sở".

Tất cả những ý niệm là huyễn, là vọng, là cái gì không thật sự có, nó chỉ là ảnh hiện, như một bóng chớp mà thôi. Đã vọng thì biết rõ ràng nó không thật nhưng mình lại thấy nó thật. Nhớ ai mình thấy mình nhớ thiệt, giận ai mình giận thiệt, thương ai mình thương thiệt. Do vậy nên mình mới khổ trong đời này, chứ nếu mình thấy tất cả các tâm là huyễn, là giả hợp, là vọng thì mình không bị khổ với những tâm này.

Chúng ta sở dĩ phải khóc, phải cười trong trần gian này là do chúng ta vẫn còn thấy tâm mình là thiệt. Nhưng nếu nhìn kỹ lại hoàn toàn không có cái gì thiệt ở đây. Ngồi thử một tiếng đồng hồ quý vị chiêm nghiệm nhìn tâm mình giờ này nó nghĩ thế này, chút nữa nó nghĩ khác. Từng sát na một nó luôn khác, luôn đổi mới, không ai có thể kìm giữ nó lại được thì rõ ràng là nó không thật. Một vật chất nào đó mình có thể cầm nắm được, nhưng tâm mình không thể cầm nắm, không thể gìn giữ lại được thì rõ ràng nó không thật.

Khi chúng ta thấy được tất cả những mống khởi nơi đầu nó chợt có, chợt mất liên tục thì chúng ta sẽ nhận thêm điều sâu bên sau của nó. Tâm này là cái gì hư rỗng không

thật, để rồi nó có kiểu thương, có kiểu buồn, có kiểu giận gì đó thì mình vẫn là mình, là người đó có công phu khá. Tức là mình không bị động bởi cái buồn thương giận ghét nơi tâm này nữa, nhưng mình vẫn thấy rõ từng ý niệm xảy ra nơi đầu của mình. Lúc đó là chúng ta công phu tốt và tự làm chủ được mình.

Ví dụ, trong tâm cứ khởi chuyện này, khởi chuyện kia mà mình vẫn giữ vững câu niệm Phật, không bao giờ bị lay động, như vậy chúng ta tu đã khá hơn. Nếu bây giờ nó khởi thiện, khởi ác, khởi buồn, khởi thương, khởi giận, khởi ghét mình vẫn còn bị mấy cái này làm loạn mình hoài, làm mình không công phu được, mình nghĩ do duyên cảnh quấy phá, nhưng thực sự do mình chưa thấy đúng hết vấn đề.

Người tu cố gắng thấy tới sự thật của tâm mình, thấy tất cả những hiện khởi nơi tâm đều không thật. Nó là cái gì hết sức huyễn ảo mà chúng ta nắm giữ lại không được. Nắm giữ lại không được thì chúng ta hoàn toàn không còn vướng mắc với nó. Và thấy xa hơn nữa cũng ngay tâm thôi, mình có thể đạt được giác ngộ giải thoát.

Bước thứ hai, chúng ta thấy rõ ý niệm là sanh tử, còn sanh vọng niệm là còn tiếp tục đi vào sanh tử. Ý niệm thiện, niệm ác đều bị mình thấy rõ, mình vẫn yên nơi đó không bị động với thiện ác thì người đó làm chủ được sanh tử trong đời này, làm chủ được thiện, làm chủ được ác thì người đó tự tại được trong dòng sanh tử.

Tâm không dừng trụ nó liên tục xảy ra và biến mất, không phải do chúng ta dụng công trừ khử. Ví dụ, từ sáng tới giờ chúng ta nghĩ rất nhiều chuyện, có những chuyện mình bừng tỉnh, mình thấy là nó khởi nghĩ rồi dẹp trừ. Nhưng cũng có quá nhiều chuyện trong đầu mình cũng vui cười, nói chuyện với bạn bè mình cũng quên tu, quên công

phu, nhưng bây giờ nhìn lại thấy rõ những ý niệm đó hoàn toàn không còn.

Chính chỗ này mà ngài Huệ Khả (Thần Quang) ngộ đạo. Thần Quang là một võ tướng xuất gia đi tu. Thần Quang luôn nằm mộng thấy mình giết người, cứ nhắm mắt lại là thấy cảnh chém giết. Ngài rất khó chịu, trong khi Ngài quyết tu nhưng nghiệp ác cứ hiện hoài không chịu nổi. Cuối cùng Ngài từ giã Thầy mình để đi cầu đạo. Đến khi gặp Tổ Bồ Đề Đạt Ma đang ngồi nhìn vách nhiều năm rồi không quay mặt lại. Thần Quang đứng trước cửa động nhìn ngài Bồ Đề Đạt Ma suốt cả đêm mà Tổ không quay lại nhìn. Thần Quang đứng một đêm tuyết rơi tới đầu gối rất lạnh, sáng Tổ mới quay lại hỏi: *"Ngươi vì cái gì mà chịu khó chịu thương như thế?"* Thần Quang bắt đầu rưng rưng nước mắt mừng vì được Thầy quan tâm tới mình và cũng mừng vì sẽ được học đạo lý với vị này: *"Thưa Ngài, con tới đây vì đạo lý"*. Bồ Đề Đạt Ma nói một câu khích Thần Quang: *"Người xưa vì Phật pháp có thể bỏ thân mạng, ngươi dụng có một chút công phu đó mà xứng đáng học Phật pháp sao?"* Thần Quang thấy mình đứng một đêm chôn chân trong tuyết mà Bồ Đề Đạt Ma còn thấy là có tí xíu công phu không xứng đáng học đạo, cho nên chạy vô nhà bếp của Chùa mượn con dao chặt cánh tay dâng lên Tổ làm quà cầu Pháp ban đầu. Tổ Bồ Đề Đạt Ma gật đầu chấp nhận.

Câu đầu tiên Tổ hỏi: *"Người đến đây cầu việc gì?"* Thần Quang thưa: *"Thưa Ngài, con tới đây cầu Pháp. Tâm con không an"*. Tổ trừng mắt nhìn thẳng Thần Quang: *"Tâm ngươi đâu đem ra cho Ta coi?"* Thần Quang quay lại nhìn, không có gì hết, nhìn hoài tìm hoài: *"Thưa Ngài, con tìm tâm không được"*. Tổ thấy tới rồi, đẩy thêm một cái nữa: *"Ta đã an tâm cho ngươi rồi"*. Khi đó Thần Quang

ngộ đạo, trở thành vị Tổ thứ hai là Huệ Khả.

Tâm này nếu chúng ta khéo nhìn lại, thấy hoàn toàn tan biến hết tất cả những ý niệm trong đầu, thì lúc đó chúng ta sẽ có con đường vào giống như ngài Huệ Khả. Một lần chúng ta thấy tâm này rỗng, vô ngã, là không, là huyễn giả thật sự thì tự động chúng ta không còn bị tâm khuấy nhiễu nữa. Tức là chúng ta có con đường an tâm thực sự như chư Tổ ngày xưa. Như vậy chúng ta sẽ bước một bước rất dài, rất sâu trong Phật pháp. Từ đó về sau dù như thế nào giữa dòng đời này chúng ta không thấy khổ và vẫn bình an được.

Khi chúng ta hay biết được cái huyễn giả thì chúng ta sẽ nhận biết được "con người đang thấy biết" huyễn giả này là cái thật. Người nhận biết được sự thật này một phen thì người đó đối với đạo tạm gọi là ngộ đạo. Đức Phật nói dù tâm mình không hình sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt được do cái hư vọng hòa hợp. Chỗ đó thực sự là vô ngã và không có ngã sở. Nếu ai nhận được chỗ không có ngã và ngã sở thì người đó sẽ nhận được đạo lý và tự tại sanh tử.

"Tuy mỗi loài theo nghiệp hiện ra không đồng". Tất cả chúng ta khi có mặt trên cõi đời này là kết quả của nghiệp mà chúng ta đã huân tập trong nhiều đời nhiều kiếp, cho nên Đức Phật nói mỗi người theo mỗi nghiệp hiện ra không đồng. Chúng ta cùng ngồi trong đạo tràng, sinh hoạt cùng một ý hướng là tu tập giác ngộ giải thoát nhưng mỗi người ngồi một kiểu. Thấy in tuồng bên ngoài giống nhau nhưng tâm tư mỗi người đang hiện mỗi cảnh giới khác nhau, mỗi người một diện mạo khác nhau, không người nào giống người nào.

Thân xác này là hiện nghiệp của mình, là kết quả mà chúng ta đã gây tạo, đã huân tập gầy dựng trong những đời

kiếp trước. Không ai có nghiệp giống ai, do vậy mà đời này diện mạo chúng ta không giống người khác. Nếu mình muốn người khác giống mình thì phải sửa mặt, sửa dáng đi, sửa giọng cười, sửa tiếng nói, rồi bắt người ta suy nghĩ giống mình thì cuộc đời này mới có chuyện giống nhau. Vì chúng ta luôn hy vọng người khác giống mình, hoặc cha mẹ muốn con giống mình nhưng hoàn toàn không thể được. Nó sanh ra cái mặt không giống mình, vì nó hiện cái nghiệp ra nó nói với mình, mặt tôi với mặt ba không giống nhau.

Người càng hiểu biết Phật pháp chừng nào thì thấy rằng cả trần gian này tám tỷ người cũng không ai giống ai. Chưa bao giờ trên thế giới có người thực sự giống mình. Nên chúng ta đừng có ý tưởng độc quyền, muốn người dưới mình phải hoàn toàn giống mình. Chúng ta hiểu họ đã làm chuyện gì để hình thành thân này trong nhiều kiếp rồi, thì mới thông cảm với nghiệp sống của người bên cạnh mình, để mình tìm cái gì chung.

Tất cả mọi người đều nương tựa nhau để sống. Trong dòng đời này không ai tự một mình mà có thể sống được. Mặc dù chúng ta có nghiệp chướng riêng, tâm tư tình cảm mình không giống người bên cạnh, sở thích nhu cầu của mình cũng không giống người bên cạnh nhưng chúng ta vẫn có cái chung. Ví dụ, tới đạo tràng tất cả chúng ta đều có cái chung là muốn nghe để hiểu Chánh pháp. Trong cái chung đó nó có quy luật của nó, chúng ta chấp nhận nội quy chung theo sự điều hành của ban tổ chức.

Người biết sống thì bất kỳ môi trường nào chúng ta cũng có thể hòa nhập được, nhưng rồi cuối cùng mỗi người phải trở lại với nghiệp riêng của chính mình. Ở khóa tu mình thấy tâm được yên nhưng khi bước về nhà buông ra là tính toán việc làm ăn buôn bán hơn thua với xã hội. Do

vậy, việc tu tập của chúng ta không liên tục tiến bộ, tâm không liên tục thanh tịnh, do chúng ta không giữ được giềng mối tu tập của mình.

Cùng là bạn đồng tu đồng niệm Phật nhưng tâm chúng ta không đồng, vì lúc đó mỗi người nghĩ mỗi kiểu. Có người nhiếp tâm cố gắng niệm một tiếng cho trọn vẹn nhưng có người tâm lan man suy nghĩ. Nghiệp riêng chúng ta hiện khởi là gần như không lúc nào chúng ta có thể hoàn toàn hòa nhập vào cảnh giới nào, đây là điều khó. Trừ những người thật sự có công phu dày, khi đến môi trường nào thì họ khống chế tạm thời được nghiệp riêng của mình. Họ hòa nhập trong đó, sống trọn vẹn được một đoạn nào đó. Người đó đáng được khen ngợi vì đã giữ được tâm mình và khống chế được nghiệp của mình.

Nhìn xa về sanh tử luân hồi thì nghiệp hết sức quan trọng. Ngồi đây một trăm người là một trăm nghiệp. Chắc chắn sau khi bỏ thân mạng này chúng ta sẽ có một trăm tầng bậc, một trăm cảnh giới khác nhau. Đừng nghĩ ngồi chung đạo tràng, niệm Phật chung, tu chung, làm huynh đệ thì chết đi chung, điều đó không thể có. Mỗi dao động tâm thức của hai người chỉ cần lệch nhau chút là sanh cảnh giới khác rồi. Chúng ta ngồi lắng tâm được mười phút, huynh đệ lắng tâm chín phút thì hai người sanh hai cảnh giới khác nhau. Chỉ cần xê dịch nhau một giây thôi thì đẳng cấp tâm linh, hai tầng sóng dao động khác nhau và sẽ có hai tầng số khác nhau.

Trong không gian này sóng điện tràn ngập khắp không gian. Khi chúng ta bắt radio rà đúng tầng sóng Thành phố là bao nhiêu hezt thì chúng ta sẽ nghe được đài Thành phố, nhưng chúng ta chỉ cần xê dịch một chút là nó bắc sang đài Đồng Nai hoặc đài Bình Dương liền. Không gian chúng

ta tràn ngập sóng âm và cảnh giới sanh tử cũng tràn ngập cảnh giới. Chỉ cần chúng ta nhúc nhích tâm là sanh hai cảnh giới hoàn toàn khác nhau. Khi rời bỏ thân xác này thì đó là nghiệp tập riêng để chúng ta chọn lựa con đường đi sắp tới của mình. Khi chúng ta vọng chấp một điều không được tốt trong lòng mình mà mình phá vỡ được, tức là nó không còn tái hiện trong tâm mình nữa thì chúng ta tiến được một tầng tâm linh. Nói về nghiệp chúng ta phải tính toán từng chút như vậy.

Như nghiệp riêng của mình, hồi chưa tu ngồi một tiếng đồng hồ chúng ta khởi nghĩ mười điều ác, nhưng bây giờ tu tập tốt rồi ngồi một tiếng chỉ còn nghĩ chín điều, vậy là chúng ta tiến một bậc. Nhích một chút là một cảnh giới nhưng cảnh giới sau khi bỏ thân mạng này không đơn giản. Hai người có thương nhau hoặc thù nhau muốn kiếm gặp nhau đời sau cũng rất khó, vì lý do hai người đã khác dao động tâm thức rồi.

Thời cổ đại có vị vua yêu thương một thôn nữ. Khi người làng phát hiện cô có thai nên giết chết. Hết đời đó cô được sanh nhiều đời nhiều kiếp trong nhân gian. Còn vị vua kia sau đó trong cõi âm đi tìm người yêu của mình mãi đến ba ngàn năm mới gặp.

Sự phân cấp về nhân quả nghiệp báo ở cõi chúng ta không rõ ràng, nhưng qua cảnh giới khác nó rất rõ. Ví dụ, ở cõi Ta Bà, một người nghèo có thể ngồi ăn chung với người giàu được, có thể mượn tiền ăn một bữa tiệc ngon tại nhà hàng sang trọng được. Nhưng đối với cảnh giới khác thì phước chúng ta ngang chừng nào chỉ thọ hưởng ngang chừng đó, không thể thêm một chút xíu được. Ở đời này nhiều khi lẫn lộn, ngồi chung đây chúng ta không biết người giàu người nghèo, nhưng qua cảnh giới khác thứ bậc

phân cấp rất rõ ràng. Chỉ cần nhích nhau một chút phước báo thôi là người đó không thể ngồi chung, không thể sống chung, không thể ở chung. Cho nên chuyện sanh tử rất hệ trọng đối với nghiệp thiện và nghiệp ác.

Trong đời sống này phước nghiệp quan trọng vô cùng. Học Kinh Thập Thiện ý thức được điều này, chúng ta phải sống làm sao luôn có lợi cho người khác để tạo phước cho mình. Những người lớn tuổi không còn kịp làm cái gì nữa, ngoài việc làm phước thiện. Chúng ta phải phấn đấu hết sức để mình nghĩ điều gì cũng phải thiện, nói được lời nào cũng phải thiện, làm điều gì cũng phải thiện, để chuẩn bị cho đời kiếp tới thăng cấp cho chính mình.

Ví dụ, sống ở đời này chúng ta hưởng hết phước của mình, khi chết con cái đang thờ cúng trên bàn thờ mâm cao cỗ đầy, nhưng phước mình không thể hưởng mâm đó. Phước chúng ta chỉ ăn thừa trên mâm cúng đó thôi thì chúng ta chỉ hưởng phần thừa, còn người có phước hơn họ hưởng hết.

Sự sai biệt về nghiệp thức con người trong trần gian này hết sức phức tạp, khiến cho tất cả các máy tính không thể tính được. Chỉ có bậc hiểu biết đạo lý, mới nhận ra được sự sai biệt chi chít trong nghiệp tập của từng người. Nên họ rất sợ tạo nghiệp ác, rất sợ làm điều gì đó tổn phước lành của mình. Dù một suy nghĩ nhỏ họ cũng không dám, vì bất kỳ một động niệm nào trong tâm chúng ta đều kết nghiệp và nghiệp đó sẽ ảnh hưởng trong đời này đời sau. Do đó, khi ngồi một mình, chúng ta cũng đừng bao giờ nghĩ xấu. Một người biết làm phước thì từng sát na một trong trần gian này họ đều tạo phước. Còn người không biết làm phước thì từng sát na một họ đều tạo tội cho chính mình.

Người biết tu không phút giây nào họ không nghĩ tốt

cho mình và cho mọi người thì phút giây đó họ được tăng trưởng phước báo rất âm thầm vì đang tích tụ âm đức của mình. Người nào không biết tu chỉ tính toán chuyện có lợi cho mình, ai chết mặc ai, không quan tâm, mình phải làm ăn, mình khá hơn, mình lấn lướt hơn người khác. Đó là chúng ta tự đào thải phước báo hiện có của mình để mình tự lún sâu ở dòng sanh tử sắp tới, tức là đi xuống chứ không thể đi lên.

Rõ ràng chúng ta không còn kịp với thời gian nữa, vô thường nó đã báo hiệu rồi, chúng ta đã được gởi lá thư trắng trên đầu. Giai đoạn còn lại này, chúng ta cố gắng làm sao để từng phút giây sống trong hiện đời là từng phút giây phước báo chúng ta phải tăng. Đó là chúng ta tạo vốn cho mình, để khi bỏ thân xác này dứt khoát chúng ta sống ở cõi giới nào đó, ở cảnh giới nào đó, đời sống phải hơn bây giờ chứ đừng để nó tuột dốc thì rất uổng.

"Mà thật trong ấy không có tác giả". Ở đây Đức Phật nói nghiệp riêng của từng người không có người tạo tác thật, chỉ do duyên kết hợp lại mà thành. Ví dụ, có người bạn nói xấu mình mà mình nghe được, mình nổi tức lên nghĩ xấu lại là chúng ta tạo ác. Có một tác nhân nào đó khiến chúng ta phải nghĩ thiện, nghĩ ác chứ không có cố định là thiện là ác. Tức là không có tác giả luôn luôn sáng tác ra thiện hoặc luôn luôn sáng tác ra ác mà tất cả đều do sự tác duyên bên ngoài.

Nếu chúng ta có duyên lành gặp được môi trường tốt, đó là thắng duyên cho mình. Chúng ta phải tranh thủ làm thiện, nghĩ thiện, nói thiện thì sẽ nảy nở tâm lành cho mình. Nhưng khi rời khỏi đạo tràng chắc chắn chúng ta gặp điều bất như ý thì phải khéo tu giữ cho niệm ác đừng phát sanh, đừng vì mình mà làm tổn thương người khác để giảm

phước lành cho mình trong đời này. Gần như tất cả các việc thiện là chúng ta phải hy sinh, chịu khó mất mát cái gì của mình thì mới tạo được phước lành. Phải dốc công dốc sức của mình ra, phải tinh tấn, phải tỉnh táo thật sự thì mới phát hiện được những ý niệm ác xảy ra nơi lòng. Nếu mình không tu kỹ, việc ác luôn luôn hứng khởi thì rất khó dừng lại.

"Nên tất cả pháp tự tánh như huyễn, không thể nghĩ bàn". Đức Phật đủ trí thấy tất cả các chuyện trần gian này là huyễn ảo, cũng như các vị sáng đạo thấy thực sự trần gian này là huyễn ảo, nên các vị cũng không dính vào tài, sắc, danh, thực, thùy. Ngay cả chuyện thân xác còn hay mất, sự nghiệp còn hay không, tiền bạc có nhiều hay ít gần như các vị không nặng đầu như mình.

Mình tính toán đến năm mươi tuổi mình sẽ bỏ ngân hàng là bao nhiêu tiền, để mỗi tháng mình lấy ra bao nhiêu tiền xài, nhưng không biết trục trặc gì tới tháng không có tiền lời là mình thấy khốn đốn rồi. Chúng ta khổ vì tiền, còn các vị ngộ đạo không khổ những chuyện như mình khổ. Có một điều kỳ lạ là người có tâm tốt, tâm thiện, đã có làm thiện, đã có nói thiện, đã có nghĩ thiện thì họ không lo chuyện còn mất trong trần gian này, nhưng phước báo họ mỗi ngày mỗi tăng trưởng. Với người biết tu không bao giờ đói, chỉ có người không biết tu mới thiếu thốn, đói kém.

Dù xảy ra bất kỳ hoàn cảnh nào, thời cuộc nào người có phước vẫn luôn đầy đủ. Có những giai đoạn biến cố thời cuộc, những người giàu có bị đói rách lang thang, còn người nghèo khổ vẫn sống vượt lên, người trung lưu vẫn giữ ở mức bình thường. Bất kỳ một sự việc gì xảy ra trong trần gian này, mặc dù nó là huyễn nhưng vẫn có mức phước báo của nó để chúng ta sống. Sở dĩ chúng ta sống được yên

ổn phần lớn là do phước nghiệp của mình.

Mặc dù tất cả mọi thứ trong trần gian này là huyễn ảo, nhưng nó cũng có chừng mực của cái huyễn ảo đó. Ví dụ, lửa là huyễn giả tùy theo duyên trần lửa hiện. Nếu chúng ta cần lửa để nấu bếp hay cần lửa đốt đèn thì lửa sẽ đến đúng việc chúng ta cần. Mặc dù không thấy lửa ở đâu, không thấy rõ ràng, không thấy hình tướng, nhưng nói theo chiều khác thì lửa tràn ngập khắp không gian như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói.

Ở đây với cái nhìn của Đức Phật, mỗi chúng sanh đều có nghiệp riêng của mình nhưng thực sự nó không có tác giả. Không có chỗ cố định để tạo nghiệp thiện, không có chỗ cố định để tạo nghiệp ác nhưng nó vẫn có cái nghiệp của nó. Thứ hai, nghiệp đó thực sự là huyễn không thật. Người ngộ đạo rồi thì họ thấy tất cả các pháp trần là huyễn, nghiệp thân cũng là huyễn, nghiệp tâm cũng là huyễn.

Thân tâm này thực sự là nghiệp. Nghiệp của thân và nghiệp của tâm. Đức Phật muốn nói cái gì vượt hơn nghiệp thân tâm này, phần sau chúng ta sẽ học. Ngang đây chúng ta thấy rằng khi mình mang thân này là thân nghiệp, có tâm này là tâm nghiệp thì mỗi thân nghiệp tâm nghiệp đều có sự sai biệt riêng với nhau không ai đồng ai. Mỗi người khi hiểu được việc này thì sự tiến bộ hay lùi bước của mình là do nghiệp thiện và nghiệp ác. Sắp tới chúng ta được sống an lành hay không cũng do nghiệp của mình.

Ví dụ, mình càng về già càng vất vả, nhưng có rất nhiều người càng về già càng an nhàn, vậy là phải nói tới phước nghiệp của người đó nữa. Có những người nuôi con lớn lên, nó lo cho mình hết mọi cái để cho mình tu thôi, không còn nghĩ ngợi chuyện trần gian thì quá phước rồi, điều đó mình rất mong cầu. Nhưng có người tới già vẫn

phải lo cho con, đó là điều rất khổ. Nếu chúng ta hiểu biết đạo lý, có chút phước báo thì về già thảnh thơi, được thời gian để tu nữa thì chắc chắn đời kiếp sau chúng ta sẽ thăng tiến hơn đời này. Nhưng càng về già càng lo toan tính toán vất vả là phước báo chúng ta bị kém. Thậm chí thân bệnh tật mà không làm ra của cải vật chất thì rất khổ.

Mỗi lần ăn mặc là mỗi lần chúng ta làm tổn phước chính mình. Ăn một miếng vào là tổn một chút phước, mặc cái gì lên thân là tổn một chút phước. Nếu chúng ta không bệnh tật và việc ăn mặc chúng ta khiêm tốn cho bớt tổn phước lành của mình thì đó là điều rất quý. Nếu chúng ta mắc cơn bệnh để phải tiêu xài cho chính thân bệnh của mình thì phước tổn rất nhanh.

Đôi lúc chúng tôi nghiệm lại phước làm người mà rùng mình sợ hãi, vì trong Kinh nói bỏ thân này muốn thọ thân người đời sau rất khó. Đời này nhiều khi chúng ta tiêu pha hết phước làm người, thậm chí chúng ta bị nợ không còn đủ phước để làm người đời sau là điều rất đáng sợ. Khi biết tu rồi chúng ta phải làm điều gì đó để gìn giữ phước làm người của mình, ít ra đời sau mình được làm người hơn đời này một chút. Còn nếu chúng ta tu tập tốt về cảnh giới cao hơn thì phước cao rồi chúng ta không bàn. Người khéo tu gần như họ kiệm phước làm người, từng phút từng giây họ giữ gìn hết sức kiệm trong việc chi tiêu riêng, làm sao vừa đủ chứ không phung phí. Mỗi lần phung phí là chúng ta hủy hoại phước của mình chứ không phải là sang trọng đâu.

Nói về phước nghiệp, chúng ta phải nhìn lại mọi thứ, phải soi xét lại. Chúng ta mừng vì mình còn cơ may sống năm năm, mười năm để còn kịp bù lỗ lại trong lúc vô tình mình làm gì đó để phước lành mình giảm. Dấu hiệu tổn

phước lành hiện nơi thân chúng ta, thứ nhất là về già mà bệnh tật, thứ hai là đời sống vất vả. Có những điều mà chúng ta không thực hiện được ở tuổi quá sáu mươi thì biết rằng chúng ta đã bị tổn phước, đã sống sai lầm trong quá khứ. Thật sự bước qua tuổi sáu mươi gần như chúng ta tự tại ở nhiều mặt vật chất và tinh thần. Qua tuổi bảy mươi gần như chúng ta tự tại luôn cả sanh tử nếu sống đúng.

Với xã hội bây giờ điều này rất hiếm. Qua tuổi sáu mươi có khi mình muốn đi Chùa mà không đi được. Con cái nó không hiểu đạo nên không cho mình đi, không chở mình đi, mà mình cũng không có tiền để đi xe buýt thì biết rằng phước chúng ta quá kém, đã phung phí cả đời cho nên không hưởng được. Nếu sống đúng từ nhỏ tới sáu mươi tuổi là người đó đã huân tập không biết bao nhiêu phước báo. Cho nên còn sống trong cõi đời này là còn hưởng phước, luôn sống mạnh khỏe tươi vui. Còn nếu chúng ta bị rắc rối, không mạnh khỏe, không có gì về vật chất và tinh thần, bị gút mắc khổ sở thì biết rằng phước chúng ta bị tổn trong giai đoạn chúng ta sống sáu mươi năm về trước.

Cho nên nhìn lại đời sống của mình thì mình phải tích cực làm sao cho phước tăng, nhất là phước làm người. Có duyên tu thì đời sau chắc chắn chúng ta được làm người, nhưng có hơn đời này hay không là do công phu riêng của từng người nữa. Chúng ta phải biết gìn giữ duyên lành nảy nở đúng, đừng để hạt mầm phước báo bị héo úa thì rất uổng.

"Người trí biết như thế, nên tu thiện nghiệp". Thường một người có phước, thân họ đoan chánh đẹp đẽ và người ta thích nhìn ngắm không chán. Ví dụ, trong đám đông người, có một người hết sức sang trọng xuất hiện, mặc bộ đồ hết sức sang, đi xe bóng láng và khuôn mặt đẹp nữa thì mọi người đều tập trung ngắm nhìn người đó. Hoặc các

vị Tôn túc, các vị Hòa thượng, dung mạo tâm từ các vị tỏ lộ, phước báo các vị tỏa sáng khiến trong các lễ hội dù mấy ngàn người, nhưng người ta vẫn muốn chen chân ngắm nhìn một lần, rồi muốn ngắm nhìn nữa.

Người có trí tu tập và có phước thiện tốt thì khi sanh ra đời có đầy đủ thân ngũ uẩn, cũng khiến người ta ngắm nhìn không chán. Người kém phước thì người ta không muốn nhìn lâu, vì nhìn lâu sẽ sanh phiền não. Có nhiều người chúng ta gặp mặt nói chuyện lâu không được, do nghiệp họ không tu hành điều thiện cho nên khuôn mặt họ không đẹp. Thứ hai là họ tạo nhân quả đối kháng với mình, không thích mình trong nhiều đời nhiều kiếp rồi. Họ luôn sanh ra để chê, để mắng, để chửi, họ không chấp nhận ai vì ai cũng là người xấu, ai cũng là người không tốt đối với họ. Gặp chuyện như vậy chúng ta nên sám hối, chứ để đời sau mình kiếm một người nói chuyện không có. Do đó Đức Phật nói người trí biết như thế mà nên tu thiện nghiệp của chính mình.

Dấu hiệu biết phước chúng ta tăng là càng lớn tuổi diện mạo chúng ta càng đẹp ra. Ví dụ, trong một năm diện mạo người đó sẽ thay đổi nhiều lần, trần gian gọi là có thời. Thời vượng của họ khí sắc họ rất đẹp, ai cũng muốn nhìn nhưng hết thời mặt tối thui, đó là ác nghiệp hiện khởi, muốn nhờ cậy người khác chuyện gì họ lắc đầu không giúp. Càng già càng đẹp ra và phước tăng là chúng ta đang tu đúng, đó là dấu hiệu nếu bỏ thân xác này chắc chắn chúng ta sanh về cõi lành. Người trẻ tuổi cũng có khi sát khí hiện ra mặt đen tối, lỡ chết trong giai đoạn đó chắc chắn bị đọa.

Nếu chúng ta biết tìm về con đường giác ngộ giải thoát thì được xếp vào dạng người trí. Chúng ta khéo tu nghiệp thiện và nên đặt mình lên bàn cân. Ví dụ, phước

hôm nay là một trăm thì ngày mai lên trăm mốt, ngày kia lên trăm hai, nghiệp thiện phải nặng cân hơn nghiệp ác là chúng ta đang tu đúng. Điều đó dễ kiểm tra.

Gặp chuyện bất trắc mới thấy phước mình nó lộ ra, có thể đoán được là mình đi cõi xấu hay là đi cõi tốt. Hoặc có chuyện xảy ra với mình, mình thù hằn người khác, mà tâm thù hằn là tâm ác thì sẽ đi con đường xấu. Nhưng chuyện rắc rối xảy ra mà mình có cách hóa giải thật sự tốt, mình có thể thương được người làm ác đến với mình thì con đường ác coi như mình đã đóng bít.

Chúng ta tu cần có sự xúc chạm thực tế ở đời sống để cân đo phước nghiệp của mình, để biết mình tu như thế nào, mình tiến như thế nào hay đang lùi như thế nào. Nếu chúng ta ở luôn trong Chùa, không ai chọc ghẹo mình thì mình không biết mình tu tới đâu. Nhưng có người chọc giận thì mới biết chúng ta giận kiểu nào, sân cỡ nào, phiền não cỡ nào, uất ức cỡ nào, đó là con đường để chúng ta đi xuống.

Sau bảy ngày tu Phật thất ra đường là có vị giám khảo đến thử chúng ta liền, chửi cho mình tám chín câu coi cái mặt mình ra sao. Chửi một hai câu mình còn giữ bình tĩnh, câu thứ ba, thứ tư vẫn còn nhịn được, tới câu thứ năm là Mô Phật, vừa nói, vừa nghiến răng, tới câu thứ sáu, thứ bảy là xin Phật năm phút cho con xử vụ này rồi con tu tiếp. Xã hội này lúc nào cũng có trường cho chúng ta thi, coi chúng ta đậu cấp nào. Nếu họ có lập bàn trù trước nhà mình suốt ngày, suốt đêm mà mình không phiền não, là lúc đó chúng ta đậu cấp cao. Chửi một hai câu mà phiền não là chúng ta thi rớt rồi thì ở lại cõi này để phiền não tiếp.

Đức Phật gọi chúng ta là người trí, là người có sự nhận định đúng Chánh pháp và xác định con đường thiện

ác của chính mình. Có những chuyện chúng ta làm thiện nó trở thành ác là do chúng ta chưa có minh định rõ ràng thiện ác. Nếu mình giúp người không phải vì mình thương người ta, không phải vì mình thông cảm hoàn cảnh khó khổ của người ta, mà vì mình muốn có phước, đó là mình có hậu ý không tốt, như vậy thì không phải là người trí.

Chúng ta thử kiểm tra, nếu ngày đó đi từ thiện về, đêm đó quý vị ngồi thiền hay ngồi niệm Phật tâm an hơn ngày hôm qua. Điều đó có nghĩa quả lành nó tới ngay trong đời sống hiện tại, còn nó trổ quả lớn về sau khoan hãy tính. Nếu đêm đó chúng ta cảm thấy bất an, đầu mình rối thêm thì phải kiểm tra tâm mình đang nghĩ thế nào trong việc làm đó. Người trí phải làm sao cho thân tâm đồng nhất, có nghĩa là khi chúng ta làm phước, bỏ công ra làm, phải xuất phát từ tâm thật sự tốt thì trí tuệ được thăng tiến và phước báo cũng thăng tiến.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: *"Nếu chúng ta làm bất kỳ Phật sự nào trong trần gian này, mà quên hồi hướng về đạo quả Vô thượng Bồ đề coi như thành ma sự"*. Mặc dù không nghĩ tới chuyện giúp người đó thì đời sau mình có bao nhiêu phước, nhưng tất cả việc làm tốt hoặc xấu đều có nhân quả của nó. Điều tốt sẽ có nhân quả tốt không cần phải lưu tâm, quan trọng là chúng ta có làm tốt hay không, cái quả của nó tới đâu thì tới, cái quả chính mình muốn nhắm là thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là phước trí nhị nghiêm. Phước đức và trí huệ tròn đủ mới được gọi là bậc Lưỡng Túc Tôn. Có trí mà không có phước, hoặc có phước mà không có trí cũng không được. Phước và trí như đôi chân, chúng ta phải đi đều trên hai chân.

Ở đây Đức Phật nói người trí tu thiện nghiệp. Đòi hỏi chúng ta phải có trí tuệ thì việc thiện mới tròn và đạo lý mỗi ngày mỗi thăng tiến. Người trí sáng thể hiện qua ánh mắt rất sắc, rất sáng. Như cây gỗ càng già càng quý, người càng già trí tuệ phải sáng suốt, minh mẫn, sâu sắc, nhạy bén hơn lúc trẻ. Không phải già là cùn lục, nếu già mà cùn lục là chúng ta đã có quá trình sống sai.

Các vị Hòa thượng tám mươi, chín mươi tuổi hết sức tuyệt vời, có những câu nói để ngàn đời sau, vì các vị sống rất đúng đạo lý thì trí tuệ rất sâu sắc. Tuổi càng trẻ càng nông cạn nhưng càng già càng sâu thì mới đúng, đó là giá trị của người tu. Nếu người tu càng lớn tuổi trí tuệ cùn lục thì phải thấy rằng giá trị tu tập trong đời đó không có, tu không đạt, tu không được, tu chưa đến nơi, tu không đúng. Nếu chúng ta tu đạt, tu được, tu đến, tu đúng thì chắc chắn trí tuệ rất sâu sắc, đó mới là giá trị con người. Sống một đời bảy mươi, tám mươi năm tới già chúng ta không biết gì hết là tự hủy giá trị làm người của mình. Trí chúng ta không sáng thì chắc chắn qua đời sau chúng ta cũng không phải là người minh mẫn hơn được.

Cuối đời cận tử nghiệp sẽ nối kết đời kế, cho nên nó quyết định đời sau chúng ta đi theo chiều nào. Cận tử nghiệp hết sức mãnh liệt và vô cùng quan trọng. Người nào có đủ duyên lành tu theo Phật pháp mà cuối đời không minh mẫn, đó là điều hơi buồn. Tu thì phước nơi thân chúng ta phải đẹp ra, trí tuệ phải sáng ra để chúng ta kết nối đời sắp tới được phước đức và trí huệ thăng tiến.

"Nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới … đều được đoan chánh, người nhìn không chán".

Khi hình thành một con người trọn vẹn là có đầy đủ lục căn, tiếp xúc trọn vẹn lục trần, có đầy đủ lục thức. Giới

là sáu căn, sáu trần, sáu thức. Người còn kẹt trong sanh tử thì còn kẹt trong mười tám giới. Ở đây Đức Phật nói nếu người có trí biết như thế và tu thiện nghiệp cho chính mình thì mười tám giới hết sức đẹp đẽ khiến cho trần gian nhìn không chán. Làm sao chúng ta tu được điều này thì hết sức tuyệt vời.

VĂN KINH

Này Long Vương! Ngươi xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức sanh ra các tướng trang nghiêm, hào quang nhiệm mầu sáng chói, che cả đại chúng, dù cho hào quang vô lượng ức trời Phạm vương cũng không thể hiện được. Không ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai mà không chóa mắt.

Thân Đức Phật rất trang nghiêm, sự xuất hiện của Đức Phật sẽ che mờ hết hào quang của tất cả cõi trời. Ví dụ, tôi đang ngồi giảng ở đây coi như hào quang của tôi đã che quý vị, nhưng nếu có vị Hòa thượng nào tới là che hào quang của tôi và quý vị sẽ hướng về Hòa thượng đó.

Lúc Đức Phật chưa ra đời thì cõi trời hết sức quý báu, mình hết sức kính trọng, nhưng Đức Phật xuất hiện thì mình ngắm nhìn Đức Phật còn cõi trời bị che mờ. Trong tâm mình không nghĩ đến cõi trời nữa mà mình đang hướng về Đức Phật. Hoặc ở nhà cha mẹ nói điều gì thì các con nghe điều đó và hào quang cha mẹ đang che phủ nó, nhưng khi ông ngoại bà ngoại tới thì cha mẹ xuống bậc liền.

Nếu chúng ta có công phu tu tập vượt tầng vật chất một lần thì sẽ cảm nhận được hào quang của Đức Phật. Trong Kinh Pháp Hoa, Phẩm Hóa Thành Dụ: *Phật bảo các Tỳ kheo: "Lúc Đức Đại Thông Trí Thắng Phật chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong mười phương, mỗi phương đều năm trăm muôn ức các cõi nước*

Phật sáu điệu vang động. Trong các cõi nước đó chỗ tối tăm ánh sáng của nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rỡ, trong đó chúng sanh đều được thấy nhau, đồng nói rằng: "Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh?" Lại trong các cõi đó cung điện của Chư Thiên cho đến Phạm Cung sáu điệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp đầy cõi nước, sáng hơn ánh sáng của trời".

Khắp cõi nước mười phương có hằng hà sa số chư Phật nhưng chúng ta không thấy, chưa từng cảm nhận có một Đức Phật ở phương Đông hay phương Tây đang thành Phật. Lúc đó hào quang các vị che chắn phủ trùm cõi người và sáng chói rực rỡ khắp mười phương pháp giới, mà trăm ngàn ánh sáng mặt trời hiệp lại cũng không thể so sánh được. Mặt trời bất quá chỉ chiếu hư không trong dải ngân hà của chúng ta thôi, nhưng vượt qua dải ngân hà này thì mặt trời không thể chiếu được. Còn ánh sáng hào quang của Đức Phật xuyên suốt luôn phủ trùm, khiến cho mọi người, mọi vật khắp mười phương pháp giới có duyên thì liền cảm nhận.

Trong giai đoạn Đức Phật hành hạnh Bồ Tát thì tâm thương yêu của Đức Phật phủ trùm khắp pháp giới và làm lợi lạc tất cả chúng sanh. Phước báo đó vô cùng lớn, người có đủ tâm lực mới được thành Phật. Còn chúng ta nhiều nhất là thương được mấy người, giỏi lắm là chúng ta thương được đất nước mình thì phước cũng không có bao nhiêu so với Đức Phật. Đức Phật thương khắp tất cả con người và các loài, các cõi, cho đến các loại côn trùng nhỏ nhít Đức Phật cũng thương. Không chỉ cõi này mà khắp hư không pháp giới, vô tận vô biên tình thương của Đức Phật đã tới và làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Chúng ta có thể làm cho hết tất cả cõi Ta Bà này tám tỷ người thành Phật,

vẫn không thể so sánh được một mảy may Đức Phật đang làm.

Đức Phật đã làm cho khắp mười phương pháp giới này thành Phật, chứ không phải chỉ riêng cõi Ta Bà nhỏ nhiệm này. Cho nên, có đôi lúc chúng ta làm rất nhiều chuyện lớn trong trần gian, nhưng đừng có tự hào vì chuyện mình phước có chút xíu xiu. Mình có nổi tiếng, nổi danh làm lợi cho một trăm ngàn người, hai trăm ngàn người, hay một tỷ người, hay hết tám tỷ người trên thế giới này cũng có chút xíu. Chúng ta đừng cho mình là nhân vật quan trọng và thành tựu đạo nghiệp.

Thiền Sư Hư Vân diễn tả sau khi Ngài bị nạn, Ngài được về cõi trời. Khi trở lại Ngài nói phúc lạc cõi trời không thể dùng ngôn ngữ trần gian có thể nói được. Sự an lạc thanh tịnh tuyệt vời ở cõi trời mà trần gian này không có gì có thể so sánh. Ngôn ngữ trần gian không thể diễn tả hết được, nhưng vẫn không có mảy may nào có thể so sánh với phước báo của Đức Phật.

Khi chúng ta được quỳ dưới chân Đức Phật một lần đảnh lễ thì phước báo chúng ta quá lớn. Chúng ta có vinh dự quá lớn được quy y, được nương tựa bậc Thầy trời người. Được Đức Phật chấp nhận cho chúng ta là con Phật, được đi theo con đường của Phật, phải nói là phước lành chúng ta vô lượng vô biên.

Có người vô Chùa nhưng họ không cúi đầu trước Phật, chỉ chắp tay sau lưng ngó coi Phật đẹp hay xấu rồi đi ra, đó là nhiều đời có duyên được gặp Chùa. Chứ một đời thì chỉ đi ngang cổng Chùa ngó rồi thôi, đời thứ hai hy vọng có thể dừng chân ngay cổng ngắm Chùa, đời thứ ba có thể đi vô tới sân Chùa, đời thứ tư có thể bước vô Chùa nhìn mặt Đức Phật, đời thứ năm, thứ bảy trở lên mới hy vọng chắp

tay xá xá đốt nhang vái vái, đời thứ mười, thứ hai mươi trở lên mới chấp nhận quỳ xuống đó mà xin quy y. Khi chúng ta đủ lòng tin Tam Bảo, tin tưởng lời dạy của Đức Phật mới thấy rằng trần gian này dẫn dắt chúng ta tới sanh tử luân hồi hoài, nay gặp con đường Đức Phật dẫn tới giác ngộ giải thoát, đó là chúng ta đã tu quá nhiều đời rồi.

Chúng ta chấp nhận ngồi một tiếng đồng hồ để nghe giáo Pháp Đức Phật, hoặc niệm Phật thì phước chúng ta rất lớn. Người phước nhỏ không thể làm được chuyện đó, ngồi uống cà phê thì được nhưng vào đây nghe Pháp là họ khổ sở lắm. Nếu chúng ta ngồi yên được một thời Pháp, ngồi yên được một thời niệm Phật, chúng ta phải tự tin mình đã theo Phật nhiều kiếp. Chúng ta cố gắng cho đến khi nào phước đức trí huệ tròn đủ, để có thể thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như Đức Phật. Để hào quang chúng ta che chắn khắp mười phương pháp giới và làm lợi lạc tất cả chúng sanh muôn loài thì chừng đó chúng ta mới dừng. Phước chúng ta chưa được chừng đó thì đừng có dừng lại.

Ngay từ đây chúng ta nên phát đại Bồ đề tâm, cầu thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác giống như Đức Phật. Để chúng ta đạt được phước đức và trí huệ tròn đủ như Đức Phật ở kiếp nào đó, dù kiếp đó là bao nhiêu, dù hàng tỷ tỷ kiếp nữa, chúng ta cũng dứt khoát phát nguyện làm cho được. Như vậy mới thỏa mãn tâm nguyện của chúng ta. Chúng ta phát tâm đúng và có định hướng đúng cho chính mình, gọi là "Thiện Thệ" trong mười danh hiệu của Như Lai. Để rồi nương theo nguyện lực này mà thăng tiến trong những đời kiếp tới, cho tới ngày thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chúng ta mới dừng lại.

VĂN KINH

Ngươi hãy xem các vị đại Bồ Tát đây, sắc diện nhiệm mầu, trang nghiêm thanh tịnh. Tất cả (tướng tốt ấy) đều do tu nghiệp thiện mà được phước đức như thế. Lại nữa, các hàng Trời, Rồng, Bát bộ, có oai thế mạnh mẽ to lớn cũng do nhân tu nghiệp lành mà được phước báo như thế. Nay các chúng sanh ở trong biển cả, hình sắc thô xấu, lớn, nhỏ, đều do các thứ tưởng niệm của tự tâm gây ra những nghiệp bất thiện nơi thân, ngữ, ý và tùy theo chỗ tạo nghiệp mà thọ quả báo.

Đức Phật nói các vị Bồ Tát và Thiên Long Bát Bộ có thân tướng thanh tịnh là do các phước đức tu tập điều thiện mà được. Những người có mặt trong cuộc đời này có phước tướng trang nghiêm, có thể hiểu là do nhiều đời họ đã từng tu thiện nghiệp.

Người tu tập để trang nghiêm tướng tốt của mình, ít sân hận thì nhân quả sẽ có vẻ đẹp đức hạnh. Ở đây, Đức Phật muốn nói thân tướng do tu thiện nghiệp mà phước đức trí huệ trang nghiêm, khiến người đời nhìn vào chiêm ngưỡng trọng nể và hoàn toàn không có bất kỳ một ý xấu nào.

Ngược lại, chúng ta cũng gặp một số vị Bồ Tát tu nghịch hạnh, các vị đi ngược lại tất cả những quy định của trần gian. Có khi các vị xuất hiện giữa cuộc đời này với một con người thân tướng không ra gì, la lết ngoài đường xin ăn từng miếng, nhưng kỳ lạ chúng ta đi chỗ này gặp họ, đến chỗ kia cũng gặp, chỗ nào cũng gặp. Không biết họ đi bằng phương tiện gì, nhiều khi mình đi xe hơi tới một đoạn rất dài mình gặp ở đây, nhưng tới đường kia cũng gặp họ nữa. Đó là những người không phải bình thường. Hoặc có

những vị ra đời chỉ nói một vài câu cho chúng ta nghe chơi rồi thôi, họ sống rất bình dân bình thường, khiến cho người phàm nhận ra không được. Nhưng nếu chúng ta có duyên lành gần gũi thì sẽ được học đạo lý từ họ rất nhiều. Chúng ta phải khéo nhận ra, đừng thấy vị nào đức tướng trang nghiêm chúng ta mới trọng nể, còn các vị nghịch hạnh nhìn thiếu đức tướng trang nghiêm mà chúng ta coi thường thì mất đi phước báo của mình.

Ở đây chúng ta học theo chiều thuận. Lúc đầu đi Chùa diện mạo chúng ta không tốt đẹp trang nghiêm lắm, nhưng có tu tập, làm nhiều điều thiện, lễ Phật, tụng Kinh, tọa thiền, nhập định thường xuyên thì một thời gian tướng mạo chúng ta bắt đầu thay đổi. Thậm chí có người thay đổi hẳn diện mạo của mình, có người thay đổi chút chút, nhưng phần đông tướng mạo thay đổi đi cùng với nghiệp thiện hoặc nghiệp ác của chính mình. Có người làm vài chuyện thất đức thì qua một vài ngày sau mặt sạm đen. Nhưng có người làm việc phước thiện, cứu giúp được nhiều người thì trong một thời gian ngắn diện mạo tốt lên liền.

Do vậy chúng ta có thể đoán được từng giai đoạn cuộc sống của mình, nếu chúng ta đang sống tốt đúng với đạo lý thì sắc diện chúng ta tốt hơn nhiều. Nhưng trong giai đoạn chúng ta đang tu tốt, bị duyên cảnh nào đó khiến mình làm nhiều chuyện không hay thì một đêm tới sáng thôi diện mạo chúng ta gần như sụp đổ. Tất cả những người tu nghiệp thiện đều được sắc tướng trang nghiêm, đạo hạnh tươi nhuận.

"Lại nữa, các hàng Trời, Rồng, Bát bộ, có oai thế mạnh mẽ to lớn cũng do nhân tu nghiệp lành mà được phước báo như thế".

Thời Đức Phật thuyết Pháp có đầy đủ các vị Bồ Tát

và các vị Thiên Long Bát Bộ, có đủ tất cả chúng sanh muôn loài khắp mười phương pháp giới quy tụ, không phải chỉ có người ở pháp hội đó nghe nhưng mắt phàm mình không thấy. Thời nay cũng vậy, nếu những vị có đức hạnh, có tu tập, có công phu, đẳng cấp tâm linh của họ được thăng tiến cấp độ cao thì tất cả các thời thuyết Pháp của họ đều có Long Thiên Hộ Pháp hộ trì giữ gìn dòng Pháp đó và có chư Phật, chư Đại Bồ Tát chứng minh nhưng mắt phàm chúng ta không thấy. Chúng ta chỉ thấy vị đó thuyết giảng cho người trong chúng hội đó nghe thôi. Do đó dù trải qua rất nhiều ngàn năm lịch sử biến thiên, giáo pháp Đức Phật Thích Ca vẫn còn. Vì có sự hộ trì chứ không đơn giản còn tồn tại tới giờ này cho chúng ta học và dòng pháp đó xuất hiện nơi đâu thì Long Thiên Hộ Pháp có mặt ở nơi đó.

Khi phước báo chúng ta còn kém thì bạn bè ít, vì uy thế chúng ta không có nhiều, muốn làm chuyện gì thì chỉ một mình mình làm. Nhưng khi phước báo lớn lên một chút, uy thế nhiều một chút, người xung quanh hộ vệ chúng ta cũng đông một chút, người quen thân nhiều một chút thì việc làm chúng ta những chuyện lớn sẽ có rất nhiều người ủng hộ. Còn nếu phước báo mình kém, dù muốn tổ chức hay muốn làm điều gì, muốn có người tới tham dự cũng không có nhiều. Điều đó đoán biết uy đức của vị trưởng ban tổ chức còn kém, không đủ để có thể chiêu mộ nhiều người đến với mình.

Đức Phật muốn nói tới hàng Rồng, uy đức họ mạnh mẽ, họ có thể nhiếp phục được loài thấp hơn mình. Khi phước báo người đó đã có rồi thì dù sống trong cõi nào họ cũng được hưởng phước hơn cấp độ của cõi đó. Ví dụ, ở vùng quê cuộc sống khó khăn đủ điều, nhưng thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy có những căn nhà lầu mọc lên đầy đủ

phương tiện. Vì người đó có phước nên vẫn trội hơn người khác, họ được hưởng của cải vật chất nhiều hơn người khác. Hoặc có khi họ làm phước được sanh thiên, nhưng ở trung tâm cõi trời thì hưởng vật chất khác, còn ở cõi trời vùng biên địa thì hưởng phước báo khác. Ở bất kỳ hoàn cảnh nào người có phước vẫn có đời sống thuận lợi hơn. Điều đó chúng ta suy diễn thêm một đoạn nữa là nếu chúng ta làm phước thiện nhiều, sau khi chết nếu ở cõi âm chúng ta vẫn hưởng cái gì đó tốt đẹp hơn những người phước kém.

Ở cõi người có sự lẫn lộn về phước báo, có người cuộc sống vật chất rất sung mãn, có người đời sống kinh tế rất khó khăn nhưng chúng ta có thể ăn chung được. Có thể ngồi chung một bàn, có thể ngồi chung một môi trường để học đạo được, nhưng khác cõi người thì điều này không thể xảy ra. Khi rời khỏi cõi người thì phước tự động bị cuốn vào cảnh giới tương ưng với phước báo của mình, chúng ta không thể hưởng cái gì khác phước báo mình được. Điều này đạo Phật gọi là nghiệp sanh tử.

Chúng ta không thể ở cảnh giới cao hơn so với nghiệp của mình. Ví dụ, hai người cùng tu chung một Chùa, từng ngồi thiền, tụng Kinh giống nhau, nhưng hai người có chút dụng công khác nhau khiến cho phước báo khác nhau, khi nhắm mắt hai người này cũng không gặp nhau được. Hai đẳng cấp tâm linh khác nhau ở hai cảnh giới khác nhau, do đó không thể gặp nhau được do tần sóng dao động không đồng nhau. Do sự không đồng đó mà sanh tử sắp tới chúng ta cũng không đồng nhau, chỉ trừ hai người đẳng cấp tâm linh phước báo đồng nhau thì mới có thể gặp nhau được.

Đức Phật nói do làm tất cả những thiện nghiệp mà người đó có oai thế lớn và mạnh mẽ. Điều này chúng ta thấy là muốn có oai thế lớn thì chắc chắn chúng ta phải tu

thiện nghiệp.

"Nay các chúng sanh ở trong biển cả, hình sắc thô xấu, lớn, nhỏ, đều do các thứ tưởng niệm của tự tâm gây ra những nghiệp bất thiện nơi thân, ngữ, ý và tùy theo chỗ tạo nghiệp mà thọ quả báo".

Những loài bò ngang, những loài búng ngược, những loài đi không thẳng như tôm, cua, cá… Tất cả các loại trong biển cả cũng như ở sông thì hình sắc của chúng khiến chúng ta không thể tìm ra được loại có hình sắc đẹp. Cho nên, Đức Phật nói hình sắc đó do bất thiện nghiệp gây ra.

Đức Phật so sánh hai cấp bậc khác nhau, hai người làm thiện và ác khác nhau. Khi chúng ta nhìn thấy người có nhiều ác nghiệp thì trên gương mặt họ hiện nhiều sát khí. Chúng ta hay nói: *"Nhìn mặt thấy hắc ám"* tức là nghiệp ác hiện ra rõ. Nếu có kinh nghiệm chúng ta sẽ thấy ánh mắt, cử chỉ, hành động, sắc diện của người đối diện thay đổi theo từng ý niệm, trong từng phút từng giây. Gương mặt họ thay đổi rất nhiều màu, lúc họ tươi vui thì khác, lúc buồn thì khác, lúc đang nói chuyện với mình có ý đồ xấu thì khác và có ý đồ tốt thì khác, nó thay đổi liên tục. Đó là cái nhân để người ta phải chiêu cảm quả báo về sau. Tức là tất cả những ý niệm, tâm niệm có ra nơi lòng chúng ta theo chiều tốt hay xấu, nó sẽ kết thành quả tốt hay xấu để chúng ta có thể mang thân tốt hay xấu ở đời sau.

Do vậy mà Đức Phật nói: Tất cả những người có hình sắc không được tốt đẹp là do ác nghiệp nhiều đời, nhiều kiếp mà đời này phải thọ quả báo. Lỡ chúng ta có diện mạo không tốt thì biết chúng ta đã tạo những quả báo không được thiện lành trong đời kiếp trước. Như vậy đời này chúng ta cố gắng tu tập thiện nghiệp để thay đổi được diện mạo và thay đổi được phước báo chúng ta trong đời này.

Nếu chúng ta không có duyên lành được sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Không được sanh về cõi trời mà trở lại cõi người thì chắc chắn chúng ta phải thăng tiến hơn đời này, để thân chúng ta phải tốt đẹp trang nghiêm hơn đời này và phước báo cũng hơn đời này. Cho nên, chúng ta được sung sướng giàu có hay bị cực khổ nghèo khó thì tất cả đều do thiện nghiệp và ác nghiệp gây ra.

VĂN KINH

Nay ngươi như thế mà tu học và khiến cho chúng sanh thấu rõ nhân quả, tu tập nghiệp lành. Ngươi nên nương nơi chánh kiến bất động, chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường. Đối với các bậc phước điền nên vui vẻ cung kính cúng dường thì các ngươi cũng được người trời tôn trọng cung kính cúng dường.

"Nay ngươi như thế mà tu học". Đức Phật kết thúc một đoạn, Ngài dạy Long Vương: *"Ngươi phải hiểu như thế mà tu học"* thì bao nhiêu thiện sẽ có kết quả đẹp đẽ và phước đức được thăng tiến. Còn bao nhiêu nghiệp ác thì sẽ mang tướng dạng xấu xa và đời sống khó khăn. Nghiệp thiện và nghiệp ác đều là quả báo mà chúng ta đã tạo trong nhiều đời nhiều kiếp, để giờ này chúng ta hưởng thành quả đã tạo. Rõ ràng làm thiện thì chắc chắn chúng ta sẽ có đời sống an vui, làm ác thì chắc chắn có đời sống bất an.

"Và khiến cho chúng sanh thấu rõ nhân quả, tu tập nghiệp lành". Tất cả những điều Đức Phật dạy không bao giờ Ngài không nhắc tới nhân quả, tất cả người học Phật cũng phải hiểu thấu nhân quả để tu hành. Người nào không hiểu nổi nhân quả thì người đó không trở thành người tốt trong đời này.

Nếu trong lòng chúng ta không chấp nhận có nhân quả là do chúng ta lỡ tạo nghiệp xấu rồi. Bây giờ mình

không muốn quả báo tới với mình, cho nên mình không chấp nhận, mình chối bỏ, mình ráng cưỡng lại, mình ráng khuất lấp theo ý của mình nhưng nhân quả thì chắc chắn có rồi. Do chúng ta không chấp nhận thôi, bởi vì chúng ta có mưu đồ xấu. Chúng ta chuẩn bị làm điều gì đó thì nghĩ mình làm chuyện đó để mình được cái gì đó rồi thôi, kết thúc đi, đừng có kết quả gì ở bên sau. Hoặc chúng ta đã lỡ tạo điều gì xấu, cho nên chúng ta cũng mong muốn nhân quả xấu đừng tới với mình.

Còn tất cả những người hiểu nhân quả họ sẽ thấy rằng mình làm việc tốt hay xấu sẽ có kết quả của nó. Cho nên ít nhiều gì chúng ta phải sợ nhân xấu, để không gặt hái quả xấu thì người đó không bao giờ làm xấu trong trần gian này. Họ không bao giờ nói xấu, không bao giờ nghĩ xấu. Còn người không chấp nhận nhân quả thì họ sẵn sàng làm điều xấu. Vì họ làm rồi là xong không có kết quả bên sau và người đó không bao giờ trở thành người tốt trong xã hội này được.

Do vậy, muốn xây dựng một xã hội tốt, muốn đời sống của xã hội được thăng tiến tốt thì nên xây dựng ở nhân quả. Nếu hiểu được nhân quả rồi thì mọi người đều tự làm cho mình tốt lên. Còn người không hiểu nhân quả thì họ làm không cần suy tính, thích đâu họ làm đó, muốn điều gì họ sẽ làm theo ý của họ chứ họ không bao giờ có suy nghĩ lại. Người hiểu biết nhân quả thì mỗi mỗi công việc đều nghĩ tới hậu quả của nó. Họ ít khi nào làm xấu, ít khi nào nghĩ xấu thì người đó sẽ từ từ tốt lên.

Lý nhân quả cũng nói lên điều hết sức nhân bản của đời sống này. Con người tự làm ra việc tốt, việc xấu để họ tự gặt hái hậu quả tốt hay xấu cho chính mình chứ không do ai mang tới cho mình. Không phải là bậc thần linh nào,

không phải là đấng tối cao nào, không phải là vị tạo hóa nào có thể làm cho đời sống chúng ta thành tốt, thành xấu được. Nếu người Phật tử hiểu biết thật chắc chắn về nhân quả mình rồi thì người đó sẽ có đời sống hết sức độc lập, không nương tựa, không bị các vị thần linh, tà thần lôi cuốn.

Có nhiều khi chúng ta mong cầu hơi vượt tầm phước báo của mình, nghĩ mình làm cái này nó sẽ có phước báo hơn là tu Thiền hoặc tu Tịnh Độ. Hoặc tu một pháp nào đó tiêu trừ lần lần nghiệp báo của mình, phước báo mình thăng tiến dần dần nhưng mình thấy làm như vậy chậm quá. Mình phải làm cái gì chỉ cần trong thoáng chốc thôi, hoặc mình sẽ được thần linh phù hộ thì phước báo mình sẽ tăng vọt so với người khác và sẽ có kết quả nhanh hơn thì đó là tham vọng.

Chúng ta nên hiểu về nhân quả nghiệp báo, làm nhân nào sẽ có quả đó. Làm một chút thiện thì mình sẽ có chút quả báo thiện, làm nhiều phước thiện thì mình sẽ có nhiều quả báo thiện. Nhưng mình không chịu tin ở ngang chừng đó, thành ra có những người tu tập Phật pháp một thời gian đi lệch lạc bởi tham vọng của mình. Khi chúng ta thấu hiểu được nhân quả rồi mới thấy việc tu tập muốn thành tốt, thành xấu là do mình. Chúng ta tu đúng với điều Đức Phật chỉ dạy trong Kinh điển, để rồi từng bước một chúng ta đi trong vòng Chánh pháp của Đức Phật sẽ không bị sai lệch.

Nếu người nào không tin và không hiểu nổi nhân quả thì đời sống sẽ bấp bênh khiến dễ bị lệch đường tà. Vì không có bất kỳ việc gì ở trần gian này mà không có nhân quả. Đôi lúc học nhân quả chúng ta chưa có thấu hiểu cùng tột nên chưa tin. Ví dụ, chúng ta thấy một người từ hồi nào tới giờ mình biết họ chuyên làm ác, không lúc nào họ làm thiện, nhưng bao giờ họ cũng sống sung sướng, ăn no mặc

đẹp, nhà lầu xe hơi đủ điều. Còn mình từ nhỏ tới lớn chưa dám giết một con kiến mình vẫn sống vất vả hoài, vậy thì nhân quả ở đâu?

Khi học nhân quả chúng ta phải có những suy tư phản biện, để coi nhân quả nó có thực trong đời sống này hay không. Tại sao bây giờ mình cứ đi theo ủng hộ, lo lắng cho người này mà họ vẫn có thái độ cư xử không tốt với mình. Trong khi người kia cư xử không tốt mà còn quấy phá, nhưng người này vẫn thương người kia. Nhất là trong gia đình cùng cha mẹ sanh ra, nói là cha mẹ thương con đều, nhưng người anh được thương nhiều hơn, người em được thương ít hơn. Hoặc con trai út cưng nhiều, con trai lớn bị rầy la hoài thì chúng ta suy nghĩ sao về nhân quả?

Trong đời thường, hai người gặp nhau phải tới lui, gặp gỡ, chia sẻ, tâm sự mới có thông cảm, mới trở thành bạn thân. Sanh tử cũng vậy, cha mẹ thương người anh nhiều hơn người em là do người em mới tới gia đình này lần đầu, mới gặp cha mẹ mình một đời, còn người anh từng gặp cha mẹ nhiều đời nên mức độ khắn khít thân thiện phải nhiều hơn người em.

Có những người gặp nhau một lần là ngàn năm không gặp nhau vẫn không quên được. Do họ có nợ nần với nhau trong nhiều kiếp trước rồi, đời này chỉ lo kiếm nhau mà trả, dù có từ chối họ cũng kiếm mình họ trả. Có những người hết sức muốn thân thiện với mình, tới lui với mình, quan hệ với mình đủ thứ nhưng thân không được. Vì vậy mà mình có mặt trong một gia đình, nếu chúng ta phải chịu những điều không được tốt đẹp thì chắc chắn chúng ta đã đến với gia đình này vì nợ nần. Vì chúng ta đã thiếu nhiều lắm rồi, bây giờ tới làm như trâu bò để trả. Chúng ta phải chấp nhận trả cho hết nhân quả đó. Muốn cho nhanh hết

nhân quả thì chúng ta phải vui vẻ, vì trả nợ mà không vui thì trả không hết. Thay vì mình bị cực khổ, bị khó khăn, mất tình cảm, buồn tủi thì nó sẽ tạo nghiệp khác nữa. Chúng ta phải quyết tâm trả xong món nợ này, phải làm tốt hơn bây giờ, phải phụng sự mọi người nhiều hơn bây giờ, thương yêu người này hơn bây giờ thì kết quả sẽ tới nhanh hơn, mau hết nợ hơn.

Hoặc hai vợ chồng đã biết đạo lý, ông chồng muốn đi tu, bị bà vợ cản trở và ngược lại. Hoặc những bà cụ muốn đi Chùa bị con cái cản trở, lý do là chúng ta còn nợ với nhau nên không đi được. Bây giờ quyết lòng muốn thuận lợi với việc đi Chùa là mình phải trả nợ gấp, phải làm tốt hơn, phải lo lắng phụng sự nhiều hơn thì mai kia chúng ta có quên đi Chùa người ta cũng nhắc mình đi. Còn bây giờ mình muốn đi thì mình bị lôi kéo lại, tại nợ không hết nên còn bị nhiều chuyện cản trở.

Khi nào chúng ta muốn làm điều thiện mà bị cản trở thì phải biết do nhân quả xấu đời trước mình nợ người ta. Người ta sợ mình bỏ trốn cho nên họ phải giữ mình. Còn khi hết nợ rồi mình muốn đi đâu thì đi không ai giữ mình hết. Cho nên, dù có hy sinh thân mạng cũng phải ráng trả nợ cho nhanh.

Khi gặp khó mà chúng ta buồn tủi là điều không nên. Nếu chúng ta buồn, hận cuộc đời mang tới nhiều điều xấu ác thì chứng tỏ mình không hiểu nhân quả. Chính cái phiền hận này nó sẽ dây dưa nhân quả lâu hơn. Muốn dứt khoát khổ đau phiền lụy mà chúng ta đang gặp trong đời này thì chúng ta không nên chống chọi mà phải thuận theo, phải dùng hết sức hết lực của mình mà trả cho nhanh thì nhân quả mới thoát được. Còn nếu không cứ dây dưa đời này kiếp nọ, vừa trả nợ người ta về tiền, vừa chửi người ta một

câu thì qua đời sau mắc nợ lời chửi này chứ đâu thoát. Hoặc bây giờ mình không chửi thành lời mà trong lòng mình rất phiền thì đời sau chúng ta nhận một đồng bị người ta chửi ba bốn câu mới xài được.

Nếu chúng ta ở hoàn cảnh thực sự không thuận lợi thì phải tìm lối thoát bằng cách học theo: "Hạnh Báo Oán" của ngài Bồ Đề Đạt Ma trong bản luận Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất. Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vầy*:"Ta từ bao kiếp trước buông lung không học, bỏ gốc theo ngọn, trôi dạt theo vật chất, nặng lòng thương ghét, gây hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ đã gieo từ trước tới nay kết trái chín, điều ấy nào phải do trời hoặc người tạo ra đâu, vậy ta đành nhẫn nhục chịu khổ đừng nên oán trách".* Kinh nói: *"Gặp khổ không buồn. Vì sao vậy? Vì thấu suốt (luật nhân quả) vậy. Khi tâm ấy đã sanh ấy là ứng hợp với lý. Mượn oán mà hành đạo nên nói là hạnh trả oán".*

Trong Thất Lục Môn cũng nói tới điều này, khi chúng ta gặp hoàn cảnh nghịch, người ta tới đòi mạng mình thì mình đem mạng mình trả cho người ta mới hết được nhân quả, đó gọi là Báo Oán Hạnh. Chứ không phải người ta đòi mạng mình thì mình giết lại người ta, chư Tổ dạy chúng ta rất kỹ. Khi người ta cần mình việc đó tức là đã có nhân quả gì rồi, họ đeo đẳng để họ đòi nợ mình cho kỳ được, nên chúng ta phải thuận theo ý của họ để trả cho hết nhân quả xưa.

Nếu chúng ta gặp điều thuận thì đó là phước duyên của mình. Tức là nhân quả xấu đời kiếp trước ít, như mình muốn tu thì có người ủng hộ, muốn làm việc Phật sự cũng có người giúp đỡ. Còn như chúng ta muốn tu mà gặp trắc trở, muốn làm Phật sự mà gặp khó khăn thì biết rằng nhân

quả cũ chúng ta đã làm điều gì đó không tốt. Nếu chúng ta trực tiếp trả cho người đó được thì tốt, còn không thì cũng âm thầm trả người đó bằng cách nào cho hết nhân quả này. Vì có khi trực tiếp trả thì đương sự sẽ có sự hiểu lầm.

Ví dụ, người nam theo đuổi người nữ, người nữ tìm cách giúp đỡ để trả nợ nhưng người nam hiểu lầm thì tình cảm đó gỡ không ra. Nên chúng ta phải tìm cách là âm thầm giúp đỡ người đó bằng kiểu gì, để cho nhân quả cũ được dứt khoát mà mình không bị nợ. Hoặc chúng ta có thể giúp người bạn của mình hiểu biết được Phật pháp, giúp người bạn mình hiểu biết nhân quả thì đó cũng là hình thức trả nợ. Đừng nghĩ nợ tình cảm thì trả tình cảm, nợ tiền thì trả tiền. Chúng ta nghĩ nhân nào phải có quả đó thì điều đó không sai với nhân quả nhưng đó là đẳng cấp thấp. Nếu hiểu Phật pháp cao hơn thì chúng ta trả theo cách khác. Ví dụ, mượn lúa chúng ta có thể trả bằng tiền, hoặc trả bằng vàng, miễn sao chủ nợ cảm thấy thỏa mãn chứ không hẳn là nhân nào quả đó.

Chính Kinh Đại Tập Nghiệp trong Trường A Hàm, Đức Phật cũng nói tới chuyện này. Hoặc bản Kinh Hạt Muối trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật cũng nói: "*Nếu chúng sanh nào hiểu rằng tạo nhân sẽ có quả báo thì người đó sẽ hiểu lời nói Đức Như Lai, sẽ đạt đến phạm hạnh và có con đường thoát khổ. Chúng sanh nào nói tạo nhân nào có quả đó thì người đó không hiểu lời nói đức Như Lai, không thể nào đạt đến phạm hạnh và không thể có con đường thoát khổ".* Ví dụ, chúng ta đang tu Phật thất, lỡ đạp chết con kiến thì đời sau mình thành con kiến để người ta đạp chết lại vì nhân nào quả đó mà. Nếu người nào hiểu như vậy sẽ không hiểu lời Đức Phật nói. Tạo nhân sẽ có quả báo thì đúng với lời Đức Phật. Quả báo ở đây tương ưng với nhân

mình đã tạo.

Chúng ta thử so sánh phước báo của con người quá lớn so với con kiến, còn con kiến mấy ngàn năm nữa mới lên thành con gián, con gián mấy ngàn năm nữa mới đủ phước thành con gà, con gà mấy triệu năm mới thành con heo, con heo mấy tỷ năm mới thành con trâu, con trâu mấy tỷ kiếp mới thành con người. Phước báo cách biệt nhau quá xa, cho nên lỡ chúng ta có tạo nhân quả xấu với con kiến thì phải trả nhân quả tương ưng với nhân quả mình đã tạo và tương ưng với phước báo mình đã làm.

Ví dụ, phước báo con kiến bằng một phần tỷ phước báo con người nên chúng ta phải trả cái nhân quả tương ưng với một phần tỷ đó là chúng ta sẽ bị nổi một mụt ghẻ chẳng hạn. Hiểu nhân quả như vậy để cho thoáng cái đầu mình một chút. Chúng ta thử suy nghĩ lại, từ nhỏ tới lớn chúng ta giết bao nhiêu mạng con kiến rồi. Nếu tính bao nhiêu sinh mạng đó mà nói nhân nào quả đó thì chúng ta trả tới kiếp nào cho xong? Đẳng cấp tâm linh chúng ta tới tầng cao, có thể nhập vào định, có thể chứng được quả này, quả kia trong đạo lý nhà Phật. Hết đời này cắt ngang, lùi lại chúng ta làm con kiến để trả nhân quả cũ cho hết những mạng mình đã làm, rồi mới bắt đầu trở lại kiếp tu này, được không?

Thực sự từ nhân tới quả là vòng xoắn khó có thể định được, chỉ trừ Đức Phật mới có thể thấy hết. Chúng sanh phàm phu chắc chắn không thấy hết nhưng chúng ta có thể hiểu được nhân quả hoàn toàn không sai. Thời Phật tại thế, Ngài Angulimala giết rất nhiều người nhưng ngay đời đó Ngài vẫn chứng quả A La Hán. Khi chúng ta chưa hiểu đạo lý, lỡ có làm một số điều ác, bây giờ chúng ta thức tỉnh thấy những điều mình làm trước kia sai. Mình muốn đi theo con đường thiện, đương nhiên cũng sẽ có một số nhân quả cản

trở việc làm thiện nhưng chúng ta vẫn có kết quả lớn. Vì Đức Phật đã nói: *"Nếu nghiệp lành lớn đủ có thể che chắn nghiệp ác thì người đó cũng có thể chứng quả Thánh Hiền.*

Lúc chưa tu chúng ta từng cắt cổ gà, đập đầu cá, lột vỏ tôm, cua, nếu gom chất lại chắc bằng cái Chùa. Bây giờ nếu lấy một mạng trả một mạng thì nhắm chừng nào trả xong? Nhân nào quả đó thì sẽ không có con đường thoát khổ và không đạt được phạm hạnh, tức là không chứng quả Thánh Hiền. Chúng ta đã từng làm điều ác nhiều lắm nên mình chấp nhận trả nhân quả chứ không có trốn. Mình không phải là người quịt nợ để chạy nhưng chúng ta phải trả quả báo tương ưng với nó, chứ không phải lấy cái gì trả cái đó.

Có nhân nào quả đó, nhưng nói "nhân nào quả đó" một cách cùng tột thì không hẳn như vậy. Ví dụ, mình bực bội người khác thì người khác cũng không vui với mình. Hoặc chúng ta lỡ tạo phiền hận với người bạn mình, mình có phải trả nhân quả là họ phải chửi phải đánh mình mới hết nhân quả không? Cũng chưa chắc! Không gặp được nhau lấy gì trả? Sau này mình trở lại quê hương xứ sở đó gặp lại họ, nhưng mình không dám đối diện mà mình âm thầm giúp đỡ gia đình, dòng họ, anh em người đó để gọi là trả nhân quả. Hoặc gia đình họ bị tai nạn mình tới cất nhà sửa nhà, hoặc con em họ thất học mình nuôi cho đi học tiếp. Mình làm điều gì đó gọi là âm thầm trả món nợ xưa, mình rất ăn năn hối hận trong việc làm của mình. Cho tới hồi họ biết ra thì mình đã làm quá nhiều chuyện tốt cho gia đình họ. Con họ cũng mang ơn mình, anh em, cha mẹ họ cũng mang ơn mình, ngay cả đời sống của họ nhiều năm cũng nhờ đồng tiền của mình trợ giúp, cho nên bây giờ họ hận mình không được. Đó cũng là hình thức trả nhân quả.

Nhiều đời, nhiều kiếp sanh tử luân hồi, tất cả chúng ta đều đã từng có vợ chồng, đã từng ân ái với nhau, gần như người nào cũng có. Cho nên trong dòng sanh tử này, tất cả những người có mặt ở đây chúng ta đã từng gặp nhau. Kể cả các bậc tu hành xuất gia thì trong mấy đời kiếp trước họ cũng có vợ chồng, chỉ trừ Bồ Tát tái lai thôi. Đời này mình tách ra một lần để đi tu thì trong vòng luẩn quẩn chắc chắn mình sẽ gặp lại người xưa. Bây giờ bắt mình phải trở lại để trả nhân quả là không được, mình sẽ có cách khác để trả.

Nếu tu tập tốt thì mình có đạo lý nhiều, khi người ta gần gũi mình thì người ta hưởng được đạo lý từ mình, để hóa tán được nghiệp ái của người ta thì coi như nợ đó xong, cũng gọi là mượn lúa trả vàng. Nếu được sống đời vợ chồng để ăn sung mặc sướng, lo lắng cho nhau một đời thì qua đời sau vẫn bị sanh tử luân hồi. Đằng này nếu mình có đạo lý tốt, để mình có thể dạy người đó một điều giúp họ tu tập, hoặc làm cho người đó bình an thoát khỏi lầm mê sanh tử luân hồi tức là cứu người đó ngàn đời ngàn kiếp. Như vậy trả được nhân quả chưa?

Do đó, chúng ta phải tính toán, mình phải trả nhân quả theo kiểu nào để được yên ổn cả hai bề. Thứ nhất, mình giữ được đạo lý và công phu được thăng tiến. Thứ hai, cứu thoát người kia ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, đó cũng là cách trả nhân quả. Nếu một người tu Phật sáng suốt, chúng ta có thể trả đủ nhân quả cũ mà không bị vướng lại trần gian. Đừng nghĩ đời trước hai người là vợ chồng, bây giờ phải quay lại làm vợ chồng tiếp mới gọi là trả nhân quả. Không thể trả theo kiểu đó, người đời trả theo kiểu thế gian, còn mình học Phật thì mình có cách trả của người con Phật. Mình có đủ cách, trực tiếp trả không được thì mình gián tiếp trả, trả thẳng trước mặt không được mình lén trả sau

lưng, trả làm sao coi như nợ mình xong là thôi. Đó là cách mình đền trả nhân quả, chứ đừng nghĩ nhân nào quả đó là chúng ta hiểu lầm.

Trong Kinh Hạt Muối, Đức Phật dạy: *"Này các Tỷ kheo, ví như có người bỏ nắm muối vào trong một chén nước nhỏ, nước trong chén ấy vì nắm muối trở thành mặn và không uống được. Nhưng có người bỏ nắm muối vào nước sông Hằng, khối nước ấy rất lớn không vì nắm muối này mà trở thành mặn và không uống được"*. Cũng vậy, một người không có phước báo mà tạo nghiệp ác thì sẽ bị đọa. Còn người phước lớn mà lỡ tạo nghiệp ác thì nhờ phước báo lớn của họ sẽ hóa tán được. Phước như hồ lớn, còn hạt muối như nghiệp ác nhỏ thì hồ lớn đủ hóa tán cái mặn của muối. Nếu chúng ta tu tập phước báo lớn vẫn phải trả nhân quả ở chừng mức ngang tầm mình đã tạo chớ không phải là không trả.

Từ nhỏ tới lớn mình dẫm chân xuống đất làm chết không biết bao nhiêu côn trùng, một dấu dẫm chân là chết hàng trăm con côn trùng. Nếu mình đổi một trăm cái mạng thì chừng nào mình mới tu xong? Hoặc mình giết chết một con cá thì cũng phải trả nhân quả tương ưng với nghiệp đã tạo nhưng không phải là mạng trả mạng. Vì con cá phước nó không lớn bằng phước con người, mình là người biết tu thiện, biết niệm Phật, biết làm lợi ích cho nhiều người thì phước của mình so với nó hoàn toàn khác biệt. Cho nên, Đức Phật nói trong Kinh: *"Nếu muốn biết nhân quá khứ thì coi kết quả hiện tại, muốn biết quả báo tương lai thì coi nhân chúng ta đang tạo"*. Trong nhân quả thì vòng xoay chiều của nó không mất, tạo nhân dù nhỏ vẫn không mất.

Ví dụ, mình chỉ cần nghĩ xấu người bạn mình thì qua đời sau tự nhiên gặp bất ngờ họ đánh mình một bạt tai.

Không có gì bất ngờ, tại mình gieo nhân đó hồi kiếp trước. Hoặc mình nghĩ mình phải tát cho họ bộp tai, nó chưa thành hình mới suy nghĩ trong đầu thôi thì đời sau mình bị họ đánh lại bộp tai. Rất nhiều nhân quả cũ mà mắt phàm mình nhìn thấy không hết. Nhân quả hết sức phức tạp, hết sức linh động, không cố hữu và không thể một chiều. Do tâm phàm tục thì nó đi theo chiều khác, tâm người tu tập thì biến thiên theo kiểu tu tập. Khi phước báo chúng ta thăng tiến, tự nó hóa giải nghiệp tập của mình. Cho nên, lúc nào trong đời sống mình gặp khó khăn thì nên tự nhập thất công phu, hoặc là làm phước nhiều lên cũng qua được.

Nhân quả biến thiên, linh động thay đổi theo phước báo của mình. Tu thì phải chuyển nghiệp, từ nghiệp xấu trở thành ít xấu và nó sẽ hết xấu, từ nghiệp ác chúng ta chuyển thành ít ác và hết ác thì mới có thể tu chứng được đạo quả. Mình còn đầy cái ác trong tâm mà tu không chuyển thì ác còn hoài.

Trong quan hệ qua lại bè bạn tự dưng có người tới hại mình, nếu kiểm tra kỹ mình chưa từng gặp họ lần nào, cũng chưa có chọc ghẹo họ mà họ hại mình thì chắc chắn đó là nhân quả xấu của kiếp trước. Còn nếu chiêm nghiệm hồi đó mình cũng chơi khăm họ mấy cú, giờ họ tới hơn thua là nhân quả đời này. Đời này mình gieo tình cảm với người ta thì người ta thương mình. Chuyện đó là do mình, bây giờ mình làm gì để cho người ta đừng thương thì coi như xong, nhưng nhân quả đời trước thì khó tránh.

Chúng ta nên hiểu nhân quả cho kỹ, khéo léo xoay chuyển tình thế để mình thực hiện được thiện nghiệp trong đời này và đi đến quả giác ngộ giải thoát, nếu không sẽ bị kẹt trở lại. Nhân quả là đạo lý muôn thuở, có thể nói hoài từ đời này qua đời khác cũng chưa hết. Mỗi người tùy theo

trình độ tu tập, tùy theo trí tuệ của mình hiểu nhân quả để mình có được đời sống tốt đẹp hơn. Học nhân quả cho đúng, hiểu đúng rồi thì đời sống hết sức tốt, thăng tiến từng ngày trong công phu và gìn giữ được thân, khẩu, ý mình rất tốt.

"Ngươi nên nương nơi Chánh kiến bất động, chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường, đối với các bậc phước điền nên vui vẻ cung kính cúng dường thì các ngươi cũng được người, Trời tôn trọng cung kính cúng dường".

Hiểu nhân quả cũng là một phần chánh kiến của đạo Phật. Thấy chuyện xảy ra rồi nó mất là đoạn kiến, hoặc thấy nó còn hoài là thường kiến. Khi chúng ta thoát khỏi tà kiến đoạn thường, có cái thấy biết chánh kiến là chúng ta đã sống tốt theo con đường thiện nghiệp.

Người Phật tử tôn trọng cúng dường bậc trưởng thượng, các vị Hòa thượng, các vị Thượng tọa là ngay trong đời này người đó được những người xung quanh tôn trọng, được những vị cõi trời cũng tôn trọng và hộ vệ. Phước báo trang bị tốt nhất cho chúng ta trong dòng sanh tử luân hồi, đó là vốn của mình, nên mỗi người phải tự khéo léo gìn giữ đừng để tổn giảm phước lành, rất uổng. Mỗi một ngày còn lại trong đời này là mỗi ngày phước báo chúng ta phải tăng. Trí tuệ mỗi ngày mỗi khai mở để chúng ta thấu hiểu được chân lý, để thăng tiến tâm linh từng ngày, cho tới ngày chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

VĂN KINH

A. THẬP THIỆN

Long Vương nên biết! Bồ Tát có một pháp hay đoạn dứt tất cả khổ trong đường ác. Pháp đó là gì? Là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ, quán sát pháp lành, khiến cho các pháp lành mỗi niệm mỗi niệm tăng

trưởng, không để mảy may pháp bất thiện xen lẫn. Đó là khéo làm cho các pháp ác dứt hẳn, thiện pháp viên mãn thì thường được gần gũi chư Phật, chư Bồ Tát và hàng Thánh chúng khác. Pháp lành là thân của người, trời, giác ngộ của Thanh Văn, giác ngộ của Độc giác, giác ngộ của Phật, đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là pháp lành. Pháp này là con đường mười nghiệp lành. Những gì là mười? Là hằng lìa dứt sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

Ngày chúng ta phát khởi tâm quy y đạo Phật là ngày đó chúng ta quỳ hứa trước Tam Bảo mình đóng bít ba con đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba con đường ác này là nhân của tham dục, của bỏn xẻn và ác độc. Tức là mình không còn làm khổ người, không còn vì cái lợi của mình mà làm bất lợi người, không vì tham dục mà làm thành cuộc sống này. Ba nhân ác để đi xuống ba con đường ác chúng ta không tiếp tục.

Đức Phật dạy: Chư Phật có một pháp đóng bít ba con đường ác. Nếu chúng ta thường xuyên tu hành đúng pháp Phật thì không bao giờ mở cửa ba con đường ác. Dù chúng ta chưa công phu gì tốt, nhưng nếu một niệm suy nghĩ nhỏ nơi tâm thiện pháp nảy nở thì đảm bảo không bao giờ đi đến ba con đường ác.

"Mỗi niệm mỗi niệm tăng trưởng, không để mảy may pháp bất thiện xen lẫn".

Chúng ta vì việc riêng tư của mình nên phải nghĩ, phải làm, gây bất lợi cho người khác ở hiện tại và tương lai thì đó là ác niệm. Còn suy nghĩ của mình liên quan đến lợi ích cho nhiều người, cho bất kỳ ai ở hiện tại và tương lai thì gọi là thiện. Trong lòng chúng ta lúc nào còn vì mình để

nghĩ, vì mình để nói, vì mình để làm thì coi như ác niệm, ác pháp và hành động đó sẽ đưa chúng ta đến con đường xấu.

Người nào vị kỷ thì ác, người nào vị tha là thiện. Nếu hiểu biết đúng thì đời sống chúng ta không bao giờ làm chuyện riêng tư cho bản thân mình. Mình và tất cả chúng sanh có sự liên hệ rất mật thiết với nhau. Hay nói khác hơn, tất cả chúng sanh đối với chúng ta là bậc "đại ân nhân" thì chúng ta không bao giờ có ý niệm ác với họ. Chỉ cần chúng ta không thương mến, không kính phục những người chung quanh là đã tạo nghiệp ác rồi. Do đó, Đức Phật dạy chúng ta phải gìn giữ tâm mình, đừng cho bất kỳ ý niệm ác nhỏ nào xen lẫn vào.

Trong lúc chúng ta công phu, Đức Phật dạy người nào tâm thường xuyên gìn giữ để ý niệm thiện luôn xảy ra nơi mình, không hề có bất kỳ một ý niệm ác nào phát khởi thì người đó thường được gần gũi chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư vị Thánh chúng và được các vị gia hộ. Nếu tâm không nghĩ thiện thuần thì chúng ta sẽ không được thăng tiến ở những cõi cao hơn, vì từ cõi trời trở lên là những cõi thiện.

Vì vậy Đức Phật nói, muốn dứt ba con đường ác là tâm phải toàn thiện, cho tới niệm thiện viên mãn. Trong đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta luôn luôn nghĩ đến điều lợi ích cho người khác. Ngược lại, người khác có làm bất lợi cho mình, mình cũng không được quyền có chút ác ý với họ. Vì nếu họ làm gì tổn thương tới mình, mà mình có ý niệm ác thì coi như tâm chúng ta bị vẩn đục. Tâm chúng ta nghĩ ác là không tương xứng với cõi lành cấp cao hơn. Cho nên, dù mình tu cỡ nào, có ngồi thiền, có nhập định, buông ra mình vẫn còn nói ác, vẫn còn nghĩ ác thì con đường lành chúng ta không thể đi được.

Có lúc chúng ta nghĩ thiện, có lúc nghĩ ác. Nghĩ thôi nhưng chưa làm, thỉnh thoảng chúng ta cũng khởi bực lên, cũng nguyền rủa người ta trong bụng, ngoài miệng thì ráng dằn, nhưng chỉ cần khởi chút xíu đó thôi là ác ý bắt đầu phát sanh nơi tâm chúng ta.

Nếu tất cả những người ở đây đều phát khởi thiện tâm, thiện niệm thì nó sẽ tạo dòng xoắn rất thanh tịnh, tốt đẹp. Nó không phải chỉ làm tốt đẹp vùng chúng ta ở, mà còn ảnh hưởng xung quanh và lan tỏa đi nhiều nơi. Cho nên, chỉ cần nghĩ thiện thôi, chưa có làm gì, không ai biết nhưng có những cõi họ tiếp nhận được ý niệm thiện của chúng ta mà họ được thăng tiến đẳng cấp tâm linh, có khi họ hóa giải được những nghiệp thức thì chúng ta có phước rất lớn.

Nếu giữa chợ mà chúng ta niệm Phật được thì phước báo còn lớn hơn ở Chùa. Vì ở chợ là chỗ tâm tranh giành, hơn thua, bóc lột, lấn hiếp, quỷ quyệt, ít có tâm lành. Thành ra giữa chợ niệm Phật giống như hoa sen đang nở giữa đám lửa mà chúng ta giữ được tâm yên thì rất quý.

Vì vậy, trong các thời Đức Phật thuyết Pháp có Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ma hầu la già, Khẩn la na tới tham dự, nhưng người trong pháp hội không ai biết. Chỉ có Đức Phật và các vị Thánh chúng mới thấy, còn người bình thường chỉ thấy Đức Phật nói Pháp cho một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo nghe. Bất kỳ thời trùng tuyên Chánh pháp của Đức Phật nào vẫn có những vị Long Thiên gìn giữ Chánh pháp, họ xuất hiện ở xung quanh đó nhưng chúng ta không thấy.

Cõi vô hình vẫn nghe chúng ta nói chuyện, họ tiếp nhận qua sóng thức của mình. Cho nên người nào luôn nghĩ thiện thì có lợi cho mình và có lợi cho cả vùng chúng ta

đang ở. Chùa nào có Tăng Ni, Phật tử tu tốt, nhà nào, gia đình nào tu tập tốt, chúng ta tới đó cảm nhận được khí lành phát ra làm trong sáng hết cả một vùng và có cảm nhận nhẹ nhàng. Còn gia đình nào hoặc nơi nào thường nghĩ ác, thường nói ác, thường làm ác thì mình là người tu ở trong đó nghe ngộp, vì tâm mình không phù hợp với cảnh giới ác đó nên ở lâu không được. Có những ngôi Chùa mình vô thích ở hoài không muốn về, vì ở đó có quá nhiều thiện tâm khiến cho vùng đó trở thành thanh tịnh. Tâm mình bất an tới đó mình cảm nghe có gì nhẹ mà mình không hiểu hết.

Khi chúng ta tu tập tốt, thiện tâm làm cho khí sắc chúng ta lộ ra trong sáng, khiến người khác thích gần gũi để họ hưởng được sự an lạc thanh tịnh của mình, đó là người thiện tâm viên mãn. Làm thiện thì chúng ta được sanh cõi trời gần nhất là cõi trời Tứ Thiên Vương. Có thiền định chúng ta mới lên cõi trời cao hơn như cõi trời Đao Lợi, cõi trời Đế Thích. Cõi trời Tứ Thiên Vương các vị hay xuống cõi Ta Bà phát nguyện tu tập tiếp hoặc ủng hộ Phật pháp. Các vị có đời sống hết sức tốt đẹp, nếu hưởng hết phước cõi trời mà không biết tu thì có thể họ xuống tầng sâu hơn tầng người.

Khi chúng ta hết nghiệp người, trở lại sanh làm người gọi là người có chút thiện tâm, đang ở trong pháp lành của chư Phật. Pháp lành của cõi người là chúng ta giữ gìn trọn vẹn năm giới, phát ý niệm thương mến những người chung quanh. Ở trong pháp lành của chư Phật mới được làm người đời sau chứ không dễ.

Đức Phật khẳng định: Một người được sanh về cõi người, hoặc sanh về cõi trời, hoặc chứng quả A La Hán, hoặc chứng quả Bích Chi Phật, hoặc chứng quả Bồ Tát đều từ nền tảng thiện tâm mà ra. Nếu người đó trong tâm còn

nghĩ ác thì không được gọi là Thánh. Ít ra thiện tâm họ gần như viên mãn thì phước báo mới đủ lớn, mới có khả năng chứng quả Thánh Hiền. Muốn vậy thì đời này chúng ta phải là một người Thánh thiện, Thánh không thể ác, Thánh phải thiện.

Kinh Thập Thiện là nền tảng của các bậc Thánh Hiền, cũng là bàn đạp để chúng ta có thể vọt ra khỏi tam giới, được chứng quả vị Phật hoặc Bồ Tát. Nếu chúng ta không thông Thập Thiện, không thực hành Thập Thiện được thì những quả cao hơn chúng ta khó chứng.

VĂN KINH

1. Sát sanh

Long Vương! Nếu xa lìa sát sanh thì được thành tựu mười pháp không bức não. Những gì là mười? Một: Bố thí đức vô úy cùng khắp chúng sanh. Hai: Thường khởi lòng từ bi đối với chúng sanh. Ba: Dứt sạch tập khí giận hờn. Bốn: Thân thường không bệnh. Năm: Mạng sống lâu dài. Sáu: Thường được phi nhân ủng hộ. Bảy: Thường không ác mộng, thức ngủ an vui. Tám: Diệt trừ oán kết, oán hận tự giải. Chín: Không sợ rơi vào đường dữ. Mười: Khi chết sanh lên cõi trời.

Đó là mười. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại.

Đức Phật dạy chúng ta không được sát sanh mà còn thương yêu cứu giúp chúng sanh, đem an vui lợi ích cho muôn loài, đó là từ tâm của đạo Phật. Một chúng sanh dù nhỏ nhít nó vẫn có sinh mạng và quý trọng sinh mạng của nó, nó vẫn muốn sống chứ nó không muốn chết. Theo cái nhìn của chư Phật và chư vị Thánh Hiền, các vị Chư Thiên thì các Ngài nhìn cái mạng của mình cũng tương đương với

cái mạng của một con kiến. Mạng của con kiến so với mình là nhỏ nhưng đối với các Ngài nhìn thân mạng mình cũng nhỏ xíu như con kiến bò dưới đất không có gì khác. Nhưng các Ngài vẫn quý trọng sinh mạng của mình và chúng sanh muôn loài.

Nếu mình có tu tập, có hiểu biết thì mình cũng sẽ tôn trọng mạng sống con kiến mặc dù nó rất nhỏ. Đây là lẽ công bằng, đây là trật tự của vũ trụ. Các loài được quyền sanh ra và được quyền để sống, bất kể là loài nào. Thứ nhất là quyền tự do, thứ hai là quyền để sống và nếu nói đến loài người thì có thêm quyền thứ ba là quyền được mưu cầu hạnh phúc cho cá nhân mình. Đây là ba quyền mà không có chế độ xã hội nào được quyền bát bỏ. Ba quyền tối thượng này không ai được phạm tới, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền được tự do và quyền để sống.

Một người hiểu biết là họ tôn trọng quyền để sống, mà bây giờ vì việc sống của mình mà xâm phạm giết hại chúng sanh khác là mình không tôn trọng sự sống của muôn loài. Tất cả chúng sanh từ loài người cho đến các loài khác chúng ta phải biết tôn trọng mặc dù một sự sống rất nhỏ. Để thấy rằng Đức Phật dạy chúng ta không được sát sanh là vì ảnh hưởng đến từ tâm của người con Phật. Ngài dạy phải làm lợi ích cho chúng sanh muôn loài mà mình sát sanh là trái nghịch với điều Đức Phật dạy. Người làm tổn hại đến muôn loài thì từ tâm không thể có, từ tâm không có thì trí tuệ không có. Dù là một sinh vật nhỏ nhít vẫn nó vẫn có tâm linh. Chúng ta thử tới gần một con kiến hay một con vật nhỏ bé, dẫm chân lên nó, nó sẽ sợ hãi bỏ chạy là vì nó sợ hãi sự giết chóc. Nó muốn giữ gìn mạng sống của nó nên nó chạy mà chúng ta cố tình rượt đuổi để giết nó thì rõ ràng

tâm ác mình vẫn còn. Người mà ác tâm còn thì tâm còn cấu nhiễm không thể sâu vào thiền định.

Với cái thấy nhìn của Đức Phật, Ngài rất tường tận về việc sát sanh. Khi chúng ta phát tâm vì lợi ích chúng sanh muôn loài một cách kiên định thì sẽ không bao giờ giết hại những chúng sanh nhỏ nhít. Đức Phật thấy rất rõ về nhân quả của nghiệp sát, tuỳ mức độ chúng ta sát sanh chừng nào thì mình sẽ trả nhân quả chừng đó.

Đối với những chúng sanh nhỏ nhít, tuy phước của nó không thể so với phước loài người được. Không thể so, không phải là chúng ta coi thường sinh mạng của nó. Đây là tính bình đẳng và lòng từ của Đức Phật. Tất cả chúng sanh muôn loài dù chưa được tiến hóa tầng bậc cao nhưng Đức Phật vẫn thương, vẫn tôn trọng và quý sinh mạng của nó. Nên Ngài dạy chúng ta không được xâm phạm, không được sát hại. Khi nào chúng ta được như vậy thì những cấu nhiễm nơi tâm hy vọng sẽ hết và thiền định sẽ thăng tiến dễ dàng.

Người không sát sanh sẽ có mười điều lợi ích.

"Một: Bố thí đức vô úy cùng khắp chúng sanh". Thứ nhất, không sát sanh là chúng ta ban phát sự không sợ hãi khắp muôn loài. Ví dụ, tâm chúng ta không sát sanh thì con muỗi nó chích mình no xong nó bay đi, nó không có sợ. Nhưng ý niệm sát sanh của mình phát sóng nên con muỗi sợ, nó bay vòng vòng một hồi nó mới chích. Loài dễ cảm nhận thiện tâm con người nhất là chim, những chỗ không sát sanh nhất là Chùa chim đến lám tổ rất đông vì ở đó người ta không bắn giết nó.

Nếu chúng ta bố thí tâm không sợ hãi với tất cả chúng sanh muôn loài thì con kiến bò ngang chúng ta nó không có chút sợ hãi. Từ chỗ thiện tâm chúng ta quá lớn, con vật nó

cảm cho nên khi gần mình nó không sợ. Bất kỳ loài nào như chó, mèo, chuồn chuồn, dế, kiến tới gần mình nó không sợ, không chạy nhưng nếu người còn tâm sát sanh khi tiếp cận con vật là nó rất sợ hãi.

Nếu thiện tâm chúng ta đủ, lòng thương chúng ta đủ thì đặc biệt là chúng ta đi đến đâu loài thú sẽ tiếp cận chúng ta rất dễ dàng. Chính bản thân người đó không sợ thú độc, ngược lại thú độc khi tiếp cận người này cũng tự động tạo sự thân thiện, nó không có ý bảo vệ và hơn thua với mình. Người tu cảm được tới mức độ này thì biết thiện tâm chúng ta lớn. Có một số Chùa ở núi mỗi lần tụng Kinh là có rùa, rắn vô Chùa nghe tụng Kinh xong nó đi. Những loài thú tuy nó không suy nghĩ, không hiểu biết, không nói tiếng người được nhưng sóng ác, sóng thiện phát khởi từ con người nó nhận được.

"Hai: Thường khởi lòng từ bi đối với chúng sanh". Khi khởi lòng từ bi đối với chúng sanh thì chúng ta thương yêu được tất cả chúng sanh muôn loài. Muốn thương yêu chúng sanh thì chúng ta phải hiểu một điều: "Chúng ta là một chúng sanh bị sanh tử trong cõi này trải qua vô lượng kiếp rồi, mỗi kiếp chúng ta có một cha và một mẹ sanh ra". Có nghĩa, một kiếp chúng ta có hai người ơn và bao nhiêu kiếp là hằng hà sa số người ơn trong cõi này. Nếu người ơn đó trong lúc nuôi nấng chúng ta làm ăn đàng hoàng không tạo tội thì họ có thể trở lại làm người trong kiếp này. Nhưng có khi vì nuôi chúng ta trong lúc bệnh hoạn, trong lúc gia đình khó khổ nên cha mẹ làm ác thì có thể họ bị đày đọa làm loài thấp hơn và không thoát ra được.

Như vậy, nếu là người hiểu biết thì chúng ta thấy tất cả chúng sanh là thân thuộc, là ân nhân của mình. Ân nhân này đang lầm lạc trong sanh tử luân hồi, họ chưa có điều

kiện học hiểu Chánh pháp. Không có cơ may thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, không có cơ may hưởng sự an lạc trong cảnh giới Phật pháp, cho nên chúng ta phải phát khởi lòng yêu thương. Khi chúng ta phát khởi lòng yêu thương họ thì không ai đi giết người ơn cả mà tìm cách giúp cho họ quay về với Chánh pháp.

"Ba: Dứt sạch tập khí giận hờn". Nếu chúng ta thường xuyên không nghĩ ác, dù một con kiến chúng ta cũng không nỡ ra tay giết. Như vậy, tâm hơn thua giận hờn của chúng ta lần lần được tiêu mòn. Tâm chúng ta không bao giờ nghĩ ác thì hành động ác sẽ không có, không nói lời ác và tập khí giận hờn nhiều đời nhiều kiếp cũng theo đó tắt đi. Còn chúng ta thường hay giận hờn là tập khí còn nhiều nơi tâm, chứng tỏ ác nghiệp còn thì ba đường ác chưa đóng kín.

"Bốn: Thân thường không bệnh". Nhân quả của người nhiều đời không sát sanh thì đời này sanh ra không có bệnh, có sức khỏe rất tốt. Tôi gặp bà cụ năm nay bảy mươi tám tuổi chưa có một lần bị bệnh cảm, nước da rất đặc biệt và đôi bàn tay bà có nhiều năng lượng. Nếu lỡ xúc phạm tới con kiến là bà ân hận mấy ngày. Ý niệm không sát sanh nhiều đời quá rõ nơi tâm bà. Bà chưa từng cạo gió, chưa từng bị cảm nóng lạnh. Khi chúng ta không sát hại chúng sanh, nếu được sanh ra làm người thì tâm không bệnh, tâm không nghĩ ác, tâm không giận hờn, tâm không thù hằn và thân chúng ta không bệnh tật.

"Năm: Mạng sống lâu dài". Thường người không sát sanh thì ứng được quả lành kéo dài tuổi thọ và không bệnh.

"Sáu: Thường được phi nhân ủng hộ". Phi nhân thường là cõi cao hơn cõi người, mà người ta thường hay

dùng từ bình dân là người khuất mặt khuất mày, người cõi trên. Nếu tâm chúng ta lành, cảm được người cõi trên thì họ sẽ giữ gìn thủ hộ chúng ta.

Ví dụ, trong thời chiến tranh chúng ta muốn đi con đường đó, tự động có cái gì cản trở khiến mình không đi đường đó nữa, sau đó đường đó có bom nổ hay sụp đất. Hoặc trong việc làm ăn, thay vì mình tính toán món hàng mình dự trữ thời gian sẽ tăng giá có lời, nhưng khiến có gì cản trở mình mua món khác, một thời gian thì món hàng đó lại bị sụt giá mà món mình mua lại tăng giá.

Những tác ý của các vị phi nhân lạ lắm. Đôi lúc họ có sự tác ý nhưng mình nghĩ đó là ý nghĩ của mình. Ví dụ, mình đã từng làm thiện tự động họ tác ý để chúng ta có đủ phương tiện tiếp tục làm thiện nữa, hoặc tác ý cho chúng ta làm việc này việc kia có tiền để chúng ta đủ phước làm thiện. Còn nếu chúng ta làm ác sẽ có tác ý khiến chúng ta bị thất bại, không đủ tiền, không đủ phương tiện tiếp tục làm ác. Đó là dạng ủng hộ mình hoặc ngăn chặn việc làm ác của mình.

Nếu nhiều đời, nhiều kiếp chúng ta đã là người không sát sanh, hoặc ngay trong kiếp này chúng ta tu tập tốt thì tất cả chúng ta đều được thiện phi nhân ủng hộ. Được họ ủng hộ thì chúng ta rất yên tâm, vì trong lúc chưa mở được huệ nhãn thì mình là một phàm phu, cái thấy nhìn của chúng ta rất hạn cuộc, chỉ thấy việc trước mắt thôi, còn phi nhân có khi họ thấy được việc xa hơn mình. Cho nên thường những người làm thiện hay gặp may, hay được những lợi lạc ngoài ý muốn.

Đôi khi đi Chùa chúng ta cầu không được mà bạn mình cầu được. Thực sự cầu được ước thấy là do phước của mình. Phước mình ngang tầm đó, nếu mình không cầu

chuyện đó vẫn tới với mình. Muốn được điều gì là xuất phát từ mình trước. Ví dụ, muốn được phi nhân ủng hộ là chúng ta phải tu thiện, muốn được hưởng vật chất an ổn trong cõi này người đó phải đủ phước đức và đủ thiện tâm. Còn không đủ phước là đời này chúng ta phải vất vả về mặt vật chất.

Ngay cõi đời này chúng ta đã kém phước rồi thì đừng hy vọng mình sẽ ở cõi cao hơn. Cõi cao hơn cõi người là những cõi để hưởng phước. Nếu vật chất chúng ta khó khăn mà còn không biết làm phước thì lại bị khó khăn thêm nữa ở những đời kiếp sau. Chúng ta an hưởng mà không có làm lợi cho ai thì chắc chắn mình sẽ đi xuống.

Tất cả những ý niệm thiện ác của chúng ta không chỉ có Đức Phật biết mà các cõi cũng biết, gần như có hàng loạt máy quay phim đang quay chúng ta từng phút giây một. Chúng ta ngủ cũng bị quay, thức cũng bị quay, ở chỗ kín cũng bị quay, ở chỗ trống cũng bị quay, gần như chúng ta bị sự quan sát không phải của một cõi mà rất nhiều cõi.

Thiện tâm chúng ta đủ, phước đức đủ, tự động chúng ta được ăn ngon ngủ yên. Người nào còn lo lắng chuyện này chuyện kia thì biết thiện tâm chưa có. Nhiều khi mình ngủ chỗ lạ mình sợ hãi không dám ngủ thì biết rằng tâm thiện mình không đủ, mình không tự tin để có giấc ngủ yên. Người đủ thiện tâm phước đức, có ngủ giữa trời họ cũng biết có người gìn giữ nên họ không có sợ. Không ai có thể hại người đầy đủ thiện tâm phước đức, chỗ nguy hiểm họ dám tới và họ sẽ bước ra khỏi chỗ đó rất bình an. Còn thiện tâm phước đức chúng ta không đủ thì không được sự thủ hộ của phi nhơn hoặc bậc cao hơn.

Việc xảy ra tai nạn hay khó khăn với mình là do không có người đỡ phụ. Người đó sẽ tự lo và thấy sợ hãi

khi đến chỗ vắng, sợ hãi khi ngủ chỗ lạ, sợ hãi khi làm việc. Khi chúng ta đủ thiện tâm và phước đức, gần như chúng ta muốn làm cái gì cũng được và thành công một cách rất lạ theo ý muốn của mình. Có những tính toán trong đời sống này mình nghĩ là mình phải tính toán cho kỹ mới sanh lợi, đó là người chưa đủ phước, chưa đủ thiện tâm. Chứ người có đủ phước, đủ thiện tâm rồi thì họ nghĩ kinh tế nào đó thì họ cứ làm thôi và lạ lắm nó sẽ thành công rất tốt đẹp. Vì có phước sẽ hưởng được vật chất sung mãn, còn thiếu phước vật chất sẽ khó khăn.

Ví dụ, mình là người Việt Nam, mình muốn đi xứ nào đó rất lạ, rất xa, thậm chí xứ đó mình chưa từng quen ai. Nếu người có đủ thiện tâm phước đức thì không cần lo, tại họ biết đi tới xứ đó cũng có người ủng hộ họ, mà thiệt tới đó tự động có người ủng hộ giúp đỡ. Người có phước gần như đi tới đâu không phải chỉ cõi người mà còn có cõi vô hình ủng hộ. Luôn luôn chúng ta có sự gìn giữ rất tốt đẹp, cho nên đời sống vật chất chúng ta không hề thiếu thốn. Mặc dù chúng ta đi ở xứ lạ quê người, dù chưa có sự nghiệp gì trên đất xa lạ đó nhưng chúng ta rất yên tâm, chắc chắn mình sẽ có một công việc đàng hoàng, sẽ có chỗ ở đàng hoàng nếu chúng ta có phước.

Cũng vậy, nếu ai gần chết thấy lo lắng nhiều thì biết phước báo thiện tâm của họ chưa đủ để đi vào cõi khác. Người đủ thiện tâm và phước đức thì họ không sợ chết, không sợ đến cảnh giới lạ. Phước họ đủ đến cõi mới, đủ sống bình an, thiện tâm đủ đưa họ về cõi lành. Nếu chúng ta không tu tập, không biết mình sanh về cõi lành hay cõi dữ, chết khó khăn, chết trong sợ hãi thì biết rằng trong đời này người đó có nhiều lỗi lầm.

"Bảy: Thường không ác mộng, thức ngủ an vui".

Nếu chúng ta không gặp ác mộng là thiện tâm chúng ta lớn. Trong Kinh nói có các loại mộng: Thứ nhất là ác mộng, thứ hai là thiện mộng, thứ ba là ảnh hưởng sinh lý, thứ tư là ảnh hưởng tâm lý, thứ năm là do phi nhân mách bảo.

Nếu tâm chúng ta còn nhiều niệm ác, còn thù hằn người này người kia nhiều quá thì chắc chắn nằm ngủ sẽ gặp ác mộng, bị người rượt đánh, hoặc bị thú dữ rượt. Nếu chúng ta hết nghiệp ác, nằm mộng có khi chúng ta thấy Phật, thấy Bồ Tát, thấy những cảnh giới lành, thấy được đi tới cảnh giới thật đẹp mà từ xưa tới giờ mình chưa từng thấy, gọi là thiện mộng.

Hoặc chúng ta nằm bị cấn gối máu không lưu thông thì ngủ có thể thấy mộng nào đó do ảnh hưởng sinh lý. Còn mộng thuộc dạng tâm lý, có nghĩa ban ngày chúng ta nghĩ điều gì đó thầm kín thì tối đó chúng ta nằm mộng. Hoặc chúng ta tính toán việc gì mà mình làm không xong thì tối nằm mộng thấy mình làm được.

Mộng do thiện thần mách bảo là do chúng ta tu hành tốt, thiện tâm đủ. Ví dụ, mình nghĩ sẽ làm gì đó thì đêm đó ngủ có người bảo thôi đừng làm, vì làm điều đó không tốt, mình nghe lời không làm thì không bị thất bại. Hoặc mình băn khoăn không biết nên làm việc đó không thì đêm đó nằm mộng được thiện thần mách bảo nên làm vì chuyện đó rất tốt, rõ ràng chúng ta làm thì thành công. Hoặc chuẩn bị xảy ra chuyện xấu, thiện thần mách bảo chuyện đó sẽ xảy ra, chúng ta biết trước để chuẩn bị thì sẽ bớt đi tai nạn xấu cho mình.

Đức Phật dạy, lợi ích thứ bảy của việc không sát sanh là ngủ không thấy ác mộng, cả khi thức lẫn ngủ chúng ta đều an vui. Những người sát sanh có ngủ ngon giấc không? Ví dụ, chúng ta gây thù hiềm với ai thì tối nghe đi phình

phịch nghĩ nó tới rồi đó, trong này bắt đầu thủ dao thủ búa chuẩn bị chống chọi thì chắc chắn giấc ngủ không an. Đang ngủ mà có tiếng động làm chúng ta phải giật mình là chúng ta đã có kẻ thù rồi. Nếu một người hoàn toàn trong tâm không có kẻ thù thì người ta có đi nhiều đi ít, tiếng động cỡ nào, nửa đêm hay đầu hôm không bao giờ có chuyện giật mình lo lắng. Dù đi giữa đám đông cũng thấy an lạc, ở một mình trong rừng vắng cũng thấy an lạc.

Nếu có tạo ác thì đi giữa đám đông chúng ta không biết kẻ thù mình ở đằng trước hay sau lưng. Không biết kẻ thù mình nó rình chỗ nào, nhất là đi đoạn đường vắng không có người thì mình rất lo. Vì kẻ thù chúng ta không phải trong đời này mà nó có quá nhiều đời, nhiều kiếp, nó núp rình chỗ nào để hãm hại mình. Cho nên, người còn ác niệm nơi tâm thì thức bất an và ngủ thì gặp ác mộng. Người thiện tâm đủ thì dù có thức, có sinh hoạt, có đi đứng chỗ nào đi nữa vẫn thấy an vui. Ngủ thì an lạc, trước khi ngủ cũng chẳng có gì phải lo lắng, sau khi mở mắt để tiếp nhận một ngày mới trong tâm an lành của mình, chứng tỏ thiện tâm chúng ta đang tu tập tốt.

"Tám: Diệt trừ oán kết, oán hận tự giải". Chúng tôi biết một người có nghiệp hay ăn mặn và uống máu tươi mấy con vật. Bữa đó người này lỡ uống máu con chồn hương, khi chết rồi nó uất hận nên đi theo người này. Người này sự nghiệp gần như bị phá nát với những oán kết, sẵn sàng giết chồng giết con của mình bất cứ giờ phút nào. Lâu lâu uất lên là muốn giết người chứ không bao giờ muốn tha ai. Lòng uất hận của nó theo phá khi nào người này đọa địa ngục nó mới vừa ý. Đây là điều rất khó hóa giải.

Oán kết do sát sanh khủng khiếp lắm. Trong Phật pháp có rất nhiều mẫu chuyện về oán kết như câu chuyện

của ngài Ngộ Đạt Quốc sư. Oán kết của sát sanh nếu chúng ta không có đủ lực tu hóa giải thì nó đeo đẳng hoài từ đời này đến kiếp nọ. Khi nào họ cảm thấy thỏa mãn mới buông tha, còn không thỏa mãn thì không bao giờ buông tha. Thỏa mãn là chúng ta đủ đức để hóa giải hận thù này, thứ hai là công lực tu hành tốt chúng ta hồi hướng để giải quyết oán kết này, thứ ba là phải gặp một vị thực sự đức độ để họ siêu độ cho oán kết này. Còn không được ba điều kiện đó là chúng ta sẽ bị đeo đuổi suốt đời này và mãi mãi những đời sau. Việc sát sanh ăn mặn hết sức nguy hiểm. Chúng ta may mắn được tu tập theo Đại thừa ăn chay để hạn chế oán kết.

Trong loài kiến thì con kiến chúa có tánh linh cao hơn, do đó khi bị giết thì sự thù hằn của nó rất lớn. Hoặc trong rừng có cây lớn chúng ta đụng tới là coi chừng. Trong truyện Tam Quốc Chí, Tào Tháo cưa cây bị oan trái hộc máu cho tới chết. Loài thú cũng vậy, hoặc loài rắn, trong một bầy có con rắn chúa màu trắng nhỏ xíu, có khi chúng ta bắt hết một bầy nhưng con rắn chúa ra sau nó có khả năng giết mình. Nếu chúng ta giết loài đó thì sẽ bị oán kết, tức là nó không tha mình, tâm thức nó không siêu nên thù hằn kéo dài.

Nhất là loài người giết loài người thì rất khó gỡ. Có khi tranh giành quyền lợi thôi, mình được quyền lợi đó mà người ta không được, người ta tự vận chết là oán này nhiều đời không gỡ ra được. Oán kết nếu chúng ta hiểu được thấy rất dễ sợ. Ai có kinh nghiệm sống thấy điều này rất nhiều. Những bà mẹ có lần phá thai thì cuối đời rất đau khổ, khó ai được yên ở giờ phút cuối, vì cái vong đó hận mình lắm, muốn hóa giải điều này thì người đó phải khéo.

Có một bà là Phật tử đã phá thai một lần cách đây bốn mươi năm. Tối bà ngủ nó rinh chỏng đầu giường cho

bà rớt xuống đất, bà đang coi tivi nó cào rột rột trong tivi, nếu bà mở máy tụng chú nó càng quậy dữ dội thêm. Bốn mươi năm bà chưa từng có giấc ngủ yên, chợp mắt ngủ nó không nắm đầu thì cũng nắm chân, nó giựt mùng giựt mền. Tôi chỉ cho bà cách làm như sau:

Lập một bàn thờ tại nhà, kề bên bàn thờ Cửu huyền thất tổ, cúng mỗi ngày. Mỗi ngày đều đứng trước bàn thờ cúng một bữa ăn và phải năn nỉ khởi ý thương giống như thương đứa con còn sống của mình. Mỗi lần mời nó về ăn cơm là nói với nó: "Mẹ rất thương con, nhưng lúc đó vì hoàn cảnh mẹ vuột con chớ mẹ không cố tình giết con. Bây giờ nếu lỡ con có chết, xin con tha thứ cho mẹ. Mẹ sẵn sàng làm tất cả những điều lành để hồi hướng phước báo tu tập cho con. Kể từ đây có làm phước gì mẹ cũng hồi hướng về để siêu độ cho con".

Cúng tại nhà đúng bảy tuần, rồi liên hệ với một Chùa nào gần đó nhất, xin Thầy trụ trì được đem linh vị nó thờ trong Chùa. Ngày cuối cùng trước khi mang linh vị nó đi, thì cũng phải cúng vái đàng hoàng một mâm cơm cuối cùng và nói với nó: "Mẹ có công việc rất bận rộn, không thể thường xuyên mỗi ngày mỗi cúng được. Nếu mẹ không cúng được thì con sẽ bị đói khát, mẹ rất thương không muốn điều này xảy ra. Mẹ không đủ đức để cho con được siêu thoát, nên con về Chùa tên là… Địa chỉ ở Số… Xã… Phường… Quận … Thầy trụ trì tên là…. (Địa chỉ chùa và tên Thầy trụ trì phải đọc rõ, tên Chùa, xã, phường, quận). Thầy trụ trì đã cho phép con vào chùa để nhập chúng rồi. Và lý do về Chùa có nhiều cái lợi. Lợi thứ nhất là ở Chùa trưa có cúng xuất sanh, chiều có cúng thí thực, con được ăn hai bữa no đủ. Thứ hai con được nghe Kinh hoặc nghe giảng Kinh để con được siêu thoát, con về cõi lành. Thứ ba chúng trong

Chùa rất đông, con sống trong Chùa vui vẻ, chứ không có cô đơn như con theo mẹ từ trước tới giờ. Vì ba điều lợi đó mà mẹ đưa con tới Chùa chứ không có ý khác, mong con hiểu cho mẹ".

Lúc đó bưng mâm cơm cuối cùng ra cúng ở ngã ba đường. Từ nhà mình ra có đường đi ngang là thành ngã ba. Đem tất cả những đồ cúng ra để ngoài mâm, cúng xong rồi là cầm cái linh vị nó đi thẳng tới Chùa luôn, không được quay lưng trở về trong nhà. Đến cổng Chùa phải xin Hộ pháp: "Ngày hôm nay con dẫn con của con tên là…(đặt tên cho nó trước khi cúng) chết ngày… (nếu nhớ càng tốt). Hiện nay Thầy trụ trì Chùa này cho phép con đem linh vị con của con tên là…, được vô ở trong Chùa để nương Chùa tu. Xin Hộ pháp cho con đưa con của con vào".

Vào trong xin Thầy trụ trì làm buổi lễ quy y cho nó. Quan trọng nhất khi đem linh vị lại bàn vong, Thầy trụ trì phải biết nói với những vong trong Chùa: "Hôm nay Thầy cho nhập chúng mới tên là… Pháp danh… ở trong Chùa này được nương chúng tu hành. Đề nghị những vong cũ không được ăn hiếp nó, cho nó ở chung". (Chứ nếu không các vong khác nó đánh bạt đi, không ở được.)

Bà làm đúng như vậy và rất mừng báo tin thành công, được ăn ngon ngủ yên. Tuần sau bà lại báo nó quậy tiếp vì bà mở băng tụng Kinh Lăng Nghiêm. Nó rất thù thần chú, vì lúc bà bị nó quấy phá, nó đã bị đưa đi rất nhiều thầy. Mỗi thầy có một chú bắt ếm trói nhốt để đừng cho nó vuột ra, do đó nói tới thần chú nó rất giận. Vuột ra một lần là nó mãnh liệt gấp trăm lần, cho nên trong nhà có tụng chú Đại Bi nó vẫn quậy, bà chỉ niệm Phật thôi thì hết luôn. Oán kết rất khó giải nếu chúng ta biết cách, còn không nó cứ theo chúng ta đời này kiếp nọ.

Vì vậy, nghiệp sát sanh phải nói nếu từ nhỏ tới lớn chúng ta tránh né được không phạm thì nhẹ nhàng, nếu không thì nó làm mình khổ y như nó khổ. Ai đã có bị oán kết nên khéo hóa giải, nếu chúng ta được duyên lành dẫn dắt. Khi tôi về Chùa mới trụ trì, có một gia đình chưa phải Phật tử, cứ mỗi đêm bà lên Chùa tụng Kinh xong vừa về tới nhà nghe tủ chén làm rột rột đổ đồ tùm lum. Có khi vừa giăng mùng tắt đèn thì đèn nhảy nhảy trên nóc mùng bà ngủ không được. Mới nấu cơm để một chút là thiu nhớt lầy. Tôi chỉ cách này là êm liền.

Khi đã gây oán kết với người khác rồi thì chúng ta phải có lối hóa giải thật sự tốt đẹp. Muốn như vậy trước mắt chúng ta phải thương người đó để họ nhận được tình cảm của mình. Chính tình thương của mình đủ để họ có thể tiếp nhận mới hóa giải được ác nghiệp. Chúng ta phải tu sao cho tốt, tâm lúc nào cũng nghĩ đến họ. Mặc dù họ phá chúng ta rất nhiều, gây cho chúng ta đau khổ, hay làm cho chúng ta thất bại nhưng cũng không được quyền oán ghét. Đừng bao giờ nghĩ trong bụng gặp ông thầy nào đó để bắt nhốt nó, rất nguy hiểm. Có khi nó gây chúng ta thành bệnh mà rất nhiều thầy trị không hết.

Tôi gặp một người bệnh. Hai mươi mốt năm rồi cô luôn bị chảy máu từ cửa mình. Tôi chỉ cô phương pháp ăn theo dưỡng sinh và cách làm, ngay ngày hôm sau cô hết liền. Nguyên nhân chính là lúc cô ta mười chín tuổi rất tinh nghịch, bữa đó gia đình bên cạnh cúng trái dừa trên bàn ông thiên, cô lấy uống, là từ đó trở về sau bị như vậy. Tôi chỉ cô, mỗi ngày cô phải mua một trái dừa ra bàn ông thiên cúng vái và xin lỗi. Cô cúng đúng hai mươi mốt trái dừa, từ đó về sau hết bệnh. Chuyện này không phải oán kết mà do xúc phạm người cao hơn mình thì mình phải có trả lễ đúng

như vậy mới hết.

Có những khi người ta bị bệnh do nghiệp cũ thì phải biết cách sám hối và làm gì đó giải quyết nghiệp cũ. Người bệnh do oán kết thì phải biết giải oán kết. Bệnh do ăn uống, do thời khí phải biết hóa giải từng cái một. Nếu không biết cách hóa giải thì dù ông thầy thuốc có giỏi, cho thuốc hay nhưng dạng bệnh này không bao giờ gỡ ra.

Việc oán kết rất nguy hiểm. Nếu phước nhiều đời chúng ta chưa từng một lần sát sanh, chưa từng giết ai, hoặc chưa giết thú linh thì yên tâm. Nhưng mình đâu biết kiếp trước có làm không, cho nên khi ra đời này chúng ta gặp chuyện trắc trở trong đời sống, mình nghĩ là mình nghiệp nặng, nhưng chỉ một nghiệp là đủ chúng ta khổ một đời, chứ không phải nhiều nghiệp. Nhiều khi nó đeo đẳng tác ý cho mình nói bậy làm bậy, nói không trúng đâu vô đâu để phải bị người ta khinh khi coi thường, bị thất bại hoài trong đời này, khiến cho chúng ta làm đâu bị thua thiệt đó, khiến chúng ta làm gì đó để bị bệnh v.v... Đó là những loại oán kết rất khó gỡ.

Oán hận tự giải là nếu thiện tâm chúng ta đủ, tu tập tốt, không cho bất kỳ niệm ác nào xen vào thì chúng ta sẽ từ từ hóa giải được mối hận cũ. Trong đời này có hai điều mà chúng ta khó hóa giải, thứ nhất là bị người khác thương mình, thứ hai là bị người ta oán ghét. Bị người khác thương thì đời đời họ theo đòi, bị người khác oán ghét thì đời đời họ oán trả.

Nợ tình cảm rất khó trả, lúc đầu họ rất thương mình, mình không đáp trả hoặc mình làm họ sốc là thành oán hận liền. Món nợ đó không biết đời nào mới giải quyết cho xong. Cho nên oán kết thấy vậy chứ rất nguy hiểm, chúng ta tu cố gắng đừng cho chuyện đó xảy ra, đừng bao giờ rớt

vào vực thẳm này. Chúng ta tu mà thù ai quá là không được, chắc chắn chúng ta sẽ theo thù hằn với họ nhiều kiếp. Thương cũng vậy, tu sao nhẹ thương nhẹ thù là chúng ta tu tương đối khá. Làm sao hóa giải được những oán kết thù hận trong đời này, nếu không thì rất nguy hiểm.

Chuyện oán kết này chúng tôi gặp rất nhiều, nói hoài cũng không hết. Người này chưa bao giờ quen biết gì với người kia, tuy họ đã có chồng có con, vậy mà nghe tiếng người kia thôi, chưa gặp mặt là bắt đầu sanh tình ý. Rõ ràng là duyên xưa nghiệp cũ trỗi dậy, bắt đầu mọi chuyện gia đình lộn xộn để phải đổ vỡ đi theo tiếng gọi nghiệp thức.

Khi nghiệp khởi rồi nó phá vỡ mọi khung sáo trong đời sống này. Họ không còn giữ được sĩ diện, không giữ được đời sống bình thường mà đi theo nghiệp. Nghiệp đã lôi rồi thì khó cưỡng, cho nên một là thương, hai là thù đừng bao giờ để cho đậm quá. Ví dụ, những cảm mến phơn phớt trong ý nghĩ chúng ta như chuyện của thầy trò, chuyện của bạn bè, chuyện của cha mẹ, chuyện của huynh đệ, chúng ta nên giữ ở chừng mức nào đó để công phu hóa tán được.

Trong Mười Hai Nhân Duyên, ái nằm thứ tư nhưng nó lại là gốc của sanh tử. Một người phá hết ái mới thoát khỏi sanh tử luân hồi. Ái không phải chỉ thương mà ghét cũng thuộc ái. Có ái tự động có thọ, thương cũng khổ mà ghét cũng khổ.

Chúng ta chiêm nghiệm sẽ thấy oán kết này khủng khiếp lắm. Có người bệnh suốt một đời không thầy trị được, nếu là oán kết. Có người đang sống sung sướng, sau một bữa ăn tạo oán kết thì tâm oán hận đó nó theo cho tới khi mình bị tai nạn chết nó mới yên. Nhiều người bị mất tuổi thọ sớm, thay vì họ sống bảy mươi tuổi, nhưng lúc người đó thù hận mình mạnh quá nên lực họ có thể bứt phá mình

liền. Tại mình đã phạm tội giết mạng quá lớn nên làm tổn thọ họ. Hoặc thay vì mình sống năm mươi tuổi, mà ba mươi tuổi đã phạm tội nặng rồi thì chắc chắn sẽ chết non. Oán kết rất đáng sợ chớ không đơn giản, nó sẽ làm cho chúng ta bệnh tật, khổ đau, phiền muộn và làm mất tuổi thọ, nếu chúng ta tạo oán kết lớn. Đức Phật nói, người nào không sát sanh, thiện tâm tốt thì diệt trừ oán kết nhiều đời, oán hận tự hóa giải.

"Chín: Không sợ rơi vào đường dữ". Nếu chúng ta không sát sanh thì ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh mình không ghé ở đó. Trừ trường hợp chúng ta sát sanh, giết người, làm đau khổ người khác. Nhân quả địa ngục là người thường làm đau khổ người khác và loài khác. Đừng nghĩ chúng ta bóp đầu con kiến thì không có nhân quả xấu. Tâm thức của loài nào cũng biết quý thân nó, ai cướp thân nó là nó có nỗi uất, nó đau khổ và hận thù vô cùng. Uất hận đó nuôi lớn từng ngày, phá mình không được ngày mai nó tức lên một chút, mỗi ngày sự tức đó mỗi dày thêm và đủ mạnh để nó quật mình. Nếu mình không tạo ác thì được cái lợi là không rơi vào đường dữ. Ác nghiệp đủ đưa chúng ta đi xuống và thiện nghiệp đưa chúng ta thăng tiến vào cõi lành.

"Mười: Khi chết sanh lên cõi trời". Đây là điều chúng ta mới nghe. Từ trước tới giờ chúng ta làm thiện thì mới sanh cõi trời, nhưng kết quả cuối cùng của việc không sát sanh thì chết được sanh cõi trời. Chỉ có Kinh Thập Thiện nói thôi, những Kinh khác chúng ta không gặp.

Chúng ta có đời sống không thù hằn, ngược lại chúng ta còn thương đồng loại của mình và thương tất cả chúng sanh muôn loài thì phước mình lớn có thể về cõi trên. Thường tâm niệm phàm phu là thương đồng loại đôi khi

còn chưa thương nổi. Ví dụ, trong đạo tràng có người mình thương, có người mình vẫn ghét, nhưng tâm cõi cao hơn là họ thương hết người cõi họ, đó là thiện tâm, là Thánh tâm.

Thiện tâm đó tương đương cảnh giới chúng ta sắp sửa sanh đó là cõi trời. Nếu chúng ta không thương được mọi người, mọi loài thì làm sao có thể giúp được người khác mà tạo phước? Khi chúng ta làm phước, tức là chúng ta thương người khác mới giúp họ được. Cho nên, tình thương là nền tảng để đưa chúng ta thăng hoa những đời kiếp tới. Chúng ta có thể lên cõi trời, có thể chứng quả Thánh cũng từ tình thương của chúng ta đối với đồng loại và tất cả chúng sanh muôn loài.

"Đó là mười. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại".

Nếu tu nghiệp không sát sanh thì có mười kết quả. Nếu mình hồi hướng về đạo quả Vô thượng Bồ đề thì lại khác hơn. Ví dụ, gặp con kiến rớt trong vũng nước, chúng ta vớt nó ra và hướng tâm đến đạo quả Vô thượng Bồ đề thì khi chết chúng ta được sanh cõi trời. Nên nhớ điều này.

Như vậy, do nghiệp không sát sanh một đời này của mình, hoặc những đời kiếp chúng ta tu tập hồi hướng về đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho tới đời nào chúng ta thành Phật ở cõi nào đó thì thọ mạng sẽ dài lâu hơn.

Ví dụ, Đức Phật Thích Ca thành đạo ở cõi Ta Bà, Đức Phật chỉ thị hiện thọ mạng có tám mươi tuổi thì so ra thọ mạng trong cuộc đời nhìn ở mặt nào đó không được dài. Đức Phật thấy được điều này nên Đức Phật mới dạy tất cả chúng ta không sát sanh. Ngược lại còn phải cứu mạng chúng sanh như một con côn trùng, một con kiến thì cứ

hướng về đạo Vô thượng Bồ đề, để khi chúng ta thành Phật ở cõi nào đó, thọ mạng chúng ta sẽ dài và tất cả các đời đều như vậy.

Chỉ giữ giới không sát sanh thôi đủ để chúng ta thành Phật. Nếu nói điều đó khó có người tin, nên đến đây Đức Phật nói rõ. Khi các vị chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là đã chứng được Tứ Như Ý Túc, mà chứng được Tứ Như Ý Túc có thể kéo dài thọ mạng. Nếu như hồi xưa ngài A Nan biết thỉnh Đức Phật thì chắc chắn giờ này Đức Phật sẽ còn. Vì lúc đó ma Ba Tuần đến báo Đức Phật tuổi thọ đã hết đề nghị Đức Phật nhập Niết bàn. Đức Phật nói ba lần với ngài A Nan là: "Người chứng được Tứ Như Ý Túc có thể kéo dài thọ mạng từ một trăm năm, một ngàn năm, một tỷ năm". Ngài A Nan cứ lơ lơ như bị ma ám không nhớ cầu thỉnh Đức Phật trụ thế lâu dài thêm.

Trong bất kỳ hành động sống nào giữa đời này, chúng ta nên hướng thẳng về đạo quả Vô thượng Bồ đề. Làm gì cũng nguyện đem hết công đức tu hành của mình, nguyện đem phước đức mình là nhân tố tốt để đưa mình tới quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ đừng hồi hướng nửa đường.

VĂN KINH

2. Trộm cướp

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa trộm cướp thì được mười pháp bảo tín. Những gì là mười? Một: Của cải đầy dẫy, vua, giặc, cướp, nước lửa và con hư không thể phá hoại. Hai: Nhiều người thương mến. Ba: Người không khinh khi phụ bạc. Bốn: Mười phương khen ngợi. Năm: Không lo sợ tổn hại. Sáu: Tiếng tốt đồn khắp. Bảy: Ở trong hội chúng không hề sợ hãi. Tám: Của cải, sanh mạng, hình sắc, sức lực an vui, biện tài

đầy đủ không thiếu. Chín: Thường sẵn lòng bố thí. Mười: Chết sanh lên cõi trời.

Đó là mười. Nếu biết hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật, được chứng trí thanh tịnh đại Bồ đề.

Người không trộm cướp sẽ được mười điều lợi ích.

"Một: Của cải đầy dẫy, vua, giặc, cướp, nước lửa và con hư không thể phá hoại". Có những lợi ích khi không trộm cướp mà còn bố thí cúng dường thì đời sau mình sẽ giàu có, của cải nhiều. Có năm điều của cải chúng ta không bị tổn hại đó là vua, giặc, cướp, nước lửa và con hư không thể phá hoại.

Nhân quả một người trộm cắp thường xuyên, hoặc đã gieo nhân trộm cắp là đời sau chúng ta có tiền của sẽ bị vua quan tìm cách lấy thuế xung công hoặc bị giặc cướp. Có những gia đình sống bình thường, nhưng hễ làm có tiền có của là bị người khác rình rập. Có những người giàu có không giữ gìn gì mà không có giặc cướp. Có những người ít tiền của nếu không bị giặc cướp thì cũng bị trộm trắng tay. Do nhân quả nhiều đời nhiều kiếp người đó đã từng lấy của người khác theo kiểu không cho mà lấy thì đời này chúng ta bị người ta cưỡng lấy lại.

Chúng ta biết đạo lý rồi, nếu bị trộm cướp cũng không nên buồn. Có người bị mất của có thể chết đi được. Tôi biết gia đình đó có người con gái vào ngày đám hỏi, gia đình đàng trai đem vàng bạc cho tương đối nhiều. Đêm đó gia đình bị mất trộm, ngày chuẩn bị cưới vàng bạc bị mất, đồ đạc mai làm lễ cưới cũng mất luôn cuối cùng cô ta tự vẫn. Có khi mình chỉ là người ăn cắp thôi, nhưng vì bị ăn cắp nhiều quá, gia đình đó bị mất uy tín nên họ buồn khổ tới mức độ tự vẫn. Như vậy ăn trộm không phải là sát sanh

nhưng dẫn tới người ta mất mạng thì ăn trộm có cộng sát trong đó.

Người xưa nói: "Đồng tiền liền khúc ruột", có người bị mất uy tín thì được nhưng mất tiền họ có thể buồn khổ, bị sụp đổ, có thể tự vẫn chết đi. Chuyện này xảy ra rất nhiều trong xã hội chúng ta. Hoặc có người mới nhận tiền trong một cuộc hùn hạp làm ăn nào đó, nhưng bị mất trộm vì muốn giữ uy tín nên họ âm thầm tự vẫn chết.

Chúng ta là người học Phật ít khi phạm giới trộm cắp, nhưng hay gặp lại nhân quả cũ. Nếu mình có tiền có của hay bị móc túi, bị lường gạt, bị trộm cắp thì chúng ta hiểu đó là nhân quả cũ. Chúng ta nên hiểu người có phước mới xài được đồng tiền yên ổn, người kém phước thì dù có tiền nhưng không xài được. Khi người ta gạt mình mà họ xài tiền đó yên ổn thì chúng ta nên cầu chúc cho họ, vì họ đang có phước hưởng đồng tiền đó. Ăn trộm mà hết phước rồi, chỉ cần lấy một chút xíu cũng bị bắt, nhưng khi họ còn phước có lấy bạc tỷ cũng không sao, vì họ còn đủ phước để hưởng đồng tiền đó an ổn.

Nếu là của mình thì người ta lấy không được, còn cái người ta lấy được thì nó không phải của mình. Chúng tôi gặp rất nhiều gia đình, ban đêm ăn trộm rình lấy, sáng hôm sau bị bắt đem trả lại đầy đủ. Nó đào nhà bà này ba lần nhưng đều được trả lại, người ta nói gia đình đó làm cửa thước Lỗ Ban không mất của, tôi nói tại phước bà đó có.

Người xưa có câu: "Nếu trong đời này người phụ nữ bị lường gạt để mất tiền của mà không có nửa lời than vãn thì phúc đó ba đời con họ được hưởng giàu có". Đó là đức người mẹ để lại cho con. Đa số người nữ mất của hay than vãn nhưng do tâm bao dung rộng lượng của mình đủ để buông xả một điều gì đó trong cuộc đời này. Dù người ta

lường gạt mình mà mình không than vãn, không hơn thua, không đấu tranh, không giành giựt thì đức của người đó để lại đời sau con mình được hưởng.

Đời nào chúng ta được sống yên ổn, có tiền của, có đầy đủ vật chất mà mình không bị nạn giặc cướp thì biết nhân quả nhiều đời mình không phạm tội trộm cắp. Có bao nhiêu xài bấy nhiêu, tiền của mình để trong nhà thoải mái không sợ mất cắp. Rất nhiều nơi họ mới gầy dựng sự nghiệp thì bị lửa cháy, hoặc bị nước lụt cuốn trôi. Chúng ta nghĩ đó là tai nạn thiên nhiên, nhưng thực sự những người này trước đó nếu không có nhân quả thì họ không tới vùng này.

Thường vùng bị tai nạn là vùng đó có một số người sinh sống có nhân quả tương đồng, gọi là cộng nghiệp. Những người sống vùng thành thị là do nhân quả tương đồng với nhau mới tập trung sống ở đó. Có những người không thể sống vùng thành thị, mặc dù rất muốn nhưng không được, do nhân quả nào đó buộc họ phải sống vùng biên địa, xa thành thị để họ không thể tiếp nhận nền văn minh vật chất này. Tất cả những người sống chung một vùng, xảy ra chuyện tốt chuyện xấu là đều có cộng nghiệp với nhau. Trong lúc bị tai nạn nước lửa có vài gia đình thoát ra được thì biết rằng trong số đông người, có những người có nghiệp riêng nên họ không dính vô. Mặc dù họ ở chung nhưng họ không bị chi phối bởi nghiệp đó.

Có những gia đình đau khổ với đứa con của mình, làm bao nhiêu tiền gần như con phá hoại hết. Sự nghiệp rất lớn nhưng con mình phá cho sạch, có khi nó không phải là đứa mất đạo đức. Chúng ta nghe câu: "Con là nợ, vợ chồng là oan gia". Có những người con chỉ biết làm ra tiền lo lắng phụng sự cha mẹ nhưng các đứa đó ít được cha mẹ thương. Còn có những đứa con ở trong nhà nó chỉ phá thôi, vậy mà

cha mẹ thương hết mực. Có khi cha mẹ lấy tiền đứa này lại cho đứa kia ăn chơi phá phách.

Thường gia đình có con ngoan hiền nó lại chết sớm, đứa phá lại sống dai. Đó là do nhân quả nợ nần gì với mình nên giờ nó làm đứa con ngoan trả cho hết nợ rồi nó đi, khiến cha mẹ buồn tủi nhớ nhung nhiều. Có những đứa quấy phá cha mẹ cả đời, không buông tha, có bao nhiêu tiền của nó xài hết. Chẳng những nó xài trong nhà mà còn ký nợ cho cha mẹ phải đi trả nữa.

Chúng tôi gặp một trường hợp, vị đó bây giờ xuất gia rồi ở một Thiền viện lớn. Thời đó, ổng khuyến khích con trai xuất gia, tưởng con hồi tâm chuyển ý nhưng nó vô Chùa không theo tập thể, không theo lề lối, cha thì uy tín giàu có ở Bình Dương. Người con sau khi xuất gia một thời gian thì ra đời. Trong giai đoạn ở Thiền viện những bộ mặt nào tới cúng dường là người con biết hết, tới đó mượn tiền thì ông cha xách gói theo trả. Ông cha rất khổ sở vì con không chỉ phá tiền, mà còn phá cả uy tín nữa, nó mượn danh cha để mượn tiền. Gia đình ông rất giàu, sau khi sanh ra đứa con hư tới giờ ông tàn gia bại sản, hết tiền hết của, xe cộ bán hết, gia đình không còn gì, chỉ còn cái nhà rộng trống không. Ông sắm cái gì chỉ cần ông vắng nhà là nó rinh đi bán.

Nói tới con hư cha mẹ rất đau khổ nhưng không phải tự nhiên nó phá mình kiểu đó. Đức Phật nói, nếu chúng ta có gieo nhân trộm cắp thì sẽ bị năm nhân quả vua, giặc, cướp, nước lửa và con hư. Ai bị con hư thì nên sám hối tội trộm cắp nhiều đời nhiều kiếp của mình. Lỡ đời trước mình phá kiểu gì đó để người ta bị tàn gia bại sản thì đời này họ theo mình họ xin của đó lại.

Có những trường hợp người con nghiện. Lúc đầu nó

xin tiền cha mẹ, tới lúc cha mẹ thấy cạn kiệt tài sản, còn một số tiền giấu giếm nó lấy dao dí vào cổ không đưa tiền là nó cắt cổ. Con hư phá của cải, ngổ nghịch nhiều chuyện mình thấy động trời. Nhiều lúc mình nghĩ do con cái bất hiếu, thất học, mình nhìn theo kiểu nông cạn của xã hội nên có thể phiền trách những người con này. Nhưng nhìn sâu về Phật pháp thì rõ ràng là có nhân quả với nhau. Những người nào gặp con cái như vậy nên cố gắng, một là chúng ta sám hối nghiệp của mình, hai là có bao nhiêu cứ trả lẹ lẹ cho hết.

Thật ra nhân quả mình không trả thì nó còn hoài, có trốn cũng không thoát dù đó là nhân quả gì. Dù là tiền hay là thứ gì chúng ta cũng phải trả cho hết. Chúng ta không được hận người đó dù là con của mình, mà phải hết mực thương yêu và tìm cách chuyển hóa nó từ từ, đến lúc nhân quả hết chúng ta còn giữ được tình mẹ con, cha con. Có những người bị con phá phách quá thưa ra tòa, cũng phải nhờ chính quyền bắt bớ, đến khi nợ nần hai bên hết, nó còn kèm theo cái hận uất cha mẹ không thương con để con tù tội. Có người đưa con đi cải tạo, nó không đồng ý, nó rất uất hận.

Do đó trong lúc tiếp xúc nhân quả cũ, chúng ta phải vừa trả nợ vừa giữ lại tình người, để nhân quả sắp tới chúng ta không phải trả kèm theo kiểu uất hận. Bây giờ mình trả hết nợ tiền, còn nợ uất hận trong lòng nó sẽ tìm lại để chúng ta trả kiểu uất hận đó nữa. Đời này chúng ta kêu chính quyền nhốt nó thì đời sau nó tìm chính quyền nhốt mình là chuyện bình thường, cùng ở trong nhà thì nó làm được chuyện đó. Trong vòng sống sanh tử này, chúng ta cố tránh những nhân quả không cần thiết, tránh những chuyện còn nằm trong tầm tay của mình. Chúng tôi gặp nhiều trường

hợp cha mẹ kêu chính quyền bắt con mình vì nó hư quá, cha mẹ dạy không được. Nếu nhìn theo xã hội đó là người đáng trừng trị. Có khi nó đánh cha mẹ, có khi nó khống chế làm đủ điều để lấy tiền cha mẹ. Cha mẹ chịu không nổi thì xảy ra chuyện mời chính quyền bắt bớ.

Chúng ta là Phật tử phải tìm mọi cách xử lý cho khéo, phải chấp nhận bung tiền ra, đừng nghĩ mình đưa tiền ra nó phá tan sự nghiệp của mình. Nếu hồi xưa trong lúc nhân quả cũ, chúng ta tới họ lấy tiền, họ đưa mình trong cái khó khổ không có tình thương thì mình chỉ vay họ tiền thôi. Bây giờ, nếu chúng ta vừa trả tiền trong cái khó khổ của mình, cộng được một chút tình người trong đó thì tình thương này có thể giúp dứt được nhân quả nhanh hơn. Nếu chúng ta phiền hận để trả thì lâu hết nợ.

Nếu gặp trường hợp con hư quấy phá thì cha mẹ phải khéo léo. Một là chúng ta tạo phước điền để mình gìn giữ được phước báo mình lâu dài. Hai là tìm cách để có thể khuyến khích dạy dỗ, gìn giữ con mình ở tầng nào đó, để nó đòi nợ cỡ chừng đó, nó phải biết dừng. Phải xuất phát từ nền tảng thương yêu của mình, nhiều khi những người ác nhưng đêm nằm họ cũng có chút gì đó nghĩ lại. Tại sao mình phải quấy phá làm khổ cha mẹ mình hoài, có khi họ có thể thức tỉnh. Do đó, gặp nhân quả cũ chúng ta phải giữ được tình người, giữ được tình thương yêu. Điều này Đức Phật cũng nói trong Kinh Pháp Cú: *"Hận thù không thể xóa bỏ được hận thù. Chỉ có lòng thương yêu mới có thể xóa bỏ được hận thù mà thôi"*.

Chúng ta lỡ có đứa con hư, mình trả nợ thì phải trả nhưng cho nó một tình thương yêu thật sự trong lòng. Lúc nào chúng ta muốn cải hóa điều gì thì khi đưa đồng tiền ra, chúng ta nguyện làm sao con mình xài đồng tiền này nó

được hồi tâm chuyển ý. Giống như đưa tiền cho nó mình có sự chú nguyện thì khi xài nó có sự tỉnh tâm chứ không phải xài tiền để nó mê loạn. Từ từ như vậy chúng ta sẽ chuyển được người con hư của mình.

"Hai: Nhiều người thương mến". Người nhiều đời không có tội trộm cắp thì trước nhất họ có đủ lòng tin với nhiều người. Nhìn gương mặt mình, người ta biết mình không có gian manh, không có trộm cắp, họ sẽ tin tưởng khi họ giao công việc cho mình. Thứ hai, người tu tập tốt theo đạo Phật không phạm tội trộm cắp mà còn có phước do nhiều đời nhiều kiếp từng bố thí cúng dường. Mỗi lần giúp người khác là chúng ta gieo tình thương tới người đó. Mặc dù chuyện rất nhỏ nhưng trong lòng họ lưu giữ, mang ơn thì nhân quả tự động họ thương mến mình. Vì không trộm cắp là thiện tiêu cực nhưng chúng ta bố thí là thiện tích cực.

"Ba: Người không khinh khi phụ bạc". Sống trong đời này, nếu phạm lỗi trộm cắp, dù chúng ta có làm gì đi nữa vẫn bị người ta coi thường. Trong bốn giới đầu tiên gọi là "Tánh giới" đã nói: "Dù có Đức Phật ra đời hay không có Đức Phật ra đời mà chúng ta phạm bốn điều này vẫn bị coi là tội phạm của xã hội". Do đó, nếu người phạm tội trộm cắp thì đi đâu cũng không được người ta coi trọng. Người ta coi thường khinh khi và rất khó gầy dựng được uy tín trong đời.

Khi chúng ta cộng tác làm ăn bị họ gạt, mình nghĩ người đó thủ đoạn, là người xấu trong xã hội, mình xui nên gặp người không tốt. Thực ra không phải, mà mình đã biểu họ làm từ đời trước, tức là mình đã gieo mầm này vào trong tâm họ từ trước. Nhiều người chấp nhận họ là người tốt, nhưng chỉ có riêng mình thôi là họ gạt mình, nên khi mình

ra đường nói tôi bị người đó gạt không ai tin. Vì mình phải mang nhân quả gì đó với họ khiến họ phải lấy đủ số đó rồi thôi. Từ đó về sau, họ cũng không làm chuyện đó với ai, cả đời người đó chưa từng gạt ai nhưng riêng mình là phải bị. Luôn luôn cuộc đời người trộm cắp có gì đó không thật, cong cong vạy vạy, chính nhân quả đó đã kết lại để bị người khác khinh khi, coi thường và bị gạt trong đời này.

"Bốn: Mười phương khen ngợi". Người sống tốt từ nhỏ được nhiều người khen ngợi nhưng số đó rất ít. Còn người không phạm tội trộm cắp được chư Phật và chư Thánh biết rõ tâm lành của mình. Họ được sự quý mến từ người bình dân cho tới Chư Thiên, cho tới các vị Bồ Tát. Do đó chúng ta được chư Phật và chư Thánh khen ngợi và sẽ được sự hộ trì rất lớn.

"*Năm: Không lo sợ tổn hại".* Chúng tôi gặp gia đình có tiền mà họ hời hợt đến độ không quan tâm tới tiền. Xã hội loạn lạc như vầy nhưng họ không có kín cổng cao tường giống như những người khác. Họ gần như không giữ tiền kỹ, tiền bỏ lung tung trong nhà mà không sợ mất. Do phước báo của họ, người khác thấy tiền cũng không khởi ý tham để ăn cắp. Tới nhà họ đồ quý để tùm lum, tôi hỏi tiền của sao hời hợt quá, họ nói không sao, nghe nói trong đời họ cũng chưa bị lấy cắp cái gì, họ không lo sợ bị tổn hại và tiền vô rất nhiều. Phước báo họ tới hồi trổ quả, người ta chỉ đem tới thôi không lấy ra.

Phước đó do nhiều đời nhiều kiếp họ từng bố thí cúng dường, nên đời này họ sanh ra là bao nhiêu quả tốt tới với họ. Chưa từng nghe người đó ngồi tính tìm cách để làm ra tiền như những người khác. Gần như họ đi tới đâu là được dâng cúng còn hơn các vị tu sĩ, mà họ không phải là người học cao, không phải là người có đức. Vì nhân quả đến rồi

họ có từ chối cũng không được, họ chỉ biết đem vào chứ không có đem ra. Người ta tới nhà họ là để cho, để tặng, để biếu, để dâng hiến, chứ không phải tới để lấy ra. Những người phục dịch trong nhà chỉ biết lo làm, tới tháng được cho tiền chừng nào họ mừng chừng đó, có khi bận việc đi là giao luôn chìa khóa.

Người không lo sợ tổn hại là người rất hiếm có trong đời này. Từ nhỏ tới lớn họ đi đâu, gặp ai cũng được sự giúp đỡ, họ gần như là một con người may mắn trong đời. Tôi biết họ sống năm mươi, bảy mươi tuổi rồi vẫn điềm tĩnh với tiền. Nhiều khi đi quên đem tiền theo, vậy mà tới đó có người giúp. Họ không quan tâm tới tiền mà tiền đầy, không bao giờ họ nghĩ ăn trộm sẽ vô lấy tiền của mình. Họ nói nó vô nó cứ lấy thôi, rõ ràng là không tổn hại và không lo sợ sự tổn hại. Phải nói phước báo người này quá lớn, tới độ người ta không dám lấy ra mà họ còn bỏ vô. Giống như chúng ta trồng cây tới hồi đơm bông kết trái thì người này đến đây để hưởng phước báo đó.

Đối với trần gian họ đã từng làm điều tốt, đã từng giúp đỡ mọi người nên bây giờ những người đến với họ đều là những người thọ ơn họ. Đã thọ ơn thì không thể làm việc trái nghịch, không thể lấy của người này được. Trong công việc làm ăn gần như họ đụng tới đâu là tiền vô tới đó, nghĩ tới chuyện gì là tiền sẽ tới chuyện đó không cực tính toán.

Tiên sinh Ohsawa cũng nói: *"Nếu trong lòng của bạn còn có một chút sợ hãi tổn hại thôi thì các bạn là người đang bệnh hoạn".* Người có sức khỏe tốt họ không sợ sự tổn hại và người phước báo lớn cũng không sợ sự tổn hại. Theo quy luật âm dương, âm là ly tán, dương là kết tụ, cho nên khi cơ thể họ đủ dương rồi họ không sợ sự ly tán. Tự nhiên trong tâm họ không sợ mất tiền mất của, tối ngủ

không thèm đóng cửa nhưng không mất. Nếu tiền của chúng ta bị rơi rớt, mất mát, thất thoát một phần là phước báo chúng ta tổn giảm, một phần chúng ta đang rất âm.

Chúng tôi gặp người sống đúng dưỡng sinh là họ hết một số bệnh trong cơ thể. Còn người lo lắng sợ hãi là bệnh thận, thận vững thì thần sẽ vững, thận chủ về thần. Sức khỏe tốt và phước báo lớn thì không lo tổn hại. Những người không lo tổn hại đều là người có sức khỏe tốt. Không phải họ ăn kỹ mà tự động do phước khiến họ phải sinh hoạt đúng để sức khỏe họ tốt. Họ hoàn toàn không biết gì về dưỡng sinh để quân bình âm dương nhưng không thích nước đá, không ưa ăn đồ ngọt, tự động họ sống phù hợp. Đến bữa họ ăn một món một, không thích ăn nhiều món, thích ăn đồ cứng. Nếu ăn chay họ ít khi nào ăn nấm, giá. Một con người gần như được sự dạy dỗ nào đâu từ trong tiềm thức của họ, khiến họ không thích những điều đó, ăn rất ít, bữa cơm nhiều lắm là một chén nhỏ, đời sống rất nhàn hạ.

Đây là mẫu người chúng ta phải học. Họ sống sức khỏe rất tốt, tiền của rất hanh thông và trong lòng gần như tươi vui, thoải mái, cởi mở hoàn toàn. Ít khi nào họ nói chuyện buồn, ngồi lại với mình năm phút họ kể không biết bao nhiêu chuyện vui để cười. Họ sống lạc quan yêu đời, người như thế thực sự rất hiếm có.

"Sáu: Tiếng tốt đồn khắp". Người sống trong đời này tâm hoàn toàn không trục lợi riêng, sống cho người khác, luôn nghĩ chuyện giúp đỡ người khác. Không làm gì tổn hại người họ gặp thì lần lần danh thơm tiếng tốt sẽ đồn xa vì người đó sống vị tha. Còn người trộm cắp rất vị kỷ. Vì lợi riêng của mình mà lén lấy của người khác, lừa gạt và dùng trí tuệ thu gom của cải người khác về mình. Những người đó làm không tốt một lần thì một người biết, nhưng

rồi sẽ có rất nhiều người biết về tiếng xấu của họ. Còn người sống vị tha, trực tính, có uy tín với xã hội, họ không lén lấy bất kỳ thứ gì của ai trong đời thì cũng lần lần được nhiều người biết tới hạnh tốt đó.

"Bảy: Ở trong hội chúng không hề sợ hãi". Có câu chuyện trong lịch sử nhà Thiền. Một chú tiểu đi ra chợ. Ngoài chợ có người bị mất một số tiền tương đối lớn, chính quyền đang tìm bắt kẻ trộm. Trong số người bị bắt đó có chú tiểu bị lục xét đủ điều. Chú tiểu uất lắm, mình là người tu mà bị chính quyền bắt còn nghi ngờ lục xét. Trong tâm chú chịu không được, nên về trình Thầy trụ trì, vì Thầy có uy tín trong huyện đó, nghĩ rằng mình thưa Thầy thì Thầy sẽ kêu người lính đó rầy la vài câu cho thỏa cơn tức của mình. Nhưng Thầy trụ trì nghe xong liền bảo chú tiểu khác lấy cây roi lên, bắt chú tiểu này nằm xuống đánh cho mấy chục roi. Chú tiểu tức khóc*:"Thưa Hòa thượng, con bị oan ngoài chợ, về đây Thầy còn đánh con".* Thầy nói: "Không phải Ta đánh cái oan ức của ngươi, mà Ta đánh cái nghiệp của ngươi. Nếu ngươi là người trong sáng hoàn toàn thì nghiệp trộm của ngươi không khởi lên, người ta không bao giờ nghi ngờ ngươi. Tại sao mấy người khác người ta không bắt mà bắt ngươi, nên phải đánh cho tan nghiệp cũ của ngươi, cái nghiệp ở đại chúng mà sanh tâm sợ hãi".

Người ta ăn trộm thì người ta sợ, mình không ăn trộm sao phải sợ? Nếu mình không ăn trộm thì không có gì để lo lắng, thậm chí những chuyện người khác lén lấy đồ ăn trộm cất giấu gần chỗ mình, mình cũng không lo. Rõ ràng mình không thò tay lấy nên mình cũng không lo gì, dù có xét mình cũng không lo lắng. Người lo là nghiệp cũ còn, do nhiều đời chúng ta đã từng lấy trộm bị rượt bắt, bị truy nã kiểu gì đó nên tâm sợ hãi bắt đầu trỗi dậy lúc người ta tìm

kiếm. Nó hiện lên mặt của mình khiến người khác phát hiện được.

Ngay cả đi Chùa có người sợ mất dép, hoặc đi giữa đám đông túi đang đeo bên hông sợ người ta móc nên quảy ra đằng trước ôm hai tay đi. Chúng ta luôn luôn có cái gì sợ hãi không bình tĩnh, ra chợ sợ bị người ta móc túi, nếu mình có tâm sợ hãi thì lạ một điều là não bộ chúng ta sẽ phát sóng, mấy người trộm cắp tự động họ nhận được sóng đó họ theo dõi mình và người sợ hãi nhất lại bị mất tiền. Nếu chúng ta sống giữa đám đông mà tâm không sợ sự mất mát, dù xảy ra chuyện mất mát truy bắt mình cũng không có ý niệm sợ hãi là nhiều đời nhiều kiếp nhân trộm cắp mình không có.

"Tám: Của cải, sanh mạng, hình sắc, sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu". Nhân quả của không trộm cắp lại được của cải đầy đủ, mạnh khỏe, ít bệnh tật, hình sắc đẹp đẽ, sức lực mạnh mẽ và có đời sống an vui, được sanh mạng an toàn là sao? Vì nếu người bị mất trộm họ 'tự vẫn' thì nhân quả do họ uất mình mà chết, tức là chúng ta phạm tội giết người thì thọ mạng chúng ta không kéo dài. Thậm chí họ báo oán khiến mình bệnh tật đủ chuyện. Hoặc họ bị mất tiền của họ buồn phiền sanh bệnh thì nhân quả không phải chúng ta chỉ đền trả tiền trộm cắp mà phải trả cái bệnh tật của họ. Hơn nữa, họ mất tiền mặt họ không vui, hình sắc họ xấu thì mình phải trả nhân quả đời sau hình sắc mình không bao giờ tươi nhuận.

Ví dụ, mình lấy cắp người đó mười ngàn, nhưng nhiều người họ quý mười ngàn đó quá, họ có thể buồn khổ một tuần, thì nhân quả đó đời sau chúng ta bị mười tuần hay hai mươi tuần mặt chúng ta cũng buồn rầu kiểu đó. Cho nên hình sắc mình bị xấu đi. Hồi trước mình nghĩ trộm cắp

trả nhân quả là làm trâu làm bò để trả, nhưng đời này sau khi người bị mất trộm xảy ra chuyện gì là chúng ta phải nhận hết hậu quả đó. Trong đó có chuyện buồn, mà buồn thì sắc diện bắt đầu xấu ra. Còn người sống trung thực, nhiều đời tâm họ không sợ hãi hay buồn khổ, họ tự tin cho nên đời sống họ rất tươi, sức lực họ gần như cường tráng ít bệnh tật.

Hoặc mình ăn trộm tiền của người chuẩn bị sáng hôm sau mua thuốc uống. Nếu mua thuốc thì họ hết bệnh nhưng đêm nay bị ăn trộm lấy mất tiền rồi thì họ phải mang bệnh tật. Trong lúc chúng ta vừa gieo nhân ăn cắp để người ta bệnh tật lại phải khổ đau thêm thì nhiều đời, nhiều kiếp mình khó có được sức khỏe tốt. Nhân quả là đời sau mình vừa chuẩn bị có tiền mua đồ bổ ăn, vừa chuẩn bị có tiền mua thuốc uống thì bị người ta lấy lại. Hoặc mình lấy tiền của gia đình nào đó để họ không đủ cơm ăn áo mặc, sức khỏe họ tổn giảm, họ bị bệnh tật ốm đau, sắc xấu, gầy guộc thì đời sau chúng ta sanh ra cũng gầy guộc, sức khỏe không đầy đủ, yếu kém, thiếu cơm thiếu áo, bệnh tật, hình sắc khó coi.

Người không trộm cắp gần như là bố thí vô úy, nên người ta sống gần mình họ không chút sợ hãi, họ đủ tin mình. Nhiều khi họ gởi đồ cho mình họ cũng yên tâm, hoặc đi đâu xa vài ngày họ gởi nhà cho mình, thậm chí gởi chìa khóa cho người quét dọn nhà. Khi mình đã sống tốt rồi thì đem sự an vui tự tin đến cho người khác. Nhưng nếu mình đã có dấu tích thì người bên cạnh mình sống không yên, đi vài ba ngày là sợ bà kế bên nhà lấy cắp, rồi họ khóa cửa thật kỹ, lại còn nuôi chó để giữ.

Nhìn rộng về xã hội này, gần như người ta không tin nhau, nhìn những ổ khóa càng giá trị là đạo đức xã hội càng

tuột dốc. Ngày xưa mình đi đâu không khóa cửa, đẩy cửa là đi nhưng bây giờ không còn an toàn nữa. Mua loại khóa mở bình thường mình chưa an tâm, mình phải mua loại cửa điện tử cho nó chắc, xài loại ổ khóa để vân tay mình mới an tâm, hoặc mua loại khóa để con mắt mình nhìn vô nó mới mở thì mình thấy có gì an lòng.

Thường tâm xấu sẽ đem đến sự bất an cho người xung quanh. Đời này chúng ta sống không được an lạc, không an vui vì chúng ta luôn luôn tạo sự bất an cho người khác. Mình tới đâu là người ta lo lắng tới đó, còn những người có đời sống tốt đúng đắn thì họ ăn nói sẽ rất vững chãi. Nhân quả biện tài vô ngại một phần do chúng ta đã gieo nhân tốt trong nhiều đời, nhiều kiếp. Chúng ta chấp nhận ủng hộ người học thức, giúp đỡ những người đang học, xây dựng cho người khác được học, được hiểu, được có kiến thức thì nhân quả đời này chúng ta được giỏi về mặt kiến thức.

Nhưng ở đây, người không trộm cắp có biện tài vô ngại. Vì người không trộm cắp mà bố thí nữa là dính dấp tới số đông người, trong đó có người đang học, có người đang tu. Mỗi lần họ gieo rắc đến người tu tập có trí tuệ thì họ nhận được phần phước và có trí tuệ. Họ gieo rắc đến người đang học thì họ có phần phước và có một phần trí thức.

Đồng thời, họ từng sống không gây trở ngại. Ví dụ, mình ăn trộm tiền của một gia đình họ đang suy tính việc gì đó, vì mất tiền làm cho việc suy tính của họ bị rối lên. Nhân quả đó chúng ta cũng bị rối, nên lối biện luận lý luận và biện tài của chúng ta cũng không trọn vẹn. Người sống tốt nhiều đời, nhiều kiếp thì trí tuệ họ rất vững, muốn nói điều gì là họ nói rất đúng vì trong tâm chưa từng có chuyện

cong vạy. Họ vững vàng khi đối diện với bất kỳ chuyện gì, bất kỳ tình huống nào, họ đủ sức lý luận biện tài đầy đủ không thiếu thốn.

"Chín: Thường sẵn lòng bố thí". Người không trộm cắp luôn sống vị tha, chuyện bố thí với họ rất quen tay. Nhưng có người mỗi lần muốn bố thí cúng dường rất khó khăn vì nhiều đời chúng ta không quen làm. Lấy vào thì dễ nhưng bung ra rất khó thì biết phước chúng ta không lớn, nhiều đời không quen bố thí thì đời này không giàu sang. Người quen bố thí thì họ quen tay giống như việc họ ăn cơm hằng bữa, ngày nào không giúp không cúng dường được là trong lòng họ thấy thiếu. Ruộng phước điền cũng vậy, chúng ta không làm thấy như thiếu thiếu cái gì. Sáng ra đường thấy người nghèo mà không cho, gặp Chùa nghèo không giúp đỡ, gặp chuyện gì khó trong cuộc đời này mà không ra tay được họ thấy trong lòng khó chịu. Vì họ đã quen làm phước rồi. Nên chắc chắn phước báo người đó lớn, trong đời này họ sẽ hưởng sự an vui, hoặc đời sau họ sẽ có đầy đủ những điều đó.

Có gia đình có người bị bệnh chuẩn bị mổ, nếu không mổ kịp sẽ chết, mượn mình một ít tiền mai mốt trả lại mình cũng thấy khó khăn, phải tính xem tiền mình xài rồi còn dư bao nhiêu cái lẻ lẻ mình cho. Người đang có tiền của, đang hưởng sự giàu sang sung sướng mà không quen bố thí thì hiếm người nào qua đời sau mà sung sướng hơn.

Hoặc những người có tiền của mà đời này sống không buông xả thì tuổi già họ không an lạc. Vì tiền làm quá nhiều mà cuối đời xài không hết, để lại chia cho người mình thương thì tốt, nhưng người mình không thương được tiền của mình, người ta không chia theo đúng ý của mình nên họ ôm cái uất đó đi.

Nhiều Phật tử lấy việc giúp đỡ người khác làm niềm vui trong cuộc sống của mình. Nhưng có người không phải Phật tử, chưa từng quy y, chưa từng theo đạo Phật, nhưng họ quen làm việc xã hội. Chỗ nào có tai nạn, có chuyện khó khổ thì gần như là họ muốn tới trước. Họ vận động xin tiền, họ rất có uy tín và làm rất nhiều việc từ thiện. Tâm quen bố thí nên cả đời làm ra tiền để phụng sự xã hội. Họ không làm tiền cho mình, chỉ biết làm ra tiền giúp người khác. Lâu lâu họ còn bị nợ do mượn tiền người này để giúp cho người khác.

Chúng ta giúp người khác dễ dàng thì đời sau hưởng quả cũng dễ dàng như vậy. Ngược lại, chúng ta đợi người ta tới xin mình thì mình bỏ tiền thừa ra cho thì đời sau chúng ta phải đi tìm, đi kiếm mới có. Nếu mình không đợi người ta xin, mình đi tới mình cho, mình sẵn sàng giúp người thì đời sau chúng ta đi đâu cũng thu hoạch kết quả mà không phải lao nhọc. Người quen bố thí, buông xả thì tâm rộng lượng đó đủ dung chứa phước báo lớn. Đến hồi phước trổ gần như vật chất trong đời này chúng ta không cần phải tính toán nghĩ suy, nằm không cũng đủ hưởng cả đời của mình.

Chúng ta phải biết kiệm phước để gìn giữ phước báo làm người của mình. Hiếm có người nào biết cân lượng điều này. Hồi còn khó khăn chúng ta tiết kiệm ăn mặc, nhưng khi đời sống vật chất khá giả thì chúng ta gần như quên, nên ăn xài phung phí. Tại mình nghĩ mình cực khổ mới có đồng tiền nên mình phải biết ăn, biết hưởng. Đừng nghĩ mình tiền nhiều phải xài cho hết. Nhân quả có từng đoạn, đời này chúng ta có nhiều tiền chuyện đó tính sau, nhưng phước để hưởng vật chất trong đời này trong việc ăn, mặc, ở là quy định một ngày bao nhiêu mà chúng ta

hưởng thêm là đã phạm nhân quả.

Có những người còn trẻ, đời sống vật chất sung mãn, ăn xài đầy đủ thì khi lớn lên, tiền cũng chất bằng núi đó, nhưng không ăn được nữa, ăn trong khó khăn, ăn trong bệnh tật. Của cải đầy nhưng không xài được, vì lúc đó bệnh liệt giường. Họ nằm trên đống tiền nhưng rất đau khổ, không tự do xài đồng tiền của mình, vì phước đời này đã xài hết. Thay vì một ngày họ tiêu xài mười ngàn thì thọ mạng sống được tám mươi tuổi bình an, nhưng nếu mình xài mười lăm ngàn một ngày thì tính tỷ lệ phần trăm trừ lại số ngày bình an trong đời mình. Cho nên, những người lớn tuổi bị bệnh nhiều, chúng ta nên nhìn lại là hồi còn nhỏ mình đã quá phung phí phước của mình. Khiến cho tuổi già không được hưởng bình an, không được sống những ngày tự do.

Thường những người từ nhỏ tới lớn sống đúng, biết gìn giữ phước báo của mình thì càng về già họ càng yên ổn, càng an lạc. Ngoài sáu mươi tuổi mà còn vất vả về vật chất, sức khỏe bệnh tật và đời sống bất an thì biết rằng đoạn đời mình đã sống sai lầm. Mình đã sống hết phước báo bình yên, hết phước báo sức khỏe, hết phước báo vật chất của chính mình.

Nếu không bố thí cúng dường thì hết phước đời này trở lại đời sau cũng rất khó làm người, không thể thăng tiến lên được nữa. Người quen tay bố thí cúng dường thì phước báo mỗi ngày mỗi tăng và càng về già không lo nghĩ về vật chất nữa. Tiên sinh Ohsawa nói: "*Ngoài bốn mươi tuổi mà không còn tính toán tới tiền tài, điều này hiếm".* Qua tuổi sáu mươi nếu không tính toán tới tiền tài mà tiền tài không thiếu, đó là cái quả trong đời mình được hưởng.

Trong đời này, nếu từ nhỏ tới lớn chúng ta sống tốt

thì đến tuổi sáu mươi không còn nghĩ đến chuyện kinh tế nữa. Mình vẫn sống đầy đủ, không thiếu thốn thì biết là quả trổ tốt chắc chắn đời sau chúng ta sẽ tốt hơn. Một là chúng ta sẽ sanh vào gia đình nào giàu có hơn. Hai là chúng ta sẽ sanh được cõi lành. Rất nguy hiểm cho những ai ngoài tuổi sáu mươi còn nặng nề vật chất, vẫn còn đào tiền từng xu từng cắc. Chúng ta nên biết mình đã xài phước làm người cạn rồi thì phải chịu khó bố thí cúng dường và tu tập tốt lên, để dùng công đức và phước đức này khôi phục lại phước làm người của mình đã bị tổn giảm trong đoạn đời trước.

Khi nói đến phước làm người, có đôi lúc suy nghĩ lại thấy rất sợ hãi, nếu đem đi cân đo thì thấy phước chúng ta tạo không nhiều mà hưởng nhiều hơn cho nên phước tổn. Kể từ nay chúng ta phải kiệm phước làm người trong ăn, mặc, ở. Phải dành dụm để gầy dựng phước làm người của mình, nếu không sẽ không kịp. Nếu chúng ta còn đang trong giai đoạn khó khăn bệnh tật mà ra đi thì rất khó cho mình. Về già mà vật chất yên ổn để đầu óc mình không còn lo, mình sống bình thường để còn có thể dư ra giúp đỡ người khác và bố thí, cúng dường. Bao nhiêu công đức phước đức tu tập trong đời này sẽ báo hiệu đời sau mình có đời sống tốt đẹp hơn.

Đừng nghĩ tu không có kết quả. Những gì đến trong giai đoạn cuối sẽ trả lời phước báo chúng ta nhiều hay ít, trí tuệ thăng tiến hay lui sụt. Người sống đúng, càng già đầu óc họ càng minh mẫn, họ chỉ yếu sức lực thôi chứ mấy chuyện khác không yếu. Già thì phước phải lớn hơn, trí phải tăng hơn. Còn người lớn tuổi mà thấy trí tuệ càng lúc càng mờ, nhận định không còn chuẩn như hồi xưa, trí tổn giảm, đời sống bất an là chúng ta đang tiêu pha gần như cạn phước làm người của mình. Chúng ta phải khôi phục bằng cách

tu, giúp đỡ, cúng dường, bố thí để khôi phục lại phước báo và trí tuệ của mình.

Phước là nền tảng sống cho tất cả chúng sanh muôn loài. Không riêng loài người mà loài thấp hơn loài người như là loài chó, có những con chó cả đời nó đói khát lang thang, ăn một miếng bị con lớn cắn hoặc bị người đánh. Nhưng có những con chó phước nó hơn một người sống bình thường, thực phẩm trong ngày nó ăn là tốt, ngủ mùng đẹp, được tắm xà bông thơm mà những người nghèo không được sống như vậy. Mặc dù làm súc sanh nhưng nó có cái phước của nó. Có những loài chim được nuôi trong lồng rất đẹp, dù là loài nào nếu có phước nó cũng được ăn ngon, được ở chỗ tốt và loài người cũng vậy.

Phước là cái gì đó để chúng ta đi bình yên trong lộ trình giác ngộ giải thoát của mình. Một trong những điều làm tổn hại phước nhất là chúng ta lén lấy của người khác. Đừng nghĩ mình qua mặt người khác mình lấy là tự mình phá phước của mình. Mình luôn làm cách nào đó, hoặc tính toán nghĩ suy mỗi mỗi có lợi ích cho người khác thì mỗi ngày chúng ta vun đắp phước báo cho mình. Cuối đời ai được sống yên ổn, hình sắc tươi nhuận, đầu óc minh mẫn, đó là dấu hiệu để biết rằng chúng ta đang có bước chuyển tốt đẹp trong tương lai. Chắc chắn hết đời này chúng ta sẽ sống tốt đẹp hơn, chưa biết tốt đẹp ở cõi nào nhưng chắc chắn tốt đẹp hơn đời sống hiện tại. Người nào cuối đời mà còn rất nhiều chuyện phiền muộn, lo lắng, vật chất chật vật, đầu óc lu mờ thì đó là chiều đi xuống.

Học Phật chúng ta phải chiêm nghiệm, sau khi mình chết sẽ đi về đâu? Khi chết mình đi lên hay đi xuống? Nếu quen bố thí cúng dường là điều tốt, tạo nền tảng vững chắc cho bước đi sắp tới của mình trong sanh tử luân hồi. Người

nào hay bố thí là biết gởi tiền trong ngân hàng vũ trụ, chúng ta sẽ rút ra xài thoải mái những đời kiếp sau. Bố thí cúng dường là nhân tố tốt đẹp, là nền tảng tương lai rực rỡ trong đời sống chúng sanh. Nếu chúng ta chưa đủ sức giác ngộ giải thoát, thì bao nhiêu phước này nó sẽ là nền tảng lớn cho mình đi yên ổn trong dòng sanh tử sắp tới.

"Mười: Chết sanh lên cõi trời". Khi chúng ta không trộm cướp thì lúc chết được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, chứ không hơn được. Cõi trời Tứ Thiên Vương gần chúng ta nhất, cạnh cõi trời Dục giới, còn nếu lên cõi trời Đâu Suất hoặc cõi trời Đao Lợi thì phải là công phu thiền định mới được về. Lên cõi trời Tứ Thiên Vương cũng đủ hưởng phước báo rồi, tới giờ cơm có bát báu hiện ra, tùy theo phước của mình mà có cơm hiện ra khác nhau.

Cõi trời không ăn loại bát giống nhau và không mặc áo giống nhau. Ví dụ chúng ta có phước lớn, đã giúp đỡ nhiều người, làm nhiều chuyện công đức phước đức được sanh về cõi trời Tứ Thiên Vương, được ở vùng trung quốc, có đầy đủ vật chất. Chúng ta muốn loại y phục nào thì liền khi đó có loại y phục mặc vào không cần mua sắm, khởi ý muốn ăn gì thì bát báu hiện ra cùng với món đó cho chúng ta ăn. Còn người phước kém hơn cũng được sanh cõi trời Tứ Thiên Vương nhưng ở vùng biên địa, nhà trống không có gì bên trong, không được theo ý mình, thực phẩm thì xứng với phước người đó. Vùng trung quốc cõi trời giống như thành thị, còn vùng biên địa cõi trời giống như ở vùng thôn quê của mình.

Cõi trời do thiền định được sanh về thì sống rất an lạc, còn cõi trời Tứ Thiên Vương thì có thể ăn uống, có vật chất đẹp hơn, sung mãn hơn cõi người. Nhưng cõi trời cao hơn thì không sử dụng vật chất nữa, họ sống bằng tâm phải

có công phu thiền định mới được về. Theo truyền thuyết thì cõi trời Tứ Thiên Vương quản lý cõi Ta Bà, giống như trung ương quản lý tỉnh, tỉnh quản lý huyện, huyện quản lý xã. Người làm phước bình thường như ở quê lên thành thị, còn người vừa bố thí cúng dường vừa tu tập, hai phước cộng lại được về cõi trời Đế Thích, là cõi trời Đức Phật hay ca tụng.

Ở cõi trời Đế Thích đa số tu Thập Thiện. Trong bài kệ của vua trời Đế Thích nói: *"Một tháng có sáu ngày thần du xem xét dạo cõi nhân gian, nếu gặp người tu Bát quan trai, sau khi bỏ thân này phước đồng với Ta không khác"*. Tức là một ngày tu Bát Quan Trai giữ giới thanh tịnh thì phước đó được sanh về cõi trời. Câu nói đó Đức Phật lúc đầu chấp nhận, nhưng sau đó vua trời Đế Thích nói cái kiểu đó nữa, Đức Phật nói là: *"Này Trời Đế Thích, ngươi không đủ phước để so sánh với người tu Bát Quan Trai giới. Vì sao? Vì người tu Bát Quan Trai giới một ngày thanh tịnh họ có thể đạt được thiền định sâu hoặc họ chứng được Thánh quả thì đã hơn ngươi"*. Cho nên một người tu Bát Quan Trai giới phước báo cũng đã rất lớn rồi, có khả năng hơn trời Đế Thích nếu chúng ta giữ tâm thanh tịnh.

Phước "thanh tịnh tâm" là phước báo lớn mà trong tất cả những phước vật chất không thể so sánh, đủ đưa chúng ta lên cõi cao hơn. Người giữ giới tốt là luôn sống tốt, không có suy nghĩ xấu lén lấy hay dùng quyền lực mà lấy của người khác, không lợi dụng người khác thì nhiều đời, nhiều kiếp đủ phước sanh về cõi trời.

"Đó là mười. Nếu biết hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được chứng trí thanh tịnh đại Bồ đề".

Đức Phật nói nếu mình biết hồi hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được

chứng trí thanh tịnh đại Bồ đề, là trí tuệ giác ngộ rất lớn hoàn toàn thanh tịnh trùm khắp pháp giới. Nếu chúng ta làm theo Kinh Thập Thiện thì khi thành Phật đều có quả chứng khác biệt nhau. Làm bất kỳ công việc gì, chúng ta cố gắng hướng về đạo Vô thượng Bồ đề đừng dừng lại ở đâu cả. Nhiều khi người làm phước cúng dường họ chỉ mong đời sau giàu có sung sướng, đó là việc rất nhỏ, cái chính là chúng ta phải chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta đừng vì lợi riêng tư mà làm ảnh hưởng, gây khổ đau, khó khăn cho người khác thì đời sau chúng ta sẽ hưởng an vui an lạc. Đời sống vật chất sung mãn và phước báo đủ để chúng ta sanh cõi trời. Phước hơn nữa là chúng ta chứng đạo quả Vô thượng Bồ đề và chứng trí thanh tịnh đại Bồ đề như Đức Phật nói.

VĂN KINH

3. Tà hạnh

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tà hạnh thì được bốn pháp người trí ngợi khen. Những gì là bốn? Một: Các căn điều thuận. Hai: Xa lìa rộn ràng. Ba: Được đời khen ngợi. Bốn: Vợ (hay chồng) không bị xâm phạm.

Ấy là bốn. Nếu hay hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tướng trượng ẩn mật tàng của Phật.

Đức Phật dạy, người sống không tà hạnh sẽ được bốn lợi ích:

"Một: Các căn điều thuận". Trong giới của người Phật tử tại gia, Đức Phật cho phép người Phật tử tại gia có vợ có chồng, chính thức cưới hỏi nhau gọi là chánh hạnh. Còn nếu không chính thức được cưới hỏi, không được xã hội công nhận thì gọi là tà hạnh. Tức là người chồng mà có

quan hệ với người khác ngoài vợ của mình thì được xem là tà hạnh.

Ngoài việc quan hệ trên thân xác, nếu tâm ý chúng ta có khởi dục tâm với người khác phái cũng xem là tà hạnh. Hoặc sống chung gia đình mà chuyện quan hệ vợ chồng không điều độ cũng xem là tà hạnh. Khi người tâm dục mạnh sẽ ảnh hưởng thân xác và nhân quả là thân căn không điều thuận. Người sống chánh hạnh thì ngay trong đời này thân căn chúng ta tốt, đời sau khi sanh ra làm người thân căn cũng điều thuận, nghĩa là có tướng tốt để người đời có thể chấp nhận được. Không bị bệnh hoạn, các căn đều đầy đủ và nhu thuận, không có tướng khó xem, khiến cho người nhìn thấy có gì chân chánh trong đó.

"Hai: Xa lìa rộn ràng". Người sống chánh hạnh tâm rất yên ổn, họ không thích sự rộn ràng vui nhộn. Còn người tâm loạn động rất thích môi trường rộn ràng vì tâm họ không yên. Khi bắt đầu tu tập dường như chúng ta thích chỗ yên vắng dành thời gian để mình sống với chính mình, còn người tà hạnh luôn hướng ngoại tìm cuộc vui bên ngoài.

Người tà hạnh trong thâm tâm muốn tìm sự thỏa mãn từ người khác đến với mình. Nên họ cứ nghĩ rằng phải có ai đó mới đem đến bình an hạnh phúc cho họ, chứ họ không bao giờ sống trở lại nội tâm. Người tà hạnh thích chỗ rộn ràng do thiếu công phu tu tập, thiếu chánh hạnh Phật đạo, lúc nào thích thì người ta đem đến cho mình, lúc không thích người ta dừng lại. Lúc đó họ cảm thấy mất đi niềm vui và cuộc đời rơi vào bất hạnh.

Ai cũng đều mong mỏi mình có đời sống hạnh phúc nhưng họ không nghĩ rằng hạnh phúc đó xuất phát từ nội tâm. Luôn luôn chúng ta cứ nghĩ có người này ở bên cạnh

mình mới bình yên hạnh phúc, phải có người kia đúng với mong mỏi hoài bão ước muốn của mình và chúng ta tìm gặp người đó để gần gũi. Còn như không gặp được người vừa lòng, vừa ý thì cảm thấy đời sống bất hạnh.

Sau bất hạnh đó, chúng ta tiếp tục đi vào con đường luẩn quẩn, tìm cầu một con người mới khác hơn thay đổi cuộc đời của mình. Hôm nay tìm người này, một thời gian thấy có gì đó không vừa lòng vừa ý, nghĩ rằng người mới sẽ được hơn. Nhưng khi gần gũi một thời gian, chúng ta tiếp tục gặp người đó thể hiện những cá tính, hành động, cư xử không vừa ý mình, mình cảm thấy bất hạnh nữa. Rồi cả đời chúng ta cứ rộn ràng, cứ chạy tìm và chao đảo.

Người tà hạnh sống bất an, họ chỉ hưởng hạnh phúc một cách mong manh. Bởi vì, khi tìm người khác đem lại nguồn hạnh phúc đến cho mình thì nó không có chắc. Trừ trường hợp người nào biết sống lại với chính mình, biết có cái gì đó để chúng ta tự sống an ổn, tự sống an lạc cho riêng bản thân mình. Tâm chúng ta lắng dịu đi những tâm tà, những phiền muộn, những mong cầu, những ước muốn thì mình mới yên, đó mới là cái yên thật của mình. Còn nguồn vui từ bên ngoài không thật, nó hết sức mong manh, ngày nào đó nó sẽ đổ vỡ. Cho nên, người nào vẫn còn hướng ngoại để tìm nguồn vui, tìm hạnh phúc là người đó đang hướng đến sự bất an cho chính cuộc đời của mình vì càng lao ra họ càng bất an.

"Ba: Được đời khen ngợi". Thường những người sống chánh hạnh được rất nhiều người coi trọng. Đây là phong tục không phải Á đông, ngay cả trong tôn giáo người ta cũng coi trọng điều này. Chúng ta có lập trường vững vàng trong đời sống của mình, sống với đời sống chân chánh thì được nhiều người khen ngợi.

"Bốn: Vợ (hay chồng) không bị xâm phạm". Đây cũng là nhân quả, nếu ai có đời sống tà hạnh thì người bên cạnh mình sẽ gặp người khác và sẽ bị sự xâm phạm khiến hạnh phúc gia đình không còn bền vững. Nhân quả đời sau chúng ta làm vợ thì chồng không thủy chung, còn làm chồng thì vợ sẽ sống không thủy chung.

"Ấy là bốn. Nếu hay hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tướng Trượng ẩn mật tàng của Phật".

Trong ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật, tướng Trượng ẩn mật tàng ít người biết. Thời Phật tại thế, ở trong Kinh cũng như tất cả các sử liệu nói, một người có đủ ba mươi hai tướng tốt thì ở tại thế gian này sẽ là Chuyển Luân Thánh Vương, còn nếu tu sẽ chứng thành Phật quả. Cho nên, lúc Đức Phật chứng được Phật quả rồi có một số ngoại đạo biết được thuyết này, có nhiều người yêu cầu Đức Phật phải thể hiện tướng Trượng ẩn mật tàng.

Đây là tướng rất khó nói. Tướng này rất kín đáo. Ví dụ như tướng lưỡi rộng dài thì Đức Phật có thể hiện được, Đức Phật có thể le lưỡi đụng chân tóc. Do nhiều ngàn kiếp Đức Phật chưa từng nói dối nửa lời, nên sanh ra tướng lưỡi rộng dài. Hoặc Đức Phật thể hiện tướng hình chữ Vạn ở ngực. Còn tướng Trượng ẩn mật tàng rất khó thấy, chỉ trừ ngoại đạo nam thì Đức Phật mới thể hiện cho thấy. Đó là phần âm của Đức Phật không như người khác, bình thường nó không có, đến cần sử dụng mới có, không thì nó ẩn mất. Người sống chánh hạnh không tà hạnh nhiều ngàn kiếp thì khi ra đời được tướng này. Đây là một tướng quý trong ba mươi hai tướng tốt.

VĂN KINH

4. Vọng ngữ

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa vọng ngữ thì được tám pháp trời khen ngợi. Những gì là tám? Một: Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát. Hai: Được người đời tin phục. Ba: Mở lời thành chứng, trời người kính mến. Bốn: Thường dùng lời êm dịu an ủi chúng sanh. Năm: Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh. Sáu: Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ. Bảy: Mở lời tôn trọng, người trời vâng làm. Tám: Trí huệ thù thắng không ai chế phục được.

Đó là tám công đức. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật sẽ được Chân thật ngữ của Như Lai.

Người không nói dối được tám lợi ích:

"Một: Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát". Thường học ngũ giới chúng ta không thấy được giá trị này, khi học Thập Thiện mới thấy. Trong Kinh diễn tả, từ nhỏ đến lớn Đức Phật nói chuyện miệng phát ra mùi thơm nhẹ nhẹ, xuất phát từ hơi một người có cơ thể và tâm thanh tịnh. Đó là một trong những phước tướng của người nhiều đời nói lời chân thật.

"Hai: Được người đời tin phục". Dù chúng ta không có chức, không có quyền nhưng nói ra lời nào người ta cũng tin và kính phục. Mình tự nghiệm lại, trong đời sống có những chuyện mình nói cũng hay lắm, nói đủ sức thuyết phục lắm nhưng người ta không tin. Không phải mình nói không đúng, không phải mình nói không hay, nói rất đúng rất hay, nhưng người ta không tin, không phục, không nể mình, do nhân quả nhiều đời nhiều kiếp chúng ta nói không thật. Cho nên trong thâm tâm những người mình gặp, họ đã không tin chúng ta từ đời trước chứ không phải đời này.

Mặc dù đời này chúng ta nói rất đúng, nói rất thật, nhưng người ta vẫn có gì nghi ngờ vì chúng ta chưa khôi phục được niềm tin của người khác.

Dù chúng ta gặp bất kỳ ai, bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta nói bằng thâm tâm của mình được người khác tin phục, đó là nhân quả chúng ta từng nói lời chân thật. Lời chân thật đó từ kiếp trước gây lòng tin nơi người ta rồi, cho nên đời này chúng ta dù nói ít nhưng người ta vẫn tin, vẫn phục, vẫn nể. Vì vậy có những chuyện cần thì người ta sẽ nhờ mình đi nói chuyện.

Ví dụ, ở vùng quê có xảy ra chuyện gì thì phải mời ông cụ nào đó đứng ra can thiệp giùm, vì lời nói người đó có một chút uy lực, cho nên mới hóa giải được chuyện gút mắc. Hoặc người khác có chuyện phiền muộn thì người ta thích nhờ tới mình, vì lời khuyên của mình có thể thuyết phục được người đó.

Có những trường hợp người đó gặp chuyện gút mắc khổ đau, rất nhiều người khuyên không được, nhưng khi gặp người có uy đức chỉ cần nói một lời là họ có thể nghe, và có thể quên đi những chuyện phiền muộn trong đời mình liền. Tức là lời nói tác động vào tâm thức người đó để thuyết phục được họ.

Ngay cả vị giảng sư, nếu công phu không đủ lực thuyết phục quần chúng, nói chúng ta nghe rất hay, thời giảng nghe cũng rất thích, nhưng sự thuyết phục không có bên trong, khiến cho người nghe qua rồi thôi, nhưng làm theo là rất hiếm. Nếu có chút công phu chúng ta sẽ nhận ra công lực phát ra từ ngôn âm của người nói. Chúng ta sẽ nhận ra ngôn âm đó xuất phát từ nội tại là có tu tập, có sở chứng sở đắc thật, hay ngôn âm xuất phát từ học hiểu. Hai loại ngôn âm có lực khác nhau, chính lực nội tại này mới

có thể thuyết phục được người đối diện, còn không thì người ta nghe hiểu và có thể chấp nhận mình nói đúng, nhưng thuyết phục họ là không được.

Có khi chúng ta nói rất đúng để người ta không thể cãi mình, nhưng nghe dứt khoát người ta không nghe. Ngay khi đối diện để lý luận với nhau thì mình là người thắng cuộc, nhưng thuyết phục được người kia là không được. Họ chấp nhận thua nhưng họ không nể phục và không vâng làm. Trong cuộc sống này, muốn nói một lời cho người khác nghe thì rất khó. Đời này chúng ta phải tu tập tốt để nội lực đủ nhiếp phục người khác, nhưng nó cũng là nhân quả của nhiều đời nhiều kiếp chúng ta tu tập không nói dối, mới đủ sức thuyết phục người đối diện mình nghe và làm theo.

Vì vậy, Đức Phật khi đời cuối để thành Phật, Ngài cũng phải tu tập cho tới chứng quả mới bắt đầu nói Pháp. Lời nói đó không phải một đời mà ngàn đời, ngàn kiếp, cho tới giờ phút này chúng ta chỉ cần nghe tới thôi là tự động mình đem hết thân mạng để làm theo. Mặc dù ngôn âm đó chỉ còn là từ ngữ chữ nghĩa thôi. Cho tới bây giờ, hơn hai ngàn năm trăm năm rồi, nếu gặp ở đâu có lời nói của Đức Phật, hoặc quyển sách, hoặc ai đó nhắc nhở lời Đức Phật thì tự động chúng ta nể phục kính tin. Thậm chí có nhiều người kính tin tới mức độ là họ lễ lạy từng chữ trong Kinh. Đó là thể hiện chân thật ngữ của Đức Phật. Lời nói đó không chỉ thuyết Pháp cho người hiện tại, mà thuyết phục từ thế hệ này cho tới thế hệ khác và nó trở thành chân lý để mọi người đều tin phục.

Cho nên, nếu chúng ta muốn thuyết phục một người, không phải chúng ta tạo cho mình một khả năng nói giỏi hay nói khéo, mà phải tu tập tốt và muốn người ta đi theo

con đường tốt. Ví dụ, một người bình thường mà chúng ta muốn khuyến khích họ đi vào con đường đạo, nếu chúng ta chỉ rèn luyện ngôn âm ngữ cú của mình là một người giỏi thì chưa chắc thuyết phục được họ. Mà người sử dụng ngôn âm đạt tới chiều sâu của tâm linh, tức là người đó phải có công phu lớn thì nói ít nhưng thuyết phục nhiều. Cho nên, có những thầy giảng thuyết rất nhiều nhưng chuyển hóa tâm thức người khác thì ít.

Có vị Hòa thượng chỉ cần nói: "Về ăn chay đi con" là mình về ăn chay suốt đời không bao giờ ăn mặn. Nhưng có người khuyến khích ăn chay lợi ích thế này thế kia mà nhiều khi người ta không nghe theo, vì lực chưa đủ để có thể chuyển tâm thức người khác. Muốn ngôn ngữ tạo thành lực chuyển tâm thức người khác, khiến người ta phải tin phục là điều rất khó.

Đa số chúng ta làm theo điều gì mà mình thường hay nghe, vì cõi này là cõi âm thanh. Những hệ tư tưởng được viết bằng loại ngữ nghĩa tuy rất hay nhưng sức thuyết phục yếu hơn là trực tiếp nghe qua âm thanh. Âm thanh thể hiện nội lực của người đối diện. Trong đạo Phật, muốn thuyết phục được người khác thì chúng ta đừng đào luyện lối nói cho khéo cho hay, mà phải làm sao có nội tại để khi người ta nhìn thấy mình, dù chưa thể hiện ngôn ngữ nào nhưng họ đủ tin với phước tướng của mình. Người ta nhìn mình có cái gì thật để có thể thuyết phục được, rồi chúng ta mở lời sẽ thành công. Nếu mình công phu chưa tốt, có cái gì không thật lắm thì dù mình có nói hay cỡ nào họ cũng không nghe.

"Ba: Mở lời thành chứng, trời người kính mến". Người công phu tu hành nhiều đời, nhiều kiếp, nói bất cứ lời nào cũng thành thật đủ lòng tin cho cõi người và cõi trời.

Đức Phật chỉ cần ngồi yên cũng có cõi trời, cõi người tới đảnh lễ.

Lời nói thể hiện trọn vẹn sự chân thành của mình và thể hiện qua âm vận của mình. Ví dụ, hai người bạn thân đang chơi với nhau rất vui, nhưng bữa nay người đó nói chuyện với mình có chút gì giấu giếm là chúng ta nhận ra. Mặc dù mình học cái kiểu nói chuyện chân thành, nhưng trong lúc nói chuyện với bạn của mình người ta nhận ra đằng sau ngôn ngữ này có cái gì không thật. Đây là kiểu ngoại giao hết sức tinh tế, nếu chúng ta có công phu sẽ nhận ra rất dễ dàng. Người tâm ngay thật không cần nửa lời kiểu cách, không cần văn hoa, không cần tính toán mà người đối diện vẫn nhận ra, khiến họ nể phục và thương mến.

Ở cõi trời, dao động trong đầu chúng ta họ nhận ra, họ hiểu trước khi có ngôn ngữ, họ hiểu nó xuất phát từ nội tâm nào, họ hiểu lòng chúng ta phát khởi theo kiểu gì. Chỉ có loài người có thể tạm tin mình, vì họ không thấy được nội tâm mình thật hay không thật, vì bên ngoài mình sử dụng ngôn ngữ thật nhưng bên trong không thật.

Có người nói chuyện chúc tụng nhau nhưng ẩn tàng bên trong là lời chửi rủa, không thật. Ví dụ, như người kia thành công, mình chúc mừng bạn nhờ khả năng tài giỏi của bạn mà bạn đã thành tựu sự nghiệp, nhưng ngầm bên trong là trù rủa mày cũng có ngày sập nghiệp. Hoặc trong xóm mình có người gặp nạn thì mình tới, tôi xin chia sẻ với anh chị, anh chị lỡ gặp chuyện không may như vậy… nhưng bên trong là nghĩ mày chết cũng đáng. Có người mù nói, cả đời Ngài chỉ nghe Thiền sư Benkei trong tâm thế nào thì nói ra ngôn âm như thế đó. Đó là lời nói chân thật xuất phát từ nội tâm rất chân thành. Chúng ta thông cảm được sự đau khổ của người khác mà mình chia sẻ, hoặc mình vui thật sự

khi thấy người khác thành công, đó là lời nói chân thật.

Trong đời sống này chúng ta muốn nói ra một lời được người tin là đã khó rồi, nhưng trời tin mình nữa thì ngàn muôn lần khó. Vì người cõi trời họ thấy rất rõ sự dao động tâm linh của chúng ta, cho nên mình nghĩ thế này mà mình nói thế kia là các vị không nể.

"Bốn: Thường dùng lời êm dịu an ủi chúng sanh". Nếu chúng ta đã từng nói thật và ngôn ngữ của mình làm dịu đi cơn đau khổ của người khác thì đây là điều rất lạ. Mặc dù ngôn ngữ lời nói của chúng ta không trau chuốt, không phải mình nói hạ ngữ, hạ điệu để nói lời ngọt, nhưng chúng ta thuyết phục hoặc an ủi người khác được vì mình nói lời thật.

Lời thật có sức thuyết phục hơn lời trau chuốt. Nếu có ai đau khổ phiền muộn, mình khuyên được, hóa giải được đau khổ đó bằng lời nói của mình thì biết rằng chúng ta có tu tập tốt. Lời nói chân thật xuất phát từ nội tâm lớn, nhiều đời chúng ta nói thật, nên bây giờ người ta gặp chuyện khó gì họ rất cần lời khuyên của mình. Còn có người gặp chuyện đau khổ mà chúng ta lại khuyên họ không nghe, họ nói làm ơn đi chỗ khác để cho tôi yên thì biết rằng chúng ta không có nội tâm tốt. Có khi mình thân cận, yêu thương, giúp đỡ, chăm lo khuyên nhủ họ không được, họ không nghe nhưng người khác có thể nói một lời thì nghe. Mặc dù người này không phải là người thân cận, nhưng nơi họ có công phu tu tập và nhân quả tốt nên người này nói một lời họ nghe, họ chấp nhận được và có thể mất đi phiền muộn của họ liền.

Lúc nội tâm họ rắc rối, nếu sự bình an của chúng ta không lớn hơn nội tâm đang rối của họ thì chúng ta không chuyển được họ. Cân lượng nội tại của chúng ta phải nặng

hơn cái tâm đang rối kia. Thông thường nội tâm rối loạn là ở bề mặt của tâm thức, nếu gặp người tu tập tốt, nội tại vững tự động người tâm bị rối kia thấy có chỗ yên để họ dựa.

Ví dụ, có chuyện nào đó xáo trộn ngoài chợ, mọi người đều chạy nháo nhào, nhưng chúng ta thấy có người rất vững vàng đi trong đó tự động mình nghe yên, mình có thể đi chậm sau lưng người này. Sau đó, họ có khuyên lời gì chúng ta cũng có thể chấp nhận được. Người nội tại không tốt, tức là không có mảnh đất sống bình an cho chính bản thân mình thì không cách nào có thể khuyên lơn người khác. Mình nghe khuyên câu này, câu kia thì mình cũng cám ơn nhưng thấy mình còn nguyên đó, không có giải tỏa được tâm rối của mình.

Muốn giúp được người khác không chỉ có nhân quả chúng ta nói lời chân thật mà còn kèm theo nội tâm vững vàng. Chính nội tâm bình lặng mới xuất phát được ngôn ngữ chân thật, còn nội tâm xáo trộn thì ngôn ngữ chúng ta thấy rỗng, không có chất bình yên trong đó khiến cho cái nóng bức, khổ đau, phiền muộn của người khác không có sức hóa giải.

Cũng là câu niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tất cả các miệng đều niệm như nhau, nhưng người có công phu tu hành họ nhận ra người này tu lâu hay mới tu, người này niệm trong loạn tâm hay định tâm. Bất kỳ ngôn âm nào cũng mang theo năng lượng riêng của nó. Năng lượng đó xuất phát từ nội tâm của con người. Cho nên, trong lúc tâm vui chúng ta nói câu nó khác, lúc tâm buồn chúng ta cũng nói câu đó nhưng nghe nó khác. Lúc sức khỏe mình tốt cũng nói câu đó nhưng nó khác, lúc sức khỏe mình yếu cũng nói câu đó nhưng nó khác.

Người tinh tế họ sẽ nhận ra loại ngôn ngữ xuất phát

từ nội tâm của mình như thế nào, tình trạng cơ thể chúng ta như thế nào. Chúng ta đang ở trong tâm trạng gì để có được ngôn âm gì, điều này rất rõ. Tinh tế chừng nào thì chúng ta nhận ra và hiểu chính xác lời nói người khác. Có khi họ tới với mình, mình gật đầu nhưng mình biết lời nói này không phải, không đúng. Nghe thì hết sức hay, hết sức đúng nhưng chúng ta hiểu được bề sau của ngôn ngữ là cái gì.

Từ từ chúng ta sẽ nhận ra được câu niệm Phật này có nội lực hay không. Cái ngọt ngào của ngôn ngữ nó lạ lắm, nó thể hiện tất cả những gì bên trong. Nội tâm họ an lạc thì nghe họ niệm Phật thôi mình cũng cảm thấy yên rồi. Từ cái yên họ xuất phát thành ngôn âm để chúng ta được yên.

Tầng tâm thức chúng ta tương ưng với loại ngôn ngữ gì thì nghe tiếng nói người đó tự động mình thích. Chỉ có nội tại thật sâu lắng an ổn mới nói nhiều người được yên. Khi gặp người đau khổ phiền muộn, họ lại khuyên khơi khơi không đúng với chuyện gì nhưng người ta thấy yên liền. Có nhiều người nói rất đúng tâm lý, rõ ràng như người đó sống chung với mình biết chuyện mình nhưng rồi không hóa giải được mình. Có người đến chỉ đùa giỡi với mình thôi, vậy mà mình hết phiền muộn.

Có khi Phật tử gặp chuyện phiền muộn muốn gặp Hòa thượng hoặc vị cao đức nào đó, nhiều khi mình muốn chia sẻ tâm sự nhiều lắm nhưng gặp Thầy rồi là hết muốn nói, tự dưng thấy yên nên thôi về. Ngôn ngữ phát ra âm thanh là cái bên ngoài, nhưng ngôn ngữ không thành lời nó rất thật, rất mãnh liệt và có sức thuyết phục lớn.

Khi chúng ta nhìn tượng Phật trong Chùa, tướng pháp của Đức Phật cũng là một loại ngôn ngữ bình yên, đó là ngôn ngữ nội tại rất lớn. Có người mình nhìn thấy từ xa tự động trong lòng chúng ta có gì đó dịu đi. Nhiều khi đang

phiền não, đang tức bực nhưng gặp người đó mình thấy vui. Ngôn ngữ không thể hiện bằng âm thanh bên ngoài mà đủ sức thuyết phục người khác, là nó tác động sâu tới tâm thức người đối diện, đây là công phu lớn. Như chúng ta thọc tay xuống nước phải bị ướt, cũng vậy khi đối diện với vị có tâm an lạc, tự động nỗi phiền muộn của mình bị nhuốm bởi nội tâm an ổn kia. Lực đó mạnh quá khiến chúng ta được yên. Thậm chí có người mất ngủ, tự nhiên ngồi chơi gần gần vị Thầy là họ ngủ được.

Người tu tốt không thể hiện qua lời nói mà thể hiện trọn vẹn trong đời sống của họ. Mỗi người sẽ cảm nhận với người đó khác nhau, có khi chỉ nghe qua lời khuyên, có khi thấy được người đó hoặc gần gũi người đó chúng ta yên. Cho nên, thời Đức Phật tại sao có rất nhiều người sau thời Pháp là ngộ đạo, vì nội tâm của Đức Phật quá lớn có thể phủ trùm một vùng. Tất cả những người vào nghe giảng, bị năng lực an ổn của Đức Phật làm cho tâm họ không dao động, lòng họ bắt đầu rỗng để họ hứng trọn lời Pháp của Đức Phật. Khiến họ phá vỡ những chấp trước nơi tâm thức, những phiền muộn, những đau khổ, những phiền não khi gặp Đức Phật là gần như bị tắt mất. Lúc đó chỉ còn tâm thanh tịnh để hứng trọn giáo Pháp Đức Phật. Vì tâm an ổn của Đức Phật quá lớn, tâm thức dao động của chúng ta là cái màng ngoài mỏng, nên khi chạm tới năng lượng kia nó tự động bị tan, khó có ai nghĩ sai khác.

Có những pháp hội rất đông người nhưng im phăng phắc, do có năng lực gì đó nhiếp phục được tâm thính chúng để họ nghe trọn vẹn thời Pháp. Có thời Pháp có năm ba người nhưng họ cũng không yên để nghe được, vì sức bình yên không đủ để có thể làm an người đối diện với mình. Có người hay nói hay cười đùa, nhưng khi bước vô

ngôi Tam Bảo tự động mấy chuyện đó tắt mất. Có cái gì đó khiến họ phải hòa với cảnh mới, họ không thể nói cười nhiều được, để họ giữ yên hòa điệu với hoàn cảnh đó.

Những nội lực xuất phát từ người có nội tâm an lạc có lợi rất lớn, không chỉ ở Chùa mà khi họ đi ra đường, hoặc ra chợ, họ tới gian hàng nào thì những người buôn bán có vận may lớn nào đó rất lạ. Chúng ta có kinh nghiệm tu tập mới thấy rõ.

"Năm: Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh".

Người nói lời chân thật thì không có sự ân hận bên sau. Chúng ta nói được tất cả những điều mình muốn nói, bằng tất cả tâm của mình thì mình vui, nói được lời thật mình cảm thấy trong lòng không phiền muộn. Dù khẩu nghiệp thanh tịnh nhưng thân nghiệp và ý nghiệp của chúng ta cũng phải thanh tịnh.

Tâm chúng ta luôn trôi chảy một cách bình thường, nếu theo dòng trôi chảy đó mà mình nói thành ngôn ngữ thì nó thuận chiều, năng lượng chúng ta tuôn trào và đi theo chiều nhất định nào đó rất tốt đẹp. Nhưng nếu chúng ta không nói theo chiều hướng của tâm thức mà bị cong một chút thì chúng ta làm cho năng lượng bị ùn tắc hoặc nó chảy ngược lại. Do đó mà thân chúng ta bị xáo trộn. Vì vậy, lời nói chân thật ảnh hưởng tới ý vui thù thắng, ảnh hưởng tới thân nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh.

Lời nói dối chắc chắn xuất phát từ tâm xáo trộn thì thân và ý chắc chắn không thanh tịnh. Ngược lại, người thanh tịnh tâm luôn nói lời chân thật. Khi chạm duyên, họ phát khởi những gì khế ứng, phù hợp với duyên cảnh hiện tại không có cong vạy, không nói sai sự thật. Tâm thanh tịnh thì chúng ta nói được ngôn ngữ chân thật. Nếu chúng ta nói được ngôn ngữ chân thật thì làm cho tâm mình thanh

tịnh. Người nào sống không thật trong đời này thì tâm người đó luôn luôn bị bất an.

Vì vậy, trong Mười Bốn Điều Minh Triết, Đức Phật nói: *"Người dại nhất là nói lời dối trá"*. Vì họ luôn làm cho tâm mình bất an. Trong bài giảng Dưỡng Sinh chúng tôi nói: *"Mỗi một ý niệm của mình, mỗi một kiểu nghĩ của mình nơi tâm ảnh hưởng trực tiếp tới cơ quan nội tạng"*. Ví dụ, chúng ta buồn sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bao tử, chúng ta sợ sẽ bị ảnh hưởng thận, chúng ta nóng giận sẽ ảnh hưởng gan. Vì mình nóng nảy chửi rủa người ta thì chắc chắn gan mình sẽ bị đau, chúng ta uất ức nói lời uất hận với người khác thì chắc chắn tim chúng ta sẽ bị đau, khi tim bị đau thì luôn khởi nghĩ điều uất ức. Hoặc thận yếu thì ngôn ngữ chúng ta lúc nào cũng sợ hãi, chúng ta sẽ có ngôn ngữ lo lắng không bình tĩnh.

Người sợ hãi có lời nói hấp ha hấp hửng, chứng tỏ rằng chính lời nói này tác động ngược lại cơ quan nội tạng làm thần khí mình bất an. Thận chủ về thần cho nên thận yếu là thần dao động, mà thần dao động sẽ xuất phát lời nói bất an. Lời nói bất an là thể hiện thần kinh mình không bình tĩnh, mà thần kinh không bình tĩnh xuất phát từ bệnh đau của nội tạng. Nếu mình tu tâm tốt thì thân sẽ tốt. Ngược lại, người thân tốt ảnh hưởng đến nội tâm cũng tốt theo. Do vậy, người tu bỏ quên thân mà chỉ tu tâm là mất cân bằng. Cho nên khó yên, nếu biết quân bình thân tâm trong lúc tu tập thì thân chúng ta sẽ yên hơn.

"Sáu: Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ".

Người nói lời chân thật ngữ thì không nói lầm bất kỳ điều gì. Từ nội tâm thanh tịnh chúng ta phát ra ngôn ngữ luôn luôn chuẩn xác, do nói lời chuẩn xác khiến trong lòng chúng ta vui. Lần nào đó, nếu lỡ mình nói điều gì không

thật về suy nghĩ lại lòng mình không vui. Nhiều khi chúng ta muốn thuyết phục người đó, muốn họ phải tin hiểu mình. Sợ họ phát hiện một câu nào đó không tin mình nữa thì chúng ta đã sống bất an. Sau đó chúng ta có sự ân hận làm tâm chúng ta xáo trộn tiếp.

Ngôn ngữ nó chi phối gần như trọn vẹn đời sống chúng ta. Nó là công cụ rất tốt để chúng ta có thể thăng hoa về mặt tâm linh, nhưng nó cũng có thể là chất liệu làm đổ vỡ hết tất cả những gì mình đã gầy dựng trong đời sống này. Ngôn ngữ có thể làm thành sự nghiệp của mình và ngôn ngữ cũng có thể làm tan nát sự nghiệp của mình. Ví dụ, trong tình cảm bạn bè chúng ta gầy dựng rất lâu, chúng ta tìm cách để nói chuyện được lòng người bạn. Nhưng đến lúc người ta phát hiện mình có gì dối trá trong kiểu nói chuyện của mình, từ đó về sau đổ vỡ hết, không còn lòng tin với nhau nữa.

Lời nói thật đem tới lòng hoan hỷ, vì mình nói đúng, nói thật trong lúc giao tiếp thì sau đó chúng ta không ân hận. Nội tâm mình không khúc mắc sống tươi vui thì thân ít bệnh, cả ngày lạc quan yêu đời. Mặc dù mình không phải là người thành công, sự nghiệp nghèo nhưng mình giàu có nơi tự tâm, không thiếu thốn, không mắc nợ ai. Khi nói lời không thật, chúng ta thấy mình bị nợ nần, bị thiếu thốn, vay mượn bằng sự nghèo nàn nơi ngôn ngữ của mình. Nếu ai nói được lời chân thật thì lòng thường hoan hỷ, an lạc vì mình nói thiệt hết rồi nên ngủ yên. Nhưng lỡ mình nói có chút gian dối, người nghe ngay đó họ không đủ sức nhận ra, nhưng về nằm họ nghiệm lại thấy mình nói câu này không thật thì chúng ta sẽ bị bất an.

"Bảy: Mở lời tôn trọng, người trời vâng làm". Lời nói thật của chúng ta hết sức trịnh trọng. Đây là điều rất lạ.

Ví dụ, mình nhờ người khác một chuyện như nhờ quét nhà hay nhờ đem cho mình một ly nước, người đó dù nhỏ hơn mình nhưng họ không làm. Nhưng chúng ta ở vị trí nhỏ hơn nhờ việc gì đều được người khác làm giùm, vì nó xuất phát từ tâm chân thành. Tâm chân thành nói ra một lời đủ sức thuyết phục người khác, khiến họ làm chuyện cho mình không ngần ngại.

Năng lực của ngôn ngữ có tác động rất lớn, phải xuất phát từ nội tâm đủ lực chuyển đổi người khác. Có nhiều khi lời khuyên chuyển cả cuộc đời người kia, họ có thể làm đúng và có thể sống chết với lời nói này. Nhưng có nhiều khi chúng ta đi theo nói hoài suốt cả đời mà người ta cũng không thay đổi được chút nào.

"Tám: Trí huệ thù thắng không ai chế phục được". Thường người nói thật, trí họ sáng lắm. Đừng nghĩ người thật thà là người không thông minh. Người thông minh nhất là người thật thà. Thấy mặt bơ bơ chứ họ rất sắc, vì họ thấy được giá trị thật của ngôn ngữ. Chính lời nói thật hết sức đơn giản mà đủ sức thuyết phục người khác.

Tất cả lời nói xuất phát từ tâm chân thật đều mang theo lực đủ sức thuyết phục mọi người. Người nội tâm xáo trộn, sự chân thật chỉ là bề ngoài, cho nên họ muốn thuyết phục người khác rất khó. Chỉ có thật với nhau mới có thể gặp gỡ, còn đem tất cả quyền lực, tiền của, những gì có thể thuyết phục được người chân thật này thì rất khó. Người chân thật dù nói chơi, nói đùa nhưng mình cũng nhận ra được là người này đang nói thật. Còn có người nói nghe hết sức chân thành, hết sức thuyết phục nhưng chúng ta cũng nhận ra được người này nói lời không thật.

Trong Mười Bốn Điều Minh Triết, Đức Phật nói: *"Người rất thông minh mới sống đời sống chân thật, người*

rất ngu dốt mới sống đời sống giả dối". Ngu dốt nhất trong trần gian là sống dối, sống không chân thật. Còn người đủ sức thông minh không bị ai chế phục. Từ nội tâm yên ổn, an lạc, thanh tịnh mới thể hiện trọn vẹn sự chân thật trong đời sống này.

Người đã sống an lạc thanh tịnh rồi thì rất khó có gì thuyết phục được họ, chỉ có sự an lạc và bình an lớn mới có thể giúp họ tiến hóa. Họ không đi theo chiều xáo động, không đi theo sự xôn xao của xã hội, không hướng ngoại tìm cầu cho nên khó có người thuyết phục họ được. Thuyết phục họ là phải là người có tầm vóc lớn, sức an lạc người kia phải hơn họ. Sự chân thật người kia phải hơn họ thì họ mới có thể theo, còn không hơn về chân thật an lạc thì họ không thể chấp nhận, tự động trong tâm họ loại trừ ra.

Người sống thật có năng lực vững vàng ngay trong đời sống này của chính mình. Thật thà chừng nào thì năng lực của họ càng mạnh mẽ chừng đó, dối trá chừng nào đời sống họ càng bấp bênh chừng đó. Luôn sống dối trá là sống bề ngoài, sống chân thật mới sống trở lại nội tại. Do tu quá nhiều đời nhiều kiếp nên đời này họ mới sống trọn vẹn trong sự chân thật. Còn thiếu công phu tu tập, đã nói lời không thật rồi thì nội tâm chúng ta bắt đầu yếu đi và đời sống không an lạc. Giá trị ngôn ngữ thật, lời nói thật, cuộc sống thật có tác động lớn, có lợi ích riêng cho bản thân mình, làm cho mình bình an thanh tịnh ngay trong đời sống này và có ảnh hưởng lớn có thể giúp ích được người xung quanh.

"Đó là tám công đức. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật sẽ được Chân thật ngữ của Như Lai".

Trong Kinh nói: "Đức Phật là người nói lời chân thật,

trải qua ba thời đều thiện: Quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai đúng". Bất kỳ lời nói nào xuất phát từ Đức Phật đều trở thành chân lý. Đã thành chân lý rồi thì trải suốt thời gian không gian không bao giờ thay đổi. Đó mới là lời chân thật ngữ của Như Lai. Khi thấy giá trị thật của ngôn ngữ thật rồi, chúng ta bắt đầu sống thật, để mình có lời nói chân thật, để thân tâm chúng ta được thanh tịnh và tiến tu đạo nghiệp cho tới ngày thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

VĂN KINH

5. Nói hai lưỡi

Lại nữa Long Vương! Nếu lìa nghiệp nói hai lưỡi thì được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm? Một: Được thân bất hoại, không ai có thể hãm hại. Hai: Được quyến thuộc bất hoại, không ai phá được. Ba: Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp. Bốn: Được pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố. Năm: Được thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau.

Đó là năm pháp bất hoại. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được quyến thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

Nếu chúng ta không có nghiệp nói lưỡi hai chiều thì có năm điều lợi ích.

"Một: Được thân bất hoại, không ai có thể hãm hại".

Ví dụ, bạn bè người ta đang chơi thân, mình nói chuyện "Tôi nói thiệt với chị hôm qua tôi nghe chị kia nói tôi khó chịu lắm, không biết chị có chọc ghẹo gì bà đó không mà tôi nghe bà đó nói xấu chị". Bắt đầu mình nói một tràng chuyện xấu người kia ra. Rồi lại chị bạn kia mình cũng nói "Hôm qua tôi gặp chị kia nói xấu chị", để hai bên

đang thuận thảo với nhau họ bắt đầu có ý nghĩ không tốt với nhau, tức là chúng ta tạo sự ly gián giữa bạn bè, gia đình và dòng họ người khác.

Nhân quả nói ly gián là cho thân chúng ta dễ bệnh hoạn, người khác có thể hãm hại được mình. Đời này, nếu ai lỡ có lần nói ly gián người khác thì nên sám hối, vì trước sau gì chúng ta cũng bị người khác hãm hại. Ví dụ, trong chiến tranh chúng ta nói một lời tốt có thể giữ yên một làng nhưng một lời xấu sẽ rất nguy hiểm. Hoặc chúng ta biết phe phái này đang tìm một kẻ thù, chúng ta chỉ cần nói với người lãnh đạo tôi nghi người đó ở trong xóm đó thôi thì họ đủ có thể giết chóc hết một làng.

Lời nói tuy không phải là hành động giết người, nhưng nói ly gián gây thương đau, tổn hại, phiền lụy và thù hằn giữa hai người thân thuộc. Hai người thù hằn với nhau sẽ dẫn tới chuyện giết chóc, như vậy chuyện sát sanh mình có can dự. Nếu chúng ta bị hãm hại trong đời này, rõ ràng là trong đời kiếp trước chúng ta có gieo nhân ly gián.

Nếu người khác không hãm hại được mình thì biết rằng chúng ta không phạm tội ly gián. Ví dụ, có người ta muốn giết mình mà giết không được, có thuốc độc mình nhưng mình vẫn không chết thì biết nhiều đời chúng ta nói lời hòa hợp. Không nói lời ly gián để gây đau khổ cho người khác, không gây ảnh hưởng đời sống riêng tư gia đình họ. Không gây ảnh hưởng đời sống bạn bè, thân bằng, quyến thuộc của họ thì nhiều đời, nhiều kiếp chúng ta sẽ thoát khỏi nạn bị người khác hãm hại.

"Hai: Được quyến thuộc bất hoại, không ai phá được".

Trong đời này có người được sanh ra trong một gia đình anh em không hòa thuận, cha mẹ không thương con, không có bạn bè, không có thân bằng quyến thuộc. Mặc dù

bà con cô bác rất đông nhưng đi đâu mình vẫn thấy mình là người cô đơn, không ai tiếp đón niềm nở thì biết rằng chúng ta đã có lần nói ly gián trong đời trước.

Nếu chúng ta làm cho gia đình người ta ly tan, nghi kỵ, thù hằn với nhau thì đời này chúng ta đi đâu cũng bị người ta nhìn với cặp mắt nghi kỵ, không thân thiện, không gần gũi và họ thấy mình là cái gì đó để người ta xa cách. Nghiệp chúng ta đã từng có lần nói ly gián thì đời này sẽ sống cô đơn, hoặc bạn bè mình vừa kết thân thì bị người khác nói chuyện ly gián gây thù hằn nhau. Hoặc người khác không chấp nhận mình nữa, hoặc trong dòng họ mình bị người này nói xấu, bị người kia nói dở, khiến dòng họ nhìn mình với cặp mắt không thân thiện. Cả dòng họ tách biệt với mình để mình sống chỉ có một mình giữa xã hội. Hoặc đi đâu vừa kết thân với người bạn là chúng ta bị ly tan thì biết mình đã có lỗi lầm nói ly gián.

Biết như vậy, chúng ta phải đến trước Phật Tổ sám hối và chính bản thân chúng ta phải tìm cách nói chuyện hòa hợp, gắn kết tình cảm lại, sống thân thiện lại thì chúng ta chuộc lại lỗi cũ của mình.

"Ba: Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp".

Ví dụ, chúng ta quyết định hôm nay mình sẽ ngồi thiền một tiếng đồng hồ. Nhưng mới ngồi một chút là con cái nó réo, chòm xóm ca nhạc ồn, đủ thứ chuyện xảy ra để cho một tiếng đồng hồ mình ngồi không yên. Như vậy có thuận theo bản nghiệp không? Không.

Hoặc mình quyết định tu nhập thất nửa tháng nhưng mới bảy ngày có chuyện phải ra thất là không thuận theo bản nghiệp. Hoặc tâm chúng ta muốn tu tập quyết liệt, mình rất tinh tấn, thấy pháp này hay quá bám theo thì trong vòng một tuần hoặc nửa tháng mình sẽ thành tựu công phu.

Nhưng mới ba ngày có chuyện làm cho mình gãy đổ công phu, gọi là không thuận theo bổn nghiệp.

Hoặc mình tính toán đi từ thiện nhưng tới ngày đó có chuyện anh mình đau, chị mình bị cảm, con mình có vấn đề, gia đình mình có công chuyện mình không đi được, tức là không thuận theo bản nghiệp. Hoặc tất cả những chuyện trong đời này chúng ta có làm mà nó không theo ý mình là không thuận theo bản nghiệp. Hoặc trong chuyện làm ăn buôn bán, chúng ta muốn bán món này bao nhiêu tiền để mình được lời bao nhiêu mình làm công chuyện gì đó, nhưng bán hoài không được tức là không thuận theo bản nghiệp.

Hoặc mình đi học muốn tới đại học nhưng giữa đường gãy đổ là không thuận theo bản nghiệp. Hoặc mình có bạn bè muốn chơi thân với nó cho tới hết cuộc đời này nhưng nửa đường không còn thân thiện nữa. Nó làm cái gì đó để mình không thích nó, hoặc tự động nó nghĩ xấu mình không thích mình nữa thì gọi là không thuận theo bản nghiệp. Hoặc cuộc sống có những chuyện mà chúng ta làm bị rắc rối, trở ngại, gãy đổ là không thuận theo bản nghiệp.

Nhất là chuyện tu tập. Khi quy y theo đạo Phật là chúng ta thấy được giá trị của Phật đạo, thấy được việc sanh tử luân hồi ràng buộc mình nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta rất muốn tinh tấn tu tập để thoát khỏi trầm luân sanh tử, nhưng bắt đầu phát nguyện tu tập thì gặp chướng ngại, gọi là không thuận theo bản nghiệp.

Muốn gieo nhân lành với Chánh pháp chúng ta nên phát tâm, phát nguyện: "Con nguyện đời này và mãi mãi những kiếp về sau, khi ra đời con gặp Chánh pháp, gặp Minh Sư". Đang trong lúc lầm mê sanh tử, mình chưa biết Chánh pháp là gì, chưa biết Minh Sư là ai thì mình chỉ cần

nguyện như vậy và không cần nguyện rộng thêm. Có khi do duyên nghiệp chúng ta tu tập sai Chánh pháp, nhưng rồi chủng nhân đã gieo đúng Chánh pháp ở những đời kiếp trước, tự động nó cũng giựt mình lại ở cuối đời để mình quay về với Chánh pháp, gọi là thuận theo bản nghiệp.

Bản nghiệp chúng ta gieo không phải một đời mà đã gieo nhiều đời nhiều kiếp. Một đời này nếu chúng ta có đủ lực đủ sức phát tâm phát nguyện tu đạt đến giác ngộ giải thoát thì đó là phước lớn của chúng ta, nhưng rất ít người có khả năng này. Còn nếu ngay trong đời này, chúng ta không đủ sức để vượt thoát sanh tử luân hồi thì nên phát nguyện đời đời, kiếp kiếp chúng ta ra đời là gặp Chánh pháp, được gặp Minh Sư để tu hành cho tới ngày thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, dù chúng ta lang thang trong sanh tử luân hồi nhiều đời, nhiều kiếp chắc chắn cũng sẽ gặp Chánh pháp và gặp Minh Sư.

Cả đời chúng ta hoặc trong đoạn đời còn lại cho tới khi lâm chung mà giữ được tâm này thì dù ra đời có gặp chỗ không đạo lý, không Chánh pháp, toàn là những người tu theo ngoại đạo nhưng thế nào cũng đưa đẩy chúng ta tới lui để gặp Chánh pháp. Đó là cái duyên trong Phật đạo. Cho nên muốn thuận theo bản nghiệp của mình trong đời này và nhiều đời kiếp khác thì chính mình phải có lần đối trước Tam Bảo phát nguyện vững chắc tu tập.

Ví dụ, chúng ta tu niệm Phật cả đời nhưng duyên lành Chánh pháp của mình không đủ, vả lại nhiều đời chúng ta có nhân quả nói ly gián người khác nên tới cuối đời mình không thể ăn chay và không thể niệm Phật nữa được. Tự nhiên nghiệp phá đi bổn nguyện của mình, rồi chúng ta bỏ Chùa, không thích gần gũi Chánh pháp, làm những điều xấu dở để cuối đời mang quả báo ác, đó gọi là không thuận

theo bản nghiệp.

Chúng ta tự chiêm nghiệm lại, nếu thấy tất cả những việc trong đời sống chúng ta không thuận theo bản nghiệp thì biết mình đã có đời nào đó nói chuyện ly gián người khác. Nên biết mà phải sám hối cho kỳ được nghiệp này. Khẩu nghiệp dễ vướng, ví dụ, mình không thích người chòm xóm, mình không ra tay đánh đập họ được vì mình là Phật tử. Mình cũng không chửi bới họ được nhưng mình có thể hại họ được bằng lời nói ly gián.

Hoặc mình tìm cách nói với người nào đó đủ sức quật ngã người này, hoặc mình làm cho họ thất bại trong việc làm ăn buôn bán theo kiểu nói ly gián của mình. Hoặc người ta đang hợp đồng làm ăn thuận lợi, bạn bè họ rất thân thiện với nhau, gặp mình một bữa là hai người hết thân với nhau. Rồi tìm cách cho họ thất bại trong việc làm ăn buôn bán thì đời này chúng ta sẽ không thuận theo bản nghiệp trong việc làm ăn của mình. Cho nên việc giữ được miệng chúng ta không nói ly gián cũng khó. Đôi lúc mình cũng phạm phải, đã phạm phải rồi thì nhân quả phải có với chính mình.

"Bốn: Được Pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố".

Người tu được tinh tấn mỗi ngày mà thuận theo pháp hạnh là điều rất hiếm. Ngay cả những vị tu trong Chùa, những vị xuất gia cũng khó thực hiện theo bản nghiệp. Cứ đầu hôm ngồi thiền là bữa nay đi làm công việc mệt nên tối nay nghỉ mai tu cũng được, hôm nay làm công quả cũng có phước rồi thôi để mai. Mai mình cũng có chuyện khác gác lại để mốt mình tu, cứ như vậy hoài thì pháp hạnh bị lui sụt, không kiên cố, không liên tục được và bản nghiệp chúng ta không hoàn thành.

Cũng do trong quá khứ chúng ta đã gieo nhân ly gián

với người khác rồi, nên đời này pháp hạnh chúng ta dù có phát tâm phát nguyện trước Tam Bảo vẫn không thực hiện được. Do đó, chúng ta cố gắng sửa đổi ngôn ngữ của mình, đừng bao giờ nói chuyện ly gián người khác thì sẽ không ảnh hưởng đến chuyện tu tập, để việc tu tập của chúng ta được tinh tấn xuyên suốt từ đây cho tới ngày chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới dừng.

Nếu chúng ta có pháp hạnh bất hoại thật sự, tu tập tốt thật sự thì chúng ta luôn ở trong Chánh pháp mà mình đã chọn lựa. Ví dụ, chúng ta phát tâm niệm Phật về Tây Phương Cực Lạc, đó là pháp hạnh của mình và mình hành pháp đó trọn đời là thuận theo bản nghiệp. Nhưng nếu không được như vậy, mỗi tối chúng ta niệm Phật một tiếng đồng hồ nhưng được ba đêm tới đêm thứ tư có người rủ đêm nay có bộ phim rất hay mấy tháng mới chiếu một lần không coi uổng lắm. Còn chuyện tu thì mai mốt tu cũng được, mình nghe có lý quá, thôi tạm gác thời niệm Phật đi coi phim là chúng ta hủy hoại pháp hạnh của mình, là không thuận theo bản nghiệp.

Người nào trong đời này bị gãy đổ công phu, gãy đổ việc tu tập thì chứng tỏ chúng ta đã có lần nói lời ly gián mà làm gãy đổ pháp hạnh của mình. Nếu mình nhận được pháp tu từ Thầy Tổ rồi và chúng ta tu hành không lay động, không lui sụt đó là người phước báo nhiều đời không từng nói ly gián.

Nếu chúng ta không giữ được pháp hạnh kiên cố, có lúc bị lui sụt, có lúc niệm Phật tinh tấn nhưng có lúc nghĩ chuyện này chuyện kia, có lúc nhớ bản nhạc nào đó nhịp tay nhịp chân, rồi quên niệm Phật. Đó là nhân quả chúng ta đã có gieo trong đời nào đó, hoặc trong đời này lỡ nói chuyện ly gián khiến cho việc tu chúng ta không tiến thủ

một cách tốt đẹp theo ý muốn của mình.

"Năm: Được thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau". Chúng ta mới học đạo thì việc có trí tuệ để minh định được bậc Minh Sư rất khó. Do không đủ duyên phước đó nên chúng ta lang thang tìm hết thầy này đến thầy kia. Học một thời gian thấy không phải tìm thầy khác, lăn lộn như vậy tới cuối đời có khi mình gặp được vị Thầy thì hết một đời. Tới phút cuối mình ân hận tại sao mình không gặp vị Thầy này sớm mà phải đi lòng vòng, rồi phiền trách người hướng dẫn đã gạt mình, khuyến dụ mình nhưng gốc là chúng ta đã từng nói ly gián.

Có khi ra đời này chúng ta gặp vị Thầy xem đó là Thiện tri thức, vì họ tìm đủ mọi cách thể hiện họ là Thiện tri thức, nhưng đó là cách lừa dối nhau khéo quá chúng ta không nhận ra. Khi gần gũi lâu phát hiện ra hành động đạo lý vị này nói ra không phù hợp Chánh pháp, lúc đó ân hận đi tìm thầy khác thì cũng mất năm năm hay mười năm. Cứ như vậy mỗi thầy mất vài năm coi như hết một đời.

Được Thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau, rất hiếm trong đời này. Mỗi thời cuộc những người truyền giáo đều có những lối lý luận khiến cho thiên hạ thấy mình là người chân chánh nhất. Họ tìm đủ mọi cách để chứng minh trước công chúng, hoặc chứng minh trước đệ tử mình, hoặc trước bè bạn của mình họ là Chánh pháp, là Minh Sư. Và họ đã thành công nhưng sự thật họ không phải là Minh Sư, họ cũng không có Chánh pháp. Nhưng người theo họ vẫn tin họ là Minh Sư, tin họ là Chánh pháp, đó là bị Thiện tri thức dối lừa.

Những người bị dối lừa nhau là những người đã có nhân quả với nhau, buộc họ phải quấn quít nhau và không thực hành Chánh pháp của Như Lai. Đức Phật nói trong

Kinh, tuổi thọ của nhân loại chúng ta cứ một trăm năm giảm một tuổi. Ví dụ, bây giờ chúng ta sống thọ tương đương độ tuổi là tám mươi thì một trăm năm sau chúng ta chỉ sống bảy mươi chín tuổi. Một trăm năm sau nữa nhân loại sống bảy mươi tám tuổi sẽ chết. Sụt dần dần cho tới nhân loại chỉ sống tuổi thọ cao nhất là mười tuổi. Lúc đó xã hội loài người không còn nói thiện nữa, cứ nói đến chuyện tu tập, ăn chay, làm phước đều bị giết. Những dịch họa tai nạn xảy ra liên tục, có thể bị một cơn gió độc thổi qua là chết một hai trăm người. Hoặc đạp miếng lá xước da cũng chết, hoặc bị thú độc cắn chết v.v... Tất cả những tai họa xảy ra liên miên để người ta phải chết rất nhiều, vì con người bắt đầu tu thập ác rồi thì tai họa khủng khiếp.

Lúc đó, có vị Bồ Tát ra đời nói chuyện Thập Thiện, con người bắt đầu tu theo Thập Thiện thì tuổi thọ sẽ tăng lên từ từ. Một trăm năm tăng lên một tuổi, một trăm năm tăng lên một tuổi, một trăm năm tăng lên một tuổi, cho tới tám vạn bốn ngàn tuổi thì có Đức Phật Di Lặc ra đời. Như vậy, từ đây cho tới Đức Phật Di Lặc ra đời là hàng tỷ tỷ năm nữa chứ không phải một hai trăm năm, một hai ngàn năm.

Lý do tại sao có Đức Phật mới ra đời? Vì ở một cõi giới không thể có hai Đức Phật, cũng như cõi giới chúng ta không thể có hai loại giáo lý giác ngộ giải thoát. Đây là điều mà người học Phật chúng ta phải biết. Do đó, cõi này đang hiện hữu giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì không thể có giáo lý giác ngộ giải thoát thứ hai chen vô được. Nếu ai nói rằng mình có một đạo giác ngộ khác với đạo của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì đó không phải là đạo giác ngộ giải thoát. Một nước không thể có hai vua thì một cõi giới không thể có hai giáo lý giác ngộ giải thoát. Trong

đời này nếu ai đứng ra giảng dạy một pháp tu gì đó, mà không dính đến Chánh pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì biết rằng đó không phải là đạo giác ngộ giải thoát và chúng ta không nên theo.

Khi biết được điều này chúng ta không bị những vị tự xưng là Thiện tri thức phỉnh lừa nữa. Thời này giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn còn rất thịnh hành. Người nào tu tập mà nói mình tu theo đạo lý giác ngộ giải thoát mà không thực hành pháp của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, xem như chúng ta đã đi lệch đường giác ngộ giải thoát thì phải tự biết mà chỉnh lại. Ai hướng dẫn chúng ta lệch giáo pháp Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì chúng ta biết đó không phải là Chánh pháp. Nếu chúng ta lỡ thực hành một pháp nào đó không phải của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì biết rằng chúng ta đang tu sai và tự chỉnh lấy cuộc đời mình để không bị những vị tự xưng là Thiện tri thức lừa.

Có nhiều Thiện tri thức nói rất hay, rất giỏi, rất đặc biệt, rất kiêu kỳ để có thể khuyến dụ người khác đi theo mình. Nhưng không dính gì với giáo pháp Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cả, mà cũng có rất nhiều người theo thì biết họ đã đi lệch đường.

Đây là quy luật của vũ trụ không thể thay đổi được. Cho tới khi nhân loại nói Thập Thiện là bị giết thì Chánh pháp hoàn toàn tàn rụi, Chánh pháp Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni không còn tồn tại trong cõi Ta Bà này nữa. Lúc đó mới có người hướng dẫn theo kiểu khác, tu tập theo kiểu khác, có một giáo lý mới.

Đến khi hội Long Hoa ra đời mà còn giáo lý Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì người ta tu theo ai? Tu theo Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, hay tu theo Đức

Phật Di Lặc? Cõi Ta Bà có hai hướng đi đến giác ngộ giải thoát, có hai chân lý sẽ gây xáo trộn, nên điều đó hoàn toàn không thể xảy ra trong cõi này. Chúng ta hiểu điều này để không bị Thiện tri thức dối lừa.

Ai có tụng Kinh công phu khuya, nghe câu niệm:

"Nam Mô Ta Bà Thế Giới
Tam Giới Đạo Sư
Tứ Sanh Từ Phụ
Nhơn Thiên Giáo Chủ
Thiên Bá Ức Hóa Thân
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật".

"Nam mô" là con xin quay về, đảnh lễ, cung kính đối với đấng Đạo Sư ở cõi ***"Ta Bà thế giới"*** này. ***"Tam Giới Đạo Sư"*** là vị Đạo Sư của ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Cõi Dục là cõi mình đang ở. Hiện tại Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni không phải chỉ là Thầy của cõi người mà là Thầy của cõi trời Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Trong tam giới này bất kỳ vị nào ra đời thì vị đó đều là sứ giả của Như Lai, thực hành pháp của Như Lai thì đúng, còn vị nào xưng tôn đều là sai. Tất cả những vị cõi trời Sắc giới và cõi trời Vô sắc giới vẫn là người học đạo giải thoát của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Cho tới hàng tỷ tỷ năm sau mới nói chuyện thay đổi. Khắp trời đất này, trong giai đoạn chúng ta đang sống, cho tới hàng tỷ năm nữa vẫn còn tồn tại giáo lý Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, không ai vượt ngoài giáo lý này. Chúng ta tin được điều này mới không bị Thiện tri thức phỉnh lừa.

"Tứ Sanh Từ Phụ", Đức Phật là vị Cha lành của bốn loài chúng sanh khắp pháp giới này. ***"Nhơn Thiên Giáo***

Chủ" là cõi trời và cõi người Đức Phật là vị giáo chủ, Ngài là vị Thầy chủ chốt của sự giáo hóa truyền dạy. ***"Bổn Sư"*** có nghĩa là Thầy gốc trong cõi Ta Bà. Do đó, nếu là Phật tử thì trên bàn thờ chúng ta phải thờ Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Còn thờ thêm vị nào nữa thì thờ nhưng không thờ Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni coi như chúng ta không biết vị Thầy gốc của cõi này.

Nếu không có ***"Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu"*** Ni thì ngày giờ này chúng ta không có ngồi trong đạo tràng này. Những người hình thành đạo tràng là sứ giả của Đức Phật đến đây để phụng sự cho giáo pháp giác ngộ giải thoát của Đức Phật, để giúp trần gian này đi đến giác ngộ giải thoát. Trên bàn thờ mà vị Bổn Sư không ngồi chánh được thì biết rằng chúng ta đã quên vị Thầy gốc và coi như chúng ta quên luôn giáo lý giác ngộ giải thoát của Đức Phật. Nếu chúng ta quên giáo lý giác ngộ giải thoát của Đức Phật thì không biết chúng ta đi đâu về đâu.

Nếu muốn được Thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau thì chúng ta phải hiểu điều này. Vì thời này có rất nhiều những giáo pháp đang rạng danh trên thiên hạ. Họ cũng đủ sức lý luận, đủ sức để có thể biện minh, đủ sức dẫn dắt người khác đi theo mình, nhưng không đúng giáo lý Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni thì biết đó không phải là con đường giác ngộ giải thoát. Chúng ta không hơn thua và ngầm biết đó không phải là con đường tốt để mình theo.

Nếu chúng ta muốn nương theo giáo lý Đức Phật Thích Ca để không bị Thiện tri thức dối lừa. Trong nhân quả cũ chúng ta lỡ có nói lời ly gián thì bây giờ phải nói lời hòa hợp. Gắn kết tình bạn bè, gia đình, dòng họ người ta trở lại. Chúng ta gieo nhân đó thì mới hy vọng gặp Thiện tri thức bất hoại, không lừa dối mình. Còn nếu không thì

chúng ta sẽ bị Thiện tri thức dối lừa trong đời này.

Người phước duyên cạn mỏng khi gặp Thiện tri thức rồi, tự dưng một thời gian họ mất lòng tin để phải đi tìm vị thầy không chân chánh để tựa nương. Điều này xảy ra rất nhiều. Cái gì cũng có hai mặt, người đã có chủng duyên Chánh pháp rồi thì dù cho lang thang trong cõi luân hồi gặp tất cả những thầy không chân chánh, những thầy tà. Nhưng cuối cùng họ cũng gặp Chánh pháp, đó là người có thiện căn lớn.

Còn người không có thiện căn lớn, cũng có duyên lành được gặp bậc Minh Sư, gặp Chánh pháp. Theo học một thời gian nhưng căn cơ không tương đồng và nghiệp chướng trỗi lên nên họ từ chối vị Minh Sư đó để đi tìm thầy khác ngang đồng với nghiệp của mình. Đó là vị thầy không Chánh pháp để rồi đến cuối đời chúng ta đi lệch đường. Đây là điều rất oan uổng cho cuộc đời của mình.

Chúng ta cố gắng gieo nhân Chánh pháp và nên đảnh lễ thờ phụng vị Thầy gốc của mình, để mình được nương tựa gốc gác chín chắn đó mà đời này kiếp nọ chúng ta được ở trong dòng Chánh pháp của Như Lai. Chúng ta phải phát tâm phát nguyện: "Đời này nếu con chưa đủ lực để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi thì chúng con nguyện đời đời kiếp kiếp được ở trong dòng Chánh pháp của Đức Phật, được gặp Chánh pháp, được gặp Minh Sư cho tới ngày thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ không dừng lại đoạn nào".

"Đó là năm pháp bất hoại. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được quyến thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại".

Trong hàng Phật tử khi đi làm Phật sự, hay kết bạn,

kết bè, kết quyến thuộc Bồ đề. Một thời gian chúng ta thấy xung quanh mình toàn là những người tốt, những người đủ lòng tin với nhau. Những người sẵn sàng hy sinh để lo việc chung thì biết rằng chúng ta nhiều đời nhiều kiếp tu tập tốt. Những người này sẽ cùng dẫn dắt nhau cho tới khi thành Phật. Xung quanh Đức Phật đều là những vị Bồ Tát, những vị A La Hán, những vị Thượng thiện nhơn. Từ lúc còn là chúng sanh, chúng ta đã có quyến thuộc tốt rồi. Cho nên tới khi thành Phật thì có quyến thuộc chân chánh mà các ma và ngoại đạo không thể nào phá hoại được.

Có người làm Phật sự, lúc đầu có rất đông bạn bè Phật tử phụ giúp, nhưng một thời gian nhìn lại bạn bè Phật tử toàn là những người tới để phá hoại, vậy là quyến thuộc của họ sẽ bị gãy đổ. Hoặc có những Phật tử đang đi theo học với vị đó thì bị người khác ly gián, để người Phật tử không trợ giúp trong việc Phật sự của người này nữa. Hoặc chúng ta đi đâu, muốn làm Phật sự gì cũng khó khăn, kiếm người trợ giúp không ra thì biết nhân quả nhiều đời, nhiều kiếp mình từng nói lời ly gián. Cho nên quyến thuộc của mình không đông, hoặc mới vừa có quyến thuộc là bị gãy đổ thì khi chúng ta thành Phật kiếm chúng bất hoại rất hiếm.

Người không nói ly gián cho tới khi thành Phật được quyến thuộc chân chánh. Toàn là những người thấy biết đúng Chánh pháp, tu hành chứng được đạo quả không bị ngoại đạo phá hoại, còn lại thì vẫn bị tác động. Khả năng tu tập của chúng ta cho tới ngày đạt được vị trí Bất thối chuyển thì mới không bị ngoại đạo phá hoại. Còn bây giờ, chúng ta chưa đủ trình độ Bất thối chuyển trong Phật pháp thì trước sau chúng ta cũng bị lay động. Căn lành lớn mới gìn giữ chúng ta trong Chánh pháp, còn căn lành kém dễ bị lung lay, chúng ta nên biết mà dè đặt.

Trong lúc chúng ta còn tu tập tốt, còn ở trong dòng Chánh pháp của Đức Phật, còn ngày tháng tu tập yên thắm thì nên mừng và cố gắng gìn giữ căn lành của mình để không bị ngoại đạo phá hoại. Ngoại đạo có thể phá hoại chúng ta nhiều cách. Ví dụ, chúng ta đang tinh tấn tu hành, mình nghĩ mình suốt đời theo Chánh pháp, theo Minh Sư. Nhưng nếu có cơn bệnh nặng trị hoài không hết, bỗng một vị tới cho chúng ta uống một loại bùa hết bệnh là mình tin liền, sẵn sàng bỏ đạo Phật để quy y ngoại đạo. Vậy là ngoại đạo phá hoại được chúng ta.

Hoặc chúng ta khi gặp chuyện hoàn toàn bế tắc, nếu người này ra tay thì mình có thể kéo dài được mạng sống, hoặc giữ được gia nghiệp của mình. Còn không theo thầy này thì sự nghiệp chúng ta sẽ sụp đổ, đời sống sẽ bị mất danh dự và bước vào ngõ cụt hoàn toàn, nên chúng ta buộc phải theo, gọi là bị ngoại đạo phá hoại.

Khi gặp trắc trở, hoặc thay đổi việc tu tập do sự ảnh hưởng của lực lượng nào đó gây khó dễ thì biết chúng ta chưa phải là quyến thuộc chân chánh trong Phật pháp. Những lúc chúng ta yên ổn được ngồi trong đạo tràng nghe Chánh pháp, đó là thiện duyên lớn của mình. Nhưng cũng không đảm bảo chúng ta từ đây cho tới ngày thành Phật, nên chúng ta phải cố gắng gìn giữ cho tốt từ lời nói, hành động, cử chỉ, dè dặt, gìn giữ mình trọn trong dòng Chánh pháp của Đức Như Lai. Chúng ta phát tâm, phát nguyện được sống trọn trong đó, quyến thuộc chúng ta kết toàn là những quyến thuộc Bồ đề. Xung quanh chúng ta toàn là những người tốt để trợ giúp cho tới ngày chúng ta thành Phật. Khi thành Phật thì chúng ta sẽ có quyến thuộc chân chánh và không ai có thể phá hoại được.

VĂN KINH

6. Ác khẩu

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám? Một: Lời nói không trái pháp độ. Hai: Lời nói đều lợi ích. Ba: Lời nói hợp lý đạo. Bốn: Lời nói đẹp khéo. Năm: Lời nói có thể lãnh thọ thừa hành. Sáu: Lời nói được tin dùng. Bảy: Lời nói không thể chê. Tám: Lời nói được ưa thích.

Đó là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật, đầy đủ tướng Phạm âm của Như Lai.

Giữ không phạm ác khẩu rất khó. Vì nhiều khi bực bội mình nói lời không hòa nhã là thành ác khẩu. Hoặc đang chơi thân với người bạn, mình bực chửi họ một câu là thành ác khẩu. Thậm chí mẹ rầy con, nhiều khi nó chọc mình giận quá nên nói đánh chết mày, đó cũng thuộc ác khẩu. Hoặc chửi con "mày là đồ quỷ" cũng là ác khẩu. Tất cả những lời nói của chúng ta xúc phạm tới người khác đều xếp vào loại ác khẩu.

Có khi chúng ta nói lời mà người ta có thể tức ba tháng chưa quên, hoặc làm người ta có thể tức hộc máu chết liền. Có những đứa con biết cha mẹ đau tim, cha mẹ có tiền nhiều mà không cho nên nó chọc cho tức chết để cạy tủ lấy tiền, đều được xếp vào những lời nói ác. Hoặc chúng ta nói xấu người để họ bị mất danh dự cũng là lời nói ác. Lời nói chúng ta có thể gây đau khổ, tức tối, phiền muộn cho người khác là lời nói ác. Chúng ta nói nặng lời, nói xấu, nói dở người khác cũng là lời nói ác. Hoặc mình không nói trực tiếp mà nói với bạn bè "bà quỷ đó tôi không ưa", hoặc bực bội người này mình không nói ra mà mình nói với người khác, cũng là cách chúng ta nói chuyện ác.

Khi có sự phiền hận bên trong thì chắc chắn chúng ta có lời nói ác. Điều này rất khó tu, rất khó giữ, bực một chút là rớt một tiếng liền. Khó có người nào gìn giữ được cả đời không nói lời ác. Người tu kỹ lắm, gìn giữ tâm mình thực sự tốt thì mới không có lời nói gây đau khổ phiền hà người khác. Còn không là chúng ta sơ hở, công phu không liên tục khiến tâm bực bội thì liền có một câu hai câu ác. Điều này rất khó tránh, cho nên người nào tu được không ác khẩu là người đó giỏi lắm.

Có khi cả đời mình sống hiền hòa, nói lời hòa nhã, nhưng họ cứ lấn hiếp mình riết, chịu không nổi mình bực lên là hết tu. Nhiều khi mình bình tĩnh nói: "Mô Phật tôi đang tu nha" nhưng răng bắt đầu nghiến nghiến, tới câu thứ ba, thứ tư là xin Phật cho con năm phút để con xử nó. Mình không có làm gì hết, nhưng mình nói một câu thỏa mãn cái tức của mình cũng xếp vào loại nói ác. Có khi mình tức người khác, nói trực tiếp không được mình bực rủa sau lưng họ cũng là lời nói ác.

Có chuyện mình bị ức hiếp mà mình không đủ lực lượng để chống cự lại, tư cách mình cũng nhỏ hơn người ta. Người ta có thế lực lớn hơn mình nhưng mình ngầm ngầm trong bụng ráng làm sao mình có cách trả mối thù này. Hoặc nghĩ trong lòng tôi ráng tu có thần thông tôi bẻ giò ổng, chúng ta có kiểu nào đó nghĩ xấu trong tâm thì đó cũng là cách nói ác. Hoặc trong lòng chúng ta suy nghĩ tới chuyện làm khổ người khác, phải làm ảnh hưởng danh dự người khác, phải gây khó khăn cho người khác là chúng ta đang nghĩ ác và đang chuẩn bị nói ác thì lỗi này rất khó tránh.

Một đời tu tập mà chúng ta giữ được cái miệng không nói ác là người đó đáng để đảnh lễ cúng dường. Những bậc

Thánh nhân mới không phạm lỗi này, chứ phàm phu như mình gần như là phạm từ sáng sớm tới chiều tối đếm không biết bao nhiêu lần.

Khi chúng ta không nói lời nói ác thì có tám lợi ích.

"Một: Lời nói không trái pháp độ". Nhân quả nhiều đời không nói ác thì lời nói chúng ta không trái với Chánh pháp của Đức Phật khi chúng ta dẫn dắt người khác. Ví dụ, chúng ta muốn một người theo Chánh pháp hiểu chân lý thì chúng ta nói lời nào cũng phù hợp chân lý để người ta tin. Người đó có thể theo được đúng Chánh pháp của Đức Phật để họ không nghĩ điều khác. Nhưng có người dù họ nói đúng Chánh pháp, lối diễn đạt của người đó không sai ngôn từ ngữ cú, hết sức chính xác nhưng người đối diện lại hiểu lệch đi, khiến cho lời nói của họ bị người khác nhận sai. Họ thực hành sai dẫn tới chuyện bệnh hoạn hay khó khăn trong đời sống.

Lời nói không trái pháp độ là lời nói xuất pháp từ thâm tâm chân chánh của người tu hành tốt. Ngay cả cười đùa của họ vẫn đúng với Chánh pháp để giúp đỡ người khác. Họ nói đúng Chánh pháp và trong tất cả những hành động sống người đó xuất ra ngôn ngữ đều phù hợp chân lý, phù hợp Chánh pháp thì đây là những bậc Thánh thật sự. Nói không trái pháp độ, hiếm có lắm. Nhiều khi nghiêm túc thì mình có thể bình tĩnh nói được ít lời nhưng khi buông ra thì thế nào mình cũng có vài câu không đúng đắn. Đó là lời nói trái pháp độ.

"Hai: Lời nói đều lợi ích". Trong đời sống này, nếu như mình vẫn còn mong cầu một điều gì tức là mình đang thiếu thốn, mà đã là người thiếu thốn rồi thì lời nói ra không thể lợi ích cho người khác. Lời nói chúng ta muốn lợi ích người khác là công hạnh tu hành của chúng ta rất lâu đời

lâu kiếp. Ví dụ, đảnh lễ Đức Phật chúng ta vẫn còn mong cầu Đức Phật gia hộ cho con được điều này điều kia là chúng ta vẫn tiếp tục xin xỏ. Có nghĩa là nơi mình vẫn còn thiếu thốn thì không đem lại lợi ích cho người khác.

Muốn nói chuyện an lạc hạnh phúc trong đời này mà tự mình còn cảm thấy bất an thì mình nói người ta an lạc được không? Không thể được, không có cách nào chúng ta nói được lời đó. Do đó, một người muốn nói lời an lạc thì thâm tâm nội tại thực sự bình an, dù họ có nói kiểu gì người kia cũng cảm thấy an ổn. Nhưng tâm họ bất an rồi, họ vẫn ráng nghiêm túc nói "yên tâm đi", người ta vẫn lo trong bụng. Rõ ràng lời nói đó rất đúng nhưng không đem lợi lạc cho người khác.

Người có đức chỉ cần mở lời thôi thì người khác sẽ nghe theo và nhận được lợi ích cả cuộc đời còn lại. Hoặc có người chỉ cần nghe một câu Chánh pháp là họ thay đổi hẳn cuộc đời mình, đó gọi là lời nói có lợi ích. Các vị Thiền Sư có khi chỉ hét một cái thì người đó có thể ngộ đạo, sống bình an hết một đời, gọi là lời nói lợi ích. Hoặc có vị đập cho ba gậy là người đó có thể ngộ được đạo lý, đó cũng là hình thức diễn tả chân lý để làm lợi ích chúng sanh.

Cho nên, muốn có một lời nói lợi ích giữa trần gian này, người đó phải là bậc Đại Sư chứ thường thường không thể làm được. Chúng ta có nói nhiều đi nữa thì chỉ được cái gì đó chút chút sơ sơ, cũng thuộc dạng lời nói có ích. Nhưng muốn giúp cho người khác được thì phải có đầy đủ dư thừa những điều đó. Như muốn nói lời bình an thì chúng ta phải có thừa sự bình an. Nếu mình đã đầy đủ trong cuộc sống, an ổn tự tại nơi nội tâm thì chúng ta nói chuyện bình an thì người ta yên liền. Có khi chỉ cần nghe thoáng qua thôi thì biết người này có công phu. Tin và sống theo kiểu của

người đó nói thì chúng ta sẽ được bình an. Chúng ta đủ lòng tin thì lời nói đó mới có được lợi ích. Còn lời nói rỗng người nghe chấp nhận hay nhưng không có lợi ích. Không làm được điều đó thì lời nói hoàn toàn không có lợi ích.

Một người suốt đời nói một lời như phun châu nhả ngọc, đòi hỏi người đó phải có công lực lớn. Còn mình ngồi cả ngày khuyên người ta về chuyện buồn của họ nhưng không được, họ cũng buồn tiếp tục. Muốn nói chuyện lợi ích người khác là mình phải tu thật sự tốt, phải có công lực. Chứ không thì chúng ta sẽ nói lời không lợi ích, thậm chí còn nguy hiểm cho người khác nữa. Ví dụ, nói chuyện đạo lý mà mình không nắm giữ chân lý, không có công phu thể nhận chân lý. Mình nhận theo kiểu kiến thức riêng của mình rồi giảng dạy giúp đỡ người khác thì lợi rất ít nhưng hại nhiều.

Khi nói về Chánh pháp của Đức Phật, đòi hỏi người đó phải thâm nhập Chánh pháp chư Như Lai thực sự chứ không thể hiểu bằng cái đầu suy nghĩ mà nói. Hiểu bằng cái đầu có thể dẫn dụ người ta đi theo con đường Phánh pháp, nhưng lần lần nó hiểu đâu mang máng bên ngoài khiến cho người ta đi hướng ngoại chứ không đạt được tự tại nội tâm, như vậy có hại hơn có lợi, sẽ dẫn người ta đi lòng vòng mất thời gian.

Lời nói lợi ích là đem lại sự bình an cho người khác. Có người cả đời họ cứng cỏi không nghe ai nhưng khi nghe một lời đúng lý thì họ buông cả cuộc đời đi theo liền. Đó là lời có lợi ích. Hoặc Phật tử đi Chùa nghe vị Thầy nói chuyện rồi làm theo thì chuyện đó bình thường lắm. Nhưng người thực sự chống đối Phật pháp mà chúng ta nói để chuyển hóa tâm thức họ, để họ sống lợi lạc thì rất khó. Đòi hỏi nội lực, trí tuệ đạo lý của mình phải vượt trội hơn họ.

Có những Thầy trình độ không có, bằng cấp không có nhưng với người có bằng cấp cao Thầy vẫn đủ sức để độ được họ. Tức là nội tại phải vững, nếu không mình nói người ta nghe cho vui thôi, nói xong không ai được cái gì, không đạt được lợi ích và không sống được lợi ích thì lời nói đó được xem là rỗng.

"Ba: Lời nói hợp lý đạo". Khi chúng ta hiểu Đức Phật nói về Tứ Diệu Đế, hiểu Đức Phật nói về Nhân Duyên, hiểu Đức Phật nói về Vô Thường, hiểu Đức Phật nói về Tự Tánh Không, hiểu Đức Phật nói về Bát Nhã. Thậm chí chúng ta học thuộc và nói lại đúng cho người khác nghe nhưng hợp với chân lý thì chưa chắc. Vì bản thân chúng ta hiểu điều đó nhưng chưa sống được. Còn các vị hiểu và sống được rồi thì từng lời nói, hành động, cử chỉ của các vị dù múa tay, múa chân, ca hát đi chăng nữa cũng hợp với chân lý.

Có người hỏi ngài Triệu Châu: "Thế nào là đạo lý?" Ngài hỏi ngược lại:

- Ăn cơm chưa?

- Ăn cơm rồi

- Ăn cơm rồi thì rửa bát đi.

Chúng ta nghe rất bình thường nhưng có rất nhiều đạo lý trong đó. Hoặc trong Kinh Kim Cang diễn tả: *"Đức Phật ôm bình bát đi khất thực, xong ăn cơm, trải tòa ngồi"*. Không ai nhận ra đạo lý này nhưng ngài Tu Bồ Đề nhận được. Ngài đảnh lễ thưa: "*Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"*

Những hành động sống của bậc đạt đạo chỉ những người có "con mắt" (sáng đạo) mới có thể nhận ra. Còn không giữa đời này chúng ta không nhận ra người có đạo

lý chân chánh. Họ ít giảng thuyết, chỉ sống một mình, độ một số ít người, nhưng mình được nghe họ nói một câu rất thấm thía, khiến cả đời mình không thay đổi với câu nói này.

Lời nói để chuyển hóa con người thực sự theo Chánh pháp mới là lời nói hợp đạo lý. Những lời nói chúng ta có thể quên được, hoặc không thể thực hành được, không làm theo được thì lời nói đó không hợp đạo lý. Chúng ta nghe lời nói đó mà tin được Tam Bảo, tin nhân quả, tin Chánh pháp của Đức Phật là hợp đạo lý ở tầng cạn. Còn hợp đạo lý ở tầng sâu, tức là qua lời nói đó chúng ta chuyển hóa hết cuộc đời mình, hoặc nghe lời của vị đó, hoặc thấy hành động của vị đó là cuộc đời mình thay đổi hẳn. Như vậy đòi hỏi người đó ở chân trời đạo lý thực thụ. Toàn thân tâm họ đã ở chân trời Phật pháp, họ nhuốm mùi Phật pháp. Giống như miệng chúng ta ngậm singum thì thở ra nghe mùi singum chứ không nghe mùi khác được.

Người sống trong Chánh pháp, trong đạo lý thực sự thì họ nói, họ cười, họ đi, họ đứng, họ hành động gì cũng thể hiện trọn vẹn Chánh pháp. Lời nói đó mới hợp đạo lý ở tầng sâu. Còn bình thường chúng ta nghe giảng, cũng học đạo, cũng đọc sách đọc Kinh, cũng thấy người này nói đúng, người kia nói đúng nhưng nó là cái bên ngoài, không đủ lực chuyển hóa được người khác.

"Hòa thượng" có nghĩa là "Lực sanh". Tức là người đó có lực để sanh người khác vào chân trời trí tuệ, giết chết người khác ở cõi giới phàm phu và sanh cho người đó ở chân trời Phật pháp. Người phàm phu gặp Hòa thượng là người đó phải có một lần chết đi và được lực để có thể sanh họ trở lại trong Chánh pháp. Như vậy, gặp Hòa thượng là chúng ta được sanh ra lần thứ hai trong đời này, lần đó

không phải là cha mẹ sanh mà là Phật sanh mình. Thân cha mẹ sanh sẽ chết một lần trong đời này và chúng ta được sống lại trong chân trời Chánh pháp. Từ đó cả thân lẫn tâm được nhuốm trong đạo lý, nhuốm trong Chánh pháp, nói kiểu gì cũng hợp đạo. Còn trong đời này nếu chúng ta chưa có lần chết đi sống lại, chưa được sanh ra lần thứ hai thì lời nói đó chưa được gọi là hợp đạo lý ở chiều sâu, chỉ nói đúng giáo lý thôi.

Giáo lý là lời nói của Đức Phật, còn đạo lý, chân lý là chiều sâu tâm linh, hai cái khác nhau. Đạo lý bao trùm giáo lý, giáo lý là lời Đức Phật hoặc lời chư Tổ nói ra phù hợp với Chánh pháp. Người nói phù hợp giáo lý thì rất nhiều nhưng nói phù hợp với đạo lý thì rất ít trong đời này. Chúng ta đốt đuốc khắp trần gian này để tìm được người "chết đi sống lại" thì hy vọng họ mới nói được lời đạo lý. Cho nên người hợp đạo lý ở chiều sâu thì rất hiếm, rất khó gặp. Đi đâu chúng ta cũng nghe lời nói hợp với giáo lý nhưng hợp với đạo lý thì khó tìm.

Khi chúng ta được nghe lời nói đạo lý, được học với vị có đạo lý đó là căn lành lớn. Còn không chúng ta chỉ học và chỉ hiểu giáo lý của Đức Phật. Bề sau của giáo lý là đạo lý. Từ đạo lý mới nói ra giáo lý. Chính Đức Phật đã đạt được đạo, Đức Phật nói lời đạo lý thành giáo lý cho chúng ta học nhưng bên sau giáo lý đó là con người đạo lý.

"Bốn: Lời nói đẹp khéo". Trong Tứ Nhiếp Pháp thì ái ngữ là lời nói vừa đúng Chánh pháp, vừa xoa dịu cái khó khổ trong đời này cho người ta. Ái ngữ không phải là lời nói ngọt, ví dụ nói: "Chào chị buổi sáng!" Mình hạ giọng xuống nhưng chưa phải là lời nói ái ngữ.

Lời nói ái ngữ đem lại sự bình an cho người khác, khi nghe âm điệu đó mặc dù bị chửi, mình vẫn nghe có gì

ngọt ngào ở bên sau. Nói đẹp, nói khéo đúng chân lý chứ không phải nói lời hay theo kiểu thế tục. Một lời nói đẹp khiến người ta có thể chấp nhận chân lý của Đức Phật, một lời nói đẹp khiến người ta bình yên ngay trong cuộc sống này. Lời nói lộ bày được chân lý của Đức Phật thì đó là lời nói đẹp. Còn nói để người ta mê muội là lời nói ái nhiễm.

Lời nói ngọt nghe như ru ngủ, nghe hiền từ, nghe dễ chấp nhận vẫn chưa hẳn là ái ngữ. Vì lời nói ái ngữ thì không thể làm cho người ta đắm nhiễm. Trong Tứ Nhiếp Pháp thì ái ngữ là đưa người đối diện với mình quay về với Chánh pháp, hoặc làm cho họ nhận chân được Chánh pháp. Tất cả lời nói, hành động, việc làm của chúng ta giúp cho người đối diện mình hiểu ra được Chánh pháp, khiến họ đi theo đúng con đường Chánh pháp thì được xếp vào ái ngữ. Còn dụ ngọt người ta để họ làm chuyện khác có lợi cho mình thì không phải ái ngữ mà là ái nhiễm.

Khi nói được lời đẹp, khéo, phù hợp Chánh pháp đó là người có đạo lý. Nói cho người khác nghe chấp nhận điều này là đúng, điều kia là sai để theo điều đúng bỏ điều sai, đó cũng là lời nói khéo đẹp. Hoặc người ta đang khổ sở, bất an, có mặt mình ở đó dù chưa nói lời nào, nhưng chính đạo hạnh của mình đã nói lên tiếng nói bình an. Khiến ngồi gần mình người ta hết khổ sở, đó là lời ái ngữ.

Hành động sống là thân giáo chứ không phải khẩu giáo. Có khi chúng ta gặp được vị đạo cao đức trọng là tâm mình yên liền. Ngồi gần vị đó chúng ta thấy đời sống mình có gì yên ổn, không lo toan, không sợ hãi, đó là lời nói hay. Lời nói khéo phải phát xuất từ thâm tâm đạo lý của một người có đạo hạnh thực sự.

"Năm: Lời nói có thể lãnh thọ thừa hành". Khi chúng ta nghe lời phù hợp Chánh pháp, mình lãnh thọ và

có thể làm được, rõ ràng là lời nói có lợi ích. Còn người nói không có uy tín thì mình nghe chơi vậy thôi chứ không làm theo. Nhưng người có uy tín dù nói chơi nhưng nó là lệnh.

Ví dụ, người kia bảo mình quét nhà mình không làm, nhưng người có đức đi ngang nói: Sao thấy sân này dơ quá! Là mình quét liền. Lời nói đó không phải sai sử mình nhưng nó có lực gì đó để mình phải lãnh thọ và thừa hành. Hoặc có người bạn khuyên mình ráng tinh tấn tu tập vì đời này vô thường chết không biết lúc nào. Họ nói hoài cả buổi nhưng mình không nghe. Nhưng vị có đức đi ngang chỉ cần nhìn mặt mình nói: Bà sao sắc diện hơi tối, coi bộ tu không tinh tấn phải không? Thế là tối bắt đầu niệm Phật.

Hoặc chúng ta dặn người nhà sáng làm cái này, trưa làm cái này, chiều làm cái nọ, sáng nhắc, trưa nhắc, chiều nhắc mà họ làm không ra gì. Nhưng vị có đức dặn ở nhà ráng làm trọn việc nghe con, để Thầy về đừng có chuyện gì lộn xộn. Thế là cả Chùa ráng làm cho tới tối Thầy về thì mọi chuyện êm xuôi. Đó là lời nói lãnh thọ và thừa hành.

Khi chúng ta nói ra một lời mà người ta có thể chuyển hóa thì chúng ta thực sự có lực. Người đó có đủ niềm tin, đủ uy đức và đủ uy lực thì có thể nhiếp phục được tà tâm của người khác. Ví dụ, người đang dụng công theo ngoại đạo, họ thấy chuyện tu có thần thông bay bay lên nóc nhà là tốt. Ai cũng thấy họ tu sai nhưng khuyên hoài họ không bỏ, gặp vị Hòa thượng nói: "Điều đó không tốt đâu con, con tu thời gian coi chừng đi theo tà đạo lệch Chánh pháp đọa địa ngục! Họ nghe hoảng quá nên bỏ liền. Đó là lời nói thừa hành, lời nói chuyển đổi được đời sống cá nhân người khác, để người ta đi theo Chánh pháp. Đó là lời nói đầy đủ uy lực và uy đức bên trong.

"Sáu: Lời nói được tin dùng". Dù chúng ta là ai

nhưng có đạo hạnh tốt, có phước báo thì chính ngôn ngữ lời nói của mình khiến người khác tin được và làm theo. Ví dụ, mình nói ngồi thiền bảy ngày sẽ có kết quả được định. Do mình không có đức và không có kinh nghiệm tu tập nên mình nói người khác không tin. Nhưng người có kinh nghiệm tu tập họ nói bằng kinh nghiệm của họ, khiến người đối diện tin được, họ thực hành theo và có được kết quả.

Như vậy muốn nói người khác tin, thứ nhất là chúng ta phải tu tập tốt. Thứ hai là có nhân quả nhiều đời nhiều kiếp mình không nói lời ác. Muốn thuyết phục người khác tin mình là điều rất khó. Mặc dù chuyện đó chúng ta nói là muốn lợi ích cho họ, nhưng mình thuyết phục ngày này ngày kia họ không tin, không nghe theo, không làm theo thì biết là uy tín chúng ta chưa có, chưa đủ sức thuyết phục. Người ta không tin mình, không dùng lời nói mình làm tư lương hành trang trong đời sống của họ. Điều đó rõ ràng chúng ta không có uy đức, không có đạo lực và nhân quả nhiều đời nhiều kiếp chúng ta đã từng nói lời ác. Cho nên mình dù có khuyên bảo thì họ chỉ nghe chơi thôi chứ làm thì phải coi lại.

"Bảy: Lời nói không thể chê". Ví dụ một người thích mình, có cảm tình với mình thì mình nói kiểu gì họ cũng vỗ tay khen. Nhưng mình có ác ý thì nói điều gì họ cũng tỏ vẻ chê bai. Lời nói để người ta không ghét mình, không chê mình được cũng rất khó. Những người có uy đức thì rất lạ, khiến người ác đối trước họ tự động bị nhiếp phục và làm theo.

Đó là trường hợp của Đức Phật. Thời Đức Phật đi giáo hóa, làng đó có vị ngoại đạo. Tất cả đệ tử của vị đó đi theo Đức Phật hết nên vị đó rất giận Đức Phật. Hôm đó, Đức Phật trên đường đi khất thực, ông quyết định ngồi chặn

đường và không đứng dậy chào Đức Phật. Đức Phật hỏi: *"Sao ngươi ngồi đây?"* Ông nghiến răng không trả lời. Đức Phật hỏi câu thứ hai: *"Sao ngươi ngồi đây, đứng lên cho Ta đi qua?"* Ông vẫn không trả lời, ngồi trợn mắt nhìn Đức Phật. Đức Phật nói: *"Ông nhìn lên đi thấy gì không?"* Ông nhìn lên thấy hai vị thần Kim Cang cầm chày chuẩn bị đập. Đức Phật nói: *"Ta hỏi ngươi câu thứ ba nếu ngươi không trả lời là đầu ngươi nát thành bảy mảnh liền"*. Ông hoảng hồn đứng dậy thưa: *"Ngài hỏi gì con xin trả lời"*. Đó là lời nói của người có uy đức.

Nếu là người có công phu tu hành tốt tự động lời nói của họ rất thật, có sự cả quyết bên trong để người nghe không thể chê được. Đó lời nói phù hợp Chánh pháp, hợp với lý lẽ. Còn lời nói rỗng thì ngay bản thân người đó cũng nghi ngờ lời nói mình không biết có đúng không, vì chỉ hiểu chớ chưa thực hành được. Do đó, bản thân người nói còn nghi ngại thì sẽ bị người khác chê cười mình.

"Tám: Lời nói được ưa thích". Một ngôn ngữ nói ra mà nhiều người ưa thích, đó là nhân quả nhiều đời mình không nói chuyện cho người khác ghét. Một lời nói ác có một người không ưa, hai lời nói ác có hai người không ưa. Bao nhiêu lần nói lời ác sẽ có bao nhiêu người không ưa, nên chúng ta nói lời nào cũng bị người ta chê trách.

Chúng ta phải nhiều đời nói lời hòa nhã, êm dịu, vui đẹp lòng người làm người ta có thể chấp nhận. Còn nếu cứ gieo nhân ác, nói lời ác để người ta bất mãn với lời nói của mình trong đời này thì đời sau chúng ta có nói hay cỡ nào người ta cũng không theo. Muốn có được lợi ích trong giao tiếp xã hội, trong việc tu tập thì chúng ta phải tu rất kỹ. Từng lời nói nhỏ của mình trong đời sống bằng sự tỉnh táo, bằng sự tĩnh tâm thì mình mới nói lời đúng Chánh pháp và

phù hợp đạo lý.

"Đó là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật, đầy đủ tướng Phạm âm của Như Lai".

Ngôn ngữ Đức Phật gọi là Phạm âm, là Hải triều âm. Phạm âm của Đức Phật không đơn giản là nói cho người cõi này nghe, mà Đức Phật mở lời thì âm thanh của Ngài vang khắp mười phương pháp giới. Tất cả chúng sanh muôn loài đều nghe ngôn ngữ của Đức Phật như ngôn ngữ của chính họ. Họ cứ tưởng là Đức Phật đang đối diện với họ và nói bằng ngôn ngữ của chính họ. Nhưng lúc đó Đức Phật nói bằng Phạm âm của Ngài.

Lực của tiếng nói Phạm âm phá vỡ tất cả rào chắn trong tam giới này. Do đó đi đến khắp tất cả chúng sanh muôn loài, để tất cả các loài đều nhận được lời nói của Đức Phật. Nếu bây giờ chúng ta không nói lời ác khẩu thì mình sẽ đạt được tiếng Phạm âm. Ví dụ, chúng ta là người Việt, chỉ nói cho người Việt nghe và chỉ có người Việt hiểu. Nhưng khi thành Phật được tiếng Phạm âm rồi thì người Campuchia, người Thái Lan, người Lào, ai cũng hiểu ngôn ngữ chúng ta. Trong cõi người mình chưa đủ lực nói cho tất cả các nước nghe thì đó chưa phải là Phạm âm. Tiếng nói Phạm âm trùm khắp pháp giới, thông đồng các cõi và thể hiện trọn vẹn chân lý cho tất cả các cõi nước tu tập. Muốn đạt được như vậy thì ngay từ bây giờ chúng ta phải dứt trừ lời nói ác.

VĂN KINH

7. Ỷ ngữ

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa ỷ ngữ thì thành tựu được ba món quyết định. Những gì là ba? Một: Quyết định được người trí ưa thích. Hai: Quyết định có

thể dùng trí như thật đáp các câu hỏi. Ba: Quyết định đối với người trời có oai đức tối thắng, không hư vọng.

Đó là ba món quyết định. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được Như Lai thọ ký chẳng luống dối.

Ỷ ngữ gần giống như ái ngữ. Ví dụ mình đang buồn phiền điều gì, nếu có người hiểu Phật pháp nói chuyện Phật pháp cho mình nghe hiểu được đạo lý để hết đi phiền muộn thì đó là lời nói ái ngữ. Còn ỷ ngữ cũng là lời nói ngọt để họ dụ dỗ mình về tiền bạc, về tình cảm, đem lại lợi riêng cho họ. Tức là dùng lời trau chuốt hoa mỹ của mình để làm cho người ta buông lung tâm trí, có thể bỏ Chánh pháp đi theo con đường tà, đó là ỷ ngữ.

Hoặc tới giờ chúng ta tụng Kinh, có huynh đệ nào nói chuyện nghe hay quá, rủ mình đi xem vở kịch. Nói vở kịch này có đạo lý Phật tử có thể coi được, nghe một hồi mình xuôi lòng bỏ thời công phu thì đó được xem là ỷ ngữ. Hoặc có người không phải nghèo khổ nhưng họ gợi từ tâm của mình để lấy tiền ăn chơi, đó gọi là ỷ ngữ.

Người không dùng lời ngọt để dụ dỗ người khác buông lung tâm trí, quên công phu tu hành thì sẽ được ba món quyết định.

"Một: Quyết định được người trí ưa thích". Đây là điều rất lạ. Nếu chúng ta sử dụng ngôn ngữ gọi là ỷ ngữ thì chỉ có thể dụ dỗ được người trí thấp kém, nghe mình nói ngọt họ nghĩ mình là người tốt. Còn người trí họ sẽ nhận ra được ngôn âm ngữ cú của mình không thật. Không thật thì người trí không ưa thích.

Người trí ở đây không phải là người trí thức ở thế gian. Đức Phật muốn nói người trí là người có trí tuệ trong Phật đạo. Họ đã có giai đoạn tu tập kiểm soát tâm mình rất

kỹ. Cho nên người kia chỉ cần khởi niệm hay nói điều gì lệch sự thật là người trí đều biết. Nếu chúng ta không biết kiểm soát tâm mình kỹ thì mình rất dễ bị gạt. Người tu tập tốt thì khó có ai gạt được, mình biết tình cảm họ mang tới là thật hay không thật, thừa sức biết họ muốn điều gì rất rõ.

Người trí ở đây là bậc giác ngộ, bậc Thánh Hiền. Đa số các vị sẽ thấy được khởi tâm động niệm của mình. Mình có thể dùng lời nói khéo mình qua mặt người phàm phu nhưng đối với người trí hoặc bậc Thánh thì họ thấy mình rất rõ. Trí Phật đạo khác trí thế gian, trí thế gian là những người có bằng cấp, có học vị. Còn trí tuệ trong Phật đạo, đối với đạo Thiền là họ nhận được Tự tánh Bát Nhã của chính mình, được xem là bậc Thánh trong trần gian. Nếu chúng ta được bậc Thánh quan tâm thì mình đã có duyên lành để tiến sâu vào Phật đạo.

Người nói ỷ ngữ thì bậc Thánh không ưa. Không phải các vị Thánh so đo để phân biệt thương người này, ghét người nọ mà chúng ta mất duyên học đạo với các vị. Ví dụ, khi chúng ta khởi nói dối với người nào đó, muốn qua mặt người đó thì chúng ta xem người đó thấp hơn mình. Người đó không đủ trí tuệ như mình, người đó thua kém mình cho nên mình mới qua mặt. Lỗi nói dối kèm theo lỗi ngạo mạn với bậc Thánh thì rõ ràng phước chúng ta tổn giảm rất lớn. Không còn đủ cơ hội để có thể gần gũi học đạo lý sâu mầu nữa. Lần lần chúng ta xa rời người trí, tức là xa rời đạo tràng tu tập, đạo hạnh mình bị tổn giảm, không được gần gũi thân cận Thiện tri thức và rất khó tu.

"Hai: Quyết định có thể dùng trí như thật đáp các câu hỏi". Khi chúng ta không nói lời lẽo lự, lời nói của mình giống như khuôn vàng thước ngọc. Dù thế gian này có đặt bất kỳ câu hỏi nào mình vẫn trả lời được một cách

vững chãi. Không run sợ, không e ngại và không bao giờ nghi ngờ. Đó là chúng ta sử dụng được ngôn ngữ chân thật, không ỷ ngữ thì có được phước đó.

Ví dụ, có những đạo tràng sau một tuần lễ Phật thất, chúng ta tu tập tốt thì có vị Thầy kiểm tra, hỏi tuần này cô tu như thế nào? Nếu chúng ta tu tập tốt thì trả lời rất ngon lành, nhưng nếu trong giai đoạn tu tập có khi mình bỏ ngồi thiền, bỏ tụng Kinh thì mình có gì ngại ngại trong lòng. Hoặc trong lúc tu chúng ta học không kỹ, tu không tốt, có điều gì đó nói không thật thì đối diện với người khác chúng ta không đủ lực. Không đủ trí để trả lời một cách đúng đắn mọi công việc.

Ở đây Đức Phật nói: *"Quyết định có thể dùng trí như thật đáp các câu hỏi"*. Muốn nói trình độ tu tập chúng ta tương đối khá, hoặc tu tập ở bậc giỏi rồi, khi được người ta chất vấn bất kỳ câu hỏi nào liên quan tới Phật pháp chúng ta trả lời đúng như thật. Không sai trái, đúng với Chánh pháp, đúng với chân lý, đúng với tâm ý chư Phật, không bao giờ sai lệch. Còn nếu chúng ta tu tập còn phạm lỗi ỷ ngữ thì không đủ trí tuệ thấy như thật pháp, không đủ trí tuệ thấy chân lý nên chúng ta khó trả lời đúng như thật được.

"Ba: Quyết định đối với người trời có oai đức tối thắng, không hư vọng". Chúng ta ở cõi người nếu không tu tập tốt thì phước báo so với các vị cõi trời không tới đâu. Như người cùng đinh không đáng xách dép cho một người nhà giàu, nếu phân biệt giai tầng xã hội. Cõi phàm so với cõi trời thì phước báo chúng ta còn thua triệu lần người cùng đinh kia. Như vậy, người đó không đủ oai đức, không đủ lực nên đối diện người cõi trời oai đức chúng ta bị thấp đi. Ví dụ, người nông dân bình thường gặp vị quan chức

lớn, hoặc gặp vị vua là chân họ đứng không vững, họ sẽ run sợ liền.

Phước đức của người tu không phạm ỷ ngữ lần lần sẽ có oai đức rất lớn, oai đức tối thắng. Nên khi đối diện với người cõi trời chúng ta không hề run sợ. Hoặc đối diện trước công chúng lớn, hội chúng lớn, có người tu tập tốt hơn mình, có người lớn tuổi hơn mình. Những người được đồn đãi là người đức cao trọng vọng nhưng mình không hề có chút sợ hãi thì biết mình có nội lực tương đối khá. Không có nghĩa mình ngạo mạn, nhưng chính oai đức của mình giữ được mình có sự bình tĩnh, đó là người công phu lớn.

Đức Phật nói, nếu mình tu hạnh không ỷ ngữ thì không chỉ cõi người mà đối diện người cõi trời chúng ta cũng vững vàng không run sợ. Nếu oai đức lớn hơn nữa thì không những chúng ta thuyết Kinh giảng Pháp cho cõi người nghe. Mình còn đủ trí tuệ để có thể chỉ dạy cho người cõi trời tu tập.

Thời Đức Phật tại thế, lịch sinh hoạt của Đức Phật gần như suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đức Phật chỉ nằm nghỉ khoảng hai tiếng. Từ hai giờ sáng Đức Phật thức dậy tọa thiền cho tới năm giờ. Năm giờ tới sáu giờ Đức Phật quán nhân duyên xem hôm nay Đức Phật sẽ đi khất thực vùng nào.

Đức Phật thấu hiểu nhân quả vùng đó, người đó, ngày hôm đó sẽ được gặp Phật thì Đức Phật tới gặp người đó đúng với nhân quả không lệch, không trước không sau một giây. Đức Phật soi xét hôm nay nhân quả Đức Phật gặp mấy người trong làng này thì đúng mấy người thôi. Người nào trước, người nào sau thì Đức Phật sắp xếp lộ trình đi. Ví dụ, đời trước Đức Phật dạy người này niệm Phật năm câu, người đó nghe lời Đức Phật niệm năm câu thì đời này

gặp Đức Phật sẽ gợi ý thêm điều gì đó để nâng tâm linh người này lên. Ngài chỉ nói một câu là đủ cho người đó tu cả đời.

Buổi trưa từ mười hai giờ Đức Phật dùng cơm, nghỉ ngơi tọa thiền khoảng một tiếng. Sau đó Đức Phật thuyết Pháp cho cư sĩ Phật tử nghe. Từ hai giờ tới bốn giờ Đức Phật thuyết Pháp cho chư Tăng nghe. Từ bốn giờ tới năm giờ chư Tăng có thời đi kinh hành. Sáu giờ tới tám giờ chư Tăng tham vấn đạo lý. Từ tám giờ tới mười giờ Chư Thiên cõi trời đến học đạo với Đức Phật. Cho nên ngài A Nan ban đêm thấy vườn rừng sáng rực lên, hoặc ngay đêm đó ngài A Nan đảnh lễ, còn không là sáng hôm sau khi Ngài vào hương thất Đức Phật để dọn dẹp thì lúc đó Ngài mới thưa hỏi Đức Thế Tôn, có vị Chư Thiên ở cõi nào xuống và học đạo gì? Lúc đó, Đức Phật mới nói là người cõi trời Đế Thích, hoặc cõi Quang Âm Thiên, hoặc cõi trời Tứ Thiên Vương tới hỏi đạo Ta.

Có khi người cõi trời xuống cõi này học đạo, chân tướng họ vẫn còn nguyên thì người trí tuệ tu tập tốt nhận ra. Hoặc trong đạo tràng có người đời trước chưa là người, mới làm người có một đời này thôi thì người trí cũng nhận ra. Các vị nhận ra chân tướng đó để có kiểu dạy riêng, có cách giáo hóa riêng.

Người tu tập hạnh không ỷ ngữ đủ oai đức đối diện với cõi người và cõi trời mà không run sợ. Thậm chí ở đây có Chư Thiên ngồi họ cũng không run sợ. Họ đủ trí tuệ để có thể thuyết phục và có đủ đạo lý để dẫn dạy người đó tới giác ngộ giải thoát. Đối với cõi người và cõi trời, người trí đảm bảo những ngôn ngữ, những lời lẽ, những giáo pháp của các vị nói đúng Chánh pháp, không hư dối, không sai lệch để người cõi trời có thể tu tập.

"Đó là ba món quyết định. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sau khi thành Phật được Như Lai thọ ký chẳng luống dối".

Kinh Thập Thiện là nền tảng cho tất cả những người tu học theo đạo Phật. Dù người đó tu theo đạo nào, tông phái nào cũng nên lấy Thập Thiện làm nền tảng. Tất cả những công đức tu Thập Thiện, chúng ta đều hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ đạt được kết quả cuối cùng là được thành Phật.

VĂN KINH

8. Tham dục

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tham dục thì được thành tựu năm món tự tại. Những gì là năm? Một: Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ. Hai: Của cải tự tại, tất cả oán tặc không cướp đoạt được. Ba: Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng có sẵn đầy đủ. Bốn: Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến. Năm: Được nhiều vật thù thắng, gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thuở xưa không bỏn xẻn, ganh ghét.

Đó là năm món tự tại. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, đặc biệt được ba cõi thảy đều cung kính cúng dường.

Khi một người tu hạnh không tham dục, xa lìa được tham dục thì được năm món tự tại.

"Một: Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ". Ba nghiệp là Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp. Thân nghiệp tự tại là khi chúng ta sanh ra đời được thân trọn vẹn, không bị tật, không bị khiếm khuyết có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đầy đủ. Có những người sanh ra đời bị khiếm khuyết căn nào đó như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân không bình thường thì gọi là thân nghiệp không được tự tại. Có những người muốn đi

tới đi lui cũng không đi được, có những người có chứng bệnh về thân căn, hoặc thân của họ có vài vấn đề thì gọi là thân nghiệp không tự tại. Mà thân nghiệp không tự tại là biết nhân quả đời trước chúng ta không tu tập để xa lìa tham dục.

Khẩu nghiệp tự tại thì hơi hiếm. Về thế gian chúng ta có thể nói kiểu gì cũng được nhưng nói về Phật pháp có khi chúng ta nói không được. Đó là không đủ trí tuệ để tự tại về khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp thực sự tự tại thì chuyện thế gian chúng ta đủ sức nói cho người khác nghe hiểu và chuyện Phật pháp cũng đủ sức nói cho người khác nghe hiểu. Ngược lại, có những vị tu chỉ biết nói Phật pháp thôi chuyện thế gian hoàn toàn không biết, còn người thế gian chỉ biết chuyện thế gian thôi, chuyện Phật pháp không rành, như vậy khẩu nghiệp chưa tự tại. Chúng ta muốn nói điều gì thì nói, nói đúng, nói sai, nói hay, nói dở, nói ngược, nói xuôi thì không phải là tự tại.

Tự tại trong đạo Phật là người đó đủ khả năng biện thuyết, không ngần ngại bất kỳ điều gì ở trần gian này. Thậm chí diễn đạt chân lý cũng không hề sai trái một mảy may nào. Dù họ nói chuyện thế gian nhưng nghe một hồi chúng ta thấy rõ ràng là họ đang dẫn mình đi vào Phật pháp. Phải có thân nghiệp tự tại, rồi từ chỗ có đầy đủ thân căn chúng ta muốn tu giờ nào thì tu mà không bị đau ốm ngăn trở việc hành đạo của mình. Về khẩu nghiệp cũng vậy, chúng ta đủ khả năng nói tất cả những điều ở thế gian này nhưng vẫn mang được Phật pháp tới cho thế gian. Dù người đó nói kiểu nào, nói chơi nói giỡn nhưng vẫn rất tự tại, không bị vướng mắc, không bị trầm luân. Tất cả những người có duyên gặp người có khẩu nghiệp tự tại thì chơi chung với người đó một thời gian họ cũng thấy Phật pháp

trong đó. Người đó nói vài câu mình nghe có điều gì mang đạo lý tới cho mình, để mình thấu hiểu được chân lý mà tu tập.

Ý nghiệp tự tại không phải là người muốn nghĩ buồn cũng được, muốn nghĩ thương cũng được, muốn giận cũng được, muốn ghét cũng được, tự tại đó là theo kiểu thế gian. Người có ý nghiệp tự tại là họ muốn nghĩ tới chân lý thì họ thấu hiểu không lầm lẫn, muốn soi xét chuyện trần gian họ đều có suy nghĩ đúng đắn không sai biệt mà rất chuẩn mực. Họ tự tại đến mức độ là muốn cái đầu nó nghĩ thì nó liền nghe lời nó nghĩ chuyện này chuyện kia. Muốn không có ý nghĩ nào xảy ra thì liền tắt dứt không gợn một mảy may ý nghĩ nào, đó mới gọi là ý nghiệp tự tại.

Hiếm có người nào đạt được thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp tự tại trong Phật pháp. Nhiều lắm là chúng ta cẩn ngôn, tức là nói những lời đúng đắn dễ nghe là giỏi rồi. Chớ còn tự tại vô quái ngại đối với Chánh pháp từ giáo lý Tiểu Thừa cho đến giáo lý Đại Thừa, từ Thiền Tông cho tới Tịnh Độ, cho tới Mật Tông mà chúng ta lý luận không lầm, không sai thì là điều rất khó trong đời này.

Trí tuệ chúng ta đủ có thể soi xét thấu hiểu được công phu tu hành của Tịnh Độ, thấu hiểu được công phu tu hành của Thiền Tông, thấu hiểu được công phu tu hành của Mật Tông, thấu hiểu tất cả những tông phái khác có mặt trong trần gian này, đủ sức biền biệt được cái nào chánh tà đối với chính mình đó là điều rất khó.

Với người Phật tử tu tập bình thường có thân được mạnh khỏe đầy đủ, lục căn không khiếm khuyết, muốn nói chuyện hay muốn nín, muốn làm gì theo ý mình cũng được. Hoặc ý chúng ta vẫn đủ sức để có thể nhận định đúng sai, để suy nghĩ phân biệt điều tốt điều xấu thì cũng tạm thời

xem như chúng ta đã có đầy đủ ba nghiệp chứ tự tại thì chưa đạt.

Nếu ai có một khiếm khuyết nào đó thì phải xem xét lại hạnh tu của mình. Người thân thể có tật, hoặc khiếm khuyết chúng ta tác ý xem thường thì coi chừng đời sau mình bị nặng hơn. Nhân quả đời sau chúng ta sẽ là người như vậy để người khác xem thường lại mình. Có khi họ mang tật nào đó trên thân, mình nghĩ là họ làm ác lắm mới bị. Không phải như vậy, đời này họ vẫn tiếp tục được học Phật pháp là do lỗi lầm gì đó trong đời trước mà họ không kịp sám hối.

"Hai: Của cải tự tại, tất cả oán tặc không cướp đoạt được". Tôi đã gặp một người bị ăn trộm đào nhà vô lấy của ra ngoài, ngồi bàn tán một hồi tự động bị bắt đem trả lại. Mà nhiều lần như vậy, do phước người này tự tại mà oán tặc không cướp đoạt được. Cũng do nhiều đời người này có phước tu tập xa lìa tham dục.

Có những người khôn lanh thì không có của cải, có người họ sống vô tư dễ có thể bị gạt nhưng họ chưa bị ai lấy của, vì phước người này lớn hơn phước người muốn lấy của. Ai lỡ bị móc túi, bị trộm, hay bị người ta gạt lấy tiền, bị cướp giật thì nên biết đồng tiền đó không phải của mình cho nên người ta mới lấy được. Nếu là tiền của mình thì đố ai có thể giành giật. Người lấy tiền này là họ đủ sức hưởng, nên họ lấy rất dễ, mà mình mất cũng dễ, đến hồi người trộm hết phước thì họ bị bắt rất dễ dàng. Lúc họ đương thời còn phước, dù mình có bắt cũng không được, dù có công an vây bắt kiểu nào họ cũng thoát, vì lúc đó họ chưa hết phước nên hưởng được đoạn đó.

Nhiều khi Phật tử thấy mình bố thí cúng dường mà mình không có phước bằng người chuyên làm ác. Họ còn

sống ngày nào thì tiền bạc còn vô và còn có người khổ đau dưới bàn tay họ, đó là phước họ hưởng một đoạn chưa hết. Có thể họ xài đời sau mới hết, tại vì phước của họ ở đời trước lớn quá.

Ví dụ, ông chủ tịch xã thấy con đường hư, ông ký giấy đề nghị làm một con đường cho dân đi, vậy thôi chứ ông không tu gì hết. Nhưng con đường đó hàng ngày hàng ngàn hàng triệu người đi, tự động ông có phước đời sau giàu sang. Vô tình họ làm điều đó trúng phước, nhưng hưởng như vậy mau tàn, đời này không tàn thì đời sau cũng tàn. Chỉ trừ người hiểu đạo lý, vừa hưởng phước vừa tạo phước thì mới bền.

Người tu hạnh xa lìa tham dục đủ phước để có đời sống tự tại trong trần gian này. Khi có của quý vật lạ họ không cực giữ gìn mà cũng không ai dòm ngó để lấy. Còn nếu chúng ta tu hạnh xa lìa tham dục không kỹ, thỉnh thoảng mình có một ít của báu cũng bị người ta lấy, có bao nhiêu là bị người ta lấy hết bấy nhiêu.

"Ba: Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng có sẵn đầy đủ". Tôi gặp một người rõ ràng họ sanh ra đời này để hưởng phước. Họ muốn cái gì có cái đó, chỉ cần khởi ý là ít bữa tự động có người mang tới. Mà họ là một cư sĩ bình thường chứ không phải quan chức, không phải quan quyền, chẳng có quyền lực gì. Một điều lạ là, họ tác ý cho người khác cũng được lợi, họ xin giùm cho người khác điều gì thì đều có kết quả. Không hiểu nổi người này ở cõi nào tới. Ngồi ở nhà, tự nhiên đi xe này thấy không thích muốn mua xe đẹp hơn là có. Ở nhà này thấy không ưa, muốn nhà đẹp hơn thì có. Của cải thấy không có giá trị muốn có cái giá trị hơn thì thời gian ngắn là họ có, gần như ở đâu đem tới.

Người tu tập tốt xa lìa tham dục thì phước báo họ có tràn ngập. Còn người rớt vào tham dục thì tính toán hơn thiệt, bỏn xẻn, tham lam làm họ tổn phước lành. Người tu để xa lìa tham dục nhiều đời thì chắc chắn đời này họ không tham dục. Ngược lại là buông xả và bố thí thôi chứ không còn đường nào khác.

Những người giàu có nếu họ có tu tập thì đời này họ cũng quen tay làm phước thiện, giúp đỡ người nghèo, làm từ thiện, cúng Chùa, giúp những người khó khổ rất nhẹ nhàng, không khó khăn. Nhìn lại những người kém phước, mới tập làm phước trong đời này họ rất khó khăn. Có khi bỏ ra năm mười triệu làm công tác từ thiện là họ kể cả đời chưa hết, họ nhớ hoài. Có người làm phước lớn giúp người khác hàng tỷ đồng nhưng không ai biết vì họ quen rồi. Chuyện đó đối với họ rất bình thường nên đa số họ có phước lớn.

Bốn: "Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến". Phước báo của người xa lìa tham dục có thể làm vua mà làm vua cũng tự tại. Không có nước nào nghĩ là phải xâm lấn đánh ông vua này để cướp. Không ai có thể xâm phạm được ngôi vị vua đang ngồi, gọi là vương vị tự tại.

Ví dụ, chúng ta làm ăn buôn bán hoặc làm ngành nghề nào đó ở vị trí giám đốc thì không ai nghĩ đến chuyện hơn thua với mình. Cũng như chúng ta ngồi đúng vị trí phước báo của mình thì không ai giành giật được, nhưng mình ngồi quá phước của mình, người ta không giành giật thì cũng có chuyện để mình sụp đổ. Có những người ở thế gian mua quan bán chức nhưng họ cũng có phước để ngồi được vị trí đó. Nếu phước họ không bền thì thế nào cũng có chuyện để sụp đổ. Khi họ ăn trên ngồi trước được là biết họ có phước đó. Một người có thể ngồi nhiều nhiệm kỳ

nhưng có những người mới có ba bảy ngày đã bị vô tù là do phước họ không có.

Nếu chúng ta là người phước báo kém thì phải hạn chế việc giao du với người cao sang, dù đó là người thân trong nhà của mình. Chỉ cần đi chơi với người giàu chừng vài chuyến thì sau đó chúng ta bị thiếu ăn thiếu mặc trầm trọng hơn nữa. Vì mỗi giai tầng phước báo có một mức độ hưởng riêng. Chúng ta nên lưu ý điều này để giữ phước của mình. Phước làm người rất khó mà nhiều khi chúng ta không nhận định được.

Ví dụ, đi với người quá sang giàu, họ mặc đồ đẹp quá mình mặc đồ xấu đi với họ thấy cũng kỳ, nên phải vay tiền chơi sang một trận thì mình sẽ bị thiếu nợ. Hoặc chúng ta đi chơi với người sang thường xuyên mà mình không tốn tiền vì họ bao mình, nhưng khi họ lo hết cho mình thì lúc đó mình vay nợ chứ đâu có ngon lành gì. Cho nên, sau chuyến đi du lịch chung với người sang, ăn uống ở sang trọng, khi về thì chúng ta bị kẹt tiền gấp năm mười lần trước kia.

Việc ăn uống sinh hoạt đi lại vui chơi, chúng ta phải cân nhắc phước báo của mình ngang tầm nào để sinh hoạt ngang tầm đó, nếu không sẽ bị tổn giảm phước báo rất nhanh. Những người phước lớn họ đi chơi năm mười ngày, hai mươi ngày không có gì. Nhưng chúng ta phước kém đi chơi ba ngày, bảy ngày coi như gần sạch phước trong đời này rồi. Chơi với người sang mình mau hết phước, đời sống chúng ta khó khăn liền sau đó, khiến làm không ra tiền, thậm chí chúng ta bị thất nghiệp sau chuyến đi chơi đó. Có khi nghèo khổ cả đời còn lại của mình, vì lỡ chơi một hai cuộc quá với phước báo của mình.

Thay vì vốn nhân quả nhiều đời, nhiều kiếp mỗi ngày

chúng ta tiêu pha khoảng năm mươi ngàn đồng, mình có thể yên ổn sống đúng tám mươi tuổi không có chuyện gì xảy ra. Nhưng hôm nay đi chơi với người giàu có một ngày tiêu thụ một triệu đồng, hoặc hơn nữa thì tính tỷ lệ phần trăm bị tiêu phước, đoạn còn lại là chúng ta hưởng sự vất vả. Có khi một cuộc chơi với người ta là hết phước của mình. Hết phước thì đời sống vật chất không yên ổn nữa, thậm chí thân thể cũng bị bệnh, đó là điều chúng ta phải biết.

Cho nên, đời này nếu khéo tu tập thì chúng ta sẽ giữ phước làm người bình yên suốt cuộc đời. Khi phước nảy nở, đời sau chúng ta sẽ được thăng hoa hơn. Còn người không khéo tu tập, họ tiêu pha phước báo, có khi trong đời này hết phước sớm mà đoạn đời còn lại họ rất khó khăn. Như đang làm việc rất tốt lại bị mất việc, mất nghề, tiền bạc mất v.v...

Một người ngồi vững vị trí của mình không bị hơn thua giành giật thì người đó có phước. Có những người có chức có quyền nhiều người muốn giành giật mà giành giật không được vì phước họ đang có. Tới khi người này không giữ được chiếc ghế của mình, tức là hết phước thì không cần ai giành giật mà tự mình rớt ghế. Mình muốn hơn thua với người nào đó về chức quyền thì nên xem lại phước mình có hơn người kia không rồi hãy hơn thua. Nếu chúng ta thấy mình phước báo lớn thì không cần hơn thua nó cũng tự tới với mình.

Không tham dục thì đồ vật quý lạ đều được dâng hiến. Có những thời vị vua phước báo lớn được người trong nước và các nước tự động dâng hiến vật quý. Nếu chúng ta được hưởng một điều gì có giá trị mà gần như tự nhiên, hoặc nó nằm trong tầm kiểm soát của mình, trong khả năng

vốn có của mình, hưởng điều đó chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng thì biết đó là phước của mình.

Còn chúng ta dùng trí khôn lanh của mình để có thể qua mặt người khác, để có thể lường gạt người khác. Hoặc là dùng quyền lực để có thể lấy của người khác thì dù chúng ta có hưởng đi nữa nó vẫn có cái gì đó nặng nề. Hoặc chúng ta hưởng điều gì mà có người khác đau khổ, bất lợi là biết phước lành chúng ta bị mất. Những gì chúng ta ăn, hưởng, sinh hoạt, có được trong trần gian này mà không làm khổ người khác thì không bị tổn phước. Còn người do tâm tham dục muốn cái này, muốn cái kia, muốn cái nọ quá với phước hiện có của mình, hoặc tìm đủ mọi cách hưởng được theo ý muốn thì phước sẽ bị tổn giảm. Chúng ta phải cân nhắc phước làm người, vì Đức Phật nói khi chúng ta bỏ thân mạng này, đời sau được trở lại làm người khó lắm.

"Năm: Được nhiều vật thù thắng, gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thuở xưa không bỏn xẻn, ganh ghét". Đức Phật kết luận rất rõ ràng: *"Người không có tâm bỏn xẻn và ganh tỵ thì phước lớn"*. Nếu người đó không ganh tỵ mà còn tu hạnh tùy hỷ thì phước tương đương với phước báo của người bố thí cúng dường.

Ví dụ, có huynh đệ phát tâm mua mảnh đất cất Chùa, xây dựng Thiền viện cho Tăng Ni tu học, mình theo không nổi nên khởi tâm ganh tỵ. Nói ông đó muốn mua danh, muốn nổi tiếng, muốn chơi sang. Mình khó chịu với việc làm phước của người khác tức là mình không sanh tâm tùy hỷ. Mỗi một ngày, chúng ta gặp rất nhiều người làm phước thiện nhưng mỗi người chỉ làm có một chuyện, mười người làm mười chuyện. Nếu chúng ta tu hạnh tùy hỷ với mười người thì chúng ta có mười việc phước. Một ngày, chúng ta gặp một trăm người làm phước và tùy hỷ với một trăm

người đó thì phước chúng ta gấp một trăm lần, cho nên dại gì không tu tùy hỷ. Việc tùy hỷ với phước của người khác đâu có khó khổ gì.

Tâm lý chung của loài người là muốn người ta khổ hơn mình, để mình tới chia sẻ với họ mình mới thấy vui, nên thấy người giàu là mình thấy khó chịu như gai trong mắt. Nghe có người gặp chuyện đau khổ thì rất nhiều người quan tâm, cho gạo, cho tiền, cất nhà; nhưng nghe trong số đó có người giàu là nghỉ chơi liền, không chấp nhận người khác hơn mình. Điều này ăn sâu trong tâm thức nhân loại rồi.

Hoặc hai người ngồi nói chuyện: "Bà khổ không bằng tôi đâu" nhưng nếu có người nói: "Tôi chưa biết khổ là gì" là bắt đầu không chơi. Khổ là những gì được chấp nhận, nhưng không khổ là không thể chấp nhận được. Nghèo thì mình có thể chấp nhận, mà giàu có tự nhiên mình không chấp nhận, nhưng trong lòng mình lại muốn giàu. Trong lòng mình muốn hết khổ nhưng mình không chấp nhận thiên hạ hết khổ. Mình không chấp nhận thiên hạ hơn mình. Người ta giàu thì mình bắt đầu chĩa mũi dùi liền, xem coi nó làm cái thứ gì mà nó giàu, nó mánh mun, nó buôn lậu hay gì đây. Ít khi nào chúng ta khen người đó giàu vì họ có phước, họ đàng hoàng, họ tu tập tốt. Hiếm có người tùy hỷ, bệnh này chúng ta phải chữa gấp, nếu không chữa được thì nhiều đời, nhiều kiếp chúng ta sẽ bị khó khăn về đời sống. Đó là sự thật.

Mình không chấp nhận người ta có phương tiện đầy đủ tức là mình muốn khó khăn hoài hoài. Vì nhân quả mà chúng ta không muốn người kia có phương tiện tốt thì làm gì mình có phương tiện tốt. Chính tâm mình đã không muốn điều tốt, mình đã gieo trong tâm mình điều đó rồi thì phước

mình chỉ là lôm côm không ra gì. Nếu chúng ta tu hạnh tùy hỷ thì chúng ta được phước báo để có được vật dụng, có được điều mà người khác có. Nhưng đa phần trong đời sống xã hội và tâm lý chung, con người không có được điều này.

Phật tử ai tu cũng muốn được giải thoát, ai cũng muốn hết khổ. Nhưng, bây giờ trong đạo tràng có người tuyên bố tôi đã hết khổ, tôi đã giải thoát, mình có chấp nhận điều đó không? Hay là lại rờ trán coi nóng hay lạnh? Tất cả nhân loại chúng ta phần đông đều như vậy. Cho nên trách gì ngày xưa Chúa bị đóng đinh trên Thánh giá, trách gì những vị Thánh chúng ta bị nạn, trách gì Tổ Bồ Đề Đạt Ma bị thuốc độc tới sáu lần. Chính điều đó mà thời chúng ta có rất nhiều người thấu hiểu đạo lý, sống tự tại nhưng họ giấu. Họ sợ nếu có nhiều người biết thì họ không yên thân. Nếu chúng ta có duyên thì họ nhá một chút cho thấy để họ giáo hóa giúp đỡ thôi, còn xã hội ít biết lắm.

Ngay cả giới tu tập, giới tu sĩ và người Phật tử khi nghe đồn trên núi có vị Thầy tu khổ hạnh là bắt đầu nói Thầy đó tu giỏi, mà nghe vị Thầy cất Chùa to, có xe hơi, có phương tiện đầy đủ là nói Thầy này tu không tốt. Trong lòng chúng ta không chấp nhận ai có đời sống tự do thoải mái. Sâu trong thâm tâm chúng ta điều này phải phá đi. Nếu không tu tâm xả ly ganh tỵ thì nhiều đời chúng ta bị khó khăn và không được hưởng phước báo lớn.

Khi chúng ta nghe người đó đời sống thoải mái, đầy đủ vật chất, họ được những của quý trên đời này, họ được an hưởng tự do mà trong lòng mình không có chút gì lợn cợn khó chịu thì biết phước mình lớn không thua người đó. Mình thấy chuyện được hưởng như vậy không có gì lớn so với mình, không có gì để mình có thể thua họ, mình đủ phước đó cho nên tâm mình mới không ganh tỵ.

Đa số những người ganh tỵ là luôn luôn thấy mình không bằng người khác. Mình muốn vị trí không bằng đó nó còn hoài chứ mình không muốn ngang người đó cho nên mình ganh tỵ. Nếu thấy mình không thua họ thì tâm ganh tỵ không xảy ra với mình là biết vốn liếng phước báo mình đã có rồi, nên sanh tử sắp tới mình chắc chắn không thua họ.

Chúng ta nên phát nguyện tu tâm tùy hỷ: *"Con tên là… Pháp danh… Nay trước chư Phật mười phương con xin đảnh lễ phát nguyện nhất tâm tùy hỷ với tất cả chúng sanh muôn loài. Có một chúng sanh nào tu tập có bao nhiêu công đức phước đức, có bao nhiêu thiện căn thiện nghiệp con thảy đều nhất tâm tùy hỷ, không có lòng ganh tỵ hơn thua. Dù họ khuyên một người để người đó bớt đau khổ. Dù họ lượm một miếng rác nhỏ ngoài đường. Dù họ lượm một miếng gai nhỏ ngoài đường tức là họ tạo một tí xíu thiện căn thiện nghiệp con cũng đều nhất tâm tùy hỷ. Đối với tất cả các bậc tu tập chứng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, những vị chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả Bồ Tát và chứng quả Phật, con nguyện nhất tâm tùy hỷ. Nguyện một lòng tu tập theo các Ngài, lần lần chứng tất cả những quả vị như các Ngài chứng, đạt được những thiền định như các Ngài đã có và có được trí tuệ như các Ngài đã có"*.

Chúng ta đã bị cái khằn nhiều đời, nhiều kiếp ganh tỵ rồi. Thấy người kia hơn mình một chút thì khó chịu, thấy bạn mình mặc cái áo tốt hơn mình là khó chịu, mang dép mốt hơn mình một chút là khó chịu, chúng ta khó chịu với nhiều chuyện lắm. Không phải một đời này chúng ta mới ganh tỵ quá nhiều đời rồi. Nếu đời sống này chúng ta không phá vỡ tâm ganh tỵ này thì đời sau khó giàu có, khó có cuộc

sống tự tại, khó có vương vị tự tại. Phát nguyện một thời gian, dù mình thấy họ có là ông trời đi nữa mình cũng vui được, không còn gì trong lòng mình thì chúng ta đã thành tựu công phu.

Chúng ta phải công phu dày dặn, cực nhọc một đời này mới có thể phá vỡ tâm ganh tỵ. Nếu không thì tất cả những người thành công đều là người xấu với mình. Không ai thấy người thành công trên đời này là tốt, họ thành công vì không mánh mun thì cũng gian xảo, không gian xảo thì cũng ma mị gì đó. Chớ tôi biết nó đâu có khả năng gì mà nó giàu, dòng họ lịch sử bà con nó tôi rành quá. Tự nhiên bây giờ nó làm tỷ phú mình nghe khó chịu. Đó là tâm ganh tỵ nên chúng ta phải phát tâm phát nguyện hằng đêm làm sao phá được tâm này.

Từ xưa tới giờ chúng ta nghĩ tâm bố thí cúng dường mới có phước và đời sống về sau được thoải mái về vật chất. Nhưng tâm ganh tỵ không phá được thì đời sau khó thành tựu phước báo. Nếu nguyện trở thành lực thì chính lực đó sẽ hóa tán được nghiệp cũ của mình, nếu không sẽ không hóa tán được.

Nhiều khi niệm Phật cả ngày nhưng buông ra thấy người kia hơn mình một tí là mình khó chịu thì coi như ngày đó công dã tràng. Tu cả tuần lễ ra thấy huynh đệ hơn mình thì thấy khó chịu, coi như xong hết một tuần tu. Tâm ganh tỵ sẽ phá nát hết.

Tâm ganh tỵ cũng kèm theo một chút ngạo mạn trong đó mà mình không hay. Ngã chấp luôn luôn của một con người không bao giờ muốn mình đứng vị trí số hai trong cuộc đời này. Dù mình nghèo khổ nhưng lúc nào cũng thấy mình là số một, thấy mình ngon lành, thấy mình là quan tòa phán đoán sắp đặt cho đời sống người khác. Đáng lý người

đó phải sống như vậy thì mình mới vừa ý, tại sao nó sống hơn kiểu vậy, thế là mình khó chịu. Đáng lý người kia phải nghèo đi bộ, hoặc dữ lắm đi xe đạp nhưng họ đi honda làm mình khó chịu. Làm như mình ở trên trời xuống đây sắp đặt người ta vậy.

Rõ ràng tâm ganh tỵ kèm theo tâm ngạo mạn nên ngã chấp mình rất lớn, mình không coi trọng người khác, mình coi khinh, coi thường, không quý kính người khác. Nếu tâm ganh tỵ mình tu tốt thì điều rất lạ là chúng ta sẽ quý trọng mọi người mọi loài, vì lúc đó ngã chấp chúng ta đã tiêu mòn. Vì ngã chấp từ tâm ganh tỵ sâu tận bên trong, nó là bản ngã rồi mới hình thành tâm ganh tỵ.

Mình ngạo mạn không coi ai bằng mình. Ví dụ, mình bị mất việc, không làm ra tiền thì mình tự cho mình là trực tính thẳng thắn, không cúi lòn cho nên tôi mất việc, còn mấy đứa cúi lòn cho nên có việc làm. Tự mình đưa ra mình ngon hơn người ta mình mới chấp nhận, tôi sở dĩ không sắm xe đạp là tôi để dành tiền làm phước thiện, chứ lấy tiền xài phung phí.

Nếu tu tốt chúng ta thấy an nhàn lắm, chuyện xung quanh với mình tự động không còn vướng lại. Nhưng lúc nào chúng ta tu không tốt, tâm hơn thua bỏn xẻn chấp chặt thì cả ngày mình phiền não. Đi tới đi lui không có ai bằng mình, thấy một người hơn mình là mình khó chịu, hai người hơn mình là mình khó chịu, một ngàn người hơn mình là mình khó chịu. Đêm đó không cách nào ngủ được, nhắm mắt là thấy đứa kia mặc áo hơn mình, nhắm mắt là thấy nhà kia đẹp hơn nhà mình, nhắm mắt là thấy người kia được quý hơn mình v.v... Tất cả những điều đó làm cho mình xốn xang khó chịu cả ngày lẫn đêm.

"Đó là năm món tự tại. Nếu hướng về đạo Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, đặc biệt được ba cõi thảy đều cung kính cúng dường".

Đức Phật nói chúng ta tu lìa tham dục bỏn xẻn thì đời sống an ổn, có phước lành lớn ở đời này và đời sau. Thậm chí quả vị thành Phật chúng ta cũng có thể đạt được.

Chúng tôi rất coi trọng những lời phát nguyện. Khi nào mình vượt qua được tâm ganh tỵ thì chúng ta có niềm an lạc kỳ lạ lắm. Trong đời này nhìn cái gì mình cũng vui, cái gì với mình cũng đẹp, không có gì với mình mà khó chịu. Sau một thời gian ngắn, quý vị sẽ thấy phước của mình khác đi, tuệ sẽ có, đời sống tâm linh và vật chất chúng ta sẽ thay đổi.

VĂN KINH

9. Sân hận

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa sân hận thì được tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Những gì là tám? Một: Tâm không tổn não. Hai: Tâm không sân hận. Ba: Tâm không tranh tụng. Bốn: Tâm nhu hòa ngay thật. Năm: Được lòng từ của bậc Thánh. Sáu: Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh. Bảy: Thân tướng đoan nghiêm chúng đều tôn kính. Tám: Do hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm thiên.

Đó là tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán.

Nếu chúng ta tu xa lìa tâm sân hận sẽ có tám điều lợi ích.

"Một: Tâm không tổn não". Thỉnh thoảng có điều gì làm chúng ta buồn thất thơ thất thểu, ăn không được, ngủ

không ngon thì nó xuất phát từ tâm sân hận của chúng ta. Chúng ta tu tập nhưng bị phiền muộn, khổ sở, bị chuyện này chuyện kia xảy ra trong đời sống này. Tức là trong nhiều đời chúng ta chưa từng tu xa lìa tâm sân hận. Cho nên, nhân quả được kết tụ của nhiều đời, nhiều kiếp để ngay kiếp này chúng ta bị tổn não, bị ảnh hưởng tới tư tưởng, não bộ, tới đời sống của mình.

Nếu nhiều lần có chuyện xảy ra động chạm tới mình thì mình sân si lên. Mình nói không được, la không được, hét không được, không thể tâm sự với ai thì nó trở thành uất kết nơi tâm. Cho nên chưa già mà đã thấy già trước tuổi, vì họ không thoải mái về mặt tinh thần. Nếu xả bỏ được tâm sân hận thì diện mạo chúng ta luôn tươi nhuận. Mặc dù tuổi rất lớn nhưng vẫn tươi, an nhiên, an lạc, tự tại lộ ra.

Do chúng ta không rà soát được tâm sân hận để nó hoành hành đời sống cá nhân. Chuyện xảy ra chúng ta quên không được, có người còn nói xuống mồ tôi cũng mang theo. Nếu công phu tu tập tốt thì chúng ta không bị tổn não làm ảnh hưởng tới thân tâm. Còn tu không kỹ, không tốt thì trong đời sống này chúng ta luôn luôn bị tổn hại.

Nhiều khi mình không sân với thiên hạ mà sân với chính mình. Làm một việc gì đó không thành công theo ý muốn mình cũng tức với chính mình. May một cái áo, nấu một nồi cơm không vừa ý mình cũng tức tối bực bội. Sân hận nó ngầm ở đâu mình không biết nhưng đụng chuyện thì nó đốt cháy mình hồi nào mình không hay và thiên hạ chung quanh cũng bị cháy lây. Nếu chúng ta tu tập ý niệm sân hận nơi tâm cho tốt thì tự động mình xoa dịu được những bức não nơi tâm, khiến đời sống nhẹ nhàng thanh thoát.

Nếu mình vừa sân hận vừa ganh tỵ thì chúng ta luôn

thấy những việc xảy ra xung quanh mình có cái gì đó rất khó chịu mà mình không biết. Không kềm chế được, nhiều đời nó cứ đốt cháy chúng ta hoài. Trong Kinh nói: *"Một ngọn lửa sân thiêu rụi cả rừng công đức"*. Ví dụ, mình tu một tuần Phật thất, tu được sáu ngày yên ổn, hôm đó ai đi dậm chân mình đau, rồi nổi điên lên là coi như xong, tu một tuần thiêu rụi. Có những bà cụ ông cụ lớn tuổi nằm trên giường bệnh, tay chân giở hết lên nhưng vẫn còn sân. Sân si rất nguy hiểm, khi con người còn khỏe mạnh thì sân lên họ có thể đập phá nhà cửa, đồ đạc mọi thứ nhưng đến lúc lâm chung vẫn còn nghiệp sân hận thì người đó sẽ đọa làm những loài thú độc. Đây là điều rất dễ sợ trong sanh tử luân hồi.

Hoặc nhiều đám tang, cha mẹ trăn trối điều này điều kia với con của mình. Nhưng rồi có đứa làm bất như ý thì tâm ý người chết vẫn nổi sân lên, bức néo máu trong quan tài trào ra ngoài. Đó là sân tâm của người chết làm ảnh hưởng cái xác đang chết nằm trong quan tài. Người đó chắc chắn không thể sanh cõi lành mà đọa làm loài thú rất độc.

Trong cuộc sống này, nếu còn khả năng tu tập được, chúng ta nên tu tập nghiệp sân hận cho tốt. Vì sân có thể theo mình nhiều kiếp luân hồi. Chúng ta nên kiểm soát tâm cho kỹ, đừng để sân hận đốt cháy bào mòn trí tuệ của mình, làm thân xác chúng ta mau già cỗi, tâm tư chúng ta phiền muộn không tươi vui. Có nhiều ông cụ, bà cụ lúc lâm chung xổ một tràng tức tối con gái thứ hai như vầy, tức tối con gái thứ ba như vầy, họ kể với tâm sân hận không kiểm soát được. Họ nghiến răng, trợn mắt, lộ tướng dữ ra, rất nguy hiểm. Những kiểu sân hận đó tới cuối đời không giải quyết được thì không biết sanh tử sắp tới sẽ ra sao. Chúng ta không nên vướng vào trường hợp này.

Trong đời sống này, sự tổn hại không chỉ làm chúng ta đau khổ mà nó là nhân tố đưa chúng ta vào con đường đen tối của sanh tử sắp tới. Sân hận không phải là chuyện nhỏ. Đức Phật nói nếu chúng ta tu tâm không sân hận tốt thì không bị tổn não. Tức là ngay đời sống hiện tại này sẽ sống được tốt, sanh tử sắp tới chúng ta sẽ có sự thăng hoa.

Có lần bà Mạc Lợi Phu nhân hỏi Đức Phật: *"Muốn đời sau sanh ra có sắc diện đẹp đẽ thì tạo nhân nào?"* Đức Phật nói có hai nhân mà người ta sanh ra đời có thể trở thành người đẹp: *"Nhân tố thứ nhất là thường xuyên cúng hoa trên bàn Phật, nhân tố thứ hai là tu tập tâm không sân hận."* Mỗi lần mình nổi sân lên là mặt mình nhăn nhó, có khi đỏ bừng mặt, có khi tái xám, mặt biến sắc, tức là tạo nhân xấu cho chính bản thân mình. Cho nên đời sau mình không thể trở thành hoa hậu được. Ngoài việc cúng hoa trên bàn Phật, chúng ta cũng phải tu cho thật tốt tâm không sân hận. Nếu sanh ra đời này sắc diện mình không đẹp lắm thì biết lỗi của mình nhiều đời nhiều kiếp đã từng sân hận.

"Hai: Tâm không sân hận". Con người chúng ta là động vật cấp cao, cột sống dựng đứng, thể hiện được sự kết tinh nhiều ngàn kiếp mà tạo hóa đã hình thành ra một con người như chúng ta ở đây. Chúng ta có trí tuệ, có học thức đàng hoàng, thậm chí bây giờ cũng được học theo đạo lý giác ngộ giải thoát, so với người bình thường chúng ta được xem là đại diện cho đạo đức. Nhưng đụng chuyện mà còn sân hận mất bình tĩnh, mất đạo đức, đập phá, chửi mắng, la hét thì chúng ta không còn đạo đức nữa. Nếu chúng ta còn tiếp tục như vậy thì sân hận tạo thêm mầm mống mới phá hủy đi đạo hạnh của mình.

Về dưỡng sinh, do bị ảnh hưởng ăn uống thực phẩm từ lúc còn trong bào thai cho tới khi sanh ra đời. Nếu chúng

ta tiếp tục ăn thịt động vật thì dễ bị nhiễm bản năng thú tính. Nên mỗi lần sân lên chúng ta chỉ biết chửi mắng, đánh đập chứ không còn đường khác để giải quyết. Cả nhân loại bị tiêm nhiễm điều này. Loài người có trí tuệ, có học thức, có trình độ nhưng sân hận lên rồi cũng đập phá, cũng chửi mắng, không có cách lý giải khác. Những loài thú như con bò, con trâu, con chó nó tức nhau là cụng, là cắn, là xé. Bây giờ con người gặp nhau nổi sân lên xách súng bắn, xách dao chém, đốt nhà đốt cửa, chửi phá, đó không phải hành động của loài người. Chúng ta đã bị nhiễm thú tính mà không hay, nghĩ là bình thường vì nó đã ăn sâu vào não bộ, vào tế bào mình rồi.

Từ lúc mang thai chúng ta đã được nuôi nấng bằng những loại tế bào của thú rồi. Cho nên việc nhiễm thú tính là nghiễm nhiên, giận là chửi liền cho đã miệng, giận là cho nó một đấm, chém đứt đầu hay bắn chết là chuyện bình thường. Chủ trương phải giết chết một lần vài người vẫn chưa thỏa lòng. Rõ ràng đó không phải là tâm của loài người, loài người không có tâm đó.

Người đụng chuyện thì sân hận, đánh đập, la hét, chửi rủa, hơn thua với nhau là cái thấy nhìn cục bộ, thiếu hiểu biết trong đời sống. Tùy thuộc vào tâm của bậc minh triết, người trí thức, người bình dân hay người nhiễm thú tính mà sân hận theo cấp độ được bọc lộ ra. Con người cư xử qua lại với nhau như thế nào, chúng ta có thể đánh giá được đẳng cấp tâm linh của người đó và đời sống họ ở mức độ nào.

Các vị Thánh thì chắc chắn không bao giờ có chuyện la hét chửi rủa như chúng ta. Lời nói của bậc Thánh nhân chúng ta nghe rất êm tai, đó gọi là ái ngữ. Càng tu tốt chừng nào chúng ta sẽ càng nhận ra được âm vận của các vị. Mặc

dù các vị rầy mình nhưng mình vẫn thấy có chút gì đó rất ngọt ngào, không khô khan cộc lốc như kiểu của mình. Những vị càng tu lâu, khi có chuyện sai lầm của mình, các vị rầy la mình nghe mát trong tâm, chứ không gai góc hận thù.

Nếu chúng ta khéo tinh tế tu tập thì sẽ nhận ra ngữ âm của người đối diện, biết được người đó trong nhiều đời và đời này có tu tốt hay không. Âm vận phát ra từ một người, không phải chúng ta tu một đời mà được. Phải nhiều đời lắm mới có được chất liệu gọi là ái ngữ, xuất phát từ công phu tu hành chứ luyện giọng không được. Người có công phu chiều sâu mới có thể xoa dịu được sự phiền hận của người khác.

Ví dụ, gia đình mình xảy ra chuyện rất lộn xộn, chỉ cần chúng ta mở băng giảng của một vị Thầy nào đó có công phu tốt thì dao động sóng âm đó tự động làm dịu mọi thứ trong nhà mình liền. Năng lực ngữ âm của vị đó tự làm cho sóng xung quanh yên ổn. Người tu càng thanh tịnh chừng nào thì âm vận họ phát ra tác động sâu trong tâm thức người đối diện chừng đó. Khi chúng ta nghe băng giảng của quý thầy học hiểu nói lại thì mình cũng hiểu nhưng hiểu phơn phớt bên ngoài tâm thức. Còn những vị tu tập tốt phá vỡ được tưởng ấm, đã có lần định sâu thâm nhập trong hành ấm. Ngôn âm của vị đó thuyết giảng có sự tác động làm chấn động mình và có khả năng chuyển hóa được mình.

Có mẫu chuyện một vị Sư tu tập trên núi. Bà kia dẫn con lên thưa: "Con của con hư quá, quậy phá ăn chơi riết, nghe tiếng Hòa thượng từ bi khuyên một câu cho nó chuyển hóa quay về con đường thiện, vì gia đình con có một đứa con trai duy nhất". Hòa thượng nói: "Về đi nửa tháng sau

quay lên gặp Ta". Hai mẹ con đi về, đúng nửa tháng sau lên gặp Hòa thượng. Hòa thượng chỉ nói một câu duy nhất: "Thôi về ngoan đi nghe con!" Bà kia tức lên: "Tại sao câu này nửa tháng trước Thầy không nói, đợi tới giờ Thầy chỉ nói có một câu vậy thôi?" Vị Thầy nói: "Nửa tháng trước Ta nói câu này thằng nhỏ không chuyển hóa, nhưng nửa tháng nay Ta tu tập công phu miên mật lắm Ta mới nói được câu này, nên về để ý con ngươi sẽ được chuyển hóa". Đúng thật đứa nhỏ về nó ngoan.

Có đức mới chuyển hóa người, đi Chùa chúng ta đôi khi rất thích được gần những vị có đức. Những vị Hòa thượng lớn đi từ xa chúng ta nghe có gì đó an lạc. Ngồi gần được tiếp chuyện với các vị chúng ta nghe lạ lắm, khi từ nhà đi mình tính là sẽ trình bày những gút mắc trong tâm nhưng khi gặp Thầy cười một cái mình mất tiêu hết câu nào để hỏi. Các vị cũng đâu có gì trong bụng để cho mình hỏi.

Người có đức tự động nhiếp chúng, trong các trường hạ có nhiều Thầy hoặc Sư cô rất giỏi thuyết giảng, thao thao bất tuyệt, tài năng lỗi lạc, nhưng rồi cũng thỉnh vị Hòa thượng đến đó ngồi, mà Hòa thượng không nói câu nào. Không có Hòa thượng Thiền chủ thì coi chừng chúng sẽ loạn. Có đạo tràng đến vài trăm người, hoặc vài ngàn người nhưng đạo tràng đó im phăng phắc. Từ trên xuống dưới không có nói chuyện nhốn nháo, không quay qua quay lại, họ tự động nghiêm túc. Không phải họ đã được sinh hoạt trước mà do đức của vị trụ trì.

Một người chỉ cần tu tâm không sân hận thì tự động gia đình đó sẽ bớt rất nhiều chuyện phiền hà. Hoặc chúng ta tu một tuần Phật thất, kiểm soát tâm kỹ, tu tâm không sân hận thật tốt để mình được nhẹ nhàng, mát mẻ, an lạc. Tuần lễ đó có khi ở nhà đứa nhỏ nó cự đứa lớn đủ thứ, khi chúng

ta về nhà tự động mấy chuyện đó mất đi. Không phải nó sợ mình nhưng đức của mình làm cho những tâm lộn xộn kia yên lắng. Cho nên, trong đời nếu chúng ta tu hết tâm sân hận thì sẽ có lợi lạc cho người xung quanh rất lớn.

"Ba: Tâm không tranh tụng". Trong hàng đệ tử của Đức Phật, ngài Tu Bồ Đề được thính chúng, Phật tử và Đức Phật khen Ngài đạt tới Vô Tránh Tam Muội, tức là đạt định vô tranh. Nếu nhiều đời chúng ta tu tập tâm không sân hận cho tốt, không cãi vả hơn thua với mọi người xung quanh thì đời này chúng ta có được lực tâm không tranh tụng. Dù họ có nói cỡ nào chúng ta cũng chỉ biết cười. Vì trong tâm mình hết muốn hơn thua, mình bỏ qua được, tha thứ được và mình cảm thấy có thể giúp người đó hết đi sự tranh tụng với mình.

"Bốn: Tâm nhu hòa ngay thật". Người tu tâm không sân hận thì được tâm nhu hòa, nhu nhuyến, bình lặng, mỗi một khởi nghĩ của chúng ta rất hiền dịu, được như vậy rất khó.

Ai đã từng niệm Phật hay tọa thiền sẽ thấy được những thứ xôn xao trong đầu. Nhiều khi nó cuồn cuộn mà chính mình cảm thấy chịu không nổi với những ý nghĩ đó. Nhưng một thời gian tu tập tốt, những khởi nghĩ trong đầu chúng ta bắt đầu hiền dịu xuống, cũng nghĩ tới chuyện thánh thiện, chuyện thương người và chúng ta cảm thấy dễ chịu với ý nghĩ của mình. Càng tu tập nhiều chừng nào thì mỗi lần ngồi riêng với mình những cuồng nộ nơi tâm được lắng dịu. Khởi nghĩ không còn nhiều, không ồn ào mà nó khởi rất từ tốn, nhu nhuyến, nhẹ nhàng là người này tu giỏi lắm rồi.

Giá trị thứ tư của người tu tâm không sân hận thì tâm họ được nhu hòa ngay thật. Cần tính công việc gì thì theo

suy nghĩ của mình để tính toán xong rồi là tắt mất, không còn ý nghĩ trong tâm nữa. Cần nghĩ tới thì nó nghĩ chậm chậm, chẳng có gì là gấp rút, chẳng có gì là ồn ào xáo động.

Tâm nhu hòa còn kèm theo sự ngay thật nữa. Có những chuyện nếu chúng ta chấp nhận sẽ bị mất uy tín, mất quyền lợi, cho nên chúng ta hay có sự bảo thủ. Ví dụ, bước vô Chùa phải để dép cho ngay ngắn, nhưng do bất cẩn mình đá dép huynh đệ xéo qua, nhưng mình không chịu cực khum xuống sửa lại. Người ta phát hiện có một chiếc dép bị đá nghiêng đá ngửa, hỏi ai nhưng mình không dám nhận. Vì nhận thì mình là người bất giác, mất uy tín. Có những sự thật nhỏ xíu vậy mà ít khi chúng ta chấp nhận, hoặc ngồi thiền, chúng ta lỡ ợ lớn trong khi đạo tràng đang yên tịnh, chúng ta cũng không dám nhận.

Phải tu tập kỹ lắm, kiểm soát tâm mình rất kỹ, dám chấp nhận sự thật thương đau, như vậy mới thân cận đạo lý. Khi sống đúng như thật rồi, họ luôn chấp nhận sự thật. Tâm ít có lẽo lự, ít dao động, ít luồn lách tránh né sự thật, có gì nói đó. Trên gương mặt người này lộ vẻ vô tư, dù là năm bảy mươi tuổi nhưng nét mặt họ vẫn có nét gì ngây thơ. Còn chúng ta lẽo lự, hay tính toán, hay tránh né sự việc thì mình sẽ mất vẻ ngây thơ hồn nhiên của mình. Người nào sống đúng như thật thì tâm nhẹ nhàng, nhu hòa, ngay thật, đời sống họ cũng nhẹ nhàng. Đa phần những người đó có đời sống vật chất rất khá, thậm chí người đó rất giàu.

Vì sao chúng ta coi vật chất nhẹ? Vì phước của mình gấp triệu lần vật chất, nên thấy vật chất nhỏ lắm không có gì đáng cho mình hơn thua. Đối với người phước nhỏ thì thấy vật chất bằng cái núi, mất là tìm cách lấy lại. Chính người có phước đức lớn nên con cái họ hưởng nhiều đời không hết. Không phải không tranh cãi mà mình ráng nhịn.

Mình tự thấy rằng dù có thể mất trắng trong đời này nhưng đủ sức có thể gầy dựng lại được. Đủ tự tin với phước báo của mình nên không cần phải tranh tụng.

Năm: "Được lòng từ của bậc Thánh".

Người tu dứt trừ được sân hận thì được lòng từ của bậc Thánh. Vì khi chứng được Thánh quả mới có lòng từ và khi chứng được Thánh quả mới hết được tham sân si. Chúng ta là đệ tử của Đức Phật khi tu tập thì phải phát nguyện lợi ích chúng hữu tình. Cho nên, lúc tu tập không sân hận là đã không làm tổn hại chúng sanh, ngược lại còn làm lợi ích cho chúng sanh mới dần dần hết sân hận. Đến khi hết sân hận thì đầy đủ thánh đức yêu thương tất cả chúng sanh muôn loài nên có lòng từ của bậc Thánh.

"Sáu: Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh".

Người sân hận sẽ làm tổn hại mình và người xung quanh, còn người không sân hận tự động việc làm của họ sẽ đưa đến sự an lạc cho người khác. Sân hận thì nói ra lời nào cũng xóc óc, cũng làm người ta phiền muộn, chẳng yên ổn được. Những nghĩ suy trong lúc riêng tư, những hành động lời nói của mình trong lúc đối diện với người xung quanh mà đều lợi lạc cho họ thì biết chúng ta công phu tu tập cũng khá.

Có người tu tập không tốt, làm việc từ thiện xã hội giúp đỡ người nghèo nhưng khi về riêng một mình thì bắt đầu tính toán làm cái gì cho lợi mình được lớn hơn. Hoặc buôn bán bữa nay lời ít, mai mình bán cách khác cho lời nhiều hơn. Ngược lại, chúng ta nghĩ chuyện gì, nói điều gì cũng lợi người khác, luôn nghĩ điều thiện, nghĩ tốt thì phước tăng trưởng mỗi ngày.

Vì mỗi một ý nghĩ chúng ta sẽ tạo thành sóng âm, từ trường lực đó sẽ đi vào vũ trụ này. Nên thường vô Chùa

chúng ta sẽ cảm nghe có lực gì đó rất hiền hòa, mát mẻ, dễ chịu, nhưng khi ra chợ chúng ta thấy từ trường xáo trộn. Vì ở chợ toàn những người suy nghĩ làm sao cho mình có lợi nhiều, làm sao gạt người này để lấy tiền nhiều một chút. Hầu như ít có ai suy nghĩ chuyện thiện, nên đi chợ một hồi chúng ta bị cuốn theo từ trường đó.

Lúc đầu mình không tính mua nhưng vô chợ thấy cái này thích, cái kia thích mua về có khi không xài tới, nhiều khi mình nghĩ đi ngang bị bà đó bỏ bùa nhưng không phải. Vì cả chợ phát ra từ trường đó ảnh hưởng não bộ khiến chúng ta bị kết nối, tự động mình khởi tham tâm. Còn trong Chùa những người tụng Kinh, ngồi thiền, nghĩ điều thiện nên chúng ta được kết nối những điều thiện. Nhiều khi chúng ta thấy mình yên mà không biết chuyện gì, không lý giải được tại sao tới chỗ đó mình yên và tới chỗ đó chúng ta tu tốt hơn.

Nếu trong Chùa có một người tâm thanh tịnh thì nguyên vùng Chùa đó chúng ta chỉ cần bước vô là có cảm giác rất an. Nếu đại chúng tu tốt thì cả vùng đất đó như vùng đất linh, để chúng ta cảm nhận được linh khí ở Chùa đó. Ở trong chợ mà mình vẫn niệm Phật thì phước báo đó lớn hơn là ngồi trong Chùa. Vì cả vùng phát những sóng hơn thua, mà mình niệm Phật thì sẽ phát sóng êm ả, tạo thành vùng sáng để cho những loài âm binh xung quanh. Những vong linh, những người khuất mặt khuất họ cảm được có chỗ bình an, để họ có thể nương tựa hóa giải sân hận của họ.

Người thường xuyên niệm Phật thì phước không phải chỉ làm cho tâm mình yên, mà chúng ta đóng góp vào vũ trụ này một từ trường lực tốt đẹp và thanh tịnh, cho nên phước báo tăng lên. Chúng ta niệm Phật ở đây nhưng sóng

đó không chỉ dao động ở đây mà nó đi khắp không gian. Đi đến đâu nó sẽ làm dịu những tâm sân hận của các cõi. Họ tiếp nhận được tầng sóng âm này mà được lợi lạc thì chúng ta có thêm một chút phước. Dao động sóng âm đó tồn tại mãi mãi trong không gian, vẫn tiếp tục làm tăng trưởng phước lành cho mình. Niệm Phật rất giá trị đối với vũ trụ, với bản thân mình, với pháp giới mà ít người thấy hết giá trị đó và cũng ít người thấy được cái nguy hiểm của một ý niệm ác.

Nhìn chung những vùng bị bão tố, lũ lụt, thiên tai là do vùng đó ít người tu. Đây là sự thật. Tại mỗi người một ý nghĩ tạo thành dòng từ trường đi vào vũ trụ. Dòng từ trường tạo thành dòng xoắn đi xung quanh vùng trời. Nó sẽ tạo thành năng lượng khí bất ổn, thậm chí thành gió lốc. Nơi nào số lượng người tu đông thì ít khi bị xảy ra thiên tai bão lũ. Nếu chúng ta tu tập tốt, luôn nghĩ tới chuyện lợi ích cho chúng sanh và những người xung quanh thì sẽ có nhiều phước báo cho mình. Phước báo đó tăng từng giây một nên trong Kinh có câu: *"Niệm Phật là tiêu trừ ác nghiệp ngàn muôn ức kiếp"*.

Người tu tập tốt hoặc niệm Phật nhiều trong một thời gian thấy sắc diện họ đổi khác. Tươi nhuận tốt đẹp hơn trước, do phước chúng ta tăng ở tầng bậc cao hơn vị trí cũ. Từ sắc diện của người đen tối, tâm hồn xấu, nếu chúng ta tu tập tốt, luôn nghĩ thiện, luôn niệm Phật thì tự động sẽ chuyển hóa tâm được thanh tịnh, sắc diện sáng rỡ lộ ra.

Hoặc sau khi bỏ thân mạng này chúng ta bị đọa vào loài ngạ quỷ. Vì sắc diện đó, với tâm tư đó là phải đi cõi dưới chứ không thể lên cõi trên. Nhưng nếu tu tập tốt, phước báo tăng trưởng hóa giải được nghiệp xấu của mình thì chúng ta có thể tăng trưởng lên tới cõi người ở đời sau.

Hoặc diện mạo chúng ta thay đổi thể hiện dáng dấp của một bà tiên hay ông tiên thì chúng ta có thể thoát khỏi cõi người và tăng trưởng cõi cao hơn, vì sắc diện đó không phải của người phàm.

Lần lần nếu tâm chúng ta thực sự thánh thiện thì nét Thánh bắt đầu lộ ra trên gương mặt, lộ trên ánh mắt, trên nụ cười thì biết rằng đời sau chắc chắn được sanh cõi lành. Thỉnh thoảng chúng ta phải soi mặt mình coi sáng hơn hay tối hơn, có phát tướng chưa, vì tu lâu là phải đẹp hơn. Tu là chuyển nghiệp, một đêm nếu chúng ta tu tập tốt, tâm thanh tịnh là gương mặt sẽ biến đổi thành sắc diện mới liền.

Tâm thanh tịnh đưa mình từ cõi phàm tới cõi Thánh, chúng ta nên tin tâm mình đủ sức có thể chuyển hóa được cuộc đời của mình. Nếu mình đang tu và dụng công tốt thì tin chắc sắc diện mình được chuyển hóa tốt hơn trong nay mai. Điều đó mình tự bói lấy mình mà không cần hỏi thầy bói.

"Bảy: Thân tướng đoan nghiêm chúng đều tôn kính".

Có những người chúng ta thấy là kính mến liền, cũng có những gương mặt vừa thấy là mình khó chịu. Do nghiệp nhiều đời chúng ta đã từng hơn thua, mình từng sống gai gốc, luôn sân hận, bực bội, khó chịu với những người xung quanh. Mình không chấp nhận người nào, thấy người nào cũng khó ưa, người nào cũng khó chịu. Vì mình đã gieo rắc chuyện đó trong tâm với quá nhiều người, nên người ta cũng nhìn mình bằng gai gốc chứ không nhìn bằng kiểu dịu dàng. Do chính mình gieo nhân đó và mình muốn như vậy.

Khi tu tập tốt, thân tướng chúng ta đoan nghiêm thì nhiều người tự động tôn kính mà không cần sử dụng tâm lý. Đối với đạo Phật sử dụng tâm lý là sai với Chánh pháp. Tâm lý thì không thể kèm hai chữ đạo đức. Tâm lý là mất

đạo đức chứ không phải là tâm lý đạo đức. Tâm lý không thể có đạo đức. Người tâm lý chừng nào thì người đó càng xa rời đạo đức chừng đó. Vì người tâm lý luôn luôn không sống đúng sự thật cho nên họ mới sử dụng tâm lý.

Có những bí quyết thành công người ta dạy mình khi gặp người khác là phải nở nụ cười cho thật tươi. Mình cười rất tươi nhưng rất dối ở trong, ghét người ta nhưng vẫn cười tươi là cố tình gạt người ta. Tâm lý là sự lừa lọc chứ không phải là đạo đức. Người tu tối kỵ điều này, người tu là cần sự thật, sự thật mới là đạo đức, còn tâm lý thì phá đạo đức, mất đạo đức.

Người tu tập tốt tâm thanh tịnh thì cử chỉ, lời nói, hành động của họ tự nhiên làm mình cảm mến. Họ đi đứng nhẹ nhàng, nói năng dễ thương, tự động toát lộ đạo hạnh. Chúng ta phải tin đạo hạnh hơn là tin tâm lý. Ở Chùa phải dạy cho người ta sống đúng sự thật, phải chấp nhận sự thật đang có của chính mình. Sự thật đang có của mình tốt thì quý, còn không tốt thì mình phải biết để chỉnh sửa. Phải chấp nhận sự thật không đúng của mình, chấp nhận sự thật chưa có nhu nhuyến hài hòa của mình. Được nhiều người phê phán, được nhiều người bình luận thì mình mới nhìn lại và mới bắt đầu sửa mình từ từ. Mình rất "cà chớn" nhưng trước công chúng mình giả bộ dịu dàng, mềm mỏng, ngọt ngào thì muôn đời tâm "cà chớn" của mình không bao giờ phá được, càng lúc nó càng "cà chớn" hơn. Ngoài xã hội mình nói chuyện dễ thương, mình cúi mọp, chịu lòn, cúi chìu ý với người đối diện nhưng bên trong nảy nở tâm khác. Chúng ta không kiểm soát được tâm mình thì không thể lộ ra tướng đoan nghiêm.

Trong giới Sa Di có hai mươi bốn oai nghi, oai nghi phải toát lộ từ tâm thanh tịnh. Còn bắt chước đi nghiêm

nghiêm, đầu phải nhìn xuống cách mũi chân năm tấc, tay không được đánh xa, cười miệng không hở răng, nói chuyện phải nhỏ nhẹ. Những sự tập tành này gò bó mình nhưng phải tập như vậy thì người lớn rất thích. Nhưng vô tình bày đặt cho những chúng điệu trẻ làm màu, tức là có nước sơn bên ngoài chứ bên trong không có.

Tốt nhất nên dạy người mới xuất gia phải bỏ đi những khôn lanh vặt, những màu mè bên ngoài để lộ cái thật ra. Cho họ sống tự do, tự động họ lộ cái thật thì mình dễ chỉnh sửa hơn. Còn bày cho họ màu mè, phết lên cái màu mình chấp nhận thì đâu có cái nhìn sâu, đâu thấy bên sau của họ là cái gì thì rất khó dạy. Những đạo tràng chúng đông, những người mới tới Chùa còn trẻ được dạy dỗ kỹ lưỡng thì nhìn bên ngoài rất dễ thương, nhưng nhìn sâu trong tâm mình thấy dễ sợ. Vì họ đủ sức để qua mắt người khác, đủ sức để làm tướng trang nghiêm mà thật sự tâm chưa trang nghiêm thì rất nguy hiểm.

Chúng ta tu làm sao để tự động toát đạo hạnh của mình, chính đạo hạnh mới cảm hóa nhiều người. Có những vị Thầy rất bình thường nhưng nhiều Phật tử mến, vì họ mến đạo hạnh, mến sự thật. Rõ ràng con người luôn tôn trọng sự thật, ai chơi với bạn cũng muốn bạn mình thật. Chơi với mọi người mình muốn mọi người thật nhưng mình chơi với người ta mình không thật. Tức là tự mình phá vỡ nền tảng đạo đức của chính mình.

Có người gian dối trước người khác mà còn coi thường người xung quanh. Có nhiều Phật tử gặp quý thầy phải trang nghiêm thế này thế kia, nhưng đó là chúng ta đang không thật, mà không thật là coi thường người đối diện. Điều này rất nguy hiểm, nên nhiều người đi Chùa mà không tăng trưởng phước báo. Chúng ta phải xét lại tâm

của mình. Có nhiều Phật tử trình kiến giải tu tập với Thầy mình, thấy thì rất thánh thiện, rất siêu xuất, rất tự tại, rất sâu sắc nhưng trình để mong Thầy xác nhận mình là người hiểu đạo. Tức là tâm người đó lẽo lự, sống sai sự thật. Mình nghĩ vị Thầy không ra gì nên mình qua mặt.

Mình còn gọi vị đó là Thầy thì làm ơn đừng bao giờ nghĩ đến chuyện qua mặt. Thầy không nói gì nhưng các vị Long Thiên Hộ Pháp không chấp nhận, khiến cho lần lần chúng ta xa đạo tràng. Tự động mình phá vỡ phước lành của mình và chúng ta không còn điều kiện thân cận gần gũi Thiện tri thức nữa. Vì mình qua mặt Thầy rồi thì Chư Thiên không chấp nhận, Chư Thiên tìm cách đẩy mình rời khỏi vị Thiện tri thức.

Tu quan trọng nhất là thành thật. Chúng ta càng thật chừng nào thì càng gần gũi đạo lý chừng đó. Người tu tốt chừng nào càng thật chừng đó, càng ngây ngây nai nai chừng đó. Đạo Phật rất quý hạnh "anh nhi". Có nhiều vị Thầy, nhiều vị Sư cô, nhiều Phật tử tu thời gian thấy như đứa trẻ hồn nhiên, vô tư, vì tâm lúc đó hết lẽo lự, hết xảo, hết ngụy biện, tự động hiện nét vô tư hồn nhiên, toát lộ đạo hạnh. Chính đạo hạnh đó làm cho thính chúng thương mến, tự động quần chúng đông, bạn bè đông. Tu mà càng lúc mất huynh đệ, mất bạn bè, mất quần chúng là biết chúng ta đang đi con đường khác.

Người ta rất thích mình là do tâm lý. Nhưng chính đạo hạnh mới cảm phục được người xung quanh, còn không có đạo hạnh thì dù chúng ta có sử dụng bất kỳ cái gì đi nữa vẫn bị người ta phát hiện. Sự gian dối qua mặt người khác giống như tờ giấy bọc lửa, bọc được một chút nó úm khói một hồi là cháy. Trong đạo Phật có câu: "Đừng lấy vải the mà che mắt Thánh". Sự thật luôn luôn là sự thật.

Oai nghi tế hạnh được toát lộ bằng tâm thanh tịnh của chính mình, tự động thính chúng sẽ cảm mến tôn kính. Những vị có đạo đức không cần học oai nghi mà cách các vị nằm rất nhẹ nhàng, dáng đi các vị toát lộ đạo hạnh. Còn mình ráng tập vẫn thấy cứng ngắc, không mềm mại, không dịu dàng, không lộ nét Thánh.

Đức hạnh thể hiện từ ý nghĩ nhỏ trong tâm, nếu chúng ta kiểm soát kỹ tâm mình chừng nào thì những ý niệm xảy ra trong đầu chúng ta thấy rõ nó, biết là niệm này thô, niệm này không tốt. Chỉ rõ vậy thôi, tự động mình điều hòa bên trong một cách rất lạ lùng, một thời gian oai nghi tế hạnh mình tự tốt. Đi nhanh, nói tiếng lớn, chạy nhảy là tự động mình thấy không đúng, không phải mình cố gắng đè ép mà đó là điều tự nhiên. Điều này liên tục xảy ra thì qua ngày hôm sau ngủ thức dậy mình thành con người mới. Có khi con mình ngạc nhiên sao má đi Chùa hôm nay thấy khác, kỳ sau nó nhắc má tới ngày đi Chùa rồi để con chở má đi. Còn tu chưa tốt, mình nói con chở đi Chùa, nó nói má tu không kết quả thôi kỳ khác đi, nó bận đi chơi rồi.

Khi mình tu tập tốt sẽ đủ sức cảm hóa gia đình mình và những người xung quanh. Nếu chúng ta còn bị cản trở việc đi Chùa, hoặc mở băng giảng Phật pháp nghe mà người ta cũng thấy khó chịu ồn ào, tối mình ngồi thiền họ cũng thấy khó chịu. Thói thường người ta không thích người khác hơn mình, cho nên chúng ta bước những nấc thang cao hơn thì họ tìm cách lôi chân mình xuống. Họ không cho mình leo cao hơn, nhất là những bạn bè thân cận.

Hoặc ông chồng đi Chùa bà vợ khó để yên, hoặc bà vợ đi Chùa ông chồng khó để yên. Tâm lý sâu kín bên trong là mình bằng hoặc thấp hơn họ thì họ để yên, còn mình leo hơn họ một bậc thì họ không bao giờ chịu. Mặc dù chồng

rất thương vợ nhưng bước hơn họ một bước là có chuyện. Do đó, đạo hạnh chúng ta phải đủ cảm hóa được tâm ganh tỵ của người bên cạnh, chứng tỏ mình đã tu tốt.

"Tám: Do hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm thiên". Khi tu tập kiểm soát được tâm sân hận của mình thì chúng ta luôn sống hài hòa với mọi người xung quanh. Người sân hận tu hạnh nhẫn nhục có thể làm giảm bớt sân của mình, đó là lối lý luận theo kiểu logic học, chứ còn sân mà nhẫn để đè xuống thì không bao giờ hết sân. Chúng ta phải thấy rõ tâm sân, thấu hiểu nó thì mới vượt qua, còn đè ép thì không phải.

"Hòa" thì tốt nhưng "nhẫn" thì coi chừng là khuất lấp. Nếu có công phu chúng ta rất ngại việc "nhẫn", thà là để bùng phát như vậy dễ sửa hơn là "nhẫn". "Nhẫn" trong đạo Phật không có nghĩa là nhịn chịu, nhịn chịu là sai. "Nhẫn" là một sự an nhẫn, chúng ta lắng tâm mình ở chỗ bình yên để mình không khởi niệm sân hận gọi là an nhẫn. Chứ không phải họ chửi mình một câu mình ráng đè xuống, nhẫn chịu, đó là người không kiểm soát tâm mình kỹ để thấy ra sự thật.

Người đối diện với mình đang sân hận, đang chửi mắng mình, đang uy hiếp mình. Mình thấy được sự thật nơi tâm nó đang khởi lên sự xáo trộn thì mình để cho sự xáo trộn lắng yên gọi là an nhẫn. Không phải đè ép sự sân hận xuống, không phải mình là Phật tử rồi mình không nên chửi người ta, nổi sân là xấu. Không phải lý do đó. Chúng ta bình yên nơi tự tâm, không hơn thua gọi là an nhẫn. Đối với vạn pháp mình không còn sanh tâm nữa, an nhẫn nơi tự tâm bất sanh bất diệt của chính mình gọi là Vô sanh pháp nhẫn. "Nhẫn" đó mới là nhẫn cao trong đạo Phật. Chúng ta "nhẫn" kiểu đè ép là còn sanh tâm, là có khởi niệm và có

cái đè xuống, tức là khởi nhân động rồi thì không bao giờ đạt tới cảnh giới vô sanh.

Muốn tu pháp nhẫn nhục thì phải tu hạnh an nhẫn trước mới đi tới cảnh giới Vô sanh pháp nhẫn. Còn tu hạnh nhẫn nhục bằng cách nhịn chịu thì chắc chắn không đạt cảnh giới Vô sanh pháp nhẫn và cũng không giải quyết được sân tâm của mình. Lạ một điều, khi đạt tới cảnh giới Vô sanh pháp nhẫn thì tâm từ bi chúng ta tự động trải rộng, lúc đó không còn nói "nhẫn" nữa.

Trong lịch sử Đức Phật, nhiều lần người Bà la môn chê mắng mà Đức Phật bình thản. Như vậy Đức Phật có nhẫn không? Nói Đức Phật nhẫn là sai. Vì Đức Phật đang an ở chỗ Vô sanh, cho nên đối với vạn pháp không làm cho Ngài khởi tâm động niệm.

Dù người ta có chửi, có mắng, có rủa, có thế này, thế kia chúng ta vẫn thấy bình thường, không có chuyện gì xảy ra với mình. Không phải họ chai mà hết tâm chai lỳ rồi, tâm hết sức nhu nhuyến, hiền hòa, an tịnh, cho nên khuấy sự an tịnh họ không được. Người đối diện không đủ sức, đủ lực để khuấy động mình, công phu càng giỏi chừng nào thì càng không nhẫn nhục chừng đó. Họ luôn an nơi tâm vô sanh, còn người tu dở mới nhẫn nhục.

Dù xảy ra bất kỳ tình huống nào trong cuộc đời này, dù đối diện hoàn cảnh nào, trước mắt chúng ta phải vạch mảnh đất bình an cho mình đứng. Rồi bước đi trên mảnh đất bình an của chính mình để hóa giải tất cả những sự việc xảy ra, hoặc thuận, hoặc nghịch, như vậy mình sẽ có đời sống bình an lâu dài. Còn nếu chúng ta không trở về chỗ bình an của chính mình để xử sự thì sẽ tạo sự bất ổn. Dù hoàn cảnh như thế nào chỉ cần tâm mình lắng yên thì tự động xung quanh sẽ bình yên. Không có tranh đấu mà chiến

thắng mới là giỏi, chứ hơn thua để chiến thắng chưa phải là đạo.

Đạo sẽ tự động dung nhiếp được sự hơn thua, dung nhiếp phiền hận, đó là đạo thật. Còn dùng thế lực, quyền lực để nhiếp thiên hạ thì không bền. Chúng ta tu đạo Phật phải tin được năng lực của đạo lý, phải tin được năng lực của sự thật. Vì là sự thật nên nó đủ sức dung chứa được hai mặt thiện và ác.

Nếu chúng ta rớt vào chỗ thanh tịnh thì muốn khởi thiện có thiện, muốn khởi ác có ác, muốn không có thiện, không có ác thì nó tắt mất để chúng ta yên ổn chỗ không sanh không diệt. Chúng ta an trú cảnh giới chân thật hiện tiền thì đời sống luôn được bình an, đó là chỗ thật của đạo. Xảy ra chuyện với chính mình, giống như người ta vung tay đấm vô hư không. Không dính dáng gì tới mình, không đủ sức khuấy động mình lên thì lúc đó chúng ta tu tốt, còn giả bộ làm hòa để nhịn chịu là sai.

Người nào đạt Vô sanh pháp nhẫn thường sanh về Phạm thiên, tức là sanh về những cõi trời cao hơn. Người cõi trời hiếm có cự cãi, càng thánh thiện chừng nào thì tâm ít xáo trộn tranh cãi chừng đó. Người phàm phu nếu bị nhiễm một số thú tính thì còn tranh cãi hơn thua. Khi tâm hết tranh cãi hơn thua, hết tranh tụng với nhau thì tự động công phu đó đủ phước để chúng ta đi về cõi cao hơn.

Xa lìa sân hận thôi cũng được sanh về cõi trời. Càng xa lìa tâm sân hận chừng nào, tâm chúng ta càng thanh tịnh chừng đó và sẽ được đi đến cõi cao hơn. Cõi trời càng cao chừng nào thì càng ở sâu trong thiền định chừng đó, chỉ có cõi trời Tứ Thiên Vương là ít định. Cõi trời Dục giới thấp nhất trong tất cả các tầng trời, tùy theo phước của mình mà được sanh giữa cõi trời hay sanh biên địa cõi trời. Qua cõi

trời Đao Lợi thì định ít không thể vô được. Cõi trời Đâu Suất thì vừa có phước vừa tu tập mới về được. Đa số các vị tu tập có đạo hạnh tốt, làm lợi lạc nhiều chúng sanh và có định sâu thì mới về được cõi trời Đâu Suất. Không có thiền định thì không cách nào về cõi trời Đâu Suất.

Chúng ta niệm Phật cũng phải đạt được cảnh giới định sâu mới được sanh cõi trời cao. Định càng sâu chừng nào được sanh cõi trời cao chừng đó, còn loạn tâm thì khó có thể rời cõi này. Khi sạch hết ngũ dục chúng ta đạt được thiền ban đầu là Ly sanh hỷ lạc, lìa sự tăng trưởng đắm trước nơi tài, sắc, danh, thực, thùy mới được sanh về cõi trời. Người nào còn dính trong ngũ dục thì khó về.

"Đó là tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán".

Đây là cảnh giới của tâm. Nhưng thực sự đối với chúng ta thân tâm là hợp nhất, thân tâm không khác nhau. Cho nên tâm thanh tịnh thì thân tướng trang nghiêm, còn tâm bất an thì thân tướng không trang nghiêm.

Trong Kinh diễn tả Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Tất cả những danh họa hay những nghệ nhân muốn đắp hình tượng Đức Phật thì họ luôn nghĩ tới điều gì đẹp nhất, trang nghiêm nhất. Chúng ta cũng vậy, khi đứng trước hình bóng Đức Phật, chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp thanh thoát của một vị Thánh nhìn hoài không chán. Cái đẹp thế gian nhìn lâu thì chán, còn cái đẹp của chư Phật, Bồ Tát, các vị Thánh càng nhìn càng nhận được năng lực từ bi, sự mát mẻ an lạc của các Ngài toát lộ. Người tu tập tốt tâm không sân hận, đến khi thành Phật được thân tướng tốt đẹp trang nghiêm, người xem không chán.

VĂN KINH

10. Tà kiến

Lại nữa Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến thì sẽ được thành tựu mười pháp công đức. Những gì là mười? Một: Được ý vui chân thiện, bạn hữu chân thiện. Hai: Tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng, trọn không làm ác. Ba: Chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần khác. Bốn: Tâm ngay thẳng, thấy biết chân chánh xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung. Năm: Thường sanh thân trời người, không rơi vào đường dữ. Sáu: Phước tuệ vô lượng lần lần thêm nhiều. Bảy: Xa hẳn đường tà, thực hành Thánh hạnh. Tám: Chẳng khởi thân kiến, bỏ các nghiệp ác. Chín: Trụ tri kiến vô ngại. Mười: Không bị các tai nạn.

Ấy là mười. Nếu hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, mau chứng tất cả pháp Phật, thành tựu thần thông tự tại.

Tà kiến là một trong mười Tập nhân của Tập đế: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến. Tà kiến là khi chúng ta ở vào trạng thái trí tuệ chưa đủ để hiểu về chân lý như Tứ Diệu Đế, lý Nhân Duyên, lý Nhân Quả … chúng ta không đủ chánh kiến để thấu hiểu.

Với người bình thường, họ có thể thấy thân này sau khi chết thì không còn gì, hoặc chúng ta hiểu lý Vô Thường là mọi việc qua rồi mất. Thậm chí những người tu tập thấy những ý niệm xảy ra trong tâm của mình nó qua rồi mất, nên phải dụng công để diệt trừ. Nghĩ mình sẽ dùng pháp này pháp nọ, hoặc ngồi thiền quán sổ tức, quán bất tịnh, quán như huyễn để đè bẹp những ý niệm đó. Hoặc có lúc tâm chúng ta yên tịnh, nghĩ rằng mình đã diệt trừ tất cả

những ý niệm rồi. Người nào còn kiến giải đó xem như rớt vào đoạn kiến, đó là kiến giải của ngoại đạo.

Còn có người thấy các pháp còn hoài. Ví dụ, chúng ta được sanh ra làm người thì khi chết mình sẽ được sanh ra làm người nữa. Làm người thì mãi mãi làm người, làm con thú thì mãi mãi làm con thú, làm thần Thánh thì mãi mãi là thần Thánh không thay đổi, như vậy là rớt vào thường kiến. Cả hai cái nhìn thường kiến và đoạn kiến được xem là cái nhìn của tà, chưa đủ chánh kiến của Phật đạo. Người có đủ chánh kiến Phật đạo không bao giờ thấy có thứ gì nó qua rồi mất và không thấy thứ gì nó thường còn.

Một ý niệm xảy ra nơi đầu của mình, theo bình thường chúng ta thấy nó mất đi nhưng thực sự nó không mất. Do đó, khi Đức Phật chứng Túc mạng thông thì Ngài thấy hằng hà sa số kiếp về trước của mình. Những vị Thánh Tăng đệ tử của Đức Phật, thấy được khoảng tám mươi bốn ngàn kiếp trở về đây. Còn riêng Đức Phật thì thấy hơn tám muôn bốn ngàn kiếp. Cho nên, những kiếp sanh tử của tất cả chúng sanh muôn loài khắp mười phương pháp giới, đã từng trải qua những đời sanh tử nào, Đức Phật thấy rất rõ, hoặc các vị Thánh thấy rất rõ, thấy mình sanh ở nhà nào, con ai, tên gì, là trai hay gái, đẹp hay xấu, lùn hay cao, đen hay trắng, lớn lên học ngành gì, làm nghề gì, bệnh hoạn gì, chết lúc mấy tuổi v.v…

Nếu những điều gì qua rồi mất thì không bao giờ các vị Thánh thấy được kiếp trước của mình. Thật ra những kiếp trước của mình không phải là sanh ra được làm người, mà có những kiếp chúng ta đã từng lên cõi trời, đã từng ở trên đó rất lâu. Chúng ta cũng đã từng xuống địa ngục A Tỳ ở đó không biết bao nhiêu kiếp. Tức là trong lục đạo luân hồi chúng ta gần như đã dạo đủ không thiếu. Chúng ta đã

từng hưởng những sự vui tột bậc của cõi người, cõi trời và cũng từng chịu sự khổ tột bậc của các cõi xấu. Chúng ta cũng từng tu tập, đã từng theo tất cả những đạo giáo này, đạo giáo kia nhiều lắm, cho tới giờ phút này mới có duyên lành ngồi trong Tam Bảo để học Phật. Nhưng nếu ngay tại đây, chúng ta không thoát khỏi tà kiến thì chưa chắc gì đời sau còn được theo Chánh pháp. Về lý vô thường khó có người nào thoát khỏi đoạn kiến và thường kiến.

Bây giờ lần lần khoa học cũng chứng minh được là âm thanh nói ra không mất. Ví dụ, mình nói tiếng Phật vừa xong, tiếng Phật không còn, nhưng sự rung động sóng âm này còn mãi mãi trong không gian, không bao giờ mất. Nó không dừng trụ tại đây nhưng nó mãi mãi vang động trong không gian. Trong tương lai khoa học phát triển, họ sẽ chế một loại máy đo được rung động sóng âm của mình ngay tại đây. Hoặc họ đo được rung động sóng âm trong não bộ của mình khoảng 50 độ hezt và họ rà ngược lại trước đây một tiếng đồng hồ mình nghĩ điều gì. Rồi họ phóng đại sóng âm đó ra trở thành ngôn âm như mình nói chuyện ở đây. Nếu trước đây mình bàn chuyện lén lút họ không cần đánh đập điều tra mình nữa. Họ chỉ cần đo sự rung động não bộ của mình rồi phát lại cho mình nghe là mình phải nhận tội. Đó là cách điều tra an ninh sắp tới.

Họ rà được tới mức độ cùng là người nam tới năm tuổi thì nó bị mờ. Vì lúc đó sóng thức chúng ta hoạt động chưa có đủ để thâu nạp hình ảnh âm thanh vào. Với người nữ thì bốn tuổi, cho nên có những đứa bé gái khi lên bốn tuổi nó muốn học hiểu hoặc ghi nhận. Nó hỏi cái này là gì vậy mẹ, cái kia là gì vậy cha, nó hỏi thôi, mình trả lời chính xác hay không nó không cần nghe nhưng hỏi nó cứ hỏi. Tức là não bộ của nó bắt đầu hoạt động để chuẩn bị ghi những

hình bóng âm thanh vào. Tới khi vào bào thai thì khoa học mò chưa ra. Chỉ trừ những bậc chứng Thánh các vị có thể thấy vượt qua khoảng mờ này, để nhận biết mình ở kiếp trước.

Trong Kinh nói, sau khi chúng ta chết sẽ mang thân trung ấm, đó là thân chưa đi vào bào thai. Thân trung ấm được sống trong không gian với dạng không có hình sắc, không phải là vật chất nên mắt thường không thể thấy. Nhưng người cõi âm thấy được và bậc Thánh thấy được. Thân chúng ta như thế nào thì thức hình thành thân trung ấm giống như phút chúng ta rời thân. Ví dụ, chúng ta là bà già tám mươi tuổi lụm khụm đi không nổi khi chết thì thân trung ấm nó mang thân kiểu đó. Trừ trường hợp trong lúc đám tang, hoặc trong khoảng bốn mươi chín ngày có vị Hòa thượng, Thượng tọa nào khéo biết khai thị rằng: "Tất cả mọi người đều như nhau, thần thức mạnh khỏe, không phải giống như thân cũ thì họ thoát khỏi thân già yếu lụm khụm kia, họ mạnh khỏe bình thường lại". Hoặc người chết bị cụt tay thì họ mang thân trung ấm cụt tay, khi được Thầy khai thị đàng hoàng thì tay họ có trở lại.

Do thần thức chấp trước, nên cuối cùng khi rời thân họ mang thân nào thì họ mang thân trung ấm đúng với thân đó. Ở trong cõi đó được gọi là cõi âm, sau bốn mươi chín ngày tùy nghiệp thọ sanh. Trong Kinh nói có hai dạng: "Nghiệp cực thiện thì sau khi chết sanh về cõi trời liền, còn nghiệp cực ác thì sau khi chết đọa địa ngục A Tỳ liền, còn lại là đều phải mang thân trung ấm". Có rất nhiều người không đủ nghiệp làm người, không đủ phước lên trời và họ không đủ tội để đọa xuống cõi thấp thì họ mang thân trung ấm. Họ ở luôn cõi âm, mình gọi cõi đó là cõi ma quỷ theo từ thế gian.

Đức Phật nói mỗi người khi bỏ thân mạng này mà đời sau được làm người trở lại cực kỳ khó, không dễ gì mang thân trở lại. Phút cha mẹ gần nhau phát ra một loại lửa dục thu hút hàng triệu triệu thần thức lại, chúng đánh đấm, giành giật nhau để được chun vào thai bà mẹ. Lúc đó nếu mình với cha mẹ có nghiệp quả với nhau tự động có đường dây riêng, đó là nghiệp kết nối của cha mẹ với thần thức. Còn những thần thức ngoài kia chúng đánh lộn xong rồi thôi tự động tan biến.

Phút chốc thần thức chạm tới tử cung bà mẹ thì một lần chết nữa, chết thân trung ấm gọi là hậu ấm. Hậu ấm là tiền thân mới của mình. Phút giây đó hoàn toàn quên hết mà nhân gian gọi là "ăn cháo lú" nhưng thật sự không phải ăn cháo lú. Ví dụ, mình là Nguyễn Văn A thì dù có chết một ngàn năm ở cõi âm khi nghe kêu tên Nguyễn Văn A mình vẫn tới. Nhưng phút nhập thai là mình chết đi cái tên Nguyễn Văn A, mình nhận tế bào đầu tiên là noãn cầu và tinh trùng kết hợp lại rồi nhận đó là mình. Đó gọi là chết đi để quên kiếp trước chứ không nó sẽ bị lẫn lộn.

Thần thức lúc này nhận trứng noãn này là mình, mặc dù mình chưa có danh tánh. Có thức rồi mình mới duyên với thân, bắt đầu danh sắc mới hình thành, mình chấp nhận danh sắc mới là mình và quên Nguyễn Văn A cũ. Mặc dù phút chốc đó mình chết đi tên Nguyễn Văn A, nhưng bao nhiêu nhân quả nghiệp báo trong đời trước mình mang hết vô đây để mình lớn lên với nhân quả nghiệp báo mới của mình. Như vậy, khi một con người chết là hoàn toàn không có mất thứ gì thuộc về tâm, nhưng thân tứ đại này nó mất để hình thành thân tứ đại mới theo chiều nhân quả nghiệp báo mới của mình. Không phải chết là hết, điều này lần lần khoa học cũng chứng minh được.

Cho nên, ai có kiến giải sai lầm cho rằng thân này còn hoài là sai. Khi chúng ta chết nếu nhân quả nghiệp báo thấp hơn cõi người thì theo nghiệp đi xuống cõi thấp, còn cao hơn cõi người thì theo đó mà lên cõi trên. Nếu ngang cõi này chúng ta mới được thọ thân làm người, không phải làm người là làm người hoài, như vậy là phá được thường kiến. Nếu mình hiểu sau khi chết mang thân trung ấm còn đi trong sanh tử sắp tới nữa thì phá được đoạn kiến, người đó mới thoát khỏi tà kiến của tà ma ngoại đạo.

Nếu cho rằng khi mình chết mà tụng Kinh niệm Phật được Phật rước về Tây Phương Cực Lạc, vậy thì mình được rước là cái mình nào? Người nào được rước? Ai được rước? Rước đi bằng cái gì? Chúng ta được Phật rước là rước cái gì đi? Chúng ta có hiểu hết điều này không? Đặt lại vấn đề này rất nhiều người lúng túng, nhưng chúng ta phải khẳng định rõ ràng khi bỏ thân xác này thì thọ, tưởng, hành, thức vẫn còn nguyên. Thức uẩn là cái nhận định đúng sai hay dở, để chúng ta được theo đường tốt hay theo đường xấu. Đó là do công phu tu hành của chúng ta ở hiện tại này. Để rồi thần thức mình được thọ nhận nhân quả đúng với việc nó đã tạo trong suốt một đời này thì theo đó mà thọ sanh.

Khi chúng ta đi về cõi này, cõi kia, dùng từ của đạo Phật là thần thức của chúng ta mang thức ấm, mang hành ấm, mang tưởng ấm đi theo dòng sanh tử tiếp nối. Như vậy, khi chết chỉ thay đổi hình dáng thân này để thọ nhận thân khác trong sanh tử tiếp nối, cứ tiếp nối nhưng không giữ vị trí cũ. Có khi thức chúng ta tràn ngập nghiệp thiện trong một đời này, có khi thức chúng ta mang đầy nhân quả ác để thọ nhận đời sau.

Học nhân quả chúng ta sẽ hiểu được rất sâu về sanh tử của mình tiếp nối như thế nào. Hình thành "có không"

tiếp nối như thế nào để chúng ta phá được kiến giải đoạn kiến, thường kiến. Tà kiến rất khó phá đối với nhân loại, do đó chúng ta thường đi vào con đường phá vỡ chánh kiến của mình. Cái thấy đoạn kiến, thường kiến nếu chúng ta không nhìn ra, không hiểu thấu thì công phu tu hành của chúng ta vẫn không đạt được đỉnh cao của tâm linh.

Người tu tâm không tà kiến sẽ được mười lợi lạc.

"Một: Được ý vui chân thiện, bạn hữu chân thiện".

Khi thoát khỏi tà kiến thì cái vui của chúng ta không còn giống như người thế gian nữa. Người thế gian thì lấy ngũ dục tài, sắc, danh, thực, thùy làm vui nhưng không phải là vui chân thiện. Vui chân thiện đối với đạo Phật là vui thoát khỏi tà kiến, tâm chúng ta an thì thoát khỏi sự vướng mắc trần tục. Cảm thấy an lạc, đó mới là cái vui chân thiện mỹ thực sự của người tu.

Đối với đạo Phật, vui chân thiện hết sức tuyệt diệu. Nếu người xuất gia và người tu tập không có vui chân thiện thì không giữ người này ở trong đạo bền. Vì ngũ dục lạc là sức hấp dẫn, nó cuốn hút mãnh liệt và nó cũng phá vỡ đạo hạnh của người tu, người Phật tử cũng vậy. Nếu ngày nào chúng ta tu chưa nghe an lạc, còn lấy ngũ dục làm vui thì sẽ khó giữ được đạo lý nơi mình.

Khi có cái vui chân thiện ngoài tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đó là sự an lạc thù thắng nơi tâm mình. Lúc đó, chúng ta sẽ có bạn bè chân thiện, mình không còn kết thân với người tranh tài, tranh sắc, tranh danh, tranh lợi, tranh ăn uống, tranh ngủ nghỉ. Cả đời mình luôn luôn vui tươi an lạc, còn cái vui khác đều là cái vui của sự náo động.

Có tiền chúng ta vui thì tâm cũng loạn, có danh, có sắc đẹp chúng ta vui thì tâm cũng loạn. Đó là những cái bên

ngoài đến, không phải là cái vui chân thiện. Cái vui chân thật và thiện lành xuất phát từ nội tại, tự mình tu tập, tự tạo sự bình an cho chính mình thì cái vui đó mới chân thật, bền bỉ, lâu dài và đẹp đẽ. Còn cái vui người khác mang tới cho mình thì hôm nay vui họ cho tiền mình, nhưng không vui họ không cho tiền thì mình bất an. Hoặc họ vui thì gán cho mình cái danh nào đó đẹp đẹp, họ ghét thì gán cho mình cái danh xấu xấu thì mình cũng bất an. Khi chúng ta tu tập thoát khỏi tà kiến thì tự tâm chúng ta sẽ an, lúc đó sẽ sanh hỷ lạc nơi tâm của mình, đó mới là an vui chân thiện.

"Hai: Tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng, trọn không làm ác". Người nào nghĩ mình có thể tạo ác được, có thể làm khổ người khác được thì biết rằng ngày giờ đó mình chưa hiểu thấu nhân quả. Khi hiểu thấu nhân quả rồi, nói nửa lời ác còn không dám nói, một chút khởi nghĩ ác họ không dám khởi, vì họ biết một tác ý của họ là có nhân quả. Trong Kinh Địa Tạng, Đức Phật nói chỉ cần một tác ý thôi là có nhân quả để đưa chúng ta tới cõi lành hay cõi dữ.

Bây giờ khoa học phát triển, họ cũng chứng minh được điều này. Mỗi một khởi nghĩ của mình tốt hay xấu, phát ra một loại sóng mà mắt thường mình không thấy, nó sẽ sanh ra một loại màu. Nghĩ thiện với lòng từ bi thì có màu trắng và có hào quang, còn nghĩ ác nó sẽ phát ra một loại khói màu đục nâu sẫm, ác nữa thì màu đen. Loại khói đó sẽ quyện xung quanh thân chúng ta mà trường sinh học gọi là khí quyện. Đó là phách, nó giống như hình thể thân này, sau khi chúng ta chết thì hình đó còn nguyên.

Sở dĩ chúng ta có khí quyện này là do sự chấp trước ngay buổi đầu của mình, thành ra muốn phá vỡ chấp thân rất khó. Với tâm bảo thủ chấp trước, mình tự động nhận tế bào đầu tiên là mình thì nó sẽ có một chút năng lượng. Năng

lượng đó có một tia sáng nhỏ để bao bọc tế bào ban đầu, tế bào thứ hai chấp trước cũng tạo thành ánh sáng bao quanh tế bào đó. Cho tới khi thân chúng ta tạo hàng tỷ tỷ tế bào thì bao nhiêu tế bào gom lại thành vùng ánh sáng. Từ cái ảo ngã tế bào nhỏ cho tới hằng hà tế bào được kết hợp lại thành ảo ngã tổng thể là thân mình, phải tu công phu dữ lắm mới phá nổi.

Kèm theo nó phát ra một loại khí, nó sẽ quyện xung quanh mình, nếu người nghĩ ác nhiều thì nó lan tỏa thoát ra không gian bên ngoài. Chúng ta có thể thí nghiệm trong một phòng mỗi bên ba mét. Một người ngồi nghĩ ác và một người đang ngồi niệm Phật. Người niệm Phật trong khoảng mười lăm phút càng lúc càng nghe ray rứt khó chịu, ngột ngạt. Vì người bên cạnh nghĩ ác đã phóng ra từ trường một loại khí làm ngột ngạt người xung quanh.

Nếu toàn bộ chúng ta đều suy nghĩ thanh tịnh thì từ trường trong sáng và khí thanh tịnh lộ ra. Nó sẽ giúp những người xung quanh được nhẹ nhàng, mát dịu, an lạc. Khí đó lan tỏa ra không gian, nó đi hoài từ cõi này tới cõi kia. Như vậy, ý nghĩ chúng ta không phải qua rồi mất, mà nó dao động mãi trong không gian từ đời này qua tới kiếp nọ. Nó còn nguyên giống như một cuồn phim dài nhiều tập. Vì vậy mà khi chứng quả là họ có thể phăng ngược về trước.

Chúng ta chưa từng mất ý niệm nào từ vô lượng kiếp cho tới giờ, nhưng nó không trụ mãi trong tâm thức chúng ta mà nó vang động bên ngoài đời này kiếp nọ. Khi chúng ta khởi thiện thì tâm thức phát ra không gian một vùng từ trường sáng. Có những cõi họ rất đau khổ mà một ý niệm thiện, hai ý niệm thiện, nhiều ý niệm thiện của mình phát ra sự êm dịu chạm tới tâm thức họ. Họ được nhẹ nhàng trong khoảng năm giây thôi thì mình có được chút phước.

Nếu mình thường xuyên nghĩ thiện thì phước báo mình tăng trưởng mỗi ngày mỗi lớn.

Không phải nó chạm tới người này rồi mất, mà nó chạm tới cõi âm khác, chạm tới cõi xấu khác, chính cái sáng sẽ tan được cái tối. Cho nên nó được chạm nhau để trung hòa trong dòng vũ trụ này. Do đó, ý niệm thiện của mình sẽ đến những cõi ác nhiều chừng nào thì phước báo chúng ta càng lớn lên chừng đó. Vì vậy, trong Kinh nói một câu niệm Phật tiêu được hằng hà sa số ức tội.

Có nhiều người tu tập không kỹ gặp chuyện hoạn nạn hoài là do bên ngoài mình giữ hình thức tu, nhưng bên trong ý niệm thiện chưa đủ. Họ luôn nghĩ điều xấu, chưa có gột rửa được tâm niệm xấu thì nhân quả xấu luôn tới và họ bị tổn phước lành. Người nào còn làm khổ người khác thì biết người đó chưa hiểu nhân quả. Vì một ý nghĩ ác sẽ đi mãi trong không gian thì tạo vô lượng tội cho mình và phước báo mình bị giảm.

Mình tưởng rằng mình nghĩ ác thì không ai biết, điều nghĩ đã qua nhưng xin thưa là không mất. Chỉ khi nào mình hiểu đúng về nhân quả, hiểu thoát được thường kiến và đoạn kiến mới thấy một ý nghĩ ác đủ để mình xuống cõi xấu. Khi nào có nhiều ý niệm thiện chúng ta mới gỡ từ từ, mới giữ được ý thoát khỏi nghiệp ác, miệng thoát khỏi lời nói ác và thân thoát khỏi hành động ác. Hiểu sâu nhân quả là chúng ta phải tu rất kỹ, phải đủ kiến giải, đủ chánh kiến về nhân quả thì xã hội này sẽ tốt liền.

Nhiều khi mình vừa thọ ơn, vừa có tác ý xấu thì làm tổn phước lành của mình. Nhất là người đã thọ ơn mà không biết tri ơn, tâm ngạo mạn làm tổn phước nhiều nhất. Lúc nào cũng thấy mình hay, mình giỏi, mình tài, mình đúng thì rất khó gỡ. Chính điều đó làm phước báo chúng ta bị tổn

giảm trong mỗi ý niệm.

"Ba: Chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần khác"

Những dạng thần đối với đạo Phật vẫn xem là tà, mặc dù những vị thần đó có năng lực. Nhất là những người làm ăn buôn bán thích được sự phò trợ của những người cõi âm. Họ đâu biết trong tam giới không ai phước đức bằng Đức Phật. Nếu đủ lòng tin Tam Bảo thì chúng ta chỉ thờ Phật là đủ. Vì Phật ở đâu là có Long Thiên Hộ Pháp hộ trì tới đó. Ngoài Đức Phật và các vị Long Thiên Hộ Pháp ra, trong cõi này chưa chắc ai hơn.

Cho nên, chúng ta có làm ăn buôn bán, nếu đủ lòng tin Tam Bảo thì không cần phải cầu cúng vái lạy tứ phương. Mọi chuyện được hay mất là do nhân quả, có phước báo mình sẽ giàu lên, còn nghèo là do mình tổn phước. Có người được ông thầy cho mình lá bùa về làm ăn phát đạt, mình nói ông thầy này giỏi. Nhưng thực sự không phải mà lúc đó là phước báo chúng ta đang lớn, nếu không gặp thầy đó mình cũng vậy.

Có những đoạn chúng ta làm ăn sa sút là do nhân quả đời trước mình làm gì tổn phước thì nên hiểu rằng đoạn đó mình phải trải qua. Do đó mình phải tạo phước lành mới để vượt qua chớ đừng chạy kiếm thầy tà để cúng. Những vị này có khi cũng có thể giúp mình được nhưng đã thọ ơn tà thần quỷ vật rồi chúng ta không biết đường trả sao cho đủ. Lần lần họ sẽ lôi cuốn mình lún sâu vào con đường danh lợi tiền tài, sẽ quên đi Phật đạo. Trong Kinh Đức Phật nói nếu chúng ta nghĩ thiện thường xuyên thì phước báo tăng trưởng, tự động mọi thứ trong cuộc sống theo đó mà yên ổn. Còn hay nghĩ ác một phần là do nhân quả cũ tới chiêu cảm để mình nghĩ xấu và làm điều xấu ác, phước tổn nên công việc làm ăn của mình sa sút.

"Bốn: Tâm ngay thẳng, thấy biết chân chánh xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung". Kiết hung là bói toán xem năm nay mình hên hay xui, tháng này mình tốt hay xấu, sao gì hạn gì, phải cúng cái gì. Đức Phật nói nếu tâm chúng ta ngay thẳng và thấy biết chân chánh thì người đó đã thấu hiểu về nhân quả nghiệp báo. Tốt xấu đều là nhân quả do mình đã tạo nhiều đời nhiều kiếp. Ngay trong đời này chúng ta đã tạo nhân quả xấu tốt cho nên mới gặp chuyện xấu, chuyện tốt. Hiểu đúng đắn như vậy rồi thì không cần phải tốn tiền cho thầy bói.

Người xưa có câu: "Có tiền thì giữ bo bo, đem cho thầy bói ôm lo về nhà". Nhiều khi xem bói thầy phán coi chừng tháng sau bị nạn, nghe vậy mình hoảng quá không có tiền cũng ráng mua cho được cái đầu heo để cúng. Cúng xong lo lắng không biết mình cúng như vậy nó qua chưa, tháng sau qua bói lại lần nữa. Như vậy cả đời cứ đi nuôi ông thầy bói, đó là điều không hay.

Khi tâm thoát khỏi tà kiến tự động chúng ta sẽ thoát khỏi kiết hung, ngờ vực, lo lắng, sợ hãi, tốt xấu. Đức Phật nói*: "Muốn biết nhân quả đời trước phải xem đời sống hiện tại, muốn biết nhân quả đời sau cũng xem đời sống hiện tại của mình"* nên không cần coi bói.

"Năm: Thường sanh thân trời người, không rơi vào đường dữ". Khi thoát khỏi tà kiến chúng ta được sanh cõi lành, không sanh cõi ác nữa. Còn người vướng vào tà kiến, dù người đó là ai cũng vẫn phải đi ba con đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Dù là vị thầy giảng rất giỏi nhưng rớt vào tà kiến và thường kiến thì vị đó vẫn đi xuống chớ không thể đi lên được. Khi học đạo chúng ta cố gắng lắng nghe xem những tư tưởng đó thuộc về tà kiến hay đoạn kiến. Những tư tưởng đó đã thoát khỏi tà kiến hay đoạn

kiến chưa, đó là chánh kiến của mình.

Người Phật tử học đạo mà không đủ trí tuệ minh định giáo lý, bài giảng hoặc những quyển sách có thoát khỏi thường kiến, đoạn kiến chưa mà vội tin theo thì rất nguy hiểm. Người tu tập đúng, có kiến giải chân chánh và thoát khỏi tà kiến thì người đó luôn được sanh cõi người hoặc cõi trời. Người đủ phước để đời sau làm người hoặc sanh lên cõi cao hơn cõi người thì người đó đã thoát khỏi tà kiến. Chúng ta đã quy y Tam Bảo mà chưa thoát khỏi thường kiến, đoạn kiến thì ba con đường xấu vẫn còn mở cửa.

Ngài Bá Trượng vừa giảng thuyết xong, thính chúng Tăng Ni và Phật tử về hết thì có một ông già ở lại. Ngài Bá Trượng cũng ngồi lại vì biết duyên đã tới rồi. Ông già đảnh lễ Ngài rồi thưa: *"Con có một gút mắc xin Hòa thượng khai thị cho con"*. Ngài hỏi: *"Chuyện gì?"* Ông kể: "*Ngày xưa con cũng là một Pháp sư đang giảng Pháp thì có một người đứng lên hỏi là người đại tu hành có rơi vào nhân quả hay không?" Con trả lời: "Không!" Cho nên bị đọa làm chồn năm trăm kiếp, kiếp này là kiếp cuối cùng. Xin Hòa thượng từ bi khai thị cho con để con thoát khỏi kiếp chồn".* Ngài Bá Trượng nói: *"Ngươi hỏi Ta đi"*. Ông đặt lại câu hỏi: *"Người đại tu hành có rơi vào nhân quả hay không?"* Thiền sư Bá Trượng trả lời: *"Không lầm nhân quả!"*

Người tu hành có trí tuệ chừng nào thì càng hiểu thấu nhân quả chừng đó, chứ không lầm. Vừa nghe câu đó là ông ngộ, hết kiếp làm chồn, ông mới đảnh lễ thưa ngài Bá Trượng: *"Xin Ngài giúp giùm con thêm một lần nữa, là Ngài làm đám tang con giống như đám tang một vị Tăng"*. Ngài Bá Trượng triệu tập đại chúng lại đánh trống thổi kèn làm nghi thức như làm lễ tang vị Tăng. Tăng chúng ngạc nhiên, chúng Tăng người nào cũng còn đủ hết, mỗi nhóm

kiểm tra không ai chết. Ngài Bá Trượng dẫn Tăng chúng đi ra sau núi vào sâu trong hang, Ngài lấy gậy khều ra xác một con chồn vừa mới chết. Ông già đó biến trở lại con chồn và chết đi sau khi được khai thị. Nhân quả rất dễ sợ, khi một người chưa thoát khỏi thường kiến và đoạn kiến, chỉ vì một câu trả lời sai thôi là mấy trăm kiếp đọa làm chồn.

"Sáu: Phước tuệ vô lượng lần lần thêm nhiều". Người thoát khỏi thường kiến và đoạn kiến luôn luôn tạo phước mỗi ngày mỗi lớn, trí tuệ khai thông. Tự động mọi hành động, cử chỉ luôn đúng chân lý, đúng Chánh pháp. Khi phước đức và trí tuệ tròn đầy mới chứng được Thánh quả, mới được thành Phật. Còn người phước kém, kém tuệ không thể chứng Thánh quả.

Muốn chứng được Phật quả thì phước đức và trí huệ phải song đôi, phải thực sự tròn đầy. Chỉ cần chúng ta thoát khỏi tà kiến, luôn giữ chánh kiến, thấy hiểu tới đâu là đúng Chánh pháp không bị lệch lạc là phước đức và trí tuệ vô lượng.

Ngài Huệ Năng an trí mẹ xong, liền từ giã ra đi, không hơn ba mươi ngày liền đến Huỳnh Mai, lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi: "*Ngươi từ phương nào đến, muốn cầu gì".* Huệ Năng đáp: *"Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lãnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác!"* Tổ bảo: *"Ông là người Lãnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật?"* Huệ Năng liền đáp: *"Người tuy có Nam Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác".*

Ngũ Tổ muốn cùng Huệ Năng nói chuyện, lại thấy đồ chúng hai bên đông, mới bảo theo chúng làm công tác. Huệ Năng thưa: *"Huệ Năng xin bạch Hòa thượng, tự tâm*

đệ tử thường sanh trí huệ, không lìa Tự tánh tức là phước điền, chưa biết Hòa thượng dạy con làm việc gì?" Tổ bảo: "*Kẻ nhà quê này, căn tánh rất lanh lợi, ông chớ nói nữa, xuống nhà trù đi"*. Huệ Năng lui lại nhà sau, có một người cư sĩ sai Huệ Năng bửa củi, giã gạo, trải hơn tám tháng.

Ngài khẳng định tự tâm Ngài thường hay sanh phước đức, trí Ngài luôn tạo phước điền chứ không phải việc công quả bên ngoài. Ngũ Tổ thấy rõ ràng là vị này có kiến giải chân chánh. Một người đã có kiến giải rồi thì lúc nào cũng tăng trưởng phước đức và trí tuệ. Thấy hiểu đúng rồi thì từng hơi thở một của mình đều lợi lạc khắp muôn nơi. Còn thấy hiểu sai thì dù có cố gắng làm chừng nào phước báo vẫn tổn giảm chừng đó. Người đầy đủ chánh kiến chỉ cần bố thí cúng dường một đồng xu nhỏ thôi, phước báo gấp ngàn lần người cúng số tiền lớn nhưng thiếu chánh kiến.

Có người đồn đãi tụng Kinh Kim Cang thì trong Chùa hay có nhiều chuyện lộn xộn là tại sao? Vì khi chúng ta động chuông động mõ là Long Thiên Hộ Pháp có mặt, quỷ thần có mặt. Người tụng mà tâm rối thức không hiểu được, Chư Thiên tới không phải nghe lời Kinh của mình, cũng như quỷ thần tới không phải để nghe lời Kinh của mình, mà họ hiểu qua thức của mình. Nếu thức mình khai thông bừng sáng thì ánh sáng đó sẽ làm Chư Thiên hoan hỷ và quỷ thần hoan hỷ theo.

Khi tụng Kinh Kim Cang mình không hiểu Kinh, cái gì cũng không, mình hiểu là không có cái gì, không có phước, không có tội, sẽ tạo vầng tối làm Chư Thiên và quỷ thần không hoan hỷ thì Chùa đó chắc chắn rồi. Khi chúng ta thoát khỏi tà kiến thì mọi chuyện bắt đầu khai thông. Tâm lúc nào cũng trong sáng thì những khởi nghĩ của mình trong sáng, làm cho các nơi các cõi trong sáng theo thì mỗi ngày

phước đức chúng ta mỗi lớn.

"Bảy: Xa hẳn đường tà, thực hành Thánh hạnh".

Chánh tà khó phân, người diễn đạt hay nhất là Kim Dung, chánh không rõ ràng là chánh, tà không rõ ràng là tà, gần như lẫn lộn. Những người mang danh chánh phái thì lại làm việc tà vạy, những người tà phái thì làm việc nghĩa hiệp để cứu đời.

Nhưng đối với Ngô Thừa Ân thì người chánh kiến chuẩn rất cao. Trong truyện Tây Du Ký, sau khi Tôn Ngộ Không lật đổ Ngũ Hành Sơn thì có thêm tên Tôn Hành Giả. Từ hành giả dùng trong đạo Phật là người thuộc về cao thủ, những vị đáng cho chúng ta lễ lạy cúng dường. Nhưng cũng có những người hiểu lầm chữ hành giả, nghĩ mình tu đạo Phật, tọa thiền, tụng Kinh. Lâu nay viết quyển sách mình cũng ghi ở dưới mình là hành giả. Xin thưa chưa phải.

Trước đó Tôn Ngộ Không tên là Hầu Vương là vua của loài khỉ. *(Con khỉ ý thức là thức thứ sáu của mình).* Sau khi Hầu Vương học đạo với ngài Tu Bồ Đề ngộ "lý không" được đặt tên Tôn Ngộ Không. Mới đập phá thiên đường và xóa sổ địa ngục, không còn đi theo hai con đường thiện ác nữa. Nhưng chưa một lần ngũ uẩn giai không, chưa phá vỡ ngũ uẩn thì chưa được gọi là hành giả. Con khỉ bị nhốt lại trong Ngũ Hành Sơn suốt năm trăm năm, ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi, trần gian này trở thành vô nghĩa. Nó không còn chạy theo ngũ dục làm vui nữa, lâu lâu mới có một trái cây lăn tới để ăn, có nghĩa lúc đó nó quên công phu.

Đến khi Tam Tạng vừa gỡ lá bùa trên đỉnh Ngũ Hành Sơn, tức là "thức" thiết tha tu hành chấn động tới Hàm tàng thức, phá tận nguồn thức vi tế trong A lại da thức để chuyển Hàm tàng thức thành Bạch tịnh thức. Bạch tịnh thức thấy

được sự dính mắc trên đỉnh đầu ý thức là lá bùa thì con khỉ lật được Ngũ Hành Sơn và bừng ngộ. Lúc đó là ngũ uẩn giai không, Tề Thiên có thêm tên mới là Tôn Hành Giả.

Tu đạo Phật phải đạt tới đỉnh điểm này mới gọi là hành giả. Chưa một lần "ngũ uẩn giai không" thì đừng bao giờ xưng mình là hành giả, coi chừng bị lầm và rớt vào đại vọng ngữ. Tức là chưa chứng Thánh mà xưng mình chứng Thánh. Người hành giả tương đương với vị Thánh. Cái chuẩn hành giả trong đạo Phật rất cao.

Phải xa hẳn đường tà, những tà kiến nhỏ nhiệm nhất nơi tâm phải tan biến hết thì chúng ta mới bắt đầu thực hành Thánh hạnh. Khi đó đi, đứng, nằm ngồi, nói năng, động tịnh của chúng ta là hạnh của bậc Thánh. Tà kiến thấy vậy mà khó phá, phá được tà kiến là thành Thánh. Lúc đó, những ý nghĩ, lời nói, việc làm đều là lời nói, ý nghĩ, việc làm của bậc Thánh, không còn là phàm phu nữa.

"Tám: Chẳng khởi thân kiến, bỏ các nghiệp ác". Thân kiến là chúng ta chấp thân này là thật, thân này là quý, thân này là số một cho nên lo cho thân, bồi bổ thân là chúng ta bắt đầu tạo ác.

Ví dụ, muốn cho thân mình sung sướng, ăn ngon, mặc đẹp thì mình phải có tiền. Có tiền thì phải làm việc này việc kia, trong việc làm đó những kiến giải quanh thân kiến sẽ tạo cho chúng ta nhiều nghiệp ác. Do đó, người tu thoát khỏi tà kiến không còn thấy thân này là thật, thấy đúng thân là duyên hợp giả có thì lúc đó mới thoát khỏi thân kiến.

Chúng ta có thể thấy thân mình không thật, nhưng ai thử đánh mạnh vô thân mình một cái thì biết liền. Hoặc lúc bệnh nặng sắp chết, lúc đó mình mới thấy kiến giải hiểu biết của mình chưa phá được thân kiến. Phá thân kiến là phá kiết sử trong thiền định rất cao. Nếu chúng ta quý thân

này thì trước khi chết mình rất sợ hãi, sợ chết chóc làm cho tâm thức rối loạn. Rồi cố tình tìm thân của những đời kế tiếp là còn thân kiến. Còn chấp thân này là thật thì mình sẽ rớt vào sanh tử tiếp nối, rớt vào tà kiến và chúng ta có thể làm việc ác. Làm sao phá vỡ tà kiến nơi tâm của mình thì sanh tử tiếp nối hy vọng mới nhẹ nhàng tự do.

"Chín: Trụ tri kiến vô ngại". Khi phá được tà kiến thì có được chánh kiến, không còn ngần ngại bất kỳ một lý luận nào của ngoại đạo tà giáo, những đúng sai, kiết hung, hay dở v.v… Chúng ta không bị lung lay mà trụ vững nơi chánh kiến, thấy rõ tất cả mọi cái thông qua Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên. Thấu hiểu và thấy thân này, tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến không lầm lẫn nữa, mới trụ chánh kiến vô ngại. Chúng ta không bị sai lầm, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức đều thấy đúng Chánh pháp, không bao giờ bị phá vỡ, gọi là trụ kiến giải vô ngại.

"Mười: Không bị các tai nạn". Đây là điều đặc biệt. Khi chúng ta thoát khỏi tà kiến thì cái thấy biết, đi, đứng, nằm, ngồi, thậm chí chúng ta có thể biết được đường đi lối về của mình thế nào. Chúng ta thoát được tai nạn trong cuộc đời này, không bị chết yểu, không bị chết sớm, không bị tai nạn hoạnh tử v.v…

Khi chúng ta trụ vững chánh kiến thì đi đâu, ở đâu cũng có sự hộ trì của các vị Long Thiên Hộ Pháp. Được chư Phật mười phương chứng minh và bảo hộ. Cho nên khi xảy ra chuyện sẽ có một sự đỡ đần nào đó, hoặc nếu có xảy ra tai nạn thì ít bị nặng. Ví dụ, cùng một xe xảy ra tai nạn thì người tu tốt được thoát một kiểu rất lạ lùng. Còn người bị nạn thì lúc đó tâm thức họ bị sa sút công phu, bị rớt vào tà kiến. Hoặc họ nghĩ ác nên tâm thức bị loạn mà thần loạn

rồi thì nghiệp sẽ tới. Còn khi chúng ta có kiến giải tốt, trụ vững kiến giải vô ngại thì tâm thức chúng ta rất vững vàng. Khi tâm thức vững vàng thì nghiệp báo tới chúng ta có thể chuyển hóa được. Như chuyện ngài Ngộ Đạt Quốc Sư bị mụt ghẻ mặt người, chịu hành hạ suốt mấy năm. Đó là lúc Ngài đắm mê danh lợi, thích thú ghế trầm hương, tự thấy mình là thầy vua nên tâm sơ hở thì nghiệp chen vào.

Người tu tốt luôn giữ tâm mình đúng mực, nghiệp không có cơ hội quật ngã thì mình mới không bị tai nạn. Nếu tâm sơ hở thì nghiệp có thể tới với chúng ta bất kỳ giờ phút nào. Vì trong sanh tử nhiều đời nhiều kiếp chúng ta đã tạo nghiệp vô lượng vô biên. Do phước báo và công phu tu tập của mình còn đang tốt nên nghiệp không tấn công, không xảy ra tai nạn, nhưng nếu mình hở tâm coi chừng nghiệp báo sẽ tới. Nếu chúng ta xa lìa tà kiến, sống đúng chánh kiến còn thêm phước thì không bị tai nạn bất thường trong cuộc đời này.

"Ấy là mười. Nếu hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, mau chứng tất cả pháp Phật, thành tựu thần thông tự tại".

Chúng ta phải hết sức tỉnh táo rà soát lại xem mình còn bị rớt vào tà kiến không. Nếu còn thì phải tinh tấn tu hành và nghiên cứu cho kỹ giáo lý Đức Phật, để tự thoát khỏi tà kiến. Khi thoát khỏi tà kiến rồi thì bước kế tiếp mình có thể lên ngưỡng cửa Thánh Hiền và chứng Phật quả. Nếu tà kiến mà mình không thoát, không phá được kiết sử thì không thoát khỏi cõi phàm.

VĂN KINH

B. THẬP THIỆN VÀ BỐ THÍ

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Long Vương: Nếu có Bồ Tát nương mười nghiệp thiện này để tu hành: Hằng lìa

giết hại mà thực hành hạnh bố thí, nên giàu sang nhiều của báu không bị xâm đoạt, trường thọ không chết yểu, không bị tất cả oán tặc làm tổn hại.

Do lìa nghiệp không cố lấy của chẳng cho, lại tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không ai sánh kịp và thâu thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp.

Do lìa lỗi tà hạnh mà tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, trong nhà trinh thuận (vợ thủ tiết với chồng) mẹ và vợ con không ai đem lòng dục xâm phạm.

Lìa nói dối, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không bị nhục mạ, gìn giữ được Chánh pháp như bản nguyện và khi thực hành nhất định kết quả.

Lìa lời nói ly gián, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai xâm phạm, thân bằng quyến thuộc thuận hòa, cùng một ý chí vui vẻ, hằng không trái nghịch.

Lìa lời nói thô ác, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, tất cả hội chúng đều vui vẻ quy về, nói ra đều được người tin nhận không chống trái.

Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ), tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, nói không hư dối, người đều kính thọ, hay dùng phương tiện khéo léo đoạn dứt mọi nghi hoặc.

Lìa tâm tham cầu, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không bị chiếm đoạt, có vật gì đều đem ban cấp, tin hiểu vững chắc, đủ oai lực lớn.

Dứt lòng sân hận, tu hạnh bố thí, nên thường được của báu không ai chiếm đoạt, tự mình mau thành tựu trí vô ngại, các căn nghiêm trang tốt đẹp người thấy kính ưa.

Lìa lòng tà đạo, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng đường chúng Tăng, thường không quên mất tâm đại Bồ đề.

Đó là bậc Đại sĩ khi tu đạo Bồ Tát, làm mười nghiệp thiện, dùng hạnh bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn.

Sau khi Đức Phật nói lên mười lợi ích của tu Thập Thiện: Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân hận, tà kiến. Đức Phật tóm kết lại:

"Nếu có Bồ Tát nương mười nghiệp thiện này để tu hành: Hằng lìa giết hại mà thực hành hạnh bố thí, nên giàu sang, nhiều của báu không bị xâm đoạt, trường thọ không chết yểu, không bị tất cả oán tặc làm tổn hại".

Mỗi thiện nghiệp nếu kèm theo bố thí thì có những giá trị và lợi ích riêng. Chúng ta lìa nghiệp sát sanh mà còn tu hạnh bố thí thì sẽ được giàu sang, nhiều của báu, không bị xâm đoạt, trường thọ và không bị oán tặc làm tổn hại. Khi mình ngoài sáu mươi tuổi là thọ rồi, nhưng trường thọ là tám mươi tuổi trở lên. Nếu ai sống ngoài sáu mươi mà thân mạnh khỏe, ít bệnh tật thì biết phước báo nhiều đời nhiều kiếp chúng ta ít sát sanh. Nếu chúng ta không sát sanh mà còn bố thí thì được giàu sang, còn lớn tuổi mà chưa giàu sang thì biết nhiều đời chưa quen bố thí.

Của báu không bị xâm đoạt. Có những người vừa mới có tiền của là bị cướp bóc, bị tai nạn, bị con hư phá, do

chế độ nhà nước không tốt cướp đoạt, do lửa cháy, do nước trôi, do giặc cướp v.v... Nhưng nếu chúng ta có phước bố thí trong nhiều đời thì đời này sanh ra có của mà không bị năm nạn này. Còn người nào mới sắm được chiếc nhẫn, hoặc chiếc lắc đẹp mới đeo ra đường bị giựt là do nhiều đời chúng ta không quen bố thí. Hoặc mình có đồ đẹp quý trong nhà bị người khác dòm ngó, thậm chí là họ tước đoạt của mình. Tức là mình có công sức gầy dựng nên của cải vật chất, nhưng nó không phải của mình, nó là của thiên hạ thì mình phải trả lại nhân quả đó.

Nếu tu thiện nghiệp không sát sanh mà còn bố thí thì giàu sang sung sướng, của cải không bị xâm đoạt, mặc dù mình ngủ mở cửa cũng không ai thèm vô lấy của cải của mình. Mình có sự bảo hộ, không phải do quyền lực, không phải do có vệ sĩ đông, không phải do mình mướn công an giữ, không có chó becgiê, không có kín cổng cao tường mà sự bảo trì chính là phước báo của mình.

Người nào sợ mình mất của mất tiền thì người đó không hiểu nổi phước lực của mình. Nếu là của mình thì không ai lấy được, mà không phải của mình thì không cách nào mình giữ được. Người nào có tiền của bị mất mát giữa đường, bị hùn hạp làm ăn mất, bị buôn bán lỗ, bị cướp giựt, bị trộm cắp mà buồn khổ thì cũng chứng tỏ không hiểu về phước báo của mình.

Khi hiểu thấu về phước có điều rất lạ, về mặt kinh tế người phước lớn chừng nào thì tiền nhiều chừng đó và bình yên. Nhưng người phước kém lỡ vô tiền lớn là bị họa liền, bị tai nạn, bị chuyện này chuyện kia. Người có phước có tiền của họ xài rất bình yên, muốn mua cái gì vẫn mua được và họ xài rất yên ổn với số tiền họ đang nắm trong tay. Vậy thì biết rằng phước họ đủ để có thể sử dụng đồng tiền và

của cải vật chất đó trong đời này. Nhưng khi có đồng tiền lớn rồi mà bắt đầu bệnh hoạn, tai nạn, bị những chuyện khó khăn bất ổn xảy ra thì biết phước mình không đủ để có thể dùng đồng tiền lớn này. Chúng ta phải khéo dùng tiền đó tạo phước và phải làm sao để mình có đủ phước.

Có những người một giai đoạn họ có cơ hội làm ăn tiền bạc vô gần như hái trái trong vườn của mình. Rồi đến một lúc nó tuôn đổ hết thì biết rằng họ không phải là người có phước báo lớn mà được hái tiền của lớn. Bây giờ, nếu tiền của không đổ ra thì mình có khả năng mất mạng. Nếu người khéo hiểu biết về phước báo thay vì để đồng tiền thua lỗ, chúng ta sẽ đem tiền đó làm phước để giữ phước báo của mình. Có rất nhiều người kinh doanh lớn bị làm ăn thất bại, muốn khôi phục lại được thì phải có phát nguyện lớn, để phước mình lớn ngang tương đương số vật chất mình chuẩn bị thu vào thì công việc làm ăn mình mới thuận.

Trong Kinh kể cách xài tiền của ngài Cấp Cô Độc mà Đức Phật dạy: Đồng tiền chia làm bốn phần, phân nửa để lại tái tạo vốn làm ăn, một phần tư đi bố thí và cúng dường, một phần tư chia cho gia đình vợ con và tôi tớ. Vì thời xưa có những vị đại đệ tử Đức Phật giàu có, nhưng họ cũng rối rắm trong việc xử lý đồng tiền của mình. Vật chất trong trần gian này nó phải lưu động, đồng tiền qua mình mà mình giữ lại nó sẽ bị ứ trệ, dần dần phước mình cũng bị giảm. Làm sao để đồng tiền được lưu thông thì sẽ giữ nguyên phước lực của mình. Khi tiền bạc và của báu đến, mình vẫn quản lý được, vẫn gìn giữ được thì ngầm biết là phước mình có. Nhưng nếu nó vuột khỏi tầm tay mình không có cách nào giữ lại được thì biết phước báo mình không đủ để giữ. Cho nên phải khéo cho nó ra bằng chiều hướng tốt để tạo phước trong tương lai.

Trong đời sống đời thường chúng ta từng có kinh nghiệm gặp oan trái cũ, mình vẫn thương yêu giúp đỡ người đó. Nhưng mình lo lắng chừng nào họ oán hờn mình nhiều chừng đó, một điều rất lạ như vậy. Không phải đơn giản họ tới cho mình hao tiền tốn của. Không phải tự nhiên ông trời sắp đặt để người này tới đòi nợ mình, mà rõ ràng có nhân quả cũ do chúng ta có lần nào sát sanh trong quá khứ, là một lần gieo oán thù với một chúng sanh.

Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật nói: *"Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không mất, khi nhân duyên hội ngộ, quả báo hoàn tự thọ",* tức là chúng ta phải trả. Khi mình chạm đến những oán thù cũ, những oan gia trái chướng thì mình phải biết đó là nhân quả cũ. Cái khéo là chúng ta không tạo nhân quả mới cho oán hờn tiếp nối, còn oán hờn cũ thì nó sẽ tới chứ không thể chận được. Dù có tu cỡ nào nhân quả cũ vẫn phải tới, khéo hay không là ngang đây có thể hóa giải chuyển từ nặng thành nhẹ. Thay vì người ta tới có thể chửi mình năm ba câu rồi thôi là xong nhân quả cũ, nhưng mình nghe người ta chửi mình chịu không nổi rồi chửi lại thì chuyện sẽ lớn hơn. Nếu khéo tu, người ta có thể đòi mình bằng một hai lời nặng nhẹ mà mình tu được thì coi như chuyện đó xong. Mình cắt đứt được dòng nhân quả cũ.

Khi oán tặc tới làm tổn hại mình thì phải biết tu, nếu mình không tu thì nhân quả sẽ tiếp nối, còn tu thì coi như hóa giải được nhân quả ngay chỗ đó. Nghiệp sát sanh dính với mình không phải một đời. Nếu chúng ta còn đi trong dòng sanh tử này thì đương nhiên còn đối diện với nhân quả mà mình đã gây tạo. Ngày nào còn sống trong cuộc đời này thì ngày đó chúng ta còn sẵn sàng đối điện với tất cả nhân quả cũ.

Một lần chúng ta tạo quả báo xấu, có làm việc xấu, có nói lời xấu một đời, qua đời sau chúng ta quên, nhưng chuyện đó nó sẽ đến với mình bất kỳ lúc nào trong đời sống này. Mình không ngần ngại, không chạy trốn nhân quả mà sẵn sàng đối diện hóa giải nó. Mình ngầm hiểu rằng đó là chuyện của mình đã bày, mình muốn, mình tạo, giống như con mình đã sanh ra rồi thì nó nên hay hư mình phải chịu trách nhiệm. Nhân quả tốt xấu giống như mình đã đẻ nó từ nhiều kiếp. Bây giờ nó tới mình phải chịu trách nhiệm, nếu khéo thì sẽ vượt qua và hóa giải được, còn không là chúng ta sẽ than trời trách đất.

Thường trong đời sống chúng ta việc thuận lợi ít hơn chuyện rắc rối. Nội việc tranh giành với người buôn bán bên cạnh thôi thì vô tình chúng ta tạo sự khó khăn cho mình trong nhân quả. Có bao giờ mình giúp đỡ người khác làm ăn thuận lợi giống như mình đâu, luôn luôn sự phát triển của người này thì người bên cạnh sẽ đi xuống. Có nghĩa là dẫm lên một người để mình bước lên, kiểu làm ăn đó sẽ là rắc rối cho mình trong nhân quả kế tiếp. Đời này mình có duyên lành nhiều kiếp gom lại mình thông minh hơn người ta một chút, tính toán khôn lanh hơn người ta một chút. Nhưng chưa chắc đời sau mình hơn mà người ta lấn lướt hơn mình thì mình cũng khổ giống như mình đã gây khổ cho người ta trong đời này.

Làm sao người học Phật trong cuộc sống này đừng bao giờ vì lợi mình mà gây thương đau cho người khác. Chúng ta phải cố gắng khi mình được cái này thì người khác sẽ được cái gì tương ưng. Chứ không phải vì cái lợi của mình mà người khác phải đau khổ. Nếu mình được lợi thì người bên cạnh chúng ta cũng được lợi, người xung quanh được lợi. Như vậy, nhân quả là trong sanh tử tiếp nối

chúng ta luôn gặp chuyện thuận lợi trong đời sống của mình. Nếu mình được lợi mà xung quanh có người bất lợi thì biết trong sanh tử tiếp nối chúng ta sẽ gặp chuyện rắc rối.

Hiểu biết nhân quả rồi thì mình chuẩn bị sống tốt ngay trong cuộc đời này của mình. Làm sao mỗi lần mình có lợi là người xung quanh cũng có lợi. Tức là mình sẽ có thêm bạn, mình có lợi nhưng có người bất lợi thì mình sẽ thêm thù. Tốt nhất, chúng ta thêm bạn đừng thêm thù. Đời này họ không có khả năng hơn thua với mình, nhưng trong tâm thức của họ sẽ lưu giữ những hành động, những việc làm, những cử chỉ mình gây khốn khó cho họ. Nên khi họ đối diện với mình đời sau thì nghiệp cũ bắt đầu nổi lên, tâm thức cũ nổi lên sẽ lôi ra chuyện xưa mình gây rắc rối với họ bao nhiêu thì bây giờ họ sẽ trả lại mình bấy nhiêu. Nhưng không phải vay một trả một mà một trả mười ngàn. Bây giờ mình chửi họ một câu, có thể là họ sẽ chửi mình ba tháng ở kiếp nào đó mà cũng chưa hết.

Cho nên, khi gặp chuyện rắc rối lâu dài, nhất là gặp oán tặc chúng ta phải sám hối. Trường hợp oan gia trái chủ đó mình không biết là ai. Ví dụ, chúng ta bị bệnh hoài không khỏe, không biết nhân quả này là chuyện gì, nên cố gắng mỗi đêm đến trước bàn Phật và lạy Phật. Đầu tiên mình sám hối với chư Phật mười phương, chư đại Bồ Tát, chư vị Thánh Hiền: "*Con trong vô minh lầm lạc đã tạo những tội lỗi, bây giờ đối trước Tam Bảo con xin thành tâm sám hối"*. Đồng thời năn nỉ oan gia trái chủ buông tha cho mình. Mình nói chuyện giống như nói với người nghe được bên cạnh mình. Mình nói: *"Tôi tên là… Tuổi… Pháp danh… Trong nhiều đời nhiều kiếp sanh tử luân hồi do vô minh che chắn, cho nên tôi không biết lỡ tạo những oan*

trái, lâu nay tôi bệnh tật như vậy, tức là tôi đã trả một phần rồi và tôi xin hứa nếu như oan gia trái chủ buông tha cho tôi được khỏe, thân hết bệnh, vượt qua khó khăn trong đời sống này, tôi hứa sẽ cố gắng tu hành, bao nhiêu công đức phước đức tôi sẽ hồi hướng để đền trả".

Tức là mình hứa sẽ tu hành tốt trả bằng phước báo, bằng công đức của mình, chứ không muốn trả bằng thân đau đớn bệnh tật. Gần như đêm nào mình cũng xin như vậy, lần lần chúng ta sẽ tiêu trừ nghiệp đó. Không ai mà có thể đeo bám để quấy phá mình hoài, nếu biết ăn năn hối lỗi lần lần họ sẽ buông tha. Tại mình không đủ trí tuệ để thấy nhân quả cũ là chuyện gì mà đời sống mình luôn gặp khó khăn, làm ăn ít ngày là sụp đổ, mới gầy dựng chút vốn nó sập trắng tay. Rõ ràng là oan trái cũ, những nhân quả cũ không thể để cho chúng ta bình yên một ngày.

Khi đời sống bất an thì chúng ta phải nhìn lại mình. Nếu đời này lỡ có tạo quả báo xấu, hoặc thấy từ đó tới giờ mình sống tốt. Có lợi ích cho nhiều người nhưng vẫn bị chuyện rắc rối, biết đó không phải là nhân quả một đời mà nhân quả những đời kiếp trước phải sám hối mới qua. Nếu không oan trái sẽ bám theo chúng ta cả đời.

Có những người oan trái muốn làm cho người này xuống địa ngục họ mới vừa ý. Có người mới phát tâm tu dũng mãnh một đời, nhưng mấy đời kiếp trước mình chưa biết tu thì mình cũng phải nhận quả không tu của mình trước, chứ không phải mình tu đời này hoàn toàn tốt được. Đời này sẽ có nhân quả sắp tới, vì nhân quả có từng đời, từng đoạn. Có những lúc trong một ngày buổi sáng mình làm chuyện tốt, một chút lại nói tiếng xấu. Một hồi mình sân hận bực bội người khác, một hồi mình nghĩ xấu người kia, một hồi mình làm chuyện tốt khuyên lơn người kia.

Một lúc mình niệm Phật, một lúc mình tụng Kinh, một lúc mình sám hối. Một lúc mình nói xấu người khác, đâu phải mình nói thiện nghĩ thiện hoài đâu.

Như sáng gặp người nói chuyện ngọt ngào với mình, một hồi gặp bà kia nói xóc mình, một hồi gặp người nọ chửi mình, trong một ngày mình gặp rất nhiều nhân quả. Từng duyên mình phải đối diện là nó chứng minh nhân quả cũ của mình và mình là người chứng thực nhân quả trong từng hành động sống của mình.

Nếu chúng ta chiêm nghiệm, hiểu biết, quán xét như vậy thì đời sống nhẹ đi, không thể buồn phiền khi chuyện rắc rối xảy đến với mình. Chúng ta không rầu, không buồn, không than trời trách đất, không than thân trách phận, mình biết đó chỉ là nhân quả, nên cố gắng làm sao để vượt thoát, hóa giải và tạo nhân quả mới, đó là người khéo sống.

"Do lìa nghiệp không cố lấy của chẳng cho, lại tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không ai sánh kịp và thâu thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp".

Nhân quả chúng ta không trộm cắp mà còn bố thí nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt được, không ai sánh kịp là chuyện bình thường. Nhưng ở đây có nhân quả lại là không trộm cắp mà bố thí thì được thâu thập đầy đủ những kho tàng Phật pháp.

Từ trước tới giờ chúng ta chưa nghe điều này mà thường nghe nói: "Đồng tiền liền khúc ruột". Lỡ một Phật tử đang ngồi tu hay tin ở nhà két sắt bị lấy trộm. Chúng ta có tiếp tục tu được không? Khó lắm! Không bao giờ bình yên ở đây để tu, như vậy một tuần tu Phật thất của mình mất hết lợi lành.

Nếu mình không mang tội trộm cắp, không gây sự

bất an cho người khác trong việc tu học. Trong đời sống đời thường của họ thì mình được bình yên trong những đời kiếp tới. Mình có thể học và thu thập được kho tàng Phật pháp. Việc lấy trộm tiền của người khác thì nhân quả đời sau chúng ta bị nghèo khó. Có của cũng bị cướp đoạt, liên quan đến chuyện mất của chứ chúng ta chưa nghe liên quan đến việc thu thập kho tàng Phật pháp.

Có những người bị mất của họ có thể chết trong đời này, có người gầy dựng cả đời có được một số của nhưng bị cướp đoạt họ có thể khổ sở cả đời, chứ không phải một ngày một giờ. Nên nếu mình lỡ ăn trộm tiền đó thì nhân quả đời này học Phật tâm mình không thể an. Không thể hiểu được chân lý, không hiểu được đạo lý, những kho tàng Phật pháp chúng ta không bao giờ thấu hiểu được. Vì vậy, chúng ta không trộm cắp thì ngoài việc bố thí bằng tiền bạc ra, chúng ta còn bố thí sự bình an và bố thí vô úy cho người khác.

Sợ trộm cắp cũng là nỗi sợ, nếu sống trong môi trường không có trộm cắp họ không có lo. Có những nước trên thế giới họ không đóng cửa, không bao giờ có cửa rào, không xây cổng cao mà họ vẫn sống bình an. Nếu chúng ta không có tham, dù họ đeo vàng bạc hoặc có của quý trong người họ không lo, yên tâm ngủ ngon giấc là chúng ta bố thí sự vô úy cho họ. Nhân quả đó mình sẽ được bình an trong những đời kiếp tới. Nhiều đời không tạo tội lỗi ăn cắp thì chúng ta được bình yên học đạo. Chắc chắn sẽ thu thập được những chân lý mà mình muốn học, để trang bị cho đời sống tu hành của mình.

Nếu học Phật tới đâu chúng ta có thể hiểu tới đó, nghe bài giảng nào cũng thấu hiểu và tu tập một cách dễ dàng. Đủ biết rằng nhân quả những đời kiếp trước chúng ta

không phạm tội gây bất an cho người khác, hoặc lén lấy của người khác. Còn khi tu tập cứ nghe khó chịu bất an, hoặc trong thời giảng ngồi không yên. Chuyện này làm mình lo lắng, chuyện kia làm mình lo lắng, cứ nghĩ đến chuyện gia đình, đời sống… Chúng ta không đủ bình yên để lãnh trọn thời pháp thì biết rằng nhân quả nhiều đời mình đã làm cho nhiều người bất an. Cho nên được ở trong Chánh pháp mà mình vẫn không bình yên được. Nên khéo mà sám hối nghiệp cũ của mình.

"Do lìa lỗi tà hạnh mà tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, trong nhà trinh thuận (vợ thủ tiết với chồng) mẹ và vợ con không ai đem lòng dục xâm phạm".

Có những người trong đời sống này đi ra đường bị người ta nhìn ngó khởi tà tâm dục ý với mình. Thậm chí có người bị cưỡng bức thì biết trong nhân quả cũ chúng ta có phạm tà hạnh.

Việc bố thí cúng dường để nhân quả đời sau đẹp, có hai dạng: Một là đem hoa cúng Phật thì nhân quả đời sau đẹp bề ngoài, cái đẹp đó người ta dòm ngó, thấy mình là họ khởi tà ý. Hai là cái đẹp do công phu tu hành, do ít sân hận nên đó là cái đẹp đức hạnh. Mỗi lần mình sân mặt mình xấu, tức là mình tạo chút nhân quả để đời sau mình bị xấu một chút. Nhiều lần chúng ta sân là chắc chắn đời sau mặt mình không thể đẹp được.

Ngược lại, tu hành mà ít sân hận, nói những lời lẽ đàng hoàng, những hành động cử chỉ tốt đẹp thì đời sau ra đời chúng ta đẹp, đó là cái đẹp của đức hạnh. Ra đường người ta chỉ biết ngắm nhìn, nể trọng chứ không dám khởi ý khác. Nếu chúng ta chỉ biết việc đi Chùa cúng hoa để mong đời sau đẹp, thì đời sau mình cũng đẹp nhưng cái đẹp

đó sẽ được nhiều người nhìn ngắm. Khi có cơ hội gần gũi thì họ không tôn trọng, họ không muốn gìn giữ mình mà họ muốn vùi dập. Như vậy nếu muốn được sắc đẹp trong đời sau và được người đời tôn trọng thì chúng ta vừa biết cúng dường hoa dâng lên Đức Phật vừa phải tu nghiệp không sân hận cho tốt.

Đức Phật nói nếu người Phật tử tại gia có vợ có chồng, được xã hội chính thức công nhận thì được quyền chung sống với nhau. Còn không chính thức được xã hội công nhận mà chung sống với nhau thì thuộc tà hạnh. Hoặc những người có gia đình rồi mà đối diện người khác phái khởi tâm tà vạy thì coi như cũng phạm tà hạnh. Về tướng mà phạm thì nặng nhưng tâm mà phạm cũng không nhẹ. Những người đi ra đường cặp mắt cứ liếc, cứ nhìn, cứ nghĩ tới người khác phái thì người đó phạm ở tâm, như vậy cũng phạm nhân quả, nếu là người nam thì vợ con của mình cũng bị người ta dòm ngó kiểu đó. Nếu mình phạm tà hạnh nữa thì vợ con không giữ được trinh tiết. Ngay cả việc chung sống gia đình mà có sự đòi hỏi quá đáng thì cũng thuộc tà hạnh.

Người biết tu phải khéo léo điều chỉnh gìn giữ sức khỏe và hạnh phúc gia đình mình. Người phạm tà hạnh trước nhất là gây sự bất an, mất hạnh phúc gia đình. Nếu mình phạm tới người khác phái thì mình đã gây mất hạnh phúc cho gia đình người khác, làm đổ vỡ gia đình người khác, nhân quả đó có những đoạn Đức Phật nói cũng sẽ bị đọa địa ngục. Có những đoạn nhân quả khi sanh ra mình cũng bị người ta cưỡng bức, hoặc bị những chuyện xấu xảy ra không hay cho cuộc đời của mình.

"Lìa nói dối, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không bị nhục mạ, gìn giữ

được Chánh pháp như bản nguyện và khi thực hành nhất định kết quả".

Ví dụ, mình thấy tiền của người khác rớt trước mặt mình, nhưng người chủ tới kiếm mình nói không thấy, để cho người ta kiếm mất công cuối cùng cũng phát hiện nó nằm bên cạnh mình khiến người ta tức tối. Tức là mình nói dối, chuyện có trước mắt mà mình nói không có, để họ tức giận nói những lời nhục mạ mình. Hoặc bạn bè chơi thân với nhau họ rất tin mình, nhưng đến ngày nào đó họ phát hiện mình không thật. Vì họ bị xúc phạm lòng tin nên họ sẽ nhục mạ mình. Có khi đời này họ không dám nhục mạ, không dám nói nặng mình nhưng đời sau gặp lại họ không để yên cho mình.

Người nói dối có tâm coi thường đối tượng của mình, coi người ta yếu kém hơn mình nên mình mới qua mặt, coi người ta dở hơn mình cho nên mình mới nói dối, là mình xúc phạm người đó. Mỗi một lời nói dối của chúng ta là hành động xúc phạm danh dự người khác, coi thường người khác thì rõ ràng mình sẽ bị nhân quả nhục mạ.

Kinh Thập Thiện khai thác được chiều sâu tâm lý, người nói dối là khinh thường người khác, coi rẻ người khác, coi khinh người khác, đánh giá thấp người khác, cho nên chúng ta mới nói dối. Nếu biết họ hơn mình, mở lời là bị người ta phát hiện thì mình đâu dám nói dối. Nhưng mình cho là người này dở hơn mình, thấp hơn mình nên mình gạt họ.

Ngang tầm mình mà mình nói dối thì nhân quả còn nhẹ, nhưng với người đức hạnh, với người ơn của mình mà nói dối thì chúng ta bị nhân quả rất nặng. Vì các vị Long Thiên Hộ Pháp sẽ phát hiện ra mình nói dối với những bậc có trí tuệ thì các vị khó tha thứ. Đối trước Tam Bảo, mình

đã lãnh thọ giới không nói dối mà chúng ta có điều gian dối, là không chỉ nói dối với người đó mà mình dối luôn với Tam Bảo nữa, nên nhân quả là chúng ta bị nhục mạ.

Sống thật chừng nào dễ thân cận đạo lý chừng đó, đầu chúng ta càng lẽo lự thì rất khó hiểu chân lý. Tâm càng thanh tịnh càng gần sự thật, mà tâm dao động lẽo lự thì càng xa sự thật, xa chân lý. Vì vậy mà nhìn khuôn mặt người hồn nhiên vô tư là thể hiện đời sống vô tư nên họ học đạo dễ thâm nhập, còn gương mặt mất đi nét hồn nhiên vô tư thì khó thâm nhập Phật pháp.

Nhìn đứa bé người ta thương vì nó không lẽo lự, không khôn lanh, nó quá hồn nhiên vô tư, quá trong sáng. Nhưng khi bắt đầu lớn lên nó học được một chút, hiểu được một chút là đầu óc nó hết đi sự hồn nhiên vô tư. Vì càng tô bồi kiến thức, tâm thức dao động khiến đời sống chúng ta xa rời sự hồn nhiên vô tư. Khi tu tốt, họ bắt đầu phá vỡ những dao động tâm thức, từ bỏ những khôn lanh của ý thức dần dần gương mặt họ trở lại nét hồn nhiên vô tư, gọi là hạnh Anh Nhi trong đạo Phật. Họ sống đụng chuyện rồi buông ra là quên hẳn. Những đứa bé nhiều khi cha mẹ đánh nó cũng khóc, vừa sợ vừa tức, vừa giận, vừa la hét là nó bực mình lắm, nhưng buông ra rồi là nó cũng tới ôm mình và thương mình được vì nó không để bụng. Nhưng người lớn bị đòn là nhớ lâu lắm, có xuống mồ cũng không quên. Tức là tâm thức chúng ta bị những chuyện như vậy làm cho đời sống mình bị khằn lại và dao động bất an cho nên rất khó gìn giữ được bổn nguyện của mình.

Một lời Phật pháp nói ra mà chúng ta hiểu đúng và sống được thì rất khó. Có khi chúng ta quên, có khi nửa nhớ nửa quên, có khi nhớ đoạn đầu quên đoạn giữa, nhớ đoạn giữa quên đoạn đầu là chúng ta không giữ gìn được Chánh

pháp như bổn nguyện của mình. Bổn nguyện của mình là muốn thấu hiểu được chân lý, thấu hiểu Chánh pháp để mình tu hành cho tới ngày được giác ngộ giải thoát, nhưng mình làm không được. Nếu đầu óc chúng ta chưa đủ để có thể giữ Chánh pháp như bổn nguyện, thì nên biết rằng nhân quả cũ mình có nói dối và phải khéo sám hối nghiệp này.

Người nói dối thẳm sâu trong tâm hồn không chấp nhận sự thật và muốn người khác biết không đúng sự thật, nên nhân quả người đó khó khế ngộ chân lý. Đây là nhân quả rất lớn trong Phật pháp, vì vậy mà chúng ta không được Chánh pháp như bổn nguyện của mình. Nếu nói chân thật là giữ gìn Chánh pháp và bổn nguyện thì việc thực hành nhất định sẽ được kết quả.

Trong đời sống này nghiêm túc mà nói luôn luôn chúng ta có gì giấu giếm người bạn mình, có cái gì đó không thật. Chỉ trừ trường hợp bạn tri kỷ tri âm với mình thì mình mới có thể tâm sự hết ruột hết gan. Chúng ta luôn có gì đó che giấu với nhau, cho nên cõi này kiếm người thâm nhập Phật đạo và tu hành một cách dễ dàng ít lắm, do mình chưa giải quyết hết nhân quả nói dối. Khi nào giải quyết hết nhân quả nói dối thì việc học đạo của mình rất dễ và việc tu tập của mình sẽ thuận lợi.

Ví dụ, chúng ta muốn ngồi niệm Phật một tiếng đồng hồ, là dứt khoát một tiếng này sẽ ổn định, tâm mình thanh tịnh, không nghĩ những chuyện xa gần, không nghĩ tới nghĩ lui, nghĩ phải nghĩ quấy. Nhưng mình luôn sống xa rời sự thật quen rồi, nên khi ngồi lại đối diện với chính mình, những cái đó nổi lên làm cho chúng ta nhớ lại chuyện cũ, mình ân hận, có cảm giác áy náy trong lòng, người kia thật thà với mình quá mà mình lỡ nói lời không thật, nên tâm mình bị dao động bất an.

Đây là điều rất khó cho loài người. Các cõi khác cõi người như cõi trời người ta không nói dối được, vì họ sống bằng tâm thức. Chúng ta vừa khởi nghĩ là họ biết được tâm mình. Còn cõi người, chưa ngộ đạo thì không ai biết tâm của ai nên mình sẵn sàng che giấu, nói dối. Lỗi nói sai sự thật chính bản thân người tu tập chưa hóa giải được, nên ngày nào mình sống không thật, nói không thật, hành động không thật là biết ngày giờ đó mình đang xa rời chân lý, nên việc tu tập của chúng ta khó vô cùng. Nếu mình không thật được với bạn bè, với người xung quanh thì làm ơn làm phước thật với Phật. Tối lên trước bàn Phật chúng ta nói hết những điều mình đã giấu giếm: *"Vì hoàn cảnh xã hội không cho phép con nói lên sự thật, con biết đó là lỗi lầm xin Phật tha thứ cho con, bây giờ con ăn năn sám hối với lỗi mà con đã làm, con đã nói trong ngày không thật với ai đó…".*

Có những hoàn cảnh, những người mà chúng ta không thể nói hết được sự thật, vì vừa nói cho họ nghe là cả làng biết hết, mình không còn mặt mũi nào sống, thành ra người đó chắc chắn mình không nói hết sự thật được rồi. Những người không hiểu mình thì mình cũng không thể nói hết sự thật được. Vì kể cho họ nghe, họ cho mình tự cao tự đại họ không tin. Cho nên muốn nói được, muốn cho người ta biết khả năng của mình, muốn cho người ta biết sự thật của mình phải tùy người, tùy lúc và tùy thời, chứ không phải ai cũng nên biết sự thật.

Nên biết một điều, nếu mình giấu giếm sự thật mà không có hại người khác thì không sao, nhưng sống sai sự thật có hại cho người khác thì sẽ bị nhân quả xấu. Cho nên trong Kinh Đức Phật cũng khai giới này. Nếu chúng ta nói dối để cứu người thì coi như không phạm tội, nhưng nói dối để hại người thì sẽ phạm tội.

Có những trường hợp chúng ta phải qua mặt người khác để làm việc gì đó có lợi cho người, không tổn hại tới người khác thì được quyền nói dối. Nhưng tu tập đúng Phật pháp mình phải cố gắng sống đúng sự thật. Vì sống đúng sự thật mới có cơ may thâm nhập chân lý, còn không đúng sự thật khó thâm nhập chân lý lắm.

Càng sống đúng sự thật chừng nào thì đầu óc chúng ta càng rỗng chừng đó, mà đầu rỗng chừng nào thì nét mặt hồn nhiên vô tư sẽ lộ ra. Muốn thử thì chụp hình mặt mình, một thời tu tập, hoặc một ngày tu tập tốt thì diện mạo mình khác, nét mặt sẽ thay đổi tốt lên, khí sắc tươi nhuận do tâm cấu bẩn được gạn lọc.

Mỗi một ý niệm Phật là mỗi lần chúng ta thanh lọc thân tâm mình. Giá trị của câu niệm Phật và ý nghĩ của câu niệm Phật sẽ cải hóa thân tâm chúng ta. Thân của mình cũng được nâng tầm và tâm của mình cũng được cải thiện. Cho nên một người luôn nghĩ thiện hoặc niệm Phật nhiều thì sắc diện họ khác, nó thay đổi từng ngày từng giờ trong mỗi hành động tu tập của mình. Người lãnh đạo chúng có tu và có kinh nghiệm họ sẽ nhận ra được chúng của mình người nào tu tốt, người nào tu xấu, cứ ngủ sáng nhìn mặt, nhìn ánh mắt là biết liền. Những người đầy những sự rắc rối, đầy những toan tính nhìn thần họ rối rắm, nhưng sau một thời tụng Kinh tọa thiền họ tháo gỡ được rắc rối toan tính đó, cặp mắt họ tự nhiên nhẹ nhàng và khí sắc tươi nhuận.

Người ngộ đạo nhìn mắt họ bơ bơ như anh bờm, nhưng rất sâu sắc, rất sâu lắng, họ nhìn không để ý gì nhưng chỉ cần thoáng qua mắt là họ thấu tới bề mặt bề trái của mọi vấn đề. Do không vướng điều gì nên họ mới soi thấu mọi điều, còn trong tâm chúng ta đầy dẫy điều này điều kia thì

những cái trước mắt sẽ không thấy rõ. Nếu tháo gỡ được hết những vướng mắc nơi tâm thì mọi việc hiện ra trước mắt là chúng ta thấu suốt.

"Lìa lời nói ly gián, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai xâm phạm, thân bằng quyến thuộc thuận hòa, cùng một ý chí vui vẻ, hằng không trái nghịch".

Rất hiếm người trong thân bằng quyến thuộc thuận hòa. Chúng tôi qua Mỹ lần đầu tiên gặp một gia đình thuận hòa. Từ Việt Nam qua Mỹ rồi mà ông cố, ông ngoại, con cháu sống chung một nhà, một đại gia đình đông người. Tôi thấy lạ, hỏi chú này ở đâu? Nói dạ con ở nhà này. Hỏi chú kia ở đâu? Cũng nói dạ con ở nhà này. Hỏi gia đình ở đâu dạ tụi con sống chung. Trong nhà, ông cụ chín mươi mấy tuổi, con ông cụ sáu mươi bảy mươi, cháu ngoại ba mươi bốn mươi, cháu cố sống đầy một nhà. Cách tổ chức làm ăn rất đàng hoàng. Ví dụ, bán rau thì phân công chị thứ hai đi lấy, chị thứ ba bán sỉ, chị thứ tư bán lẻ, cả gia đình làm ăn chung. Chúng tôi nói chắc các vị này đã nhiều đời tu tập không mắc tội ly gián. Nên thân bằng quyến thuộc hòa thuận một cách lạ lùng. Họ thương yêu, quý mến, đùm bọc, chở che với nhau rất lạ. Đây là điều hiếm lắm.

Anh chị em ruột cùng cha mẹ sanh ra mà hòa thuận từ trên xuống dưới. Họ nương tựa lẫn nhau, dìu dẫn nhau hùn hạp nhau làm ăn. Rõ ràng nhiều đời họ không mắc lỗi ly gián. Người mắc lỗi ly gián nặng chừng nào thì đời sống càng đơn độc chừng đó. Đơn độc ở xã hội, làm chuyện gì không ai giúp đỡ, thậm chí người thân cũng không giúp. Cha mẹ khi sanh ra không bao giờ muốn bỏ mình nhưng vẫn không gần mình được. Vì nhiều đời mình đã từng nói chuyện ly gián người khác.

Nhiều khi mình nói chơi nhưng ly gián thiệt. Như hai người đang chơi thân với nhau mình nói giỡn: "Nói thiệt mới hôm qua tôi gặp chị kia không biết chị làm gì mà bả chửi chị quá trời". Tôi thấy chị cũng tốt quá, chị đâu có làm chuyện gì cho bả bực mà sao bả chửi chị. Lại bà kia mình nói ngược lại. Hai người này ngầm ngầm giận nhau rồi không chơi với nhau nữa. Hoặc cha con, vợ chồng, anh em người ta không thương nhau bởi lời nói của mình. Nhân quả này khó gỡ, nên nhiều đời chúng ta sống đơn độc. Hoặc mình muốn có gia đình nhưng cả đời không được. Nếu nhìn ra mình cũng đẹp hơn người khác, không đến đỗi nào nhưng tình cảm gần như mình nắm trong tay thì nó tuột. Vì nhiều đời đã từng nói chuyện ly gián người khác.

Thậm chí có những cặp vợ chồng cưới hỏi rồi cũng ly dị, vì lời của người khác kích động. Ví dụ, có người nói hôm qua tao thấy chồng mày đi với ai đó. Mình bắt đầu ly dị liền không cần tìm hiểu sự thật. Hoặc người chồng chỉ nghe bạn nói, vợ mày hôm qua tao thấy ai chở đi vô quán uống cà phê thì về ly dị liền. Có những chuyện ly dị rất dễ dàng. Vì sao? Vì nhân quả mình đã từng ly gián người khác, nên đời này mình không kết thân được với ai. Mới chơi với người này mật thiết thì ngày mai ngày mốt chia tay. Cứ liên tục chia tay từng người thân trong nhà cho tới xung quanh xã hội. Hoặc người ta cũng muốn cộng tác làm ăn với mình, nhưng chỉ ba ngày tới ngày thứ tư là chia tay. Có người cả đời mình không thể có người thân. Muốn có người tri kỷ cũng không có thì biết lỗi mình đã từng ly gián quá nhiều đời nhiều kiếp trước rồi.

Đây là điều mình phải biết để sám hối, cố gắng từ đây về sau tạo nhân quả mới bằng cách nói chuyện hòa hợp. Nếu hai người đó nghịch nhau, không hòa thuận với nhau

thì mình tìm cách nào đó gắn kết họ lại. Mình tạo nhân quả mới để mình có được bạn bè thân thiện, nếu không là suốt cuộc đời này mình cô đơn. Có những người cô đơn cho tới khi họ xuống mồ, đám tang của họ buồn rầu lắm. Chỉ có những người làm trách nhiệm ban lễ tế khiêng quan tài, không ai rảnh đến thăm, tới mức độ chết vẫn còn cô đơn.

Cảnh cô độc lại càng thấy đáng sợ. Đã ở một mình rồi mà tự trong thâm tâm mình cũng không có ai. Tức là về mặt xã hội không ai có ý muốn thân với mình. Ngược lại, tự trong thâm tâm mình cũng không muốn thân cận với ai, tại không ai tốt với mình cả. Có nhiều chuyện mình hợp tác, muốn mang hết tâm mình để thân cận với người nhưng đều bị người khác chia lìa mình. Bắt đầu cuộc đời này với mình là điều gì đó rất xấu. Người nào cũng không tốt với mình, người nào cũng không thật với mình, người nào cũng gian dối với mình. Cho nên, mình không muốn gần gũi, không muốn thân cận với ai. Cả cuộc đời mình kiếm một người chia sẻ một chút tâm sự buồn vui cũng không có thì người này thật sự là cô độc. Trong xã hội này rất nhiều, thậm chí cả hai vợ chồng sống chung trong nhà nhưng chuyện ai nấy làm, cơm ai nấy ăn, không tâm sự được. Nỗi cô đơn khó tả trong cuộc đời này do lỗi ly gián của mình. Có những người mẹ với con mà không thể nói chuyện hay chia sẻ với nhau được. Thường mẹ với con rất dễ tâm sự nhất, dù con trai hay con gái đều dễ tâm sự với mẹ. Nhưng do mình bị lỗi ly gián nên giữa mẹ và con lại có những buồn phiền với nhau.

Khi chúng ta cần tâm sự điều gì đó với một người, được người lắng nghe lời nói mình thì cuộc đời sẽ thấy ấm áp hơn. Nhưng đôi khi tâm sự với cha mẹ, nhiều khi ta cũng không tin tưởng. Vì tâm sự của mình nói cho mẹ nghe, mẹ nói lại cho anh hai nghe, rồi kể cho em mình nghe… cuối

cùng mình cũng không tâm sự được với ai. Như vậy, cả đời mình sống thui thủi và ra đi trong cô đơn buồn tủi. Vì người đó đã mắc lỗi ly gián. Cho nên, khéo sám hối lỗi này ở nhiều đời, nhiều kiếp. Khi mình ra đời đi đâu cũng có bạn bè, ở đâu cũng có thân bằng quyến thuộc thương yêu quý mến, gần gũi thân cận.

Nếu gia đình, dòng họ chúng ta hòa thuận và cùng một ý chí vui vẻ, cùng một ý nguyện, cùng san sẻ buồn vui với nhau thì hầu như mình làm điều gì cũng được ủng hộ, nhưng điều này rất hiếm. Lâu lắm mới có một hai gia đình có phước được điều này. Thật sự xã hội ngày này có được gia đình dòng họ hòa thuận như thế rất khó tìm thấy. Chỉ mong thân bằng quyến thuộc chúng ta không trái nghịch, không hơn thua, không chống đối, không làm điều xấu với nhau là mừng rồi.

Đôi lúc mình vẫn còn nói xấu người này, nói xấu người kia chớ mình chưa nói hết mọi điều đúng. Khi nào tất cả lời nói ra đều nói tốt cho thiên hạ, đem lại sự gắn kết hòa thuận thì lúc đó chúng ta đã sám hối lỗi ly gián.

Ví dụ, mình là Phật tử, mình muốn Phật tử đó đừng gần gũi với Chùa. Ta chỉ cần nói Thầy ở chùa ấy không giữ giới hạnh. Hôm qua, tôi thấy Thầy ngồi uống cà phê ngoài đường, chạy xe lạng lách, không có oai nghi. Trong khi Phật tử kia rất thần tượng Thầy mình, nghe nói rồi tâm người ta hết sự tôn kính với Thầy đó thì cũng là cách nói ly gián. Chúng ta sẽ tiếp tục mắc nhân quả bị người chia tay mình và không có người thân.

"Lìa lời nói thô ác, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, tất cả hội chúng đều vui vẻ quy về, nói ra đều được người tin nhận không chống trái".

Trong đời này chúng ta tu có hết lời nói thô ác chưa? Có khi nào mình nổi giận, tức điên lên mình nói ngọt ngào không? Hiếm lắm! Với người lớn thì mình không xúc phạm, chớ nhỏ hơn là mình sẵn sàng xổ không tiếc lời, thậm chí có những lời nói khiến người ta đau khổ cả đời. Ví dụ, trong cuộc đối thoại nhau trước công chúng, mình rất giận người kia mà không biết cách nào để trả thù, mình chỉ cần tìm câu nào đó nói xóc óc họ được một câu thì mình cảm thấy hả dạ. Vì câu nói của mình mà người đó tức, uống nước còn mắc nghẹn, ăn không ngon, ngủ không yên, đó là mình nói lời ác, chứ không phải ác chỉ là chửi mắng.

Hoặc có khi mình tố giác người nào đó để cho họ phải bị tù tội sai với sự thật, đó cũng là hình thức nói ác. Khi lời mình nói ra làm đau khổ người khác, làm bất lợi cho người khác, chửi mắng gây đau khổ người khác, nói hơn nói thua xóc óc người ta, hoặc nói điều để gây ảnh hưởng đời sống cá nhân của họ thì cũng xếp dạng lời nói ác.

Khi đã nói ác với họ là gieo trong tâm thức họ sự oán thù, nên đời này muốn họ gần mình rất khó. Nếu nhiều đời, nhiều kiếp chúng ta tu tập phá được lời nói hung ác thì sẽ được chúng hội quy tụ về và vui vẻ nương theo. Ví dụ, trong tổ chức đạo tràng biểu quyết để bầu chúng trưởng, tất cả hội chúng đều thích người chúng trưởng này, khi có mặt chúng trưởng là đạo tràng sẽ đông, tức là vị đó đã tu lời nói tốt. Hoặc khi có vị Thầy là tự động chúng hội quy tụ về sống rất vui vẻ thì biết vị Thầy đó đã tu lời nói tốt.

Nếu mình đã phạm lời nói ác rồi, dù mình có hay giỏi cỡ nào thì chúng hội cũng không quần tụ được. Hoặc nhiều vị thầy giỏi nhưng không có đệ tử, thậm chí thầy đó sống cô đơn không người thân cận. Hoặc lúc đầu người nghe họ

thích nhưng tự động không biết sao dần dần ít đi, số lượng quần chúng mỏng dần thì biết nhân quả nhiều đời, nhiều kiếp nghiệp cũ nói lời ác bắt đầu trỗi dậy.

Thường người không nói lời thô ác thì khi nói chuyện quần chúng rất thích nghe, ít có sự chống trả trở lại. Nhưng có vị lãnh đạo nói ra lời nào liền bị người ta chống trả lời đó. Có bày ra chuyện gì cũng phải bị hơn thua thì biết lỗi nói dối nhiều đời lớn. Cho nên quần chúng không chấp nhận lời nói của mình và luôn chống đối hơn thua.

"Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ), tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, nói không hư dối, người đều kính thọ, hay dùng phương tiện khéo léo đoạn dứt mọi nghi hoặc".

Thường những người nói lời khéo léo để trục lợi cho mình, để người ta có thể đem hết tiền của giao cho mình mà họ cũng không buồn. Tức là dùng lời hoa nguyệt khéo léo dụ dỗ lòng người. Hoặc có người dù mình lấy dao cắt cổ họ, họ cũng đưa cổ cho cắt mà họ rất vui. Đó là chúng ta phạm lỗi ỷ ngữ.

Còn người có trí tuệ Phật đạo, sẽ có những phương tiện khéo léo để trừ những nghi hoặc của tín đồ Phật tử. Đó là người có công phu tu tập ít lỗi ỷ ngữ trong đời trước. Những lời nói của họ được mọi người kính trọng, vì họ nói những lời chân thật không hư dối thì người đó có quần chúng đông và nhiều người quý mến.

"Lìa tâm tham cầu, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không bị chiếm đoạt, có vật gì đều đem ban cấp, tin hiểu vững chắc, đủ oai lực lớn".

Nếu mình không tham cầu mà bố thí nữa thì được giàu sang, nhưng ở đây muốn nói: *"Có vật gì đều đem ban cấp"*, có nghĩa là ban cho chứ không cất giữ. Còn *"tin hiểu*

vững chắc, đủ oai lực lớn" là niềm tin và sự hiểu biết của mình kiên cố vững vàng không bị lay đổ.

Một người tu để dứt trừ lòng tham có uy lực lớn không? Ví dụ, mình thấy ai đó sơ hở để đồng hồ đẹp trên bàn, mình có thể lấy bỏ túi dễ dàng không ai phát hiện. Nhưng vừa khởi lòng tham, mình tu được nên mình không lấy, tự nhiên mình nghe có một chút nội lực. Nhưng nếu mình vừa khởi tham rồi lấy, tức là mình đã chấp nhận thua lòng tham, là tâm mình dao động. Tâm luôn luôn dao động sẽ không vững vàng, không có nội lực. Không có nội lực thì không có tín giải kiên cố. Sự hiểu biết và niềm tin của mình kiên cố không bị lay động là do người đó có công phu tu hành lớn.

Hoặc mình có lòng tin với pháp môn niệm Phật. Mình tin chắc rằng khi mình niệm nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung mình sẽ sanh Tây Phương Cực Lạc. Đó là niềm tin do sự hiểu biết của mình. Nhưng mình tu thời gian nghe người khác nói tu nhất tâm bất loạn không dễ gì tới Tây Phương Cực Lạc, tu theo kiểu của tôi ba tháng còn hơn tới Tây Phương Cực Lạc. Mình bị dao động, tức là tín giải không có kiên cố, niềm tin về pháp môn niệm Phật của mình không vững vàng, dễ dao động. Dao động thường xuyên như vậy chứng tỏ tham muốn của mình nhiều quá, nó gợi đúng ham muốn của mình thì lòng tin không kiên cố đó là oai lực của mình không lớn.

Khi người có đủ lòng tin rồi thì không có gì lay chuyển được, như trong Kinh diễn tả mình muốn ngọn núi này dời đi chỗ khác thì nó sẽ dời đi, mình muốn thay đổi vị trí của người nào đó mình vẫn thay đổi được. Còn lòng tin mình không đủ và mình làm chuyện gì đó hồi hộp không biết mình làm như vậy chắc không được, không biết làm

sao đây. Mình bị dao động như vậy thì khi chạm việc sẽ bị thất bại, nhưng mình đủ tự tin vững vàng kiên cố thì chắc chắn sẽ thành công.

"Dứt lòng sân hận, tu hạnh bố thí, nên thường được của báu không ai chiếm đoạt, tự mình mau thành tựu trí vô ngại, các căn nghiêm trang tốt đẹp người thấy kính ưa".

"Dứt trừ lòng sân hận" thì tự mình mau thành tựu trí vô ngại. Ví dụ, có người chọc mình tức giận, mình sẵn sàng hơn thua, không bao giờ chấp nhận cúi đầu trước ai, dù chết thì bỏ chứ không chịu cúi đầu, tức là tâm sân bắt đầu khởi. Chúng ta hơn thua kiểu này không được thì sẽ hơn thua kiểu khác, tự mình không hơn thua được thì mượm tiền để hơn thua, hoặc mượn quyền lực để hơn thua, miễn làm sao thắng được thì mình mới chịu.

Lúc để thỏa mãn sân hận của mình thì tâm thức chúng ta hoạt động rất nhiều, khi thắng được một người thì chúng ta thua nghiệp sân của mình. Nhưng khi bắt đầu tu để dứt trừ nghiệp sân hận thì trí biện luận tạo điều kiện hơn thua với người khác sẽ được chúng ta hóa giải. Do hóa giải được những lý luận hơn thua từ lòng sân hận phát khởi thì lần lần sẽ đạt được trí vô ngại.

Đối với cuộc đời này, mọi việc chúng ta không ngần ngại tiếp xúc, mỗi lần gặp chuyện bực mình, khó khăn, trắc trở mình vẫn bình thản, vững vàng hóa giải được thì lần lần trí tuệ sẽ sáng ra. Như vậy, khi đối diện với chuyện đó mình sẽ không bị dao động nhiều, mình sẽ có kinh nghiệm sống mới cho chính bản thân mình, nội lực vững vàng và trí vô ngại của mình sẽ được thành tựu.

"Các căn nghiêm trang tốt đẹp người thấy kính ưa". Người tu nghiệp không sân hận thì các căn điều thuận,

không làm cho mắt mình đỏ lên, không làm cho mặt mình nóng lên, không làm cho tai mình ù lên. Một lần mình sân hận các căn không điều hòa thì tạo nhân quả để đời sau mình nhìn liếc liếc không thẳng. Mỗi một cơn sân hận là mỗi lần mình gieo vô thức mình một hình bóng không đẹp, tướng nào xảy ra thường xuyên thì đời sau mình sẽ mang hình đó. Nếu tu tốt nghiệp không sân thì lục căn trang nghiêm, mắt, tai, mũi, lưỡi thanh tịnh, người thấy thương mến.

"Lìa lòng tà đạo, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng đường chúng Tăng, thường không quên mất tâm đại Bồ đề".

Đức Phật nói, nếu chúng ta tu hạnh không tà đạo thì sẽ có chánh kiến, luôn thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chư Tăng và nhân quả nhiều đời nhiều kiếp chúng ta được sanh vào gia đình có chánh kiến. Nếu đời này mình sanh ra trong gia đình cha mẹ, anh em, dòng họ không ai biết đạo, chỉ có mình mình biết đạo là nhân quả đời kiếp trước chúng ta đã có kiến giải tà đạo.

Nếu chúng ta tu thoát tà kiến thì không đời nào chúng ta rời khỏi Chánh pháp. Tà kiến hết sức quan trọng, nếu phá vỡ được thường kiến và đoạn kiến sẽ gìn giữ chúng ta trong ngôi nhà Chánh pháp, không bị tà kiến mê lầm và không bị mất chánh kiến trong cuộc sống này.

Tâm giác ngộ của mình luôn hiển lộ, do có trí tuệ nên mới phá vỡ được tà kiến, do phá vỡ được tà kiến mới phát sanh được trí tuệ chánh kiến ngay trong đời này. Tâm đại Bồ đề của mình luôn hiện hữu đời này kiếp nọ không bao giờ mất, dù bị sanh tử nhiều đời. Chúng ta sẽ biết đạo lý sớm hơn, sẽ giác ngộ sớm hơn và được tu tập sớm hơn.

"Đó là bậc Đại sĩ khi tu đạo Bồ Tát, làm mười nghiệp thiện, dùng hạnh bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn".

Đến đây bắt đầu lộ ra một điều. Nếu người nào học Kinh Thập Thiện một cách đầy đủ thì người đó xem như hiểu được nền tảng rất căn bản của Phật pháp. Nếu chúng ta tu Thập Thiện đúng với ý nghĩa như trong Kinh Đức Phật chỉ dạy thì đó là bậc Đại sĩ thực sự, chớ không phải chỉ làm thiện đủ phước để được sanh về cõi trời thôi.

C. THẬP THIỆN VÀ LỤC ĐỘ BA LA MẬT

Như vậy Long Vương, nói tóm lại, tu Thập thiện đạo, do trì giới trang nghiêm nên hay sanh các nghĩa lợi Phật Pháp và đầy đủ nguyện lớn. Do nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Do tinh tấn trang nghiêm, nên hay phá được ma oán, vào Pháp tạng của Phật. Do Thiền định trang nghiêm nên hay sanh niệm, tuệ, tàm, quý, khinh an. Do trí tuệ trang nghiêm nên hay đoạn dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

Đức Phật nói thêm, một người tu Thập Thiện kèm theo Lục Độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ mà được lợi lớn. Đức Phật không nói Ba La Mật, chỉ nói Lục Độ thôi.

"Do trì giới trang nghiêm nên hay sanh các nghĩa lợi Phật pháp và đầy đủ nguyện lớn". Người Phật tử tại gia gìn giữ được giới pháp, dùng giới pháp trang nghiêm thân tâm của mình thì ngày nào chúng ta cũng thấy được điều hay đẹp của Phật đạo. Ví dụ, một ngày chúng ta ăn uống, sinh hoạt, nội quy ở Chùa làm cho chúng ta được trang nghiêm thanh tịnh thì coi như một ngày mình lấy giới pháp trang nghiêm cho chính mình, nhưng khi rời xa giới

pháp là có sự bất an liền.

Giới trong Kinh tiếng Phạn gọi là Sila, dịch tiếng Trung Hoa là "Biệt biệt phần giải thoát". Người nào giữ đúng giới pháp Đức Phật giới nào thì được giải thoát an nhàn phần đó. Nếu giữ giới nhiều thì người đó sẽ nếm nhiều hương vị giải thoát. Cho nên, Đức Phật nói người vừa tu Thập Thiện, vừa lấy giới pháp để trang nghiêm thân thì sẽ được nhiều nghĩa lợi Phật pháp và đầy đủ những nguyện lớn.

Người thường làm những công việc Phật đạo, thường hay phát nguyện phát tâm làm việc thiện, làm những việc lợi ích Phật pháp mà không đạt được bổn nguyện của mình, luôn luôn bị sự cản trở thì biết rằng nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp họ không lấy giới pháp làm trang nghiêm.

Thế gian hay trang nghiêm mình bằng quần áo đẹp, nhà cửa đẹp, là những vẻ đẹp bên ngoài. Nhưng ở đây, chúng ta trang nghiêm bằng giới pháp, tức là vẻ đẹp thanh tịnh từ nội tâm. Chính chúng ta thanh tịnh thân tâm mình bằng giới pháp của Đức Phật thì bất kỳ công hạnh Phật sự nào, dù nguyện nhỏ, nguyện lớn cũng được sự hộ trì của Long Thiên Hộ Pháp mà thành công.

"Do nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt".

Âm thanh của Đức Phật rất viên mãn, nếu dùng trí phàm thì không bao giờ chúng ta có thể hiểu hết được. Nói về trình độ căn cơ nói pháp của Đức Phật thì người bình thường không hiểu nổi. Khi nghe được một âm thanh của Đức Phật là chúng ta được xoa dịu tất cả những phiền muộn khổ đau. Dù chúng ta có nói hay, sửa giọng cho ngọt ngào nhưng cũng không đủ viên âm đó.

Ái ngữ của Đức Phật không mang tính tình cảm,

không phải nói chuyện ngọt ngào dễ thương dễ mến theo kiểu thế gian. Ngôn âm đó một ca sĩ luyện giọng ba ngàn kiếp cũng chưa bằng. Ngôn âm Đức Phật kèm theo từ lực rất lớn. Khi Đức Phật nói ra một tiếng chúng ta nghe rất bình thường, nhưng trong Kinh diễn tả đó là tiếng hống của sư tử, đủ sức đè bẹp tất cả những tà tâm tạp ý của thính chúng. Ngôn ngữ Đức Phật không chỉ nói cho chúng hội đó nghe mà vang khắp mười phương pháp giới. Khi Đức Phật thuyết Pháp tại Ấn Độ nhưng tất cả các cõi đều tiếp nhận ngôn âm đó bằng chính ngôn ngữ của chính họ. Đây là điều rất tuyệt vời.

Điều đặc biệt hơn nữa, tất cả cõi nước mười phương khi nghe Đức Phật thuyết Pháp, tưởng chừng như Đức Phật đang ngồi trực tiếp đối diện với mình để thuyết Pháp cho mình nghe. Trong trần gian này chưa ai có khả năng viên mãn ngôn âm như Đức Phật. Còn các vị A La Hán, các vị đại Bồ Tát không có vị nào đạt tới trình độ này. Ví dụ, quý vị thấy Đức Phật nói một câu rất bình thường: "Này các vị Tỳ kheo, Ta muốn nói các ông nghe điều này, cái này là nhân, cái này là quả, cái này là duyên" thì ngôn âm Đức Phật không phải một chỗ này.

Nếu mình nói thì cõi âm xung quanh chúng ta nghe không hiểu và người nước khác cũng chắc chắn không nghe được. Ví dụ, vị giảng sư có nổi tiếng nói tiếng Anh thì người hiểu tiếng Anh mới nghe được, nói tiếng Pháp thì người hiểu tiếng Pháp mới nghe được, nói tiếng Việt thì người học tiếng Việt mới nghe được. Nhưng khi Đức Phật thuyết Pháp thì không phải Đức Phật nói cho cõi người ở đây nghe mà hằng hà sa số các cõi trong tam giới như: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và các vị cõi trời đều thanh tịnh hướng về tiếp nhận ngôn âm của Đức Phật.

Ngôn âm Đức Phật sạch hết tất cả những bóng dáng của tham, sân, si. Đó là một loại ngôn âm thanh tịnh tuyệt đối, cho nên thời thuyết Pháp của Đức Phật rất nhiều thính chúng nghe xong chứng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán là do ngôn âm này với đầy đủ từ lực. Còn những vị giảng sư chỉ lập lại lời dạy Đức Phật bằng những lời lẽ trong Kinh điển mà thôi.

Đức Phật sau khi thành tựu đạo nghiệp, bằng tất cả kinh nghiệm trong chân trời trí tuệ của Ngài hiện thành ngôn ngữ, cho nên ngôn âm rất trọn vẹn. Ngôn âm của Đức Phật dù là nói Kinh Đại Thừa, nói Kinh Nguyên Thuỷ hay những lời Kinh rất bình thường cũng chứa đựng trọn vẹn điều sâu mầu nhất của Phật giáo, đều dẫn dắt chúng sanh tới con đường giác ngộ giải thoát.

Chúng ta đừng nghĩ Kinh Thập Thiện này Đức Phật chỉ nói cho người biết tu thiện, không biết chuyện tu giác ngộ giải thoát. Cũng như không phải hệ thống Kinh Nguyên thủy Đức Phật chỉ cho các vị tu chứng quả A La Hán, không thể tu chứng quả cao hơn. Nhiều người nghiên cứu Phật giáo so sánh như vậy là hiểu lầm lời Đức Phật.

Ngôn âm Đức Phật trọn vẹn đến mức độ chúng sanh có thể nghe một lời nói bình thường cũng có thể chứng thành Phật quả. Ngôn âm đó tẩy xóa tất cả những nghiệp tập phiền não, để đưa chúng sanh từ vô minh thẳng tới Niết bàn khi tiếp nhận được, thừa đương và lãnh hội được. Đây là loại viên âm, là âm thanh viên mãn trọn vẹn đầy đủ trí và đức chớ không phải như ngôn âm bình thường.

Ví dụ, quý thầy giảng về phước thì chúng ta chỉ nghe theo và hiểu chuyện làm phước thôi. Hoặc quý thầy giảng giỏi về việc tu tập chứng ngang quả Tu Đà Hoàn thì chúng ta chỉ hiểu ngang đó và tu tới đó thôi. Nếu vị nào giỏi hơn

nữa dẫn dắt tu tập thiền định chứng tới quả Tư Đà Hàm thì chúng ta tu theo chỉ chứng ngang đó thôi không hơn được. Nếu người nào có đủ khả năng khai thị thính chúng để có thể tu tập chứng tới quả A La Hán thì các vị nghe theo tu tập cho tới hết đời mình cũng chứng ngang tầm đó không thể vượt qua hơn.

Nhưng Đức Phật không dạy theo kiểu trình tự đó. Mặc dù Đức Phật nói tới chuyện tu chứng quả Tu Đà Hoàn nhưng năng lực, trí tuệ, ngôn âm, lời nói Đức Phật xuất pháp từ tuệ Phật chớ không phải tuệ khác, cho nên người đó nghe và có thể thành Phật được. Đây là loại âm thanh viên mãn của Đức Phật, có thể phá tận tất cả những vô minh phiền não của tất cả chúng sanh. Nên người nào đại phước mới sanh ra trong thời Đức Phật. Vì một người tu hành nhiều đại a tăng kỳ kiếp mới thành Phật.

Đến khi thành Phật trọn vẹn quả vị rồi thì từ hành động, cử chỉ, lời nói, dáng đi, kiểu đứng, đưa tay, để chân của các Ngài đều thể hiện trọn vẹn sự giác ngộ trong đó. Ngôn âm của Đức Phật là loại ngôn âm giác ngộ tuyệt đối, khiến cho những người học Phật, những nhà nghiên cứu về Phật giáo, nghiên cứu ngôn ngữ học họ không thể giải thích được trí tuệ của Đức Phật như thế nào. Nếu chúng ta không có công phu tu hành thì không bao giờ thấy được một phần nhỏ nhiệm trong ngôn ngữ Đức Phật.

Nói về âm thanh thì ngoài Đức Phật ra, không có vị Bồ Tát hay vị A La Hán nào có thể so sánh và đủ sức trong thời thuyết Pháp có thể khai thị được nhiều người như Đức Phật. Trong thế giới loài người của chúng ta không bao giờ có người nào có khả năng như Đức Phật. Trong lịch sử có một số vị Tổ Sư rất giỏi, các vị có thể làm Quốc Sư một nước, làm Thầy của vua. Nhưng thời Đức Phật, đất Ấn Độ

phân chia làm tám nước thì tám vị vua đều quỳ dưới chân Đức Phật đảnh lễ để làm đệ tử quy y Đức Phật. Cho đến vua trời Đế Thích, vua trời Đao Lợi, vua trời Phạm Thiên, vua trời Quang Âm Thiên, vua trời Tứ Thiên Vương v.v… các vị thường xuyên tới lui đảnh lễ cầu Pháp và học đạo giải thoát của Đức Phật. Đây là khả năng ngôn âm của Đức Phật thông thấu tất cả cõi nước mười phương chớ không riêng cõi người của mình. Đó là ngôn âm viên mãn.

Còn chúng ta ngôn âm rất hạn cuộc, mình nói chuyện gì thính chúng nghe chỉ hiểu chuyện đó thôi, chớ thính chúng không thể phá vỡ được tới chiều sâu hơn. Ngôn âm chúng ta là loại ngôn âm chi li nhỏ nhiệm. Vì vậy mà Đức Phật nói, nếu chúng ta tu Thập Thiện và dùng nhẫn nhục để trang nghiêm thì sẽ được viên âm của Phật. Đến khi thành tựu Phật đạo, chúng ta mới biết được viên âm của Đức Phật như thế nào, còn chưa thì không hiểu nổi.

Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Đức Phật có tướng lông trắng giữa chặn mày, tướng tóc vòng xoắn ốc và tướng có chữ "Vạn" trước ngực. Khi tạc hình Đức Phật mà mất các tướng quý này xem như chúng ta không làm đúng tướng pháp Đức Phật.

Tướng lông trắng giữa chặn mày của Đức Phật hình xoắn ốc, trong Kinh diễn tả nếu kéo ra nó dài hằng hà sa số do tuần, tức là hằng hà sa số cây số, nhưng buông ra thì nó xoắn thành một cọng lông thôi. Trước khi Đức Phật thuyết bản Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm thì Đức Phật thường từ lông trắng giữa chặn mày phóng ra luồng hào quang. Nếu người nào tự xưng mình là Phật trong cõi này thì chúng ta nói làm ơn lộ tướng Phật ra. Nếu người đó không lộ tướng đầu tiên là lông trắng giữa chặn mày thì đừng có tin, vì đó là pháp thường của chư Phật. Người có

trí tuệ thông tất cả mọi chuyện, có thần thông phép mầu, nhưng tướng lông trắng giữa chặn mày không có thì biết người đó chưa chứng được Phật quả. Người nào sanh ra trong đời này nói tôi quyết định tu đời này thành Phật mà không có tướng đó thì cũng không thể thành Phật được.

Khi Đức Phật le lưỡi là đụng chân mày. Tướng lưỡi rộng dài đó thể hiện Đức Phật nhiều đời nhiều kiếp không nói lời hư dối. Thường ngoại đạo hiểu được điều này, nên những vị giáo chủ của các tông phái muốn học đạo với Đức Phật đều nói, người chứng Thánh quả thì phải có những tướng tốt, Cù Đàm nên hiện tướng đó ra thì Đức Phật phải hiện tướng đó ra.

Tướng "nhục kế" là tướng chóp đỉnh trên đảnh đầu của Đức Phật mà chưa ai trong tam giới này có thể thấy được. Ngài Mục Kiền Liên khi còn ở trong pháp hội của Đức Phật, nhiều lần Ngài muốn nhìn thấy đảnh môn của Đức Phật, Ngài sử dụng thần thông bay lên thì đảnh môn Đức Phật vẫn cứ cao hoài. Ngài bay hoài cho tới lạc vào cảnh giới Đức Phật khác rất xa. Lúc đó, Ngài đi trên miệng bát của một vị Bồ Tát ở trong cảnh giới đó. Ngài Bồ Tát mới hỏi Đức Phật cõi đó: "*Thưa Thế Tôn, tại sao trong cõi giới chúng ta có một con sâu mặc ca sa đi trong miệng bát như thế này?"* Đức Phật nói: "*Đây là Mục Kiền Liên, đệ tử thần thông đệ nhất của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ cõi Ta Bà, vì muốn thấy đảnh tướng của Đức Như Lai mà vận thần thông bay lạc tới đây".* Ngài Mục Kiền Liên đã lạc quá xa nên thiết tha muốn bay về cõi Ta Bà nhưng không cách để trở về. Đức Phật cõi đó dạy Ngài đảnh lễ cầu thỉnh Đức Phật Bổn Sư phóng hào quang để Ngài nương theo đó mà về.

Về thân tướng Đức Phật không ai có thể so lường

được. Ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật rất đặc biệt. Người nào tu Thập Thiện và nhẫn nhục thì khi thành Phật mới đạt được tướng tốt này.

"Do tinh tấn trang nghiêm, nên hay phá được ma oán, vào Pháp tạng của Phật". Chúng ta tu Thập Thiện sử dụng thêm hạnh tinh tấn nữa thì phá được ma oán. Đó là những oán kết phiền não nhiều đời, nhiều kiếp, những oan khiên trái chướng làm cho chúng ta bị bệnh, làm cho tâm mình phiền não nên phải tinh tấn thực sự thì mới phá được.

Do tinh tấn trang nghiêm nên khi chúng ta vào Pháp tạng của chư Phật, ngủ thức gì cũng lộ chân lý ra, không có một phút mê mờ. Điều kỳ diệu là mình không muốn biết chân lý thì chân lý cũng lộ ra trước mắt khỏi cần suy nghĩ, không cần dụng công, muốn nói câu nào cũng xứng hợp chân lý, muốn nghĩ điều gì cũng xứng hợp chân lý, không bao giờ bị lệch.

Cho nên, sau những buổi tụng Kinh hay ngồi thiền nếu cơ duyên, trí lực chúng ta trong đời này chưa đủ để được giác ngộ giải thoát thì nên phát nguyện rằng: *"Con nguyện cầu chư Phật mười phương gia hộ cho con đời này và mãi mãi những kiếp về sau, khi sanh ra con được sống ở đây hay con có bỏ thân xác này đi vào cõi khác, thì cõi đó cũng ở trong vòng Chánh pháp của chư Như Lai cho tới ngày con chứng quả Vô thượng Bồ đề".*

"Do Thiền định trang nghiêm nên hay sanh niệm, tuệ, tàm, quý, khinh an". *"Niệm"* là nhớ nghĩ. Chúng ta niệm Phật không phải niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà vừa niệm vừa nhớ nghĩ đến Đức Phật. "Niệm" mà "không có niệm" gọi là "chánh niệm". Chánh niệm thực sự là chúng ta niệm một cách rất trọn vẹn trong ngôn âm. Chúng ta niệm mà tâm không có rời xa được điều mình đang làm. Lúc nào

chúng ta cũng ở chỗ chân chánh niệm, không có tà tâm tạp ý, không có bất kỳ điều gì làm cho mình rời khỏi câu đang niệm, dù sống trong hoàn cảnh nào, đó mới là chánh niệm.

Từ chánh niệm mới đạt được chánh định. Trước khi chúng ta đạt định để loại trừ tất cả nghiệp tập phiền não, những lăng xăng lộn xộn trong tâm thì phải trải qua đoạn niệm này. Ví dụ, khi niệm Phật là chỉ chuyên ở trong câu niệm Phật, không rời câu niệm Phật dù bất cứ tình huống nào. Nếu niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì phải sống chết trong đó. Đạt như vậy là đạt trong niệm tương đối chánh. Còn người tu thiền định thì ở trong thiền định hoàn toàn không có rời xa.

Dần dần qua phần chánh niệm, chúng ta mới đạt tới chánh định, rồi được tuệ, tàm, quý và khinh an. Ví dụ, chúng ta hay nói người khác không biết tàm quý, không biết tốt xấu, không biết mắc cỡ, không biết ngượng ngùng. Nhưng đi sâu vào thiền định thì tàm quý không phải bình thường thế gian mà tàm quý trong đạo Phật khác nhiều. Ví dụ, bữa nay mình ngồi thiền một tiếng đồng hồ được nhất tâm, nhưng ngày mai ngồi thiền một tiếng đồng hồ không được nhất tâm, mình tự hổ thẹn. Hoặc mình nói tiếng lớn, đi đứng cử chỉ không đúng oai nghi trọn vẹn trong Phật đạo, tự mình thấy hổ thẹn. Trong khi mình ngồi đây mà phóng tâm nghĩ bậy là tự thấy hổ thẹn. Hoặc ngồi trong pháp hội nghe Pháp mà mình nghĩ tới chuyện buôn bán ở nhà, chuyện lời lỗ ở đâu, chuyện giận người nào, tự mình thấy hổ thẹn. Hay là mình làm chuyện Phật đạo có những sơ suất nhỏ mình tự thấy hổ thẹn. Công phu chúng ta càng tinh tế chừng nào thì tàm quý càng tinh tế chừng đó.

Chúng ta giữ gìn đạo pháp một cách rất chuyên cần thì không bao giờ có những sơ suất nhỏ. Tâm thanh tịnh

chừng nào thì những mống niệm sơ suất đều phát hiện một cách rất rõ ràng chừng đó, gọi là tàm quý trong Phật đạo. Điều này cũng khó. Sau khi mình tự hổ thẹn thì tâm được bình yên, vì lỗi nhỏ chúng ta không phạm thì tự động sẽ sống được khinh an, đời sống an lạc. Gương mặt người đó lộ nét thanh thản ra, không phải họ làm biếng không tu, nhưng người đó đã hết hoặc bớt lỗi lầm rồi. Những hành động, cử chỉ, phong thái của họ bắt đầu rớt vô tầng rất cao, họ không bao giờ dư thừa trong việc đưa tay, để chân mà luôn thể hiện trọn vẹn phạm hạnh đẹp đẽ oai nghi của một người tu.

"Do trí tuệ trang nghiêm nên hay đoạn dứt tất cả phân biệt vọng kiến".

Càng tu lâu chúng ta càng thấy mình loại trừ được những vọng kiến lỗi lầm của mình. Ví dụ, như hồi xưa mình thấy thân mình là thiệt, thấy danh dự của mình rất lớn, thấy mình là quý giá nên chỉ cần một câu nói xúc phạm tới mình thôi là ba ngày, bảy ngày ngủ không yên. Nếu như trả được thù đó thì giá nào mình cũng phải trả, để chuộc lại danh dự của mình. Đối với đạo Phật đó là tà kiến, là những vọng chấp của chúng ta. Nếu có trí tuệ thì phải thấy thân này không thật, danh dự của thân không thật.

Người tu Thập Thiện vừa có tuệ của Phật đạo thì tất cả những chấp trước sai lầm từ từ phá tan hết, mới gọi là phá được vọng kiến tà chấp. Tới khi nào trí tuệ trọn vẹn thì chúng ta hòa nhập vào chân lý và cái thấy đạt tới mức độ toàn giác. Tất cả thấy, nghe, hay, biết nơi lục căn và lục trần hoàn toàn giác ngộ là chúng ta phá sạch hết những vọng kiến của mình. Nếu ngày nào chúng ta còn khởi vọng động theo chiều chấp thủ riêng tư thì gọi là vọng kiến. Chỉ có tu Phật đạo mới đủ trí huệ phá được vọng kiến.

Bình thường mình vẫn ngồi thiền, vẫn niệm Phật, vẫn cố gắng ngày này qua ngày kia nhưng buông ra mình vẫn chưa thông thấu chân lý thì vẫn còn rớt trong vọng kiến. Chúng ta vẫn thấy sai lầm của thân tâm, vẫn thấy sai lầm của hoàn cảnh đang sống, tức là ngày đó chúng ta còn vọng kiến. Khi nào thấy đúng chân lý để soi phá hết tất cả những vô minh nghiệp tập của mình, thấy sự thật của thân tâm này là cái gì, hoàn cảnh này là cái gì thì lúc đó chúng ta có đủ trí tuệ, gọi là phá trừ được tất cả vọng kiến. Còn thấy vọng là còn vô minh, còn có vọng khởi trong tâm là còn vô minh. Cho nên người tu phải dùng trí tuệ Phật đạo phá hết những điều này.

Phật đạo có hai con đường đi: Một là chúng ta phải thiền định, hai là phải học được tuệ của Phật đạo để tự phá vô minh nghiệp tập của mình. Điều ban đầu của người học Phật là Kiến Đạo Sở Đoạn Hoặc, tức là một phen thấy được đạo lý là đoạn được những hoặc nghiệp, những chấp trước phiền não của chúng ta. Càng thấy đạo nhiều chừng nào thì nghiệp tập phiền não được xóa tan nhiều chừng đó. Thiền định cũng vậy, chúng ta càng thiền định sâu chừng nào thì cũng dẹp trừ được nghiệp tập phiền não sâu chừng đó. Nhưng con đường thiền định hơi cực, dụng công phải có thứ lớp, thứ bậc và phải miệt mài công phu. Nhưng con đường của tuệ thì lại khác.

Chúng ta đọc trong lịch sử Phật giáo, thấy lối làm việc của các vị Thiền Sư rất thông minh, các vị không dạy thiền định theo kiểu thứ bậc và không làm cho hành giả đi theo con đường Thiền Tông cực khổ. Các vị nhắm tới việc khai thị để cho người đó mở con mắt Phật đạo, tự soi phá tất cả những nghiệp tập phiền não trong thoáng chốc, không mất thời gian nhiều. Nhưng đó là những người đại căn cơ,

chứ bình thường chắc có lẽ không thấu nổi.

VĂN KINH

D. THẬP THIỆN VÀ TỪ BI HỶ XẢ

Dùng lòng từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh không khởi tâm não hại. Dùng lòng bi trang nghiêm, nên thương xót chúng sanh thường không chán bỏ. Dùng tâm hỷ trang nghiêm, nên thấy người tu thiện lòng không ganh tỵ. Dùng tâm xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch tâm không thương giận. Dùng Tứ nhiếp pháp trang nghiêm, nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

"Dùng lòng từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh không khởi tâm não hại. Dùng lòng bi trang nghiêm, nên thương xót chúng sanh thường không chán bỏ".

Chữ *"Từ Bi"* của đạo Phật có hai điều: "Từ" là không làm não hại chúng sanh, đem lại an vui cho tất cả chúng sanh. Lòng "Bi" là dứt trừ sự đau khổ cho tất cả chúng sanh. Nếu một người có lòng từ bi rồi thì tâm độ sanh không chán bỏ.

Có rất nhiều vị chúng tôi được gặp là những vị Tôn túc, công phu rất giỏi và các Ngài có trí tuệ thật. Các Ngài thấy đang trong thời cuộc này mà phải làm Phật sự lớn lao sẽ ảnh hưởng rất lớn trong công phu tu tập nên thường các Ngài ẩn dật tu hành. Ở mặt nào đó các vị rất đúng, nhưng đứng mặt từ bi thì các vị chưa có. Vì khi một người thấy cuộc vận suy đồi từ trong đạo đức của xã hội thời nay, cho tới cục diện chung của nhân loại thì rõ ràng đang trong chiều xuống dốc về tất cả các mặt. Về chuyên môn của đạo Phật, về chỗ tu chứng, về những người chân tu cũng rất hiếm trong trần gian. Những bậc ẩn tu trong rừng sâu núi

cao, không có nghĩa là các vị đi sai Chánh pháp, nhưng đại bi tâm chưa được khai mở, cho nên không đủ diệu dụng để đi vào cõi Ta Bà độ sanh. Nhiều lúc các vị nghĩ rằng phải tu hành cho đạt đạo, được cái này, được cái kia, được cái nọ và thuận lợi thì sẽ hóa độ, còn nếu không thuận lợi thì ẩn.

Rõ ràng thời nay không phải là thời thuận để hoằng hóa độ sanh. Nếu các vị có tầm nhìn thì cũng nhìn ra điều này, nhưng nếu tìm một cõi nào đó hoàn toàn thuận lợi cho việc hoằng dương Chánh pháp thì hiếm lắm. Nhất là cõi Ta Bà, nếu các vị đã tới đây rồi thì các vị phải nhìn lại không có chuyện gì dễ, đôi lúc làm thiện thấy vậy mà khó hơn làm ác, còn làm ác dễ lắm.

Thành ra tâm nguyện không chán bỏ chúng sanh không phải là chuyện đơn giản. Người đó phải thực sự có lần trong đời tu tập của mình phá trừ riêng tư ngã chấp thì mới hy vọng người đó làm Phật sự bền bỉ, còn không là dễ chán lắm. Nếu các vị thực sự giáo hóa chúng sanh thì lợi lạc rất lớn nhưng các vị cũng chán rồi, rút lui nhiều. Vì cuộc vận và thời đại khiến các vị không chấp nhận tiếp tục làm công tác Phật sự của mình.

Khi chúng ta có duyên lành gặp những vị tu tập tốt, sẵn sàng lăn xả vào cõi Ta Bà độ sanh, đó là phước của mình, nhưng cũng rất khó gặp. Các vị có khi một đời ẩn luôn, thậm chí các vị nhập Niết bàn cũng không ai biết. Dù mình thiết tha mời mọc nhưng các vị lắc đầu không quay lại, một mực ra đi ẩn tu.

Khi một lần trong đời mình tan biến được ngã chấp thì người đó mới hiểu từ bi của đạo Phật là gì. Mình nghĩ mình thương chúng sanh, thấy chúng sanh đau khổ mình giúp, thấy chúng sanh không an lạc mình thương. Điều đó

chưa phải là từ bi thật, chưa tới cảnh giới từ bi của đạo Phật. Giống thì giống nhưng phải thì chưa phải theo kiểu nói của nhà Thiền. Mới nhìn thì thấy việc cứu độ của các vị giống từ bi lắm, nhưng thực sự là từ bi hay chưa thì còn phải xét lại. Xét lại ở chỗ nào? Ở chỗ các vị có lần tan biến ngã chấp hay chưa? Nếu các vị có lần tan biến ngã chấp rồi mà làm Phật sự Phật hạnh để độ sanh thì chúng ta cúi đầu đảnh lễ, đó là xuất phát từ lòng từ bi. Còn không thì phải xem xét lại theo chuyên môn.

Chuyện xấu chuyện tốt phải thấy được bề mặt và bề trái của nó thì người đó mới gọi là có huệ của Phật đạo. Nếu không thì sẽ lầm trong việc tốt và cũng không thấy rõ chuyện xấu. Ngã chấp càng tan biến nhiều chừng nào thì lòng thương chúng ta với mọi người nhiều chừng đó, trí tuệ cũng sẽ khai mở theo lòng thương này.

Tổ Sư nói: "*Bi tăng tức hành",* tức là người hành đạo thì lòng từ bi được tăng trưởng. Càng thương yêu, càng cứu giúp chúng sanh nhiều chừng nào là người đó hành đạo nhiều chừng đó. Nhưng nói như vậy là việc làm bên ngoài rồi, người tu tập là phải soi lại nội tâm, chứ hướng ngoại để làm việc thì không thể nào phá vỡ được nghiệp tập phiền não, không bao giờ phá vỡ được vô minh trong thâm tâm mình. Tu càng nhiều chúng ta càng thông cảm, rõ ràng tâm riêng tư của mình mỏng chừng nào tự động tình thương chúng ta đến với nhiều người chừng đó. Chúng ta có bớt đi một phần riêng của mình thì mình sẽ dung chứa được nhiều người hơn, khi tâm mình xảy ra chuyện này mà có tu quý vị mới có kinh nghiệm.

Ví dụ, tuần đầu tu Phật thất, mình kiếm chỗ nào để đừng mất dép, cái áo phải máng chỗ nào cho nó sạch, mình phải ngồi chỗ nào cho yên để mình niệm Phật, ngồi chỗ nào

yên để mình ăn cơm giữ được tâm thanh tịnh. Nhưng lần lần mình nhường chỗ tốt cho huynh đệ, đó là mình mỏng cái gì riêng, bắt đầu mình mở tâm mình ra mới đến với người khác được. Càng tu lâu chuyện này càng xảy ra. Tu lâu rồi thì sẵn sàng quét nhà, rửa chén, nấu cơm cho huynh đệ có nhiều thời gian tu hơn. Nhưng tu lâu chừng nào tranh thủ thời gian cho riêng mình là bản ngã mình còn dày lắm. Tranh thủ lên sớm sớm có chỗ ngồi tốt để mấy người kia ngồi hết không có chỗ là biết cái riêng tư của mình dày. Mà càng riêng tư lộ ra trong cuộc sống chừng nào thì biết bản ngã càng lớn chừng đó và tâm đại bi không thể mở ra được.

"Dùng tâm hỷ trang nghiêm, nên thấy người tu thiện lòng không ganh tỵ. Dùng tâm xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch tâm không thương giận".

Nếu chúng ta vui vẻ sống trong cuộc đời này thì sự ganh tỵ không có nhưng điều này hiếm lắm. Trần gian này thiên hạ chấp nhận là cõi khổ, mà nhiều người tu cũng chấp nhận, chúng tôi không hiểu tại sao?

Nếu người bên cạnh chúng ta luôn nghe họ thành đạt, thành tựu, thành công lòng mình có vui không? Người đó có khả năng hơn mình, mình chấp nhận được thì mình nghe yên, nhưng mình cho họ là con nít, là dốt, là không có học thức, là người đáng lý phải chịu chuyện này chuyện kia. Bây giờ họ ăn trên ngồi trước, tự nhiên mình nghe khó chịu vô cùng, nghe có cục gì ức ức bên trong. Nếu nó thành công càng lớn chừng nào thì cuộc đời chúng ta càng tức chừng đó trong tim mình, mà mình không biết nó là cái gì. Tức là mình không tùy hỷ với thành công của người khác, mình quăng chông gai trên bước đường đi của mình để mình tự dẫm đạp lên.

Về nhân quả, mình không muốn người khác thành

công, tức là không muốn cho mình thành công. Cho nên không tu được hạnh hỷ xả thì việc thành tựu đạo nghiệp rất khó trong đời này. Hạnh này chúng ta phải tập. Huynh đệ mình đạt được điều gì, người xung quanh chúng ta có được cái gì thì phải nên sanh tâm hoan hỷ. Trong Kinh Đức Phật nói người nào hoan hỷ với việc làm Phật sự của người khác thì phước báo ngang nhau.

Ví dụ, bạn bè chúng ta đi cúng dường Tam Bảo lớn lao, còn khả năng của mình làm không nổi, nhưng mình có một chuyện làm nổi là tùy hỷ chớ đừng ganh tỵ. Tùy hỷ là chúng ta có phước ngang với người bố thí cúng dường kia. Đức Phật ví dụ như lấy đuốc nối đuốc thì đuốc kia cháy phựt lên, tức là ngọn lửa mình cũng cháy lên. Người ta xả được tâm tham chấp của cải thì mình xả được tâm ganh tỵ hơn thua, họ có chút phước mình cũng có chút phước.

Đối với hoàn cảnh thuận nghịch, tâm mình không thương giận, đụng chuyện gì mình cũng có thể bỏ qua được thì hận không có, thù không có, chấp trước để rớt vào tình cảm cũng không có, đó là hạnh của vị Bồ Tát. Chúng ta tu thành tựu Tứ Nhiếp Pháp là đem Chánh pháp truyền rộng khắp mười phương.

VĂN KINH

E. THẬP THIỆN VÀ BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO

Dùng Niệm xứ trang nghiêm nên khéo tu tập Tứ Niệm Xứ quán. Dùng Chánh cần trang nghiêm nên hay đoạn trừ tất cả pháp bất thiện pháp, thành tựu tất cả pháp thiện. Dùng Thần túc trang nghiêm nên hằng khiến cho thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Dùng Ngũ căn trang nghiêm nên lòng tin sâu xa kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng

điều hòa đoạn dứt các phiền não. Dùng Ngũ lực trang nghiêm nên các oán dứt sạch, không gì hoại được. Dùng Giác Chi trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp. Dùng Chánh đạo trang nghiêm nên được trí tuệ chân chánh thường hiện ở trước. Dùng Chỉ trang nghiêm nên dứt sạch tất cả kiết sử. Dùng Quán trang nghiêm nên hay biết như thật tự tính của các pháp. Dùng Phương tiện trang nghiêm nên chóng thành tựu viên mãn sự vui hữu vi vô vi.

Long Vương nên biết, Mười nghiệp thiện này, hay khiến cho Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp bất cộng, tất cả Phật Pháp đều được viên mãn. Vì thế các ông phải siêng năng tu học.

Long Vương! Ví như tất cả thành ấp xóm làng đều nương đại địa mà được an trụ, tất cả cỏ thuốc cây cối, bụi rừng cũng nương nơi đất mà được sanh trưởng, Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng lại như thế. Tất cả người trời nương nơi đó mà được thành lập. Tất cả Thanh Văn, Độc Giác Bồ Đề, các hạnh Bồ Tát, tất cả Phật Pháp, đều nương chung vào đại địa Thập Thiện mà được thành tựu.

Phật nói Kinh này rồi, Long vương Ta Kiệt La cùng toàn thể đại chúng tất cả thế gian Thiên, Nhân, A tu la thảy đều vui vẻ, tin nhận vâng làm.

Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo. Trước khi nói bộ Đại Niệm Xứ, Đức Phật nói: *"Nếu một người học hiểu thấu Tứ Niệm Xứ để bắt đầu dụng công tu tập, thì đây là con đường duy nhất để đưa tất cả chúng sanh từ lầm mê sanh tử đạt tới Niết bàn và giải thoát"*.

Tứ Niệm Xứ: Người học Phật không thấu hiểu Tứ Niệm Xứ xem như chúng ta bị mất nền tảng Phật học. Nếu tu Thiền định mà không tu Tứ Niệm Xứ thì không thể nào đạt được thiền định sâu. Cho nên, Tứ Niệm Xứ là nền tảng căn bản nhất của người tu Phật chuyên môn, nhất là trong thiền định. Chúng ta phải có nền tảng vững vàng trong Tứ Niệm Xứ thì mới hy vọng đi vào con đường chuyên sâu của Phật đạo, còn tu mà bỏ qua Tứ Niệm Xứ thì không được.

Trong Tứ Niệm Xứ các vị sau này giảng quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ thị khổ. Xin thưa rằng, nếu chúng ta quán thân bất tịnh đó chỉ là cái rất nhỏ trong bài quán thân của Đức Phật. Trong Tứ Niệm Xứ, Đức Phật dùng quán thân trên thân để thấy như thật thân, quán tâm trên tâm để thấy như thật tâm, quán pháp trên pháp để thấy như thật pháp, quán thọ trên thọ để thấy như thật thọ. Tức là một người thấy như thật thân, thấy như thật tâm, thấy như thật thọ, thấy như thật pháp thì đó là tuệ trí của Phật đạo.

Tứ Chánh Cần: Ác chưa sanh khởi thì chúng ta cố gắng đừng sanh khởi, ác sanh khởi rồi thì cố gắng đè nén, thiện chưa sanh khởi thì cố gắng cho thiện phát khởi, thiện đã sanh khởi rồi thì phải làm cho điều thiện được phát khởi nhiều hơn.

Tứ Như Ý Túc: Là Dục như ý túc, Niệm như ý túc, Tinh Tấn như ý túc và Huệ như ý túc. Tứ Như ý túc có nơi khác gọi là Tứ thần túc. Đức Phật nói người nào trang nghiêm được Tứ như ý túc, khiến thân tâm được nhẹ nhàng, vui vẻ, người đó có khả năng kéo dài tuổi thọ, từ một trăm năm đến một ngàn năm và nhiều ngàn năm khác nữa.

Trên đường Đức Phật đi cùng ngài A Nan, lúc đó Chư Thiên hiện ra báo Đức Phật là Ngài đã hết tuổi thọ, Ngài nên nhập Niết bàn. Đức Phật nói: *"Này A Nan, người đã chứng Thần Túc như Ta có khả năng kéo dài tuổi thọ từ một trăm năm đến một ngàn năm và nhiều ngàn năm khác nữa. Này A Nan, Chư Thiên cõi trời đã báo Ta hết tuổi thọ rồi"*. Nhưng ngài A Nan chẳng biết gì, không biết thỉnh Đức Phật trụ thế, cho nên sau này A Nan bị ngài Ca Diếp bắt một trong bảy lỗi của Ngài là không biết thỉnh Đức Phật trụ thế.

Có điều nghịch, thế gian nếu còn dục thì bị phiền muộn khổ đau, nhưng Dục như ý túc lại được khinh an, nhẹ nhàng. Dục như ý túc là dục mãnh liệt mong muốn ra khỏi tam giới này, là dục muốn thành Phật chứ không phải dục muốn có tiền, muốn có danh, muốn có lợi như dục của thế gian.

Có nhiều người đặt câu hỏi: Đạo Phật nói chúng sanh phải diệt trừ ngũ dục, vậy mà trong Tứ Diệu Đế phần Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, Đức Phật lại dạy cho chúng sanh có Dục như ý túc. Nó giống nhau và khác nhau như thế nào? Chúng ta là người Phật tử phải biết giải thích điều này. Khởi mong muốn tức là mình còn khởi tham tâm, khởi tham tâm tức là còn dục, mà còn dục thì làm sao chứng được Thánh quả? Mỗi chúng ta phải tìm cách lý luận để thoát ra, phải biết dục của người tu Phật là sự mong muốn thiết tha như ý về việc giác ngộ Phật đạo. Còn mong muốn được tiền, được danh, được lợi là sự mong muốn trong cõi này thôi, đó không phải là mong muốn lớn và nó đi nghịch đường sanh tử.

Ngũ căn: Là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, là năm điều căn bản của người học Phật. Nếu chúng ta nắm

vững được năm căn bản Phật đạo sẽ đạt được Ngũ lực.

Ngũ lực: Là Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực. Đó là căn bản và nội lực công phu tu hành. Biểu trưng của Phật giáo về Ngũ căn và Ngũ lực là lá cờ năm màu.

Thất Giác Chi: Là bảy điều: Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Niệm, Định và Xả.

Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo chúng ta phải nắm rõ và phải lý luận xuôi ngược cho được. Người tu theo đạo Phật mà chưa thuộc lòng Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, chưa hiểu và chưa đủ sức để giải thích thì người đó khó đi vào công phu. Ngoại trừ Bát Chánh Đạo, còn Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi trợ giúp cho người tu Tứ Niệm Xứ thành công. Nếu chúng ta đi vào con đường giác ngộ giải thoát thực sự mà không thông hiểu Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo thì không thể đi tới nơi.

Bát Chánh Đạo: Là tám chánh trong đạo Phật: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Thiền có hai dạng: Một là tu Thiền Chỉ đạt tới định. Chỉ có nghĩa là đình lại, dừng lại. Nếu chúng ta không sử dụng thiền định là không dứt được các kiết sử: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Không phá hết: Mạn, nghi, hôn trầm, trạo cử.

Hai là tu Thiền Quán khai tuệ để chúng ta thấy như thật tất cả các pháp. Ví dụ, quán vô thường, chúng ta đã trải qua nhiều chục năm trong đời này từ lúc mình còn trẻ, mình lớn lên, khỏe mạnh rồi già yếu cho tới giờ phút này. Xung quanh mình có những người như vậy, hoàn

cảnh sanh, trụ, dị, diệt, xung quanh chúng ta gần như mọi việc đều thay đổi, không dừng một chỗ. Chúng ta quán làm sao để thấy thân này là vô thường, tâm vô thường, hoàn cảnh vô thường, thấy như thật tất cả các pháp là vô thường, hoặc quán sổ tức, hoặc quán ngũ uẩn giai không v.v…

Chỉ Đức Phật mới có Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy và Mười Tám Pháp Bất Cộng, còn các Bồ Tát thì chưa đạt được. Tu Thập Thiện sử dụng tất cả những pháp của đạo Phật mới đạt được Phật quả. Ngược lại những người tu theo đạo Phật sử dụng nhiều loại công phu mà không tu Thập Thiện Nghiệp Đạo thì không viên mãn Phật đạo.

Đức Phật kết luận: **Kinh Thập Thiện** là nền tảng cho tất cả các quả vị Thanh Văn, Độc Giác Bồ Đề, các hạnh Bồ Tát. Tất cả Phật pháp đều nương chung vào Đại Địa Thập Thiện mà được thành tựu.

V. KẾT LUẬN

Chúng ta có duyên lành được học bản **Kinh Thập Thiện**. Nếu chúng ta học Phật mà chưa học và hành Thập Thiện, xem như chúng ta mất nền tảng lớn của Phật pháp. Người chưa biết gì về Phật pháp mà nghe Thập Thiện thì chúng ta sẽ nắm vững kiến thức tu tập và chỉnh đốn lại cái thấy nhìn của mình.

Đức Phật nói dùng trí tuệ để phá vọng kiến, đó là điều rất cần trong Phật đạo. Tất cả chúng ta dù tu pháp nào mà kiến thức hiểu biết Phật pháp của mình không chuẩn mực thì dù có ở trong đạo tràng thanh tịnh cũng dễ bị lầm đường lạc lối. Khi ở đạo tràng hay ở nhà riêng, chúng ta cố gắng nghiên cứu kỹ lưỡng giáo lý Đức Phật, hoặc nghe những bản Kinh căn bản để củng cố lại cái thấy nhìn của mình.

Nghe một lần mình chưa thấm vì trong nhiều kiếp trước chắc gì mình đã là Phật tử. Có khi trước kiếp tu chúng ta là một chúng sanh lầm mê, việc tu tập của mình mong manh so với dòng sanh tử vô tận này thì một cơn mưa Pháp trong một đời không đủ để thấm ướt chúng ta.

Nếu người nào chưa có duyên tu hành được sâu, chúng ta nên cố gắng nghe nhiều để huân tập kiến thức Phật pháp từng ngày. Chúng ta nên có lịch riêng cho mình, ban ngày bận rộn nhưng tám giờ tối trở đi phải có một hai tiếng đồng hồ học Phật, nghe Kinh, đọc sách và công phu. Đầu hôm và khuya cũng vậy. Bốn giờ sáng thức dậy dành hai giờ tu tập, phải có thời khóa rõ rệt để tạo thành thói quen tốt, để tới giờ đó không niệm Phật tự nhiên mình nhớ, mình cảm thấy thiếu thiếu. Như vậy là tạo thói quen cho mình lìa

xa những tham tâm ngũ dục.

Không có phút giây nào chúng ta không có sự hộ trì của chư Phật, của chư vị Bồ Tát và của chư vị Long Thiên Hộ Pháp. Lạ lắm, nếu chúng ta tu đúng ngày đúng giờ, có thời khóa, lúc đầu có khó khăn, gặp nhiều chướng ngại, nhiều khi tới giờ đó mình có những chuyện không thể nào từ chối được. Hoặc chuẩn bị ngồi thiền, bỗng có người khách năm mười năm không gặp gọi điện tới hỏi thăm mấy câu thì mình phải tiếp để làm hư thời khóa của mình. Nhưng lần lần nếu mình có thời khóa rõ rệt, giờ đó họ không dám động tới thì biết lúc đó mình có lực của riêng mình và có sự gia trì hộ vệ của Tam Bảo.

Lần đầu chúng ta tu tập, ví dụ mấy đứa con, cháu hay người nhà mình có thể nói chuyện, mở tivi, nói lớn tiếng, nhưng khi chúng ta tu hành có lực rồi tự động giờ đó họ gìn giữ cho mình. Họ không dám nói chuyện lớn, không dám đi mạnh và tuyệt đối không dám giỡn, biết đó là giờ cao quý của gia đình thì họ sẽ giữ gìn ủng hộ mình.

Một ngày bốn tiếng, nếu nhiều hơn nữa thì tốt, gọi là quỹ thời gian, dù chúng ta già hay trẻ cũng phải tranh thủ tu tập. Tùy theo hoàn cảnh phải có thời nghe Pháp và thời công phu, để nó huân sâu trong tâm thức chúng ta, chứ tu được mấy ngày buông ra mình cứ làm chuyện của mình thì không đủ tạo thành nền tảng nội lực.

Người có nền tảng nội lực tốt thì sanh tử chúng ta có chút gì đó tự do và thăng hoa. Còn người nội lực nền tảng công phu không tốt thì khi bỏ báo thân này bị nghiệp cuốn. Lực của nghiệp đáng sợ lắm, chúng ta không đủ công lực cưỡng lại sau khi bỏ thân xác này. Tưởng tượng mình đang đứng, một người nắm tay kéo, họ kéo mạnh hơn mình thì mình phải bị chạy theo. Khi chúng ta bỏ thân xác này, lực

kéo đó còn hơn một ngàn người lôi mình đi, mình không cưỡng lại được, ở đằng trước thì kéo, ở đằng sau thì đẩy.

Cho nên, nếu ngay tại đây chúng ta tu tập mà không làm chủ được mình. Ví dụ, mình giận ai đó mà ngày này qua ngày kia cứ nghĩ tới là mình sôi sục lên, kìm chế không được thì nghiệp tới rồi. Khi bỏ báo thân này nỗi uất hận đó trào dâng thì chúng ta chỉ cuốn đi theo thôi, không dừng lại được. Nhưng nếu ngay tại đây, chúng ta dừng lại được thì khi chết được nhẹ nhàng.

Trong Kinh nói có những luồng gió nghiệp xảy ra nó trở thành cơn lốc. Có những cơn lốc nó bốc luôn cái nhà thì khi bỏ thân mạng này mình giống như hạt cát nó cuốn mình bay không biết tới đâu. Cho nên, chúng ta còn có thời gian trong cuộc đời này, còn có sự hiểu biết, còn có sức khỏe là điều rất quý để chúng ta bắt đầu tạo lại nền tảng nội lực của mình. Những người có công phu nội lực tốt, khi gió nghiệp cuốn chúng ta có thể trụ lại được. Không bị cuốn trôi và có khả năng chọn được chỗ mình cần bước tới, còn nếu không thì không có lực đó.

Nhiều khi nói tới chuyện sanh tử nhiều người không hiểu thấu, không hiểu hết, họ không sợ. Nhưng học Phật chúng ta hiểu quá rõ về lực cuốn hút của nghiệp tập mãnh liệt đến mức độ như sự nghiện thuốc phiện. Tới cơn nghiện là người đó thấy khó chịu, bực bội, thấy thiếu thốn cái gì đó mà có điếu thuốc là vui liền, không có điếu thuốc là ăn không ngon ngủ không yên, vật vã, không có cách chống đỡ, không ai giúp nổi mình.

Thành ra chúng ta phải tu, vừa bỏ thân này là tâm thức chúng ta tiếp những cảnh giới đó. Cho nên mình phải có công phu, phải đủ bình tĩnh, phải đủ kiến thức Phật đạo thì mới trụ vững và chọn lựa đường đi lối về cho mình, nếu

không thì không thể được. Ở đây chúng ta bị cuốn theo chuyện gì thì biết là khi chết chúng ta tiếp tục bị cuốn.

Ít lắm trong cuộc đời này mình phải tự đối diện với chính mình để làm chủ mình một số việc. Chuyện tình cảm thương và hận, hai nghiệp này mãnh liệt lắm. Nếu mình thương người nào đó mình gỡ không ra thì biết chúng ta sẽ bị cuốn theo con đường đó trong sanh tử sắp tới. Nếu mình hận một người, hoặc mình thù một người nào mà mình không thể xóa nhòa được nơi tâm, thì chúng ta sẽ tiếp tục theo chiều nghiệp tập đó mà kiếm nhau trong đời kiếp tới. Thương và thù là hai căn bản nghiệp mà chúng ta cần tẩy xóa càng sớm càng tốt trong cuộc đời này.

Chúng ta tu có giỏi như thế nào mà tình cảm day dứt nơi tâm không có nhẹ đi thì rất khó thoát trong sanh tử. Thành ra càng tu giỏi thì càng phải nhẹ ở hai căn bản nghiệp này, để khi nhắm mắt xuôi tay mình không còn gì quyến luyến cõi trần. Trước phút nhắm mắt mà còn quyến luyến thì khó thăng. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Tưởng đi lên và tình thì đi xuống"*.Tình thì có thương và có ghét, dứt khoát đưa chúng ta đi xuống.

Chúng ta chịu khó ứng dụng vào đời sống, bắt đầu tu tập để lần lần tháo gỡ được những vướng mắc của mình trong đời sống hiện tại, ở gia đình và ở xung quanh chúng ta. Càng về già thì tâm phải càng nhẹ nhàng, càng khinh an là chúng ta đang dụng công tu tập tốt. Càng già mà chúng ta càng sân, càng thấy nặng nề chuyện này, chuyện khác thì nên tinh tấn hơn, phải sám hối nghiệp chướng của mình và tu tập tốt.

Chúng ta bắt đầu ứng dụng **Kinh Thập Thiện** vào đời sống và trong công phu tu tập, để tạo thành nội lực lớn cho chính mình. Từ cõi người là chúng ta phóng vọt lên

trên nữa chớ không xuống dưới. Chúng ta sẽ là những người tu tập tốt, để mỗi ngày nhẹ đi nghiệp tập phiền não của mình, mỗi ngày thiện nghiệp mỗi lớn, đó tức là phước chúng ta lớn và huệ được khai mở. Khi nào phước và huệ khai mở đến mức độ tận cùng là được giác ngộ giải thoát như Đức Phật.

VI. MỤC LỤC

I. LỜI TỰA 1
II. GIẢI NGHĨA ĐỀ KINH THẬP THIỆN 3
III. CHÁNH VĂN KINH THẬP THIỆN 19
IV.GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH THẬP THIỆN 29
A. THẬP THIỆN 88
1. Sát sanh: 93
2. Trộm cướp: 111
3. Tà hạnh: 133
4. Vọng ngữ 137
5. Nói hai lưỡi 151
6. Ác khẩu 166
7. Ỷ ngữ 178
8. Tham dục 184
9. Sân hận 198
10. Tà kiến 219
B. THẬP THIỆN VÀ BỐ THÍ 237
C. THẬP THIỆN VÀ LỤC ĐỘ BA LA MẬT 264
D. THẬP THIỆN VÀ TỪ BI HỶ XẢ 275
E. THẬP THIỆN VÀ BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO 279
V. KẾT LUẬN 285

BĂNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- **Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)**
- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Lăng Nghiêm**
- **Kinh Kim Cang**
- **Ma Ha Bát Nha Ba La Mật Đa Tâm Kinh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Tứ Niệm Xứ**
- **Tứ Thánh Đế**
- **Kinh Pháp Cú**
- **Kinh Thập Thiện**
- **Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Kinh Duy Ma Cật**
- **Lục Độ Ba La Mật**
- **Thập Nguyện Phổ Hiền**
- **Bát Đại Nhân Giác**
- **Kinh Ba Cửa Giải Thoát**
- **Kinh Phước Đức**
- **Kinh Vô Ngã Tướng**
- **Kinh Nhất Dạ Hiền Giả**
- **Tuệ Trung Thượng Sỹ Ngữ Lục**
- **Yếu Quyết Tứ Diệu Đế**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Tứ Nhiếp Pháp**
- **Mười Bốn Điều Minh Triết**
- **Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang**
- **Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Phương Pháp Tọa Thiền**
- **Thiền Thư Giản Và Quán Thân**
- **Vô Thường - Khổ**
- **Tham Vấn Phật Pháp**
- **Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Đức Phật Là Bậc Y Vương**
- **Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức**
- **Hạnh Phúc Chân Thật**
- **Thương Yêu và Tôn Kính**
- **Thiền Tịnh Song Tu**
- **Chữ Tu Trong Đạo Phật**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh**
- **Tu Tập Và Trị Liệu**
- **Thân Tâm Không Khác**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát**
- **Lễ Phật Thành Đạo**
- **Ý Nghĩa Phật Đản Sanh**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật v.v …**

BĂNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- **Phương Pháp Dưỡng Sinh (1- 9)**
- **Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh**
- **Thai Giáo**
- **Để Hoàn Thiện Một Con Người**
- **Phật Pháp Và Dưỡng Sinh**
- **Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa**
- **Dưỡng Sinh Phòng Bệnh**
- **Dưỡng Sinh Hằng Ngày**
- **Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng**
- **Dưỡng Sinh Trong Đời Sống**
- **Cân Bằng Thân Tâm**
- **Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống**
- **Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh**
- **Nguyên Nhân Bệnh Tật**
- **Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 …**

KINH SÁCH ĐÃ IN

- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Kim Cang**
- **Bát NhãTâm Kinh**
- **Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, …**

Điện thoại: 0859858585

Di động: 0859999985
Email: thichtuehai@chualonghuong.org
Website: www.chualonghuong.org, www.quynguyen.org , www.quynguyen.com

TÊN XBP: KINH THẬP THIỆN
Tác giả: TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi Hoàn Kiếm Hà Nội ĐT: 024 37822845
Fax: (024). 37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc Tổng biên tập Nguyễn Công Oánh

BIÊN TẬP: LÊ HỒNG SƠN
TRÌNH BÀY: NGUYỄN DANH
BIÊN TẬP KỸ THUẬT: PHAN GIANG SỬA BẢN
IN: ĐỖ THỊ QUỲNH
ĐƠN VỊ LIÊN KẾT: BÀ PHAN THỊ THU BA
Địa Chỉ: Nhà số 6 ngách 62/2, phố Linh Lang,
phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Số lượng in 1000 bản khổ 16 x 24 cm
In tại: Công ty Cổ phần thương mại In Nhật Nam
Địa chỉ: 414/36 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú,
Tp.HCM Số ĐKXB: 1708 2018 CXBIPH/07 102/TG.
Mã ISBN: 978 604 61 5623 9

QĐXB: 271/QĐ NXBTG Ngày 26/6/2018.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

SÁCH ẤN TỐNG KHÔNG BÁN